



MỘT
QUYỂN

Bạch
Lạc
Mai

phong
hoa
Đại
Đường

Tổ Hình dịch

Dịch từ nguyên bản tiếng Trung
一卷大唐的风华

Bản quyền bản tiếng Việt © Công ty TNHH
Văn hóa và Truyền thông AZ Việt Nam, 2019.

Thông tin eBook

Tên sách:
Một Quyển Phong Hoa Đại Đường

Nguyên tác:
一卷大唐的风华

Tác giả:
Bạch Lạc Mai

Dịch giả:
Tổ Hình

Phát hành:
BLUE.BOOKS

Xuất bản:
NXB Văn Học

ISBN:
978-604-372-199-7

Số trang / Khổ giấy:
322 / 14.5 x 20.5 cm

Giá bìa:
139.000đ

Ngày phát hành:
09/2022

Tạo eBook:
@huyetleid0907, 02/2024

Bạch Lạc Mai 8x, tên thật là Tư Trí Tuệ. Một cô gái mang hơi thở của hoa mai, đoan trang, tao nhã, tự nhiên, an tĩnh, thuần khiết. Ẩn cư ở Giang Nam, tài năng nhưng lánh đời.

Tác phẩm tiêu biểu:

- "Người là cuộc tu hành đẹp nhất kiếp này của tôi"
- "Ba nghìn năm trước đóa sen nở trong đêm thanh vắng"
- "Mỗi mòn tìm kiếm lại là người cũ từng quen: Lý Thanh Chiếu truyện"

"Đời người trăm năm, đi vạn dặm đường, ngắm muôn phong cảnh, thừa thớt dồn dập, tụ hợp phân ly, cuối cùng cũng chỉ cần một gian nhà cỏ, một chén trà thơm, một tấm lòng trong sạch mà thôi."

"Bạn từng cùng tôi bước qua một quãng thời gian đời Tống, nay lại cùng tôi đọc một cuốn phong hoa Đại Đường. Thế gian muôn vàn gặp gỡ, có nhân quả, là duyên phận. Thiên cổ mệnh mang, thay triều đổi đại, hưng vong thành bại, yêu hận tình thù đều tiêu tan không còn dấu vết. Đại Đường năm xưa vẫn còn trong một góc lộng lẫy của lịch sử, không có sầu muộn nhớ nhung, cũng không có thê lương bể dâu."

Một

quyển

phong

hoa

Đại

Đường

Không	
thua	chẳng
năm	bại
tháng	non
	sông

Phong cảnh đẹp nhất trên đời là cây cối núi non, là thơ rượu đàn trà. Ngày hạ mát mẻ, nhàn nhã ở Mai trang, hái hoa đun trà, trong chén cũng ăm ắp Tống Đường.

Vẻ đẹp của từ Tống nằm ở chỗ thanh lệ đậm nhã, uyển chuyển đa tình. Vẻ đẹp của thơ Đường lại ở chỗ tiêu sái phóng khoáng, đoan chính hào sảng.

Từ Tống như một giai nhân kín đáo trang nhã, ẩn cư giữa núi hoang, mang theo khí chất của hoa lan. Còn thơ Đường lại là một nhũ sĩ khoáng đạt thấu suốt, ẩn cư ngoài cõi thế, mang phong độ của trúc biếc.

Vào thời Xuân Thu xa xưa, có một dạng thơ ca gọi là *Kinh Thi*, nên có người ngâm: "*Lau lách xanh tươi và rậm rạp, mọc làm sương phủ khắp mọi nơi. Người mà đang nói hiện thời, ở vùng nước biếc cách với một phương*¹". Về sau có từ Sở, mới có vẻ đẹp "*Đoái trông cỏ áy cây vàng, sợ con người đẹp muộn màng lỡ duyên!*²". Về sau nữa mới là thơ Thịnh Đường, từ Đại Tống. Biết bao tích cũ sử xưa, tình người ý vật, non nước chim hoa đều nằm trong đó. Vẻ đẹp của thơ từ ấy là phong lưu bất tận, chỗ hay khó tả.

Từ xưa tới nay, nghìn thu vạn thuở, chỉ có một cuốn thơ Đường. Thơ Đường là gì? Là vẻ mịm mờ "*Ở trong núi ấy thôi mà, mây che mù mịt biết là đi đâu*³", là sự tĩnh lặng của "*Nghìn non mất bóng chim bay, muốn con đường tắt dấu giày tuyết không*⁴", là tình

¹ Bản dịch Tạ Quang Phát

² Trích trong bài *Ly Tao* của Khuất Nguyên, bản dịch Nhượng Tống.

³ Trích trong bài *Tầm ẩn giả bất ngộ* của Giả Đảo, bản dịch Tản Đà.

⁴ Trích trong bài *Giang tuyết* của Liễu Tông Nguyên, bản dịch Tản Đà.

cảm thắm nồng "Trông nhau có vẻ hữu tình, họa chăng có núi Kính Đình với ta⁵", là cái nhân tàn "Đi theo nguồn nước đổ, ngồi ngắm áng mây bay⁶", là vẻ đậm bạc "Về già chữ tỉnh những mong, việc đời muôn sự ngoài vòng đứng đưng⁷".

Dưới gầm trời, khắp bốn bể, người nhà Đường cũng chỉ có một thời. Họ hoặc ngắm biết bao lâu gác giữa mưa phùn ở Giang Nam liễu xanh oanh hót nghìn dặm, hoặc dừng xe giữa rừng phong, nhìn lá đỏ hơn hoa giữa tháng Hai. Là "Én lầu Vương Tạ thuở nào, bây giờ lưu lạc bay vào nhà dân⁸". Là "Má phấn giờ đâu, đâu vắng tá, hoa đào còn bốn gió xuân đây⁹". Họ có nỗi nuối tiếc "Giận không gặp gỡ khi chưa có chồng¹⁰", có nỗi sầu "Hối để chồng đi kiếm tước hầu¹¹", có tình ý "Nét mày đậm nhạt, được không, hồi chàng?¹²", cùng có niềm hiu quạnh "Vì ai áo cưới chấp duyên lành¹³".

Thơ từ có thể tả cảnh gửi tình, cũng có thể tỏ chí tỏ lòng. Thơ cũng như đàn, kẻ gảy đàn thường than tri âm khó cầu, người làm thơ cũng vậy. Có những bài thơ hòa tình vào cảnh, giản dị đơn sơ, được nhiều người ưa thích. Có những bài lại như khúc *Dương Xuân Bạch Tuyết*, cao siêu khó hiểu, chẳng mấy ai hay. Vạn vật ngàn cảnh trên đời, từng bông hoa ngọn cỏ, từng chiếc lá từng hạt bụi, đều có thể thành chất liệu của thơ.

Nàng Đỗ Thu Nương đời Đường viết: "Áo kim tuyến xin chàng chẳng tiếc, có tiếc chẳng hỡi tiếc tuổi xanh¹⁴". Nhớ năm xưa, nàng chỉ dựa vào một bài thơ mà được hưởng ân sủng mấy chục năm, dù về sau sa sút, lưu lạc thôn quê, tuổi già sắc phai, cũng không hối tiếc. Xưa nay vương hầu khanh tướng, văn nhân mặc khách, nếu đều được ung dung tiêu sái như Đỗ Thu Nương thì đã chẳng sinh lòng ai oán hận sầu, cũng chẳng có biết bao ăn năn thất vọng.

Đại Đường thịnh thế toát lên vẻ phồn hoa lộng lẫy chưa từng có từ xưa. Mỗi tòa thành, mỗi con người đều có một câu chuyện, đều là một bài thơ. Trên triều đường, vương công tử đệ mở miệng thành thơ; chốn thôn quê, người dân bình thường cũng hiểu bằng trắc. Dù thời thịnh trị gấm hoa cũng có tai ương sóng gió, song suy cho cùng

⁵ Trích trong bài *Độc tọa Kính Đình sơn* của Lý Bạch, bản dịch Trần Trọng Kim.

⁶ Trích trong bài *Chung Nam biệt nghiệp* của Vương Duy, bản dịch Lê Nguyễn Lưu.

⁷ Trích trong bài *Thù Trương thiếu phủ* của Vương Duy, bản dịch Lê Phụng, nguồn: thivien.net.

⁸ Trích trong bài *Ô Y hạm* của Lưu Vũ Tích, bản dịch Ngô Văn Phú.

⁹ Trích trong bài *Đề đô thành nam trang* của Thôi Hộ, bản dịch Nam Trân.

¹⁰ Trích trong bài *Tiết phụ ngâm* của Trương Tích, bản dịch Ngô Tất Tố.

¹¹ Trích trong bài *Khuê oán* của Vương Xương Linh, bản dịch Ngô Tất Tố.

¹² Trích trong bài *Khuê ý - Cận thị thượng Trương thủy bộ* của Chu Khánh Dư, bản dịch Trần Trọng San.

¹³ Trích trong bài *Bần nữ* của Tần Thao Ngọc, bản dịch Lê Nguyễn Lưu.

¹⁴ Trích trong bài *Kim lữ y*, bản dịch Xuân Như, nguồn: thivien.net.

vẫn có thể khéo léo vượt qua, không tùy tiện nhiều loạn nhân thế, càng không thể kinh động giang sơn.

Họ đeo túi thơ, đem theo cả bụi trần trời Nam đất Bắc, tìm tới Trường An trong mơ. Ngỡ là dưới chân thiên tử, nước lớn hùng mạnh, thì ở góc nào cũng có ý thơ đậu lại. Mà nào hay kiếp người như biển, mệnh mang mờ昧, rồi cuộc khó tìm tri âm.

Thi tiên Lý Bạch vật vờ ở Trường An, chán chường thất vọng suốt mấy năm mới có duyên gặp được Đường Huyền Tông. Dù tài hoa tuyệt thế, được phong làm cung phụng hàn lâm, song ông chỉ có được một chức quan nhàn tản làm thơ mua vui, lâu dần cũng bị Huyền Tông xa lánh, mắc kẹt giữa vườn thơ, tổn hao mấy vò rượu ngọt, mấy lạng gió xuân.

Để thực hiện hoài bão, thi thánh Đỗ Phủ lang bạt đất khách Trường An cả chục năm, chạy vạy dâng thơ phú, cũng chỉ kiếm được một chức Hà Tây úy nhỏ nhoi. Về sau để tránh chiến loạn đã dắt cả nhà về Thục, được bạn bè giúp đỡ, dựng một ngôi nhà tranh bên bờ suối Cán Hoa, sống đời điền viên giản dị đơn sơ mấy năm. Song lòng ông vẫn canh cánh lo cho dân cho nước, chỉ mong "*Ước được nhà rộng muôn ngàn gian; khắp thiên hạ, kẻ sĩ nghèo đều hân hoan*¹⁵". Tiếc rằng tuổi già bệnh tật, trôi dạt lênh đênh, cuối cùng qua đời trên thuyền.

Biết bao người than oán rằng không được sinh ra trong thời Thịnh Đường, lại có bao người đến nay vẫn mơ về Trường An. Nguyện đeo túi thơ, lang thang giữa phố phường Trường An, hoặc gửi thân ở một khách điểm nào đó, chuốc say trong quán rượu nào đó; hoặc múa bút tại thi xả nào đó, hoặc nghỉ tạm ở quán trà vô danh nào đó, thậm chí lang thang trong một sông bạc. Tựa hồ ở nơi gần thiên tử có thể gửi gắm mộng tưởng, có thể bầu bạn cùng thơ rượu, có thể ký thác công danh.

Đời người vốn không thể lựa chọn, Tần Hán có khí thế riêng, Ngụy Tấn có vẻ huyền diệu riêng, Thịnh Đường có phong cốt riêng, Đại Tống có tình trí riêng. Nếu được, tôi muốn làm cỏ thơm Tần Hán, cúc giậu Ngụy Tấn, mẫu đơn Thịnh Đường, mai gầy Đại Tống. Chứ không muốn bước vào biển người, đi ngang qua một đế vương bá giả hoặc khách từ người thơ nào cả.

Một cuốn thơ Đường viết về phong thái thời Đường, nhân vật thời Đường, câu chuyện thời Đường. Những dòng thơ giản dị tinh tế, hoặc muôn hình vạn trạng, hoặc bàng bạc phóng khoáng, hoặc ảm đạm thâm lương, hoặc ai oán triền miên. Tuy khắc

¹⁵ Trích trong bài *Mao ốc vị thu phong sở phá ca*, bản dịch Khương Hữu Dụng.

họa cuộc sống của người thời Đường, song cũng là quãng thời gian mà triều đại nào cũng phải trải qua.

Cuộc đời họ cũng chẳng khác gì chúng ta. Ngắm hoa xuân trăng thu, tỏ mờ tròn khuyết, trải qua vui buồn tan hợp, sinh lão bệnh tử. Trong triều đại thuộc về mình, họ theo đuổi danh lợi, nếm hết tình duyên. Sau đó mỗi người nằm xuống trên thước đất của mình, chôn vùi hết thấy những gì trải qua trong đời, mọi ký ức có được dưới cở đại miên man, cát vàng mờ mịt.

Một đời dài đằng đẵng, do biết bao thời gian chồng chất lại mà thành. Một đời cũng ngắn ngủi làm sao, chẳng qua chỉ gói gọn trong mấy hàng thơ. "*Trời đất là quán trọ của vạn vật; quang âm là khách qua đường của trăm đời.*"¹⁶ Phải chăng lòng chứa muôn ngàn cảnh tượng, dung nạp thể thái nhân tình thì sẽ không bại trước thán năm, thua trước sơn hà.

Bạn từng cùng tôi bước qua một quãng thời gian đời Tống, nay lại cùng tôi đọc một cuốn phong hoa Đại Đường. Thế gian muôn vàn gặp gỡ, có nhân quả, là duyên phận. Thiên cổ mệnh mang, thay triều đổi đại, hưng vong thành bại, yêu hận tình thù đều tiêu tan không còn dấu vết. Đại Đường năm xưa vẫn còn trong một góc lộng lẫy của lịch sử, không có sầu muộn nhớ nhung, cũng không có thê lương bể dâu.

*Như hoa mà chẳng phải hoa
Giống mù mà chẳng phải là mù sương
Nửa đêm chợt đến lạ thường
Sớm mai thức giấc lên đường lại đi.*¹⁷

Trải qua một trận gió mây Tần Hán, nghe một câu chuyện thời Ngụy Tấn ít người hay, chép một bộ kinh văn thời Tùy, đọc một bài thơ Đường, viết một bài từ Tống, uống một bình trà, gặp một tri âm, đời người cứ thế mơ màng trôi qua.

Bạch Lạc Mai

¹⁶ Trích trong bài *Xuân dạ yến đào lý viên tự* của Lý Bạch, bản dịch Nguyễn Hiến Lê.

¹⁷ Trích trong bài *Hoa phi hoa* của Bạch Cư Dị, bản dịch Hải Đà.

Chương 1

Điều	
cổ	người
tuy	nay
mình	ít
thích,	thấy
	đàn

Bầy chim một loạt cao bay,
Lưng trời thơ thẩn đám mây một mình.
Trông nhau có vẻ hữu tình,
Họa chẳng có núi Kính Đình với ta.¹

Dưới thời Đường, phong cảnh đẹp nhất hẳn là Trường An. Trường An, hai chữ ấy đẹp để làm sao, vừa cổ kính trầm tĩnh lại vừa hoa lệ phong lưu. Trăm nghìn năm nay, nó đã gột sạch gió sương trần ai trong lịch sử, giải thoát hưng vong bể dâu, mà vẫn đơn sơ tĩnh tại, đẹp để lặng thầm. Biết bao người vì tìm mộng mà lần đến đô thành cổ kính này, phung phí cả một đời.

Họ chống kiếm mà đến, đeo túi sách, gửi thân ở trạm dịch Trường An, chuyện phiếm trong quán trà, mua say từ quán rượu. Trường An bấy giờ tuy hưng thịnh phần hoa nhưng danh lợi giao thoa, đấu đá không ngừng. Bầu trời trong veo cũng gió mưa khó lường, đầy biến ảo, kẻ đắc chí thì rộng bước đường mây, kẻ nản chí thì long đong suốt kiếp. Những tiền đồ gấm hoa, bá nghiệp đế vương, rốt cuộc cũng theo dòng nước chảy về đông cùng với giang sơn đổi chủ.

Lý Bạch, nhà thơ theo chủ nghĩa lãng mạn vĩ đại thời Đường được người đời sau xưng tụng là "Thi tiên". Cả đời ông hào sảng phóng khoáng, ý thơ lãng mạn, thuở thiếu thời chống kiếm phiêu bạt, rời nhà đi xa, tới đâu cũng lưu lại những áng thơ tuyệt đẹp. Thơ ông cũng như tính tình, tiêu sái phóng khoáng, mới mẻ phiêu dật, ngôn từ độc đáo, ý cảnh tuyệt diệu, lại lãng mạn đa tình, ý vị sâu xa.

Nghĩ lại thì phong cảnh Lý Bạch luôn canh cánh không quên trong lòng vẫn là đô thành Trường An. Năm xưa ông chống kiếm vân du đến đây, đầy bụng tài hoa mà không được trọng dụng, cùng quần chán nản giữa quán rượu Trường An, kết bạn với người trên phố chợ, say ngã giữa cổ đạo suy tàn, chẳng ai hay biết. Về sau như

Dù		ngắm
tuổi		hoa
hoa		vấn
già		thắm
côi,		tĩnh

¹ Trích bài *Độc tọa Kính Đình sơn* của Lý Bạch, bản dịch Trần Trọng Kim.

cánh bèo trôi nổi, lênh đênh giữa giang hồ, nếm hết bể dâu, song vẫn phong lưu phóng túng.

Núi sông cây cối là tri kỷ, thơ rượu kiếm đàn là bạn bè. Ông nói, đường Thục khó đi, khó như lên trời, chẳng khác nào con đường làm quan mà ông khao khát, quanh co khúc khuỷu, gian nan gập ghềnh. Trường An trong mộng nguy nga lộng lẫy, có quân chủ hiền minh, có danh sĩ cao nhã, có thi khách phong lưu, cũng có mỹ nhân tuyệt thế. Hết thấy những thứ đó rõ ràng ở rất gần, với tay ra là chạm đến, song lại cách xa nghìn dặm, mờ mịt khó nắm.

Đường đi khó, thời về thôi, đợi tới khi ông về, thuyền nhẹ đã qua muôn trùng núi. Long đong bất đắc chí nhiều năm, công danh trôi tuột qua mình, khiến lòng Lý Bạch ngùi lạnh. Nếu không nhờ công chúa Ngọc Chân và Hạ Tri Chương ca ngợi, Đường Huyền Tông cũng chẳng đọc đến thơ ông, càng không tỏ lòng ngưỡng mộ, cho vời vào cung. Thiên tử trước mắt hào phóng phong lưu, nho nhã đa tình, còn Lý Bạch cũng có khí độ Thi tiên, học thức sâu rộng tích góp sau nửa đời du lịch, khiến Đường Huyền Tông hết sức tán thưởng.

Khanh tướng áo vải chớp mắt đã thành cung phụng hàn lâm, chúc vạ của Lý Bạch là viết thơ văn mua vui cho hoàng thượng, phụ họa cho những phong hoa tuyết nguyệt của ngài. Đường Huyền Tông mỗi lần mở tiệc hoặc dạo chơi, đều cho Lý Bạch theo hầu, lệnh cho ông tức cảnh làm thơ, phong nhã vô hạn.

Ông theo Đường Huyền Tông và Dương quý phi đi ngắm mẫu đơn, viết ra bài *Thanh bình điệu* tả quý phi.

*Sắc nước hương trời khéo sánh đôi,
Quân vương nhìn ngắm những tươi cười.
Sầu xuân man mác tan đầu gió,
Cửa Bắc đình Trầm đứng lá lời.²*

Hàng ngày tuy kề cận nhà vua, song ngâm thơ làm phú cũng chỉ là chức quan nhàn tản, không phát huy được hoài bão của ông. Nên Lý Bạch mượn rượu giải sầu, thiên tử cho triệu không lên chầu sớm, Dương Quốc Trung phải bưng nghiêng, Cao Lực Sĩ phải cởi giày cho ông. Ông là kẻ ngông cuồng, cũng là một khách thơ như thế đấy, Huyền Tông tuy ái mộ tài năng của ông, song trước sau vẫn không trọng dụng. Lâu

² Bản dịch Ngô Tất Tố.

ngày ông dần dần bị Huyền Tông lạnh nhạt, bị gác lại vườn thơ, sống bằng gió xuân và bầu rượu.

Nếu không phải vì loạn An Sử khiến ông lại một lần nữa lệnh đênh phiêu bạt, phải chịu mỗi nhục lưu đầy, e rằng cả đời này ông sẽ yên phận ở lại bên cạnh thiên tử, làm một nhà thơ uống rượu ngắm hoa. Tuy ngạo cốt không giảm, tiêu sái vẫn còn, dù có hào tình vạn trượng, lòng thơ hào phóng, cũng không thể tự quyết được.

Qua bao phen trôi dạt lệnh đênh, khi giành lại được tự do, Lý Bạch bèn khoác tay nải lên, đem theo giấc mơ vỡ nát rời khỏi Trường An. Ông xuôi dòng Trường Giang đi xuống, dọc đường chạnh lòng hoài cổ, bèn làm thơ tỏ tâm trạng, ghi lại tâm tình.

*Bỏ ta mà đi
Ngày hôm qua giữ lại làm sao!
Làm rối lòng ta
Ngày hôm nay lắm nỗi phiền ưu
...
Ở đời, người đâu được xứng ý,
Thuyền con, xỏa tóc, sớm khuya chèo.³*

Lý Bạch quay về thành Tuyên ở An Huy, ngôi thành nhỏ phương Nam ấy kiếp này đã kết mối duyên khăng khít với ông. Ông từng làm thơ miêu tả thành Tuyên trong mắt mình:

*Giang thành như bức họa,
Núi sớm tạnh trời trong.
Hai suối liền trắng sáng,
Đôi cầu rục mống hồng.⁴*

Đời này, Lý Bạch đã nhiều lần xuôi nam xuống thành Tuyên, dạo bước núi Kính Đình, đứng đó lặng ngắm mây trôi trắng sáng, nhàn nhã nghe gió thông vi vút, buông bỏ danh lợi, vui vẻ quên sầu.

Núi Kính Đình phía đông giáp suối Uyển, thành Nam Phủ, phong cảnh như tranh. Trước kia du sơn ngoạn thủy đều là bạn bè như mây, tụ lại một chỗ, uống rượu bàn

³ Trích trong bài *Tuyên Châu Tạ Diếu lâu tiễn biệt hiệu thư thúc Vân*, bản dịch Ngô Văn Phú.

⁴ Trích trong bài *Thu đăng Tuyên Thành Tạ Diếu bắc lâu*, bản dịch mailang, nguồn: thivien.net.

thơ, tiêu dao phóng khoáng. Giờ tỉnh mộng hồng trần, nhạc tàn người tan, chẳng còn cảnh tượng xưa kia bạn ngồi chật chỗ, chỉ còn mình ông râu tóc bạc phơ, lẻ loi trôi dạt.

*Bầy chim một loạt cao bay,
Lưng trời thơ thẩn đám mây một mình.
Trông nhau có vẻ hữu tình,
Họa chẳng có núi Kính Đình với ta.*

Trước kia lên núi Kính Đình có chim chóc bầu bạn, mây trắng hiểu ý, gió mát gửi tình, còn giờ đây chỉ có tịch mịch và thê lương, mọi thứ đã lìa xa. Mấy cánh chim bay ngang trời rồi mất hút, ngay một áng mây màu còn sót ấy cũng chẳng dừng lại vì ông mà vẫn bỗng bênh bay đi, bình thản mà nhàn nhã. Giữa trời đất mênh mang chỉ còn một mình ông, gầy gò bé nhỏ, cùng núi Kính Đình nhìn nhau chứa chan cảm xúc, lặng lẽ sinh tình.

Những năm qua, Lý Bạch đi khắp sơn hà, ngắm hết phong cảnh, những núi non từng kề cận bên ông nhiều không đếm xuể, song cuối cùng nhìn nhau không chán, chỉ có núi Kính Đình. Cả đời ông dạt dào hứng khởi, bạn thơ nhiều như mây, thích thư pháp, mê kiếm thuật, từng qua đất Thục, từng chán nản, cũng từng rục rở. Từng lang thang trong ngõ nhỏ Trường An, cũng từng được bậc quân vương phong làm cung phụng hàn lâm. Nhưng khi phồn hoa qua hết, ông cũng chỉ một mình lên thuyền, cầm theo kiếm cùng túi thơ lộn xộn, tìm phong cảnh tĩnh tại cuối cùng trong lòng.

Hết thầy quá khứ cũng như bầy chim bay đi không trở lại, cũng như áng mây lẻ trôi đi không quyến luyến. Còn núi Kính Đình, mặc cho vật đổi sao dời, vẫn nghìn năm không đổi, bất luận khi nào người trở lại cũng lặng lẽ đợi ở đó, không lìa không bỏ. Người sống trên đời chỉ cần được một tri kỷ là quá đủ, cả đời Lý Bạch không rời được rượu, được thơ, được kiếm, mà lúc này đây, nặng tình son sắt với ông là ngọn núi Kính Đình này.

Ông đã cảm nhận được nỗi cô đơn nặng nề nhất trên đời, cả bài thơ đều là cảnh vật, không có câu nào tả tình, nhưng từng lời từng chữ đều ẩn chứa tình cảm. Chẳng biết là may mắn hay bất hạnh, Lý Bạch đã uống rượu quá độ rồi say chết ở thành Tuyên, theo *Cựu Đường thư*. Cũng có truyền thuyết nói rằng, ông uống rượu trên sông, thấy trăng sáng vàng vạc, bèn nhảy xuống sông vớt trăng mà chết đuối. Truyền thuyết rất đẹp, lãng mạn mà thê lương, bất luận Lý Bạch lìa trần theo cách nào, ông cũng đã kết thúc một cuộc đời gập ghềnh nhiều tính truyền kỳ.

*Trông nhau có vẻ hữu tình,
Họa chẳng có núi Kính Đình với ta.*

Tiếc rằng khi ông rời cõi thế, còn canh cánh trong lòng vành trăng sáng Trường An, cùng rặng liễu bên đường và ngọn gió ồng lộng thổi suốt dưới mái hiên cung điện Đại Đường. Đường Huyền Tông lâm bệnh mà chết trong cung, Dương quý phi bị ban chết ở gò Mã Ngôi, Cao Lực Sĩ cũng tuyệt thực chết theo Huyền Tông, những người xưa từng qua lại với ông đều đã ra đi theo gió. Thành Trường An thênh thang còn gì đáng để ông ưu luyến nữa đâu? Một mảnh công danh, một đời vinh nhục cũng trôi theo nước xuôi, theo khói tỏa, hư ảo không dấu tích.

Trên đời có biết bao phong cảnh nhìn nhau không chán, có biết bao người nhìn chẳng chán nhau. Hồng trần cuộn cuộn, sáng trôi chiều tụ, những kẻ từng hẹn sẽ không lìa không bỏ, giờ đây đã ở đâu rồi? Tới khi nhìn thấu phong cảnh, có phải vẫn còn một người nói với bạn rằng, dù cả thế giới phụ bạc bạn, phản bội bạn thì người ấy vẫn sẽ ở đó, không bao giờ chán ghét bạn, cùng bạn đi đến trời tàn đất tận không?

Uống biết bao rượu, viết biết bao thơ, ngắm biết bao trăng, núi Kính Đình vẫn đó, còn vị Thi tiên kia sớm đã bị vùi chôn dưới cát bụi lịch sử, chẳng rõ tung tích.

Gốc thông hỏi chú học trò
Rằng: thầy hái thuốc lò mò đi xa
Ở trong núi ấy thôi mà
Mây che mù mịt biết là đi đâu.¹

Lò hương khói bảng lảng, lan qua cả cảnh thùy ti hải đường mới
bẻ, rơi trên dấu mực chưa khô, nửa thực nửa hư.

Gốc thông hỏi chú học trò
Rằng: thầy hái thuốc lò mò đi xa
Ở trong núi ấy thôi mà
Mây che mù mịt biết là đi đâu.

Đây hẳn là bài thơ Đường tôi yêu thích nhất, đơn giản trong
trẻo mà hư vô mờ mịt. Giờ đây tôi chép lại nó bằng chữ tiểu triện,
câu chuyện nghìn xưa như từ từ nhòe ra dưới lớp mực nhạt nhòa.

Tôi há chẳng phải nhân vật ngao du giữa hai thời Đường Tống,
thong dong tản bộ giữa núi hoang quanh quẽ, mây khói mịt mờ ư?
Giở đọc thơ Đường, cảm thấy mọi con đường trên đời đều thông
được tới triều Đường, hoặc dẫn tới bất cứ nơi đâu bạn muốn tới. Hết
thầy gặp gỡ trong đời đều đã được xếp đặt sẵn, có những người cách
cả mưa gió thời không vẫn có thể tâm linh tương thông, có những
người cùng sống dưới một mái hiên lại tựa như xa lạ.

Tôi thích bầu trời Ngụy Tấn, tự do tản mạn, không bị trói buộc.
Ấy là một thời đại gió mây biến ảo, văn nhân nhĩ sĩ chán ghét chiến
loạn nên đã gửi tình vào nước non, chuyện phiếm rong chơi, ở ẩn
trong rừng trúc, ăn đan dược. Họ phóng khoáng bất kham, vui cùng
cây đàn chén rượu, chẳng màng triều chính, cười nhạo giang hồ.
Hoặc dựng nhà trong rừng sâu, hoặc xây biệt viện vườn cảnh, lánh
xa trần thế, hằng ngày say túy lúy, rong chơi giữa cõi người.

Quy
ẩn
núi
rừng,
mây
sâu
lấp
lối

¹ Bài *Tầm ẩn giả bất ngộ* của Giả Đảo, bản dịch Tản Đà.

Trang Tử nói: "Không mài luyện ý chí mà hành vi tự nhiên cao thượng, không nghĩ tới nhân nghĩa mà tự nhiên vẫn là sửa mình, không lập công mà thiên hạ tự nhiên bình trị, không ẩn cư ở chỗ sông biển mà vẫn nhân tản, không đạo dẫn luyện khí mà vẫn thọ, quên hết mà vẫn có đủ, điếm tĩnh đến cực điểm, mà bao nhiêu cái tốt đẹp ở đời đều tụ cả nơi mình... Thánh nhân sống theo luật tự nhiên và chết là biến hóa, khi tĩnh thì tịch mịch như khí âm, khi động thì vận hành như khí dương, không gây phúc cũng không gây họa... Sống thì như bông bênh (với đời), chết thì như nghỉ ngơi. Nhờ hư vô điếm đạm mà hợp với đức trời."²

Thực ra cao nhân ẩn sĩ còn tỉnh táo thông suốt hơn những kẻ nhập thế nhiều, họ hiểu rõ kiếp người như mộng, công danh phú quý đều là khói thoảng mây bay, chỉ có cây cỏ nước non, vui sống bình yên mới được lâu dài. Tôn trọng tự nhiên, quay về với non nước là sự thỏa hiệp tốt nhất với năm tháng bể dâu. Con người không phải thánh hiền, sao có thể không ham danh lợi? Bể trần sâu không thấy đáy, kẻ hiểu được lẽ thoái lui trên đỉnh vinh quang mới là cao sĩ.

"Núi Dư Hàng, Ngô vương bỏ mạng, đài Cô Tô, Việt vương bày tiệc." Năm xưa Việt vương Câu Tiễn diệt Ngô, Phạm Lãi bắt chấp Việt vương níu kéo, quyết chí thoái ẩn, lúc đi còn nhắc nhở Văn Chủng nên biết lui để cầu an, nói rằng: "Bầy chim tan hết, cung tốt xếp lại, thỏ khôn đã chết, chó săn bị hàm. Việt vương là kẻ có thể chung hoạn nạn, không thể chung phú quý." Văn Chủng không nghe, về sau bị giết, còn Phạm Lãi đã dẫn người đẹp Tây Thi mai danh ẩn tích, dong thuyền chơi Ngũ Hồ, rời xa thị phi.

Nghiêm Quang chẳng thờ vương hầu mà cày cấy câu cá ở núi Phú Xuân, có người nói ông không như hạng phàm tục, là kẻ thanh cao, mà nào có biết ông chỉ lui khỏi trường danh lợi trước để thưởng thức ánh nắng xuân tươi đẹp của nhân gian. Đào Tiềm thời trẻ cũng bước lên con đường làm quan, lỡ sa vào lưới trần mấy chục năm, về sau đâm hối hận, bèn quay về vui với vườn ruộng, hái cúc giậu đông, rong chơi núi Nam. Lâm Hòa Tĩnh thời Tống tính cô độc cao ngạo, thích điếm đạm, cả đời không ra làm quan, ẩn cư Cô sơn, lấy mai làm vợ lấy hạc làm con, cũng là tự tại tiêu dao.

Từ xưa văn nhân mặc khách đều có tâm tư muốn ở ẩn, tuy đọc sách mười năm, cầu được công danh, phong hầu bá tướng, xe thơm ngựa quý, nhưng khi thất vọng chán chường hoặc mộng đẹp thành thực, lòng thường sẽ nhen nhóm ý định rời xa cõi trần huyên náo. Biết bao người chìm nổi giữa quan trường, lên xuống bất định, hoặc quỳ rạp dưới chân thiên tử, ngấm hết giang sơn, hoặc bị biếm đi biên cương xa tít, đây

² Trích *Nam Hoa kinh*, bản dịch Nguyễn Hiến Lê.

bụng học vấn không thể thi triển. Họ luôn mong mỏi có một chốn yên bình để gửi gắm linh hồn, xếp lại số mệnh.

Hoặc tìm thung vắng núi sâu, hoặc sống giữa vách mây chùa cổ, hoặc chọn làng hoang thôn lẻ, nhà tranh vách đất, dựng rào trồng cúc. Bất luận có tri kỷ hay không, cũng lấy ra mấy vò rượu ngon năm tháng, cơm nhạt trà thô, bầu bạn với nước non, gửi hứng ngâm thơ, chẳng nhớ tháng năm. Năm tháng trong núi, mây sâu mù nặng, hái hoa thông ủ rượu, bẻ đào núi lót lòng, ngắt hoa đại cắm bình, dựa trúc hú vang, dưới trăng gảy đàn. Cũng chỉ lúc này mới có thể quên hết danh lợi trên đời, làm một bản thân đơn sơ nhất.

Tôi thực muốn biết Giả Đảo nghìn năm trước đi vào núi sâu tìm vị cao nhân ẩn sĩ nào. Chú hầu nhỏ ngồi dưới gốc thông phe phẩy quạt xương bò, quạt lò pha trà, xa xa rặng núi điệp trùng, mây mù lớp lớp dày đặc, chẳng thấy bến bờ. Gốc thông già bên vách núi đầy mây ấy e rằng cũng đã ẩn cư ở đó cả nghìn năm, chẳng biết tình đời ấm lạnh, triều đại đổi thay. Từ xưa, tùng trúc mai được gọi là tuế hàn tam hữu, thông ở đây cũng như một vị ẩn sĩ, không bước vào dòng đời xô bồ, vui với cảnh thanh bần.

Chú hầu nhỏ nói: "Thầy đi hái thuốc rồi." Lên núi hái thuốc, đóng cửa luyện đan, dường như cũng là phong cảnh không thể thiếu trong cuộc sống ẩn dật. Thời Ngụy Tấn coi trọng dưỡng sinh, việc uống đan dược ngộ đạo hết sức thịnh hành lúc bấy giờ, kéo dài tới cả những triều đại sau này, rất nhiều đế vương khanh tướng cũng uống đan dược để thân thể khỏe mạnh, kéo dài tuổi thọ.

Ẩn sĩ trong núi hằng ngày ngồi tĩnh tọa tu hành, uống trà chơi cờ, cũng có khi đi hái thuốc dưỡng sinh. Cả đời họ chẳng ham vinh hoa, lánh đời tu hành, bậc đạo hạnh cao thâm thì tóc bạc phơ mà nét mặt vẫn trẻ trung, đi lại giữa biển mây trong trời đất, hành tung khó lường. Thế nên ngay cả chú hầu nhỏ bên cạnh cũng chẳng biết thầy đã đi đâu, chỉ biết ở ngay trong núi này, song mây mù lấp lối, chẳng biết tìm đâu.

Tìm ẩn sĩ mà không gặp, kẻ tới tìm bỗng thấy hạt hắc buồn rầu, không khỏi sinh lòng ao ước cũng như ngưỡng mộ vị cao nhân nấu mình giữa biển mây ấy, thực ra Giả Đảo cũng là một nhà thơ có duyên với Phật. Thời trẻ vì cảnh nhà nghèo túng, ông từng cắt tóc đi tu, pháp danh Vô Bản, về sau vân du, kết bạn với Mạnh Giao, còn được Hàn Dũ dạy dỗ. Sau nữa ông hoàn tục đi thi, song thi mãi vẫn trượt.

Giả Đảo cả đời ngâm thơ trong cảnh khổ, đi đứng ăn ngủ cũng chẳng quên làm thơ, trau chuốt câu chữ. Thơ của ông thường hay gọt giũa, phần nhiều khắc họa cảnh hoang lương cô tịch, tự nhận xét về mình rằng:

Hai câu làm mất ba năm,
 Một ngâm, lã chã hai hàng lệ rơi.
 Tri âm nếu chẳng đoái hoài,
 Trở về núi cũ, nằm dài với thu.³

Đời ông nửa tăng nửa tục, cõi lòng khô héo, lại không buông được công danh. Ở trong núi tự coi là sư song lại nhớ thế tục phồn hoa, bước vào hồng trần lại không dứt được lòng thiện. Bất luận là tu hành hay hoàn tục, ông đều không thể ung dung đến cùng được.

Tấm lòng Giả Đảo vẫn không nguôi nhưng nhớ cảnh thiên trong núi sâu, nhưng sa vào lưới trần rồi, không sao thoát ra nổi nữa. Dù về sau ông thi đỗ, cũng không được trọng dụng, triều đình chỉ cho ông một chức chủ bộ nhỏ ở huyện Trường Giang, biếm ông đi khỏi Trường An, lưu đày ông giữa nhân gian khói lửa. Kiếp này, thứ duy nhất ông không lìa không bỏ, tới chết không đổi, chỉ có thơ.

Mười năm mài một lưỡi gươm
 Chưa từng thử sắc lưỡi sương lạnh ngời
 Hôm nay mời bạn xem chơi
 Bất bình thế sự ai người có không?⁴

Bút của ông chính là thanh kiếm ấy, mười năm đọc sách bên song, đâu phải không hăng hái muốn thử, chẳng bợn lòng danh lợi.

Nếu sau khi xuất gia, Giả Đảo tĩnh tâm tu hành, không bước vào chốn bụi hồng, chẳng sa vào vòng danh lợi, có lẽ ông có thể tham ngộ bồ đề, tìm được giải thoát. Nhưng ông không chịu ngồi thiền tụng kinh mà lại hoàn tục muốn bước vào đường làm quan, cuối cùng mới trắc trở suốt đời, bổng lộc chẳng đủ nuôi thân. Hôm ông mất, trong nhà chẳng có một đồng, chỉ có một con lửa ồm, một cây đàn cũ, ông được chôn trên một gò đồi ngoài ngoại ô nào đó. Nơi chôn ông bị mây mù lấp lối, lá rụng che đường, bụi vàng mù mịt, không tìm thấy tung tích.

Hàn Dũ có thơ tặng ông rằng:

³ Bài *Đề hậu thi*, bản dịch Trần Trọng San.

⁴ Bài *Kiểm khách*, bản dịch Trần Đông Phong, nguồn: thivien.net.

*Mạnh Giao vừa mất, chôn Bắc Mang,
Gió mây từ đó được tạm nhàn.
Trời sợ văn chương sau đoạn tuyệt,
Sinh chàng Giả Đảo chốn thế gian?*⁵

Một người như Giả Đảo xuất hiện giữa nhân gian, từng cắt tóc đi tu rồi lại hoàn tục; từng đi tìm một ẩn sĩ trong núi sâu; có lòng ẩn dật mà không được như nguyện. Nếu kiếp người có thể làm lại được, liệu ông có bằng lòng tụng kinh nghe thiền trong một ngôi chùa cổ nào đó giữa núi rừng, nhập định cùng gốc thông ngoài cửa sổ, thoát khỏi sinh tử hay chăng?

Phật độ kẻ có duyên, ông đã từng vào cửa Phật, chẳng biết có phải người có duyên không nữa? Thực ra bất luận là ngộ đạo tu Phật hay ở giữa đạo tràng hồng trần, hoặc quy ẩn núi rừng chỉ cần cõi lòng bình thản, tuân theo lẽ tự nhiên thì có thể buông bỏ chấp niệm, tiêu dao phóng khoáng.

"*Khắp chốn hưng vong thực thảm thê, ai người Ngô đó, Việt ai hê?*"⁶ Ông là nhà sư, cũng là người phạm tục, là khách thơ, cũng là ẩn sĩ, ông sinh ra dưới thời Đường, cũng chết dưới thời Đường. Ông là Giả Đảo.

⁵ Bài *Tặng Giả Đảo*, bản dịch Phụng Hà, nguồn: thivien.net.

⁶ Lời kịch *Hoán sa ký*, dựa theo tiểu thuyết Ngô Việt xuân thu.

*Bảy dây đàn lạnh lẽo
Nghe thoảng gió thông vang
Điệu cổ tuy mình thích
Người nay ít thấy đàn.¹*

Ánh trắng vằng vặc rọi qua khe cửa chiếu xuống phím đàn, toát lên vẻ đẹp cổ xưa nền nã. Dây đàn lâu ngày không gảy, phủ đầy bụi thời gian. Chỉ có cây cối trong bình gốm trên bàn đặt đàn, chẳng sợ bốn mùa dời đổi, bất cứ lúc nào cũng xanh ngắt một màu.

Nhớ lại mấy hôm trước, có người bạn viết bài thơ *Vấn cầm* theo thể thơ năm chữ, mới mẻ tao nhã, tình ý tha thiết.

*Dây đàn chưa kịp gảy
Đã vắng biệt ly âm
Trước mắt ba xuân ấy
Bi ai mình tự ngâm.*

Cô ấy tự ví mình là ve sầu trên cành, côn trùng mùa hạ không bàn chuyện tuyết sương. Trong lòng tôi, cô là một người thoát nhìn hờ hững, song lại nặng tình. Chúng tôi quen nhau mười mấy năm, cùng coi như duyên sâu, nhưng tình bạn giữa đôi bên vẫn luôn thanh đạm, không tăng không giảm, không rồi không phiền.

Xưa có Bá Nha Tử Kỳ kết tri âm qua khúc đàn *Cao sơn lưu thủy*, một người là cầm sư, một người là tiểu phu, song nhờ phím đàn mà gặp gỡ rồi thấu hiểu nhau, còn hận biết nhau quá muộn. "Bá Nha giỏi chơi cổ cầm, Chung Tử Kỳ giỏi nghe. Bá Nha gảy đàn, nghĩ tới núi cao, Chung Tử Kỳ liền nói, 'Hay thực, sừng sững như núi Thái vậy!'", nghĩ tới nước chảy, Chung Tử Kỳ lại nói, 'Hay quá, dạt dào như sông dài ấy!'", Bá Nha nghĩ gì, Chung Tử Kỳ đều hiểu được. Sau Tử Kỳ chết, Bá Nha than rằng đời không còn người hiểu tiếng đàn của mình nữa, bèn đập đàn rút dây, cả đời không gảy đàn."

Đời
có
tri
âm,

núi
cao
gặp
được
nước
biết

¹ Bài *Đàn cầm* của Lưu Trường Khanh, bản dịch Trần Trọng San.

Kẻ gảy đàn như tiên, người nghe ắt bị dẫn dắt, như bước vào ảo ảnh rừng trúc, không thoát ra nổi. Đờn chẳng có tri âm, một mình phím lạnh vẫn cô, tự gảy điệu cổ, cũng chẳng phải là không thể. Nếu gặp được tri âm, rồi hoặc thất tán, hoặc qua đời thì thà rút dây đập đàn, cả đời không chơi nữa.

Tôi cũng không am hiểu nhiều về đàn, chỉ là yêu thích đơn thuần. Trước kia thường thích mặc áo trắng như tuyết, ngồi bên cửa sổ gảy đàn. Chỉ có mấy bụi trúc xanh, một gốc hoa mai cùng dăm áng mây tình cờ trôi ngang cửa sổ, dừng lại lắng nghe, song cũng chỉ lắng nghe như vậy mà thôi. Đờn người tịch mịch như tuyết, chẳng biết phải tu luyện bao nhiêu kiếp mới tìm được một người cùng pha trà gảy đàn, ngắm mưa thưởng hoa.

"Việc tục rối lòng, lười gảy tơ đồng bầy phím." Hồng trần cuộn cuộn, lúc nào cũng có biết bao gió mưa quấy nhiễu, được bao nhiêu thời gian rảnh rồi gảy đàn tìm phong nhã, cầu một tri âm? Giờ đây tôi đã xem nhẹ hết thấy rối ren phàm trần, khép chặt cửa phòng, chẳng qua lại cùng người lạ nữa. Có điều dù sao cũng đang sống giữa hồng trần, bạn chẳng quấy người, người lại phiền bạn.

Gặp ngày gió lộng nhàn nhã, chỉ muốn ở dưới ánh nắng uống trà tọa thiền, vui vẻ thanh thản, chẳng buồn ngồi so phím đàn, gảy mấy tiếng không thành điệu nữa. Dàn dờ cây thất huyền cầm trở thành một vật bài trí đơn giản, đặt trên bàn năm tháng, thỉnh thoảng giữa lúc trắng trong gió mát, nó và bạn sẽ nhìn nhau, đối thoại với cổ nhân. Nhưng nó cũng là một phong cảnh không thể thiếu ở Mai trang, chỉ cần yên lặng tồn tại, không nói không rằng, tan hợp tùy duyên, sủng nhục chẳng sờn. Cây đàn này là người xưa tặng tôi, người tặng giờ đã chẳng rõ tung tích. Có lẽ ở Mai trang lâu, nó cũng đã quen mùi trà hương sách ở đây, quên đi chủ cũ từ lâu. Nó và tôi sớm chiều bên nhau, tuy lâu ngày không gảy, song dư âm vẫn đó. Văn nhân vẫn luôn thích đàn, cờ, thư, họa, thơ, rượu, hoa, tôi cũng vậy thôi. Tuy thường ngày thích uống trà, chơi ngọc cổ, chẳng màng bàn cờ phím đàn, song tình cảm dành cho chúng vẫn chất chứa trong lòng, chưa từng suy giảm.

Trong số thơ năm chữ viết về đàn, tôi thích nhất là bài *Đàn cầm* của Lưu Trường Khanh.

*Bảy dây đàn lạnh lẽo
Nghe thoảng gió thông vang
Điệu cổ tuy mình thích
Người nay ít thấy đàn.*

Nhà thơ than rằng điệu cổ ít người đàn, không được người đương thời coi trọng, từ đó tỏ lòng cảm thán cho mình có tài mà chẳng gặp tri âm. Nhà thơ tự cho mình thanh cao, không giống như hạng phàm tục, tâm tính như điệu đàn cổ, chẳng có tri âm thưởng thức.

Lưu Trường Khanh thời trẻ đọc sách ở Tung sơn, tài cao lại mẫn tuệ, đỗ tiến sĩ vào những năm Thiên Bảo đời Huyền Tông. Trong những năm Chí Đức đời Túc Tông, ông làm giám sát ngự sử, về sau lại giữ chức huyện úy Trường Châu, sau bị hạ ngục, biếm làm Nam Ba úy. Tới những năm Đại Lịch đời Đại Tông giữ chức chuyển vận sứ phán quan, đồng thời là quyền chuyển vận sứ vùng Hoài Tây, Ngạc Nhạc, về sau lại bị vu cáo rồi bị biếm thành tư mã Mục Châu. Một đời hai lần bị biếm chức, cõi lòng buồn bã khó mà tả xiết. Thế nên ông mới mượn lời thơ, điệu đàn để tỏ nỗi cô quạnh và thê lương lạc thời của mình.

Biết bao tao nhân mặc khách ôm tài cao chí lớn mà không được vua hiền trọng dụng, rong chơi bên ngoài cung điện ở Trường An, thậm chí thần thơ trên con đường bụi vàng mù mịt, cả đời chẳng ai hỏi tới, không được trọng đãi. Điệu đàn lạnh lẽo, âm thanh cao tuyệt, như nước chảy qua đá, gió lửa rừng thông, khiến người ta cảm thấy thanh tao u nhã, hay không tả xiết. Tiếc rằng tiếng đàn tuy hay song lại là điệu cổ, có mấy ai gột sạch được bụi trần, lắng nghe âm thanh có một không hai ấy bằng tâm tình cao nhã đâu?

Câu thơ đơn giản nhưng phong cách cao nhã, ý cảnh sâu xa. Lưu Trường Khanh sở trường về thơ ngũ ngôn, được xưng tụng là "trường thành ngũ ngôn", phong cách thơ của ông hàm súc ôn hòa, thanh nhã điêu luyện, khá giống với Vương Duy, Mạnh Hạo Nhiên. Trong *Tuế hàn Đường thi thoại*, Tống Trương Giới viết: "Thi vận của Tù Châu không thanh cao tinh giản như Vi Tô Châu, ý vị không được tuyệt diệu bằng Vương Ma Cật, Mạnh Hạo Nhiên, song bút lực hào sảng, khí phách từng trải lại hơn hẳn."

Ông cũng viết những vãn thơ ẩn dật giữa nước non, thiên ý không linh, tự nhiên thanh tân, cô đọng tinh xảo:

*Mưa tạnh xem thông biếc,
Tìm đường đến suối nguồn.
Ý thiên và hoa suối,
Chỉ biết lặng mà trông.*

Có điều thời gian trên chiếu thiên, non xanh nước biếc vẫn không làm ông nguôi mộng lợi danh. Tuy hai lần bị biếm song trước sau vẫn chưa từng rời khỏi quan trường, ẩn dật giữa núi non, nhàn nhã ngắm hoa rơi, lắng lẽ nghe nước chảy.

Nhạc Phi có bài từ rằng:

*Danh nợ lụy thân già,
Núi xưa từng trúc cũ,
Ngặt đường xa.
Đàn tranh mượn gửi nỗi niềm ta,
Tri âm vắng,
Ai mắng lúc tơ lìa.²*

Vị danh tướng chống Kim nổi tiếng ấy cả đời trận mạc chỉ mong lấy lại giang sơn ngày trước, đợi chờ một bậc minh chủ biết thưởng thức và trọng dụng ông. Ông đã hiến dâng những năm tháng đẹp đẽ nhất trong đời mình cho vương triều Đại Tống, song chẳng nhận được đền đáp. Dây đàn đứt, người cũng mất, khúc nhạc của ông quá cao siêu ít người thấu tỏ, tráng chí khó thành, chỉ để lại một câu chuyện tận trung báo quốc, mặc người đời sau bình luận.

Lâm Đại Ngọc ở vườn Đại Quan cùng Giả Bảo Ngọc bên nhau nhiều năm, mà Bảo Ngọc cũng chẳng hay nàng biết gảy đàn. Hôm ấy Đại Ngọc thấy thư thái, lật xem bản đàn, Bảo Ngọc không biết xem, cứ ngỡ nàng đọc thiên thư. Đại Ngọc tâm tính cô độc lạnh nhạt, thường ngày tuy hay bàn thơ phú với mọi người, song chưa bao giờ gảy đàn cho ai nghe, kể cả Bảo Ngọc, người nàng coi như tri âm. Tiếng đàn của nàng chỉ có bụi trúc xanh trong quán Tiêu Tương cùng gió mát trăng thanh được thưởng thức. Đại Ngọc thậm chí còn bàn lý luận về đàn với Bảo Ngọc, nói rằng: "Cầm có nghĩa là cấm. Người xưa làm ra đàn vốn là để sửa mình, nuôi dưỡng tính tình, dẹp lòng dâm dăng, bỏ sự xa xỉ. Nếu muốn gảy đàn thì phải ở nơi nhà cao gác vắng; hoặc ở trên lầu, trong núi; hoặc bên mỏm đá, bờ sông. Họ chỉ chơi khi trời đất thuận hòa, trăng trong gió mát, đốt hương ngồi lặng, bụng không nghĩ bậy, khí huyết điều hòa, lúc đó mới cảm thông với thần thiêng, nhịp nhàng với đạo lớn. Cho nên người xưa nói: 'Tri âm khó gặp', nếu không có người tri âm, thì một mình đánh đàn trước trăng thanh gió mát, đá lạ thông xanh, hạc nội chim ngàn, để gởi gắm vào đấy hứng thú của mình mới không phụ với đàn."

² Trích trong bài *Tiểu trùng sơn* của Nhạc Phi, bản dịch Nam Long, nguồn: thivien.net.

Đại Ngọc được xem như giai nhân huệ chất lan tâm, thiên hạ vô song trong vườn Đại Quan, vẻ lạnh nhạt đa tình, cô cao ngạo thế của nàng, Bảo Thoa và Diệu Ngọc không sao bì nổi. Hôm ấy, Diệu Ngọc cùng Bảo Ngọc đi đến gần quán Tiêu Tương, nghe tiếng tinh tang, bèn ngồi xuống phiến đá bên ngoài, nghe Đại Ngọc vừa gảy vừa hát. Về sau đàn Đại Ngọc đứt dây, Diệu Ngọc bèn đứng dậy bỏ đi, Bảo Ngọc hỏi, Diệu Ngọc chỉ nói ngày sau khắc biết, cậu chờ nhiều lời.

Tiếng đàn là tiếng lòng, dây đứt có nghĩa là trong cõi u minh ngấm cảnh báo điều gì đó. Kiếp người mệnh mang, cát bay đá chạy, dù dây đàn chẳng đứt cũng chẳng ai tránh được sinh tử luân hồi. Vạn vật đều có nhân quả, tụ tán tầm thường, vui buồn tầm thường, trong sinh mệnh mỗi người đều có một cây đàn treo trên vách thời gian, đợi số phận đoái trông, đợi gặp lại tri âm.

*Nghìn non mất bóng chim bay,
Muôn con đường tắt dấu giày tuyết không.
Kìa ai câu tuyết bên sông,
Áo tươi, nón lá, một ông thuyền chài.¹*

Sáng ra một bình trà, trước hành lang có hoa, dưới cửa sổ có đàn, hết thấy vật cũ đều là thứ tôi từng yêu thích trước kia, giờ chỉ thấy rườm rà. Nhớ lại chuyện xưa, dường như đều mang gánh nặng mà đi, nhìn có vẻ hồ hững đứng ngoài cõi trần, song lại chưa từng buông xuống bất cứ thứ gì. Lúc tĩnh tâm, luôn muốn đem bán phút những thứ từng cầm cố, dần dần làm một người thanh bần giản dị, không có gì cả, êm đềm vui với thời gian.

Giờ đã là tháng Tư, mở cửa sổ ra chỉ thấy đào hồng liễu biếc, những câu chuyện về mùa xuân đậu xuống đầu cành, đợi người ngắm cảnh hoài tưởng. Tôi vốn yêu nhân gian gấm vóc, có điều chẳng biết tự lúc nào lại đi đến bước này. Chẳng ưa hết thấy huyền ảo, không muốn qua lại với ai, yên tĩnh một mình trong nhà, một cuốn sách một chén trà, chẳng cần gì khác.

Có lẽ khi mới bước vào phàm trần, sẽ có rất nhiều niềm vui và bất ngờ khó bề tưởng tượng. Nhưng những lựa chọn không chút do dự khi ấy cùng hết thấy những gì có được một cách không hề nuôi tiếc hiện nay và những thất vọng lạc lõng, cô độc lạnh lùng suốt cả quá trình, là sự sắp xếp tốt nhất của số phận. Đời người tối giản, chẳng tranh cùng năm tháng, tôi chỉ muốn một bản thân đơn giản lúc ban đầu, chẳng mang công danh, chẳng có phú quý, cũng chẳng có tài cao học rộng.

Thuở nhỏ đọc được một bài thơ Đường trong sách giáo khoa, vô cùng yêu thích.

*Nghìn non mất bóng chim bay,
Muôn con đường tắt dấu giày tuyết không.*

¹ Bài *Giang tuyết* của Liễu Tông Nguyên, bản dịch Tản Đà.

Thôi
cùng
quên
nhau,

lẻ
bóng
câu
đầy
sông
tuyết
lạnh

*Kìa ai câu tuyết bên sông,
Áo tới, nón lá, một ông thuyền chài.*

Bấy giờ không hiểu được ẩn ý gửi gắm trong bài, càng không hiểu được nỗi cô quạnh ẩn sâu trong lòng thi nhân. Song tôi lại cảm nhận được cảnh tượng thê lương, vạn vật tịch diệt giữa chiều Thiên sơn tuyết đổ. Còn ông chài buông cần câu tuyết sông kia là dân làng tầm thường hay cao sĩ từ quan thoái ẩn?

Rốt cuộc một trận tuyết thế nào mà có thể phủ lấp hết non nước đất trời, khiến chim bay mất bóng, lấp hết dấu giày. Chỉ còn lại một lá thuyền con, giữa trời nước mênh mang, còn ông chài khoác tới đội nón, buông cần ngồi câu kia, lại câu được thứ gì? Là một sông tuyết giá, hay là thất vọng vô biên? Hay biết đâu, ông ta cũng chẳng câu cá, chỉ không sợ giá rét, ngồi lặng ngắm phong cảnh giữa gió tuyết mà thôi.

"Khương Thượng chờ thời, buông lưỡi câu thẳng mà câu cá sông Vị, không móc mồi thơm, lưỡi câu cách mặt nước ba thước, Thượng tự nói rằng: 'Ai ứng mệnh thì cắn câu!'" Năm xưa Khương Thái Công câu cá bằng lưỡi câu thẳng đuột không móc mồi, được Văn Vương mến tài, về sau phò tá con trai Văn Vương là Cơ Phát, cùng lật đổ ách thống trị của vua Trụ nhà Thương, lập nên triều Chu. Cần câu của Khương Thái Công, thoát nhìn là không màng cá sông, thực ra lại mang nặng danh lợi, đến lúc tuổi già tóc bạc, lại giúp ông câu được giang sơn.

*Nước sông ngút ngàn
Mây núi phủ dày
Phong thái tiên sinh
Núi cao sông dài.*

Đây là lời xưng tụng của Phạm Trọng Yêm dành cho Nghiêm Quang. Nghiêm Quang, tên chữ Tử Lăng, nổi danh từ khi còn trẻ, cùng Quang Vũ Đế Lưu Tú nhà Đông Hán đi khắp nơi du học, vô cùng thân thiết. Về sau Lưu Tú dấy binh, nổi ngôi lấy hiệu Quang Vũ Đế, Nghiêm Quang bèn thay tên đổi họ, giấu mình không gặp. Lưu Tú nhiều lần tới thăm, song ông lui vào trong núi Phú Xuân, sống đời ẩn dật cày ruộng câu cá. Ông *chẳng màng lời quân chủ, chẳng thiết vạn hộ hầu*², chỉ làm một ông chài bên sông, câu một dòng nước xuân, một sông gió mát, một sông tình thơ.

² Trích thơ Mai Nghiêu Thần.

Từ xưa kẻ buông câu phần nhiều là ẩn sĩ cao nhân, năm xưa Phạm Lãi công thành lui thân, buông câu bên Thái hồ, cũng câu một sông tình sâu trắng gió. Lục Du chẳng thiết phong hầu, chỉ muốn làm ông chài bên sông, có làm bài từ rằng:

*Kính Hồ vốn của kẻ thanh nhân,
Đâu cần phải ơn vua ban tới.*³

Trời đất mệnh mang, giang hồ thăm thẳm, phú quý công danh chỉ như mây khói qua tay, dù tung hoành triều dã, gọi gió hô mưa cũng chẳng được lâu dài. Xưa nay đường làm quan chẳng bao giờ bằng phẳng, chi bằng làm một kẻ nhàn tản nơi sơn dã, chẳng bị hư danh vây khốn, chẳng đứng dưới người, chẳng rơi vào bể trần. Ngồi trên chiếc thuyền con, ngắm hết nước non lộng lẫy, lặng nhìn mặt trời mọc rồi lặn.

Bài thơ *Giang tuyết* lời ít ý sâu, ý cảnh u tịch, tình cảm cô độc, như một bức tranh, nửa thực nửa hư, động tĩnh phối hợp. Nhà thơ vừa đặt bút là nghìn non vạn núi lặng phắc quạnh hiu, chim bay tuyết tích, người đi mất dấu. Giữa đất trời thuần tịnh mệnh mông vô tận, vạn vật không sinh, không nhuốm bụi trần, chỉ có một ông lão cô độc ngạo nghễ, buông câu giữa sông tuyết mệnh mông. Vốn chỉ là một ông chài tầm thường, chớp mắt đã vượt lên trên vạn vật trong cảnh hoang vu, cao nhã không linh, siêu phàm thoát tục.

Ông chài thanh cao ngạo nghễ buông cần câu tuyết sông kia há chẳng phải chính nhà thơ hay sao. Ông ngồi giữa trời nước, ngắm cảnh buông cần, xa rời trần thế rồi ren, giữa hoang lương cô tịch. Liễu Tông Nguyên vốn thiếu niên đặc chí, hai mươi tuổi đã đỗ tiến sĩ, rồi được sắp xếp tới bí thư tỉnh làm giáo thư, sau đó lại giữ chức giám sát ngự sử lý hành, giao du rất rộng với những nhân vật cấp cao trên quan trường. Cải cách Vĩnh Trinh thất bại, Liễu Tông Nguyên bị biếm làm tư mã Vĩnh Châu, ở tạm trong chùa Vĩnh Hưng.

Bị biếm tới Vĩnh Châu, Liễu Tông Nguyên thất vọng về quan trường, rầu rĩ buồn bã. Tuy bị bài xích cách chức, song ông lại thanh cao ngạo nghễ, không chịu đựng chung với hạng phàm tục. Ông mượn cảnh tuyết đổ trên sông mệnh mang trong trẻo để ca ngợi ông chài ẩn cư giữa nước non, gửi gắm tình cảm thanh cao của mình. Tâm tình ông là chim bay khuất bóng, là dấu giày tuyết tích, nghìn non vạn núi chẳng có chốn về.

³ Trích trong bài *Hoa đăng túng bác* theo điệu *Thuốc kiều tiên* của Lục Du, bản dịch Cao Tự Thanh.

Bài thơ này ca tụng cốt cách cao ngạo không sợ băng tuyết của ông chài cùng tấm lòng bình thản thà ẩn cư rừng núi chứ không bước vào đường làm quan. Song cũng gửi gắm nỗi bất mãn của nhà thơ với thói đời và thái độ thất vọng về chính trị. Theo lời Tù Tăng trong *Nhi Am thuyết Đường thi*: "Tôi cho rằng bài này là thơ tự sự của Tử Hạo khi bị biếm chức. Bấy giờ khốn quẫn cùng đường, nên quay về thôi, ấy vậy mà vẫn neo thuyền ở đó, lẽ nào là vì bị chức quan ràng buộc? Giữ chức quan vô vị cùng như câu cá trên sông lạnh, cuối cùng chẳng được gì, tôi chẳng thể học theo!"

Tuyết sông như tranh, ông chài lẻ bóng, sông lạnh cá lặn, còn câu được gì? Nhà thơ trải qua bao chìm nổi trên quan trường, tự biết tình đời lạnh lẽo, lòng người bạc bẽo, ông là ông chài trên thuyền, cũng là cá dưới sông lạnh, chẳng lấy được gì, cũng chẳng đạt được gì. Ông vốn một lòng làm quan, ra sức cải cách, tiếc rằng quan trường vô hình vô vị, như câu cá sông lạnh, rốt cuộc chỉ là hư không. Sông nước mệnh mang, bao la mờ mịt, chỉ có một lá thuyền cô, không bờ không bến, không muốn không cầu.

Về sau Liễu Tông Nguyên sống ở Vĩnh Châu mười năm, nghiên cứu chính trị lịch sử, thơ văn Phật học, đồng thời dạo chơi khắp non nước Vĩnh Châu, kết giao với các danh nhân ẩn sĩ, viết ra *Vĩnh Châu bát ký* nổi danh. Liễu Tông Nguyên cả đời mê Phật học, từng nói rằng: "Ta từ nhỏ thích Phật, cầu đạo Phật, đã ba chục năm." Tuy ông qua lại quan trường song cũng kết giao với rất nhiều tăng lữ, còn ra sức tán tụng cuộc sống vừa Nho vừa Phật. Ông cho rằng "Đạo Phật lớn mà dung nạp nhiều, những kẻ gửi chí ngoài vòng vật chất mà hổ thẹn với đời, nên nghĩ tới việc vào cửa Phật". Về sau bị biếm đi Vĩnh Châu, ngụ trong chùa miếu, tìm an ủi trong non nước, tĩnh tâm tu hành, tiêu bớt sầu muộn.

Liễu Tông Nguyên tuy thích Phật, gửi tình vào non nước nhưng lại không cam làm người đạm bạc, lòng theo đuổi danh lợi không giảm tấc gang, đối đãi với cuộc đời vẫn luôn cố chấp. Ông tin Phật, song cũng tôn sùng tư tưởng Nho gia, Tô Thức tán tụng ông là "kiêm cả Nho Phật, thuần thực đạo học". Tiếc rằng một nhân vật như thế lại bị lưu đày giữa bể quan trường cuộn cuộn, không cách nào ngược dòng ngăn sóng. Hoặc thành bại với ông vốn không quan trọng đến thế, ông chỉ tham dự vào quá trình ấy, lẳng lặng tồn tại trong một trang lịch sử.

Xưa nay sướng khổ có số, tan hợp có thời, bất luận ở quan trường xem gió mây biến ảo hay làm ông chài bên sông, bạn cùng non nước, đều có ký thác của riêng mình. Hoặc nửa quan nửa ẩn, lại càng phù hợp với cách sống của văn nhân mặc khách hơn, vừa thực hiện được hoài bão, lại có thể xoa dịu tịch mịch.

Tôi cũng nguyện làm ông chài buông cần bên sông, chẳng có lòng thanh cao, cũng chẳng có ngạo cốt, chỉ hờ hững đứng ngoài cõi trần, chẳng bị vật câu thúc, chẳng bị tình trói buộc. Dầu ngàn non chim khuất bóng, cố nhân quên nhau, cũng vẫn nhởn nhơ tự đắc, khoan khoái cả đời.

Đưa thuyền vào bến khổi,
Xế nắng dạ bụi ngùi.
Đồng rộng trời liền cỏ,
Sông trong nguyệt cạnh người.¹

Đời người như cội tạm, sông bể nổi chìm, mỗi con người qua lại giữa trần thế mênh mông này vừa là chủ cũng vừa là khách. Chẳng có thành phố hay trấn nhỏ, thậm chí thôn trang nào là chốn về vĩnh viễn cả. Dù ẩn cư núi rừng, ngồi ngắm nước non, vượt ra ngoài cõi thế, vẫn không rời được khói lửa nhân gian. Phàm trần này suy cho cùng vẫn có những việc những người từng gặp gỡ bạn, hơn nữa còn không tách rời được.

Chọn một nơi để sống đến già, gặp một người rồi bên nhau đến bạc đầu, là kết cục mà biết bao người chật vật cả đời cầu còn không được. Lúc còn trẻ, đeo hành lý rời quê, muốn đi xa tìm mộng, cũng là kiếm sống. Về sau nếm hết phong trần, trải hết tình đời ấm lạnh, đã có một chốn về ổn thỏa, song cội lòng trước sau vẫn không yên. Bởi phiêu bạt đã lâu, quen với những niềm vui nhạt nhèo, không buông được lợi danh, thành ra cuộc sống an nhàn vui với hoa với trà, có lúc lại khiến người ta đâm hoảng hốt.

Ngỡ rằng mình là chủ, giờ cuối cùng lại muốn làm khách một phen. Chẳng nhớ đã bao nhiêu lần một mình bước lên thuyền khách lênh đênh, tìm một bến bờ phù hợp với mình. Mong rằng có thể làm một gốc cây mọc lên trên mảnh đất mình yêu thích, mặc cho ánh nắng rọi qua gân lá chiếu xuống, như bước qua tháng năm tàn mác. Giờ đây tôi lại muốn làm một ngọn gió tự do, bất luận bay đến đâu, cũng chẳng cần vướng bận hay dừng lại vì ai hết.

Tôi vẫn luôn biết ơn những người từng đi cùng tôi rồi lại rời xa tôi. Họ từng đem lại cho tôi niềm vui cũng như hoạn nạn, nhưng tất cả đều đã là quá khứ. Quên đi quá khứ có nghĩa là phản bội, nhưng canh cánh mãi trong lòng lại là một sự trừng phạt. Hiện giờ dù tôi

Một
lá
thuyền
con,

chở
được
bao
sâu
khách

¹ Bài Túc Kiến Đức giang của Mạnh Hạo Nhiên, bản dịch Cao Tự Thanh.

chỉ thả một lá thuyền con rong chơi giữa giang hồ sâu không lường nổi, cũng vẫn có thể ung dung thưởng hoa xuân, ngắm trăng thu. Thậm chí tôi có thể bỏ hết mọi hành trang, chỉ cần một bình trà đầu xuân đã đủ xoa dịu phong trần.

Thời xưa văn nhân hay viết thơ tiễn biệt khách trọ, họ mười năm đọc sách, bạc đầu vì công danh, một khi bước vào bể trần là trôi dạt bất định. Trên nẻo công danh chẳng có đâu đường mây rộng bước, mà đâu có cũng là chìm nổi có thời, chẳng được lâu dài. Bao năm đọc sách miệt mài chỉ mong giành được công danh, phong hầu bá tướng, vì bản thân, cũng vì muốn dân. Trong đó biết bao vất vả long đong, âm lạnh đán xen, lại chỉ có mình mình biết với mình.

Đường làm quan giàu có sung túc hoặc vất vưởng ở trạm dịch, nghỉ trọ lại chốn thôn quê, hoặc nương thân thuyền con, tựu trung đều là bất định. Nếu gặp được dăm ba tri kỷ, tụ lại một chỗ bên mấy vò rượu ngon, ai nấy cùng giải bày ý chí xông mây, luận việc vui trên đời. Đường làm quan gặp ghềnh, quan trường chìm nổi, cho đến sát phạt sa trường, cùng những chuyện không như ý trên đời, khiến họ lòng như tro tàn. Vừa muốn bước vào quan trường, che chở cho muôn dân thiên hạ, lại muốn quy ẩn núi rừng, làm một nhà sĩ vui cùng non nước.

Sau đó là lưu luyến chia tay, người bẻ hết liễu Bá Lăng², kẻ đã cưỡi thuyền con qua muôn trùng núi non. Tiễn đưa nghìn dặm cuối cùng cũng phải chia tay, đời người tụ tán có thì, may rủi có số, tới khi gặp lại chẳng biết giang sơn đã đổi chủ hay chưa, lòng người có còn như trước. Có khi chúng ta đều là khách qua đường, ở trọ trần gian rồi ren này, hơn nữa còn rơi vào những triều đại khác nhau tùy theo số mệnh an bài. Giang sơn phồn thịnh hay suy sụp, chúng ta há quyết định được sao?

Bóng chiều mờ mịt khiến kẻ lãng du chạnh lòng sầu tủi bơ vơ. Vào thời Thịnh Đường từ nghìn năm trước, có một nhà thơ tên Mạnh Hạo Nhiên, neo thuyền lại bên bờ sông mênh mông sương khói. Chẳng biết ông ta từ đâu đến, định đi đâu, chỉ biết rằng dưới bóng chiều, hai bờ sóng nước, bỗng đứng lại khơi lên mối sầu lữ khách của ông ta.

Mạnh Hạo Nhiên sinh ra dưới thời Thịnh Đường, ấy là thời đại nhà thơ lớp lớp, người tài nối nhau, biết bao văn nhân mặc khách, đeo túi thơ kéo đến Trường An để cầu công danh, thực hiện hoài bão. Thịnh thế tuy yên ổn, song không phải bậc tài cao học rộng nào cũng được quân vương để mắt. Mạnh Hạo Nhiên thời tuổi trẻ cũng từng

² Phía đông thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây ngày nay có cầu Bá. *Tam phụ hoàng* đồ có chép: "Người Hán đưa tiễn nhau tới cầu này, bẻ liễu mà tạm biệt." Từ đó mà có điển "Bẻ liễu Bá Lăng".

nhập thế, song đường làm quan không thuận lợi, khốn đốn thất vọng, sau đó cũng chẳng màng thế tục, ở ẩn trong núi Lộc Môn ở quê.

Năm bốn mươi tuổi, dường như ông lại chán non nước nhàn nhã, lại đeo túi thơ tới Trường An, Lạc Dương mưu cầu công danh, đồng thời rong chơi khắp những chốn phong lưu như Ngô, Việt, v.v... Cuối đời Trương Cửu Linh làm trưởng sử Kinh Châu, với ông làm phụ tá, sau đó ông lại ẩn cư. Cả đời ông vốn thích non nước ruộng vườn, nhiều phen muốn ở ẩn, tiếc rằng không thắng được dự hoặc phàm trần, chẳng buông nổi lòng ham công danh, nên mới phải bao phen lên dền đất khách.

Thơ ca của Mạnh Hạo Nhiên cũng nhiều bài tả cảnh sơn thủy điền viên, nhàn nhã ẩn dật, giọng thơ thanh đạm tự nhiên, không bợn danh lợi, không có huyên náo phàm trần. Tuy phảng phất mối sầu lữ khách, thậm chí ta thán tình đời, cũng là việc thường thấy. Thơ Mạnh Hạo Nhiên tuy không có vẻ trong trẻo cao xa, cũng chẳng có tình thơ phóng khoáng như Vương Duy, song lại có thành tựu đặc sắc riêng, nên người đời sau đã gọi chung cả Mạnh Hạo Nhiên và Vương Duy là "Vương Mạnh".

*Đưa thuyền vào bến khói,
Xế nắng dạ bụi ngùi.
Đồng rộng trời liền cỏ,
Sông trong nguyệt cạnh người.*

Bài thơ này được nhà thơ sáng tác khi rong chơi Ngô Việt, nhằm bày tỏ mối sầu lữ khách của mình. Giang Nam cuối thu hồng tía đua chen, tuy buồn nỗi chia lìa, song không có vẻ quạnh quẽ. Khói sóng hoàng hôn, cảnh sắc mơ màng, khiến ông chạnh lòng nhớ quê xa. Neo thuyền ven bờ, màn đêm gột sạch những bụi bặm ban ngày, vốn nên yên tĩnh nghỉ ngơi để với bớt những mệt mỏi đường xa. Tiếc rằng thấy chim bay về rừng, người vợ về nhà, chỉ mình ông neo thuyền bên bến, sao có thể không chạnh lòng sầu tủi?

Đồng hoang mênh mông, bát ngát vô biên, vòm trời cao xa, cây khô ven bờ. Trăng sáng vàng vạc, soi xuống dòng sông trong vắt, gần ngay bên người ở trên thuyền. Một đêm thu se lạnh bình thường như thế, những cảnh vật nhỏ nhặt như thế, qua ngòi bút nhà thơ, nháy mắt đã có phong vận trời sinh, thanh đạm mà đầy thú vị. Ông tức cảnh sinh tình, chẳng cần gọt giũa, tự có được cái hay, thoát nhìn ngợ tả cảnh non nước, thực ra lại gửi gắm tình cảm.

*Bàng hoàng ba chục tuổi,
Vẫn võ thủy không thành.
Non nước tìm Ngô Việt,
Phong trần chán Lạc kinh.*

Nhớ lại chuyện xưa, hơn ba mươi năm, cả sách vở lẫn đao kiếm đều chẳng có thành tựu gì, vốn định lặn lội tới Trường An, cầu lấy công danh, ngờ đâu quan trường thất ý, lý tưởng tắt lịm. Nay rong chơi khắp non nước Ngô Việt, đêm neo thuyền bên sông, lại càng thêm buồn rầu. Giữa cảnh non nước khoáng đạt này, chỉ có vầng trăng ở cạnh bên, ngơ ngác nhìn quanh, quê nhà tựa như tí tặn chân trời xa thẳm.

Bì Nhật Hưu từng bình phẩm về Mạnh Hạo Nhiên thế này: "Tiên sinh đưa cảnh vào thơ, không cố theo đuổi cái khéo lạ mà thành kiểu cách bộ tịch, khí thế hùng hồn tự nhiên thẳng tới tầng mây, như thợ khéo Công Thâu, khéo mà như không khéo vậy."

Phần lớn thời gian trong đời Mạnh Hạo Nhiên đều ẩn cư trong núi Lộc Môn, tính ông vốn đam bạc, thích non nước ruộng vườn, tiếc rằng cũng chẳng tránh được một chặng đường làm quan quanh co trắc trở. "Thường vui cảnh núi non, hay thả lá thuyền con." Ông lội nước mà đi ngắm cảnh vật nhân thế, trắc trở trên đường làm quan sao sánh nổi với những tháng năm nhàn nhã ẩn cư của ông? Những tháng ngày cô độc lênh đênh nơi đất khách kiếm sống sao bằng được mấy chén rượu đục ông cùng bạn uống giữa căn nhà ở thôn quê?

*Cảnh vườn hiên trước hiên màn
Rượu khà đàm luận dâu xanh tơ tằm.*

Cảnh điền viên giản dị đẹp đẽ, cuộc sống nhà nông êm đềm nhàn nhã, hơn xa những phồn hoa ở kinh đô. Bao năm ẩn cư đã khiến ông yên ổn vui với nước non, cam lòng sống đam bạc thanh bần. Dù vẫn nặng lòng với quan trường thì sau mấy phen trắc trở, cuối cùng ông cũng lựa chọn quy ẩn. Trên núi Lộc Môn, rót rượu cúc hoa, ngắm ráng đỏ hoàng hôn, lắng lắng hồi tưởng lại những tình người ý vật trên nẻo đường rong ruổi Ngô Việt năm xưa. Bấy giờ chắc ông cũng chẳng còn nuối tiếc, càng không còn ai oán ly sầu.

Giờ đây tôi ở bên bờ hồ Tây Tử Hàng Châu, cầm cúi viết chữ, thỉnh thoảng lại lặng ngắm cảnh hồ sắc núi như đào như liễu. Ném một chén Minh Tiễn Long Tỉnh, viết về những phong lưu triều Đường, từ xưa văn nhân đều tùy tính tùy tâm, tôi cũng khó

tránh khỏi. Năm xưa Mạnh Hạo Nhiên đậu thuyền bên sông, tuy trên đường phiêu bạt có chạnh lòng sầu tủi, song nhìn phong cảnh vẫn nảy sinh tình cảm phóng khoáng khoáng đạt. Còn giờ tôi đã xa rời lợi danh, chỉ gửi lòng vào non nước, có thể thả thuyền chơi hồ, ẩn dật núi rừng, cũng có thể ngao du nhân gian.

Về núi xa mờ tỏ
Đôi khe xinh đẹp đó!
Đừng theo khách Vũ Lăng
Chơi tạm Đào nguyên nọ!...¹

Xuân đi hạ tới, năm tháng thoi đưa, khó tránh khiến người ta chạnh lòng buồn ngủi, song vẫn giữ tâm thế ung dung bình thản. Sau tuổi ba mươi, càng lúc càng muốn quy ẩn, xem nhẹ được mất, chẳng so đo ngắn dài, chỉ mong đi giữa hồng trần vẫn giữ được phong thái tĩnh tại điểm nhiên, tiêu sái nhàn tản.

Sáng ra đọc đôi câu: "Nếu có tài hoa sẵn trong lòng, năm tháng phải thua khách má hồng." Nhân lúc gió mát lại yên tĩnh, chải đầu trang điểm, mặc váy trắng, vấn một búi tóc đơn giản, cài nghiêng nghiêng cây trâm như ý, thế là trông đã ra dáng một đạo cô.

Quay lại sơn trang, cũng không trang điểm kĩ càng, bôi son trát phấn, trong trẻo thanh tịnh. Làm một cô gái tao nhã dày chất thơ, dù ở đâu cũng không giấu được khí chất đậm bạc. Bất luận là người đứng bên bờ nước trong *Kinh Thi* hay là người đẹp cỏ thơm như đỗ nhuộc lan chi trong *Sở từ*, hoặc là giai nhân như nước hồ thu trong thơ Đường từ Tống, chẳng qua cũng là một giấc mơ trong năm tháng cuộc đời, như khói mây như ảo mộng, dày dặn mà mong manh, sâu xa mà hời hợt, đa tình mà cũng vô tình.

Tài trên đời có hạn, tình trên đời có chừng. Biết bao người cả đời tranh danh đoạt lợi, bôn ba quan trường, cuối cùng râu tóc bạc phơ vẫn không được trọng dụng. Cuộc đời người con gái tuy chẳng dễ dàng gì nhưng bản thân cứ giữ lấy tâm tính đoan chính, cũng chẳng cần hòa theo lấy lòng ai. Bất luận là sinh ra trong nhà nghèo hộ nhỏ hay là quý tộc quan lại, rơi vào thời loạn lạc rối ren hay thịnh thế gấm hoa, đều giữ vững tấm lòng như thế, không hèn mọn không cao ngạo, không khuất phục không nhún nhường.

Làm
bước
nguồn
Đào,
quên
cả
lối
về
hồng
trần

¹ Bài thơ *Tống Thôi Cữu* của Bùi Dịch, bản dịch Lê Nguyễn Lưu.

Tùng viết rằng: "Núi vắng người đi khuất, ngoái đầu mai rụng cành." Lòng cũng khát khao cảnh núi non sơn dã, chung tình cùng trúc biếc hoa mai. Kiếp này dù ẩn cư Mai trang, thử nước pha trà, mót cành quét hoa, dù không qua lại với người đời, mặc cho hết thấy phần hoa lướt qua bên cạnh, cũng cam lòng, không hối tiếc. Núi sâu mây dày, hoặc thôn làng hẻo lánh, hoặc nẻo hoa rừng vắng, đều có thể ẩn giấu hình tích, chỉ cần có thể nương nấu linh hồn, giải phóng số mệnh, tôi cũng sẽ nghe theo sắp đặt, không làm ngược lại.

Phong trào ẩn dật bắt nguồn từ thời Tần Hán, cực thịnh ở thời Ngụy Tấn, sau đó trải dài suốt các đời Đường Tống Minh Thanh, bất luận vào triều đại nào, giang sơn phần thịnh hay suy bại, đều có rất nhiều cao nhân nhĩ sĩ ở ẩn. Có những người ra làm quan rồi mỗi ở ẩn, có người nửa ở ẩn nửa làm quan, cũng có kẻ ẩn vờ làm quan thực, lại có kẻ mượn việc ở ẩn để cầu làm quan. Ẩn sĩ thực sự vào núi sâu ở ẩn, không động lòng trước công danh, thực sự rất ít. Phần lớn ẩn sĩ đều là bất đắc dĩ, không được triều đình trọng dụng, không thi triển được tài hoa, lòng tàn ý lạnh mới trở về núi rừng, phóng túng ngông cuồng, tiêu dao tự tại.

"Tiểu ẩn là ở ẩn ở nơi hoang dã, trung ẩn là ở ẩn giữa chợ, đại ẩn là ẩn mình giữa triều đình." Nếu nhìn thấu phong cảnh trên đời, tự mình xẻ núi trông thông, sửa rào gieo cúc, không tranh với đời, tuy chỉ coi là tiểu ẩn, song cũng bình yên nhàn nhã. Trung ẩn là ẩn giữa phố phường huyên náo, coi hành khách qua lại, phàm nhân dung tục như không tồn tại. Vui với đình nhỏ vườn sâu, cơm nhạt trà thô của mình, vui vẻ quên đời. Còn đại ẩn lại là ở giữa triều đình, chẳng ngại côi trần ô trọc đấu đá, chẳng dự vào những tranh đấu kịch liệt, trước hết thấy nhân tình thế thái đều tỏ thái độ đại trí nhược ngu, điềm đạm ứng xử.

Ẩn sĩ các đời vì cảnh ngộ bất đồng nên cách quy ẩn cũng khác nhau. Bá Di, Thúc Tề đời Thương không thèm ăn gạo nhà Chu, hái rau dại ăn, chết đói trên núi Thử Dương. Nhan Hối thời Xuân Thu, "một giỏ cơm, một bầu rượu, nhà đơn sơ, người khác không chịu nổi khổ, vậy mà Hối vẫn vui vẻ"². Phạm Lãi dong thuyền chơi Thái hồ, chẳng buồn hỏi tới Ngô hay Việt nữa. Lâm Bô đời Tống dựng lều ở Cô sơn, cả đời không ra làm quan, trồng mai nuôi hạc, chỉ qua lại với cao tăng. Còn cả Trúc lâm thất hiền, Tầm Dương tam ẩn, họ đều xa lánh thế sự, ẩn cư núi rừng, cao tình nhĩ trí khiến người ta phải ghen tị.

² Trích lời Khổng Tử nhận xét về Nhan Hối.

Ẩn sĩ xưa nay vốn có tâm tính siêu phàm thoát tục, không giống người đời. Đẳng sau hành vi ở ẩn của họ luôn ẩn chứa vô vàn bất lực và cô quạnh chẳng ai hay biết. Phải trải biết bao sóng gió gập ghềnh, chống lại biết bao danh lợi dụ hoặc mới đạt được sự khoáng đạt trong trẻo trong nội tâm. Buông bỏ tất cả, quy ẩn sơn lâm điền viên, cần tới bao nhiêu can đảm và quả quyết. Trần thế tuy khổ, song phồn hoa gấm lụa, muôn tía nghìn hồng cũng khiến người ta tham luyến.

Biết bao người coi nhẹ hồng trần, từ quan về ở ẩn, đến cuối cùng lại chẳng chịu nổi sự quạnh quẽ chốn núi rừng cùng sự bào mòn của tháng năm, sinh lòng hoang mang. Người nửa ra làm quan nửa ở ẩn hoặc vờ ở ẩn mà kiếm chức quan khá nhiều, họ thường ngày ở ẩn trong nhà tranh giữa núi non, song nếu gặp thời cơ sẽ quả quyết ra làm quan. Khương Thượng thời Thương Chu, Gia Cát Lượng thời Tam quốc hay Lưu Cơ cuối thời Nguyên đều là như vậy.

Đọc thơ Đường, thấy một bài ngũ ngôn tuyệt cú Bùi Dịch viết cho Thôi Cửu, không khỏi sinh lòng cảm khái.

*Về núi xa mờ tỏ
Đôi khe xinh đẹp đó!
Đừng theo khách Vũ Lăng
Chơi tạm Đào nguyên nọ!...*

Đây là thơ khuyên bạn, Bùi Dịch khuyên Thôi Cửu nếu đã chọn ẩn cư thì phải kiên định một lòng, về sau chớ lưỡng lự, vào núi rồi lại trở ra, không chịu được cảnh khổ. Toàn bài lời lẽ bình thản, giọng thơ uyển chuyển, là lời khuyên chân thành, đầy tình cảm giữa bạn bè với nhau. Thoạt trông có vẻ bình thản, thực ra lại là tình sâu ý nặng, tâm chí cao xa.

Thôi Cửu tức Thôi Hưng Tông, thi nhân thời Thịnh Đường, thời trẻ từng cùng Bùi Dịch và Vương Duy ẩn cư xứng họa, gửi hứng thú vào non nước, tiêu dao chơi núi Nam. Về sau ra làm quan đến chức hữu bổ khuyết, song sâu trong lòng vẫn không thích đấu đá quan trường mà chỉ muốn tự tại giữa núi rừng, đâm ra hối hận vì mình đã ra làm quan, không lâu sau bèn từ quan quy ẩn. Bùi Dịch tiễn chân bạn, làm thơ khuyên nhủ, mong bạn thực sự ẩn cư núi rừng, đừng đổi tấm lòng.

Nhìn theo bóng bạn đeo túi thơ, tiêu sái mà đi, nhà thơ cũng sinh lòng ngưỡng mộ. Nhớ năm xưa họ cùng thả bộ núi Nam, ngày ngày chơi sông ngắm núi, nghe đàn làm thơ, tự vui với trà rượu, chẳng hỏi triều chính, chẳng nhớ tháng năm. Về sau vẫn phải

chịu thua trước hoài bão chính trị, cho rằng đứng giữa triều đường có thể thực hiện hoài bão, tuy không ham vinh hoa, song suy cho cùng vẫn không cam làm kẻ tầm thường.

Cùng kết bạn ẩn cư với họ có Vương Duy, người đã đạt được thành tựu cực cao về thơ sơn thủy. Thơ ông trong trẻo tươi mới, tràn đầy thiên ý, cả đời cũng nửa làm quan nửa ẩn cư, bốn ba giữa tục thế và rừng núi. Lúc đứng giữa triều đường luận bàn chính sự, lúc lại ở quán trúc giữa núi gầy đàn ngâm nga. Tâm cảnh điềm đạm thanh u, tình hoài cao nhã xa xôi của ông, rất nhiều ẩn sĩ không sao bì kịp. Dù ông quy y cửa Phật, ăn chay tham thiền, cũng không cách nào buông bỏ hoàn toàn mọi ràng buộc phàm trần, như ở ẩn mà không phải ẩn, muốn cắt đứt mà không cắt được. Cuối đời lại sái thoát phiêu dật, phóng túng tự tại.

Bùi Dịch khuyên Thôi Hưng Tông đã định ẩn cư lần nữa thì nên vui với non nước, bầu bạn với cây cỏ, chớ học theo khách Vũ Lăng dưới ngòi bút Đào Tiềm, đã đến được tiên cảnh Đào nguyên lại vội vã trở về. Bước vào núi sâu thì chẳng cần hỏi là Tần hay Hán nữa, cứ vững lòng làm một ẩn sĩ không tham phú quý, chẳng bận tình sầu, kết tình tri giao với gió mát trăng thanh suốt đời thôi.

Thoạt nhìn như là khuyên bạn, song thi nhân thực ra cũng đang tự nghĩ lại để răn mình. Cùng là ẩn sĩ, cũng có tình thơ, sao ông không chọn ẩn cư núi Nam cả đời mà nhất định phải bước vào triều đường, khom lưng vì năm đấu gạo? Non nước xa xăm, ngấm mây bay chiều tà, ráng hồng rợp mát, trông lại nghìn xưa, thị phi thành bại, công danh lợi lộc, nháy mắt đã thành không.

Là ông tỉnh ra quá sớm hay ngộ được quá muộn? Những ẩn sĩ nối nhau đời này qua đời khác đều theo nước chảy, theo gió xuân, cảm thán trước số phận người khác rồi lại sống cuộc sống của mình. Họ ẩn cư giữa núi rừng chẳng qua là bởi thất vọng trên quan trường, cõi lòng tịch mịch, đường rộng thênh thang, bằng không lại có bao người chẳng màng thế thái phồn hoa, vừa bước vào phàm trần đã muốn xuất thế.

Chắc hẳn trong núi sâu rừng vắng, không một bóng người cũng vắng lặng như thời Thái Cổ. Gió lạnh ngày hàn, năm tháng dài đằng đẳng, chẳng cần lo thời gian dời đổi, cũng chẳng phải nếm tình người ấm lạnh nữa. Nhân hoa thơm cảnh đẹp mà mơ màng thiếp ngủ, tỉnh ra lại ngâm mấy câu thơ, gửi một đoạn tâm tình.

Nếu đời này may mắn có thể hoàn toàn buông xuống được mọi ý niệm trần tục, về với núi rừng, nhất định sẽ nghe theo lời răn trong bài thơ của Bùi Dịch. Trồng mai

đầy núi, phẩm trà suốt đời, ở ẩn núi vắng, chẳng màng nhân thế. *"Đừng theo khách Vũ Lăng, chơi tạm Đào nguyên nọ!"*

Ngũ Lĩnh tin nhà vắng,
Đông tàn lại đến xuân.
Gần quê lòng những ngại,
Không dám hỏi người thân.¹

Trước kia luôn nói mỗi người đều có hai quê, một là nơi ta lớn lên, một là nơi tâm linh cư ngụ. Giờ vẫn cảm thấy một đời có hai quê, một là nơi cha mẹ đang ở, một là nơi mình gửi thân kiếp này. Tôi từng nghe một lời ca thế này: "Thứ cho tôi kiếp này phóng túng bất kham yêu tự do", còn tôi chính là kẻ nguyện vứt bỏ mọi thứ để đạt được tự do cho linh hồn ấy.

Thuở nhỏ sống tại thôn làng hẻo lánh, thường ngày ít gặp người lạ, thỉnh thoảng mới có hàng rong quẩy gánh đi khắp phố lớn ngõ nhỏ hoặc đào kép đi khắp chân trời góc bể. Bấy giờ tôi thích lượn lờ bên cạnh người lớn, lảng lảng nghe họ kể về thế giới rộng lớn bên ngoài làng. Chim én trước nhà cũng đang ríu rít nhảy nhót, tưởng chừng phong cảnh đẹp nhất thực sự ở phương xa.

Cha tôi tuy là một bác sĩ ở thôn quê song hằng năm cũng có một, hai lần lên thành phố, thậm chí đi thật xa tìm mua dược liệu. Mỗi lần trở về, sau khi gột sạch gió bụi đường dài, ông lại ngồi trước nhà, kể cho chúng tôi những chuyện lý thú ở bên ngoài. Mẹ pha trà vào bát, tuy không tinh tế, song cha tôi lại rất thích giản dị như vậy.

Ánh trăng rọi qua góc mái hiên chiếu xuống, chỉ nghe tiếng chó sủa văng vẳng, thỉnh thoảng có người ngang qua ngõ vắng, rồi im bật.

Cha nói rằng, thôn làng không có binh đao phân tranh, không bị danh lợi mê hoặc mới là thiên đường chốn nhân gian. Những tất bật nơi đây cũng vô cùng nhân nhả êm đềm, thanh bần cũng có thể khảng khái, thà cả đời làm một người sống nơi thôn dã, chữa bệnh cứu người, còn hơn đi làm quan hoặc đi buôn. Còn tôi thích ngồi

Gần		không
quê		dám
lòng		hỏi
chẳng		người
ngại,		thân

¹ Bài thơ *Độ Hán giang* của Tống Chi Vấn, bản dịch Lê Nguyễn Lưu.

trên gác gỗ, ngắm mây trôi bông bênh, chim én đưa thoi từ trời Nam sang đất Bắc, mong mỗi một ngày có thể rời làng, tìm phong cảnh trong mơ, tới quán trà uống một bình trà, ghé quá rượu uống một vò rượu, kết mối duyên với một người xa lạ.

Nhiều năm sau, tôi cũng được rời làng như mong muốn, tới Giang Nam non xanh nước biếc, lại trải qua mấy năm lênh đênh trôi dạt, nếm đủ vui buồn ấm lạnh, mới có được cảnh yên ổn hiện nay cùng Mai trang thanh nhã hiện thời. Còn thôn làng thuở trước, quê hương tôi xưa, giờ đã thành tưởng tượng trong mơ, cùng thành nơi tôi không quay về được nữa. Để tìm nơi nương náu cho linh hồn, tôi cũng đã trả cái giá rất đắt, nhưng mọi chuyện đều qua rồi, giờ được nhàn nhã thông dong thì phải biết ơn đời.

*Gần quê lòng những ngại,
Không dám hỏi người thân.*

Mấy năm nay bôn ba khắp nơi, mỗi lần lên đường về quê, lòng lại thấp thỏm không yên, cảm giác sâu sắc nỗi ngại ngùng khi gần tới quê hương. Trước kia trẻ tuổi, mới bước vào đời, ngày đêm song lạnh bóng đơn, tiền lẻ khó giữ, công danh mịt mờ, trở về sợ bị mọi người hỏi han, phải cố giấu thất vọng, lòng hoảng hốt khôn nguôi. Dẫu giờ đây cũng có chút thành tựu, có nơi ở của riêng mình, song vẫn gần quê ngại nỗi, chẳng khác năm xưa.

Ấy là tâm tình của lãng tử, bất cứ lúc nào cũng bất an, hướng hồ tôi là một cô gái bình thường, tuy trầm tĩnh uyển chuyển, song rốt cuộc vẫn là tha hương đất khách, phiêu bạt quê người. Cha mẹ còn thì còn chốn quay về, một ngày kia cha mẹ mất đi, tôi sẽ thành cánh bèo trôi dạt, ngay quê cũng chẳng còn. Nếu được, tôi bằng lòng đổi hết thầy công danh đạt được trong mười năm nay lấy sự bình thản trước kia. Làm một người phụ nữ bình thường, áo vải quần thoa, nghe chim khách véo von trên mái nhà, ngắm gốc cây già trước cửa đâm chồi mới.

Bài *Độ Hán giang* này được Tống Chi Vấn sáng tác trên đường trốn về từ nơi trị nhậm bị biếm tới ở Lĩnh Nam, ngang qua sông Hán. Ông cũng là lãng tử, vì theo đuổi công danh mà rời xa quê hương, chìm nổi giữa quan lộ, không nhận được thư nhà. Chuyến này phiêu bạt chân trời, lưu vong trôi dạt, nhuộm đầy gió bụi, gần quê lòng lại ngại ngần, gặp người quen cũng chẳng dám hỏi tin nhà. Đúng là "*Mai núi sông cách trở, cùng man mác việc đời*"².

² Trích trong bài *Tặng Vệ bát xử sĩ* của Đỗ Phủ, bản dịch Trần Trọng San.

Rõ ràng lòng tha thiết nhớ quê nhưng gần tới quê xưa lại bàng hoàng bối rối. Bị biếm tới Lĩnh Nam, vật vờ giữa chốn man hoang, vốn đã buồn rầu khổ sở, lại thêm không nhận được tin nhà, chẳng biết còn mất ra sao. Quãng thời gian trôi dạt cách biệt với đời ấy nặng nề khôn xiết, đau đớn vô chừng. Nhớ lại trước kia công thành danh toại, xuân phong đặc ý giữa triều đình Võ hoàng đế, xe hương ngựa quý, người đẹp như mây, vậy mà giờ lại lưu lạc gió sương, nếm đủ tủ nhục. Lúc con người ta suy sụp tinh thần, thường nhung nhớ nhất là cây cỏ quê cũ, én liệng trên xà cùng người thân ở nhà.

Tổng Chi Vấn là nhà thơ thời Sơ Đường, không có gia thế hiển hách, song tài học thông tuệ, lại có vẻ ngoài đường hoàng đỉnh đạc. Năm Thượng Nguyên thứ hai (tức năm 675), Tổng Chi Vấn đỗ tiến sĩ, rời quê bước vào con đường làm quan. Bấy giờ Võ hậu nắm giữ triều chính, tuyển chọn nhân tài không hạn chế, Tổng Chi Vấn dựa vào tài danh, được phân làm trực nội văn học quán. Về sau Võ hậu xưng đế, đổi quốc hiệu thành Chu, Tổng Chi Vấn được Võ hoàng ân sủng, làm tới học sĩ ngũ phẩm.

Võ hoàng thích văn thơ nhã nhạc, Tổng Chi Vấn dựa vào tài văn bay bổng của mình, viết ra một số tác phẩm lời văn như gấm dệt, tô điểm cảnh thái bình giả tạo, hòng lấy lòng bề trên. Hai anh em Trương Dịch Chi, Trương Xương Tông vốn được Võ hoàng sủng ái, cũng yêu mến tài thơ phong nhã của Tổng Chi Vấn, bởi vậy ông bèn vứt bỏ tư thái thanh cao của văn nhân, hòa theo anh em họ Trương. Thậm chí ông còn làm thơ tình dâng lên Võ hoàng, mong được cùng bà phong hoa tuyết nguyệt.

Tháng Giêng năm Thần Long thứ nhất (tức năm 705), tể tướng Trương Giản Chi cùng thái tử điển thiện lang Vương Đồng Giáo, v.v... ép Võ hoàng thoái vị, giết hai anh em họ Trương, đón Đường Trung Tông vào lập làm vua, giáng chức cả đám Tổng Chi Vấn và Đỗ Thẩm Ngôn, v.v... Giang sơn rung chuyển, vinh nhục vô thường khiến Tổng Chi Vấn cảm khái vô vàn, hôm qua còn ngồi giữa cung đình yến ẩm nhàn nhã, hưởng hết ân sủng, vậy mà giờ đã lưu lạc chân trời, chẳng ai hỏi tới.

Ông không cam chịu lưu đầy nên đã trốn về Lạc Dương, lúc vượt sông Hán, đã viết ra đôi câu:

*Gần quê lòng những ngại,
Không dám hỏi người thân.*

Về mặt chính trị, Tổng Chi Vấn chẳng có thành tựu gì đáng kể, không có gì đáng tuyên dương, phẩm hạnh cũng không đoan chính, thường bị chế giễu. Song ông lại là

nhà thơ nổi tiếng thời Sơ Đường, tài hoa cùng tình thơ được nhiều người tán thưởng. Một bài thơ năm chữ đơn giản mà cũng ẩn chứa nhiều tình cảm sâu xa. Biến cố cuộc đời, nỗi nhớ người thân nơi quê nhà cùng nỗi buồn bã hoang mang trong lòng đều tuôn ra trên giấy. Lời thơ tự nhiên bình dị song ý tứ sâu xa, ngôn từ uyển chuyển, khiến người ta nhớ mãi. Một bài thơ Đường chỉ vỏn vẹn mấy chục chữ mà được lưu truyền nghìn năm, tâm ý tương thông với người đời sau.

Sông Hán cuộn cuộn, khó chèo thuyền sang, cũng chẳng ai qua được. Ông vốn là học sĩ trước điện, được thiên tử ân sủng, cho theo hầu bên cạnh, hưởng tôn vinh tột bậc. Vậy mà giờ đây phải long đong trốn chạy, thê lương buồn bã, xa xa thấy khói bếp bảng lảng vờn quanh mái nhà, song chẳng có nơi nào cho ông nướng nấu. Đường làm quan của ông cũng trôi đi theo dòng sông cuộn cuộn. Bãi bể nương dâu, giữa đất trời có thành có bại, xưa nay giang sơn hưng vong, đến bậc đế vương còn không xoay chuyển nổi, huống hồ một văn nhân yếu đuối như ông?

Sau khi Đường Huyền Tông Lý Long Cơ nổi ngôi, Tống Chi Vãn bị ban chết ở nơi lưu đày, kết thúc cuộc đời lênh đênh chìm nổi bất định. Ông cũng chỉ là một trong muôn vạn người qua, chẳng có gia thế hiển hách, may mắn được bước lên cung điện, tự cho rằng mình đã đi bước nào rào bước ấy, không sợ hãi chút gì. Song số trời vận đời đều có cơ duyên, buông bỏ ái hận tham si, cuời một lá thuyền con, định đi tới đâu?

Thường nói rằng lá rụng về cội, người như bụi trần, vốn không gốc không rễ, lòng hướng tới đâu thì đó là chốn về. Chẳng ai biết được quê hương cuối cùng ở chốn nao, ở ngay hiện tại yên ổn này hay ở chân trời nào chẳng biết. Còn quê nhà của tôi, kiếp này tôi cũng chẳng rõ mình còn về được mấy lần. Bóng chiều trên đồng, người đang đeo hành lý, lầm lũi dần bước kia là bạn, cũng là tôi. Lịch sử từ lâu đã trôi đi không còn tung tích, mỗi con người đến cuối cùng chỉ còn lại mình ta với ta, không có nơi đi, chẳng có chốn đến, hết thấy đều là khách qua đường ngang qua nhân thế này.

Chương 2

Giang

Nam

ngàn

dặm,

lầu

gác

chìm

trong

mưa

mịt

mùng

*Nghìn dậm oanh ca biếc lẫn hồng
Gió lay cờ rượu xóm bên sông
Bốn trăm tám chục chùa Nam quốc
Mưa khói che lâu biết mấy không?¹*

Mưa xuân Giang Nam, trong dịu dàng lại vương sầu hận, giữa buồn rầu còn canh cánh nhớ nhung. Mai trang ngày mưa càng lộ rõ cửa sâu nhà tĩnh, thường ngày chẳng có người lạ tìm tới, phải hôm mưa gió ngay chim chóc cũng bật tiếng. Cây cỏ ngoài sân tươi tốt trong lành, gân lá cũng chẳng nhuốm bụi trần, hoa hồn nhiên nở rộ mà giản dị nội liễm, không tùy tiện khuấy động chủ nhân.

Trong phòng khói trà bảng lảng, lan tới dưới mái hiên, nhìn ra cảnh mưa phùn ngoài song, chỉ cảm thấy năm tháng êm đềm, cả vật và người đều an lành. Xưa nay cả thế giới đều mưa như thế, chẳng có sinh tử thành bại, cũng không có tang thương hưng vong. Lúc này nếu là hiền thần lương tướng, thi nhân từ khách, cũng chỉ ngồi bên song cửa, tham luyến một chén trà mới thế này thôi.

Thuở nhỏ tôi đã thích mưa, trông mưa cạnh cửa, rêu xanh trên tường, con ngõ dài thăm thẳm trong màn mưa bụi đều khiến tôi mê mết. Về sau gặp được mấy cơn mưa Giang Nam trong thơ Đường từ Tống, càng thấy ý đẹp khó tả. Ngày mưa, mọi người có thể nghỉ cày cuốc dệt vải, hàng xóm láng giềng tụ lại dưới hành lang, trước hiên nhà uống trà chuyện gẫu. Vinh hoa phú quý, nghèo khổ khốn cùng cũng chỉ là một trận mưa xuân, lất phất gieo rắc cái thư nhàn, chẳng có gì không tốt.

Đỗ Mục đời Đường có thơ rằng:

*Nghìn dậm oanh ca biếc lẫn hồng
Gió lay cờ rượu xóm bên sông*

Giang
Nam
nghìn
dậm,

lầu
gác
chìm
trong
mưa
mịt
mùng

¹ Bài thơ *Giang Nam xuân* của Đỗ Mục, bản dịch Lê Nguyễn Lưu.

*Bốn trăm tám chục chùa Nam quốc
Mưa khói che lâu biết mấy không?*

Tôi vốn thích vẽ uyển chuyển oanh ca yến múa của Giang Nam, cũng thích vẽ sâu xa đẹp dễ lâu gác trong mưa. Giang Nam trong mộng phong quang vô hạn, non nước điệp trùng, biết bao làng mạc thành quách thấp thoáng trong nhật nguyệt núi sông. Mà những chùa cổ miếu cũ nhang khói nghi ngút, dưới màn mưa bụi mênh mông, dường như đang thì thầm kể về thời phồn thịnh trước kia của mình.

Nghìn năm chỉ trong nháy mắt, mỗi tắc thời gian vừa như đã từng trải, lại vừa xa lạ làm sao. Vương triều thay đổi, biết bao câu chuyện như nước chảy mây trôi, nháy mắt đã vụt qua, khó mà sắp đặt. Nghìn năm trước Giang Nam một dải hồng thẩm lục phai, trang nghiêm mà vui vẻ. Nghìn năm sau Giang Nam vẫn đẹp dễ an lành, giang sơn mỹ lệ. Những câu thơ lưu truyền cả trăm đời, chẳng qua cũng chỉ là khoảng cách giữa kiếp này và kiếp trước.

Đỗ Mục sinh ra vào thời Văn Đường, tuy chưa từng chứng kiến vẻ phồn hoa thời Thịnh Đường, song cuộc đời cũng coi như êm ả thuận lợi, không gặp sóng gió. Ông có gia thế hiển hách, là cháu tể tướng Đỗ Hữu, con trai Đỗ Tông Úc. Năm Đại Hòa thứ hai đời Đường Văn Tông (tức năm 828), Đỗ Mục đỗ tiến sĩ năm hai mươi sáu tuổi, giữ chức giáo thư lang Hoàng Văn quán.

Đỗ Mục tài hoa hơn người, thơ văn lừng lẫy, nổi tiếng về những bài thất ngôn tuyệt cú. Ông tự xưng là "Tiểu Đỗ" để phân biệt với "Đại Đỗ" là Đỗ Phủ, được gọi chung là "Tiểu Lý Đỗ" cùng với Lý Thương Ẩn. Thơ tuyệt cú tả cảnh ngụ tình của Đỗ Mục vẫn luật đẹp dễ, ý cảnh sâu xa, hàm súc thấm thía.

Cuộc đời Đỗ Mục cũng đẹp dễ hàm súc, tiêu sái phóng khoáng như thơ ông vậy. Năm hai mươi ba tuổi ông làm bài *A Phòng cung phú*, năm hai mươi lăm tuổi viết bài ngũ ngôn trường thiên *Cảm hoài thi*. Không chỉ tình thơ đặc ý, đường làm quan của ông cũng thuận lợi, giữ một chức vụ thanh nhàn, rong chơi non nước, thăm viếng di tích, viết ra rất nhiều bài thơ phong lưu hoa mỹ, phóng khoáng trong trẻo. Cuối năm, ông sửa lại Phàn Xuyên biệt thự tổ truyền, lúc rảnh rỗi lại họp bạn văn thơ ở đây, cũng coi như vừa lòng đẹp ý. Đỗ Mục bấy giờ tới Trường An, nhìn chán cảnh phồn hoa ở đế đô, song vẫn ngỡ ngàng trước cảnh gió mát mưa xuân ở Giang Nam. Tuy có xe thơm ngựa quý, người hầu di theo, song ông vẫn mang chí khí giang hồ, ôm tâm trạng chán chường của lữ khách. Người sống trên đời có niềm yêu thích, cũng có sự gửi gắm, một tấm lòng thuần khiết gửi cho cây cỏ núi non hoặc gửi vào thơ từ văn chương.

Vạn vật trong mắt thi nhân đều có linh tính, đều là tình sâu. Cảnh đẹp rực rỡ nghìn dặm oanh kêu của Giang Nam khiến Đỗ Mục mê say, đình đài lầu gác chìm trong mưa bụi mịt mờ cũng khiến ông nhớ tới thời Phật giáo Nam triều còn phồn thịnh. Biết bao vua chúa tin theo Phật, tuy giữ được phong khí đậm bạc nhưng suy cho cùng lại làm lỗ nước hại dân. Phồn hoa nghìn thuở, giang sơn mệnh mông như một cơn mộng ảo, tới cuối cùng cũng chẳng tu được duyên lành kiếp này, càng không có quả thiện kiếp sau.

Biết bao sư sãi cũng bị bỏ lại, bị lãng quên theo làn khói hương bảng lảng không ngừng trong những ngôi chùa cổ xưa, trong những cuộc thay triều đổi đại ấy. Chỉ còn đình đài chùa miếu hoang lạnh giữa mưa bụi gió xuân, chẳng hỏi quá khứ, chẳng rõ tương lai. Đời người chìm nổi khó lường, họa phúc khôn tỏ, giang sơn cũng như trăng tròn trăng khuyết, thành bại hưng suy, chẳng nên buồn làm gì.

Có người nói đây là bài thơ chế nhạo, mượn xưa cười nay, can ngăn người cai trị vương triều Đại Đường chớ cho tu sửa chùa miếu rầm rộ, kéo quốc lực suy yếu, dân tình khốn khổ. Song tôi lại cảm nhận được cảm xúc hoài cổ cùng tâm trạng hồ hững lánh đời của ông. Đỗ Mục tuy có lòng thương nước thương dân, khéo léo khuyên bề trên chớ quá say mê chìm đắm trong Phật giáo, song mặt khác ông cũng quyến luyến mê say phong vật Giang Nam, lầu gác chùa miếu.

Có thơ rằng:

*Chùa viện Giang Nam thăm viếng khắp
Mưa xuân núi biếc đọc thơ chơi.²*

Lúc Đỗ Mục ở Giang Nam cũng thường dạo chơi chùa miếu, kết bạn với tăng nhân, hội họp giữa chùa, thấp hương pha trà, nghe kinh ngồi thiền. Thơ ông tuy không có ý ẩn dật, cũng chẳng tham thiền ngộ đạo, song lại có tư thái phóng khoáng, trong trẻo tự nhiên.

Bài *Giang Nam xuân* của Đỗ Mục từ trăm nghìn năm nay vẫn được ngợi khen, không phải vì ý chế nhạo ẩn đằng sau, mà bởi lòng ngưỡng mộ vô tận của văn nhân mặc khách xưa nay vẫn dành cho phong cảnh Giang Nam. Tâm tình của ông đã hòa vào phong cảnh nước non, sâu xa mờ ảo, như thiên nữ rải hoa, chẳng còn dấu vết.

² Trích trong bài *Niệm tích du - kỳ 1*, bản dịch Trương Việt Linh, nguồn: thivien.net.

Người thơ có lòng, người đọc có ý, đọc bài thơ mà như theo ông chơi Giang Nam một chuyến, ngắm hoa nở rộ rực rỡ trang nghiêm, thưởng thức mưa bụi lất phất.

Cái đẹp trên đời, bất luận là tả cảnh ngụ tình hay tham thiên lánh đời, đều hiển hiện trong thơ từ cả. Những hết thấy gặp gỡ quen biết đều cần có duyên, duyên phận giữa tôi với thơ từ chẳng biết phải kể từ đâu, song lại là tâm ý tương thông: Hồi nhỏ thích từ, uyển chuyển thanh lệ, dễ lay động lòng người, về sau lại cảm thấy ý cảnh trong từ có phần hạn hẹp, không thẳng thắn đơn giản như thơ. Mà trong số thơ từ cũng có những bài tôi không thích, cũng như cuộc sống, bỏ bớt rườm rà mà giữ lấy cái đơn sơ là tốt nhất.

Trước kia trẻ tuổi, đa sầu đa cảm, nhìn hoa thương tình, ngắm mưa sầu tủi. Giờ đã trầm lắng hơn nhiều, chỉ cảm thấy sự tồn tại của vạn vật đều có tình có lý, chìm nổi lên xuống, vui buồn tan hợp thấy cũng tầm thường. Chẳng còn thần thờ mê mẩn, chìm đắm trong bài thơ điệu từ nào tới mức không thoát ra nổi nữa. Những lo lắng sợ hãi trước kia, tới giờ đều mong manh như gió, hoàn toàn có thể ung dung tiếp nhận. Tựa như ngồi xếp bằng trên bồ đoàn đọc kinh, tuy không hiểu được thiền cơ, song vẫn nhận thức được ý cảnh trong đó.

Vương khí đế đô, thịnh thế phồn hoa cũng hóa thành mây bay khói tỏa theo cơn mưa bụi Giang Nam ấy. Vui buồn nhân gian ở ngay trước mắt, mà chúng ta lại đang ở giữa phong cảnh như những nhân vật thời Đường Tống xưa kia. Đợi sóng gió phù hoa tan hết, mọi thứ trên đời, dầu tốt hay không, cuối cùng đều sẽ bình lặng lại.

*Bên cầu, cỏ dại hoa đồng,
Ô Y ngỗ cũ nằm trong nắng chiều.
Én lầu Vương Tạ thuở nào,
Bây giờ lưu lạc bay vào nhà dân.¹*

Trong *Mẫu đơn đình*, Đỗ Lệ Nương có nói, chưa ra vườn, sao biết sắc xuân như thế? Nàng du xuân chẳng qua chỉ ra khỏi buồng khuê, dạo qua hành lang dài quanh co là có thể ngắm hết cảnh xuân muôn hồng nghìn tía. Nhưng xuân sắc vô tư, bất luận bạn ở thành thị huyện náo hay trấn nhỏ thôn quê, thì cỏ hoa nhân gian cũng chẳng có gì khác biệt, chỉ có người du xuân ngắm cảnh là mỗi lòng mỗi khác đó thôi.

Hôm qua tôi hái được một bó hoa dại ở góc tường trong sân, những cánh hoa li ti trắng muốt chẳng rõ tên được cắm vào lọ gốm trắng, đơn sơ mà đẹp đẽ. Trên bàn đặt một bình trà một lọ hoa, chẳng cần bày biện thêm gì nữa. Đời người trăm năm, thấm thoát như giấc mộng, thà giữ lấy cuộc sống êm đềm trước mắt, lặng lẽ ngắm vẻ đẹp của thời gian còn hơn là đi khắp núi sông, tìm kiếm dấu vết lịch sử, gánh lấy những tang thương năm tháng.

Nhớ lại năm xưa Lưu Vũ Tích thời Đường tìm tới ngõ Ô Y ở cố đô Kim Lăng xưa, viết ra đôi câu thơ nổi tiếng "*Én lầu Vương Tạ thuở nào, bây giờ lưu lạc bay vào nhà dân*". Trước ông, thậm chí kể cả sau thời Đường, tới các thời Tống, Nguyên, Minh, Thanh, cũng có rất nhiều người tới ngõ Ô Y, tìm lấy những phần hoa còn sót lại của danh gia vọng tộc họ Vương họ Tạ năm xưa, giữa ngổn ngang phế tích, hoa dại bóng chiều. Họ tới viếng thăm, hoài cổ, cảm thán đời người bể dâu dời đổi, thế sự phiêu hốt vô thường.

Ngõ Ô Y chỉ là một con ngõ nhỏ bình thường ở Giang Nam, vắng vẻ nhỏ hẹp, cổ kính chạy dài. Chỉ có điều hai gia tộc hiển hách là họ Vương và họ Tạ từng sống trong con ngõ này. Vương Đạo giúp sáng lập ra vương triều Đông Tấn kéo dài cả trăm năm, còn Tạ An

Én
lầu
Vương
Tạ
thuở
nào,
bây
giờ
lưu
lạc
bay
vào
nhà
dân

¹ Bài *Ô Y hạm* của Lưu Vũ Tích, bản dịch Ngô Văn Phú.

lại chỉ huy trận Phì Thủy, lấy ít thắng nhiều, đánh bại trăm vạn đại quân Phù Tần. Bấy giờ ngô Ô Y thành nơi tập trung các quý tộc sĩ đại phu, mang về phần hoa xưa nay chưa từng có.

Phủ đệ hai nhà Vương Tạ, cửa cao nhà sâu, xe thơm ngựa quý, ban ngày ngói lợp như mây, ban đêm đèn đuốc như mưa. Chim én trước kia thường bay tới xây tổ trên xà nhà Tạ nhà Vương, cùng họ ngấm gió xuân trăng thu. Giờ chim én lại phải dời tổ, bay vào nhà dân thường, nhìn cảnh cũ xưa kia, liệu có chạnh lòng bi ai? Đình đài lầu các, cửa sổ mái hiên thuở xưa đã chẳng còn, những nhân vật phong lưu trong hai nhà Vương Tạ, giờ ở chốn nao.

Cánh hồng rụng hết, gột sạch phần hoa, vàng son Lục triều, cảnh sắc Tân Hoài cũng theo dòng Tân Hoài cuộn cuộn trôi đi, không sao níu kéo. Ô Y ngô dài, bên cầu Chu Tước, cỏ hoang sớm đã mọc đầy, nguy nga lộng lẫy năm xưa đã thành cảnh suy tàn dưới bóng chiều tà. Chỉ có chim én năm năm vẫn quay về, bất luận là cửa hầu hộ lớn hay hiên nhỏ nhà dân, nó đều là một khách qua đường bình thường, gửi thân trước sân, vinh nhục chẳng sờn, tan hợp vô tâm.

Chẳng biết những du khách và thương lái chèo thuyền tìm đến còn vớt được gì dưới dòng Tân Hoài. Một cuốn sách cũ nát chẳng? Hay một cây trâm vàng nàng ca kỹ Tân Hoài nào đó đánh rơi? Những văn nhân mặc khách cưỡi ngựa ngang qua còn tìm được gì trong con ngõ Ô Y? Là dấu mực vắn thơ còn rơi rớt của gia tộc Vương Tạ hay ngói vỡ tường nghiêng sót lại từ thời Tấn? Phần hoa ngày cũ đã thành tro bụi, chỉ có cỏ dại cây già, quạ bay chiều tà còn ở lại tưởng nhớ chủ nhân xưa.

Từ ấy, ngô Ô Y không còn là một con ngõ nhỏ tầm thường ở Giang Nam nữa mà từng hòn đá viên gạch, từng nhánh cỏ hạt bụi đều có câu chuyện. Nó đã chứng kiến sự hưng suy của Kim Lăng, nhìn khắp cổ kim biến ảo, nó và chim én qua lại nơi này đều đã được văn nhân các đời ghi vào lịch sử, mang theo sứ mệnh nặng nề, để lại một dấu ấn không sao xóa nhòa được. Nó mang theo phần hoa không gì sánh nổi suốt mấy trăm năm, cũng không quên những bi tráng thê lương mà dòng thời gian xoay vần để lại.

Đèn đuốc tắt, sênh ca lạnh, vàng son và phong lưu Lục triều dường như chỉ còn lại trong giấc mộng nghìn năm. Đây là đô thành vàng son chói lọi, cũng là một tòa thành lăm tai nhiều nạn. Trong ngôi thành ấy có phủ đệ xa hoa của hai nhà quý tộc Vương Tạ, song cũng đã nếm trải chiến hỏa liên miên không ngừng. Tòa thành này đã từng

có những tháng năm ung dung hoa lệ, lộng lẫy choáng ngợp, cũng từng có khi hoang phế suy tàn, ngổn ngang phế tích.

Nó có thể là hoàng thành, cũng có thể là phế tích, lịch sử thực ra chỉ là một cái bóng, những gì chúng ta trông thấy nào phải dáng hình chân thực năm xưa. Từ xưa giang sơn dời đổi, cực thịnh ắt suy, cũ mới đan xen, cũng là việc bình thường. Nhân thế vinh hoa như hoa tàn hoa nở, bất luận trải qua bao biến cố hưng suy, thì muôn dân trăm họ vẫn đó.

Cố đô Kim Lăng trải qua chiến hỏa Tùy Đường vẫn không suy tàn. Về sau Chu Nguyên Chương tới, khôi phục lại sơn hà bị tàn phá, xây dựng lại cung điện tường thành. Sau nữa thì Kiến Văn Đế mất tích tại đây, còn Minh Thành Tổ Chu Đệ lại nổi lên lần nữa, xây Tử Cấm thành ở Bắc Kinh, không hỏi tới chuyện cũ Kim Lăng nữa. Cả tòa thành Kim Lăng rộng lớn như một ván cờ tàn tan tác, chẳng ai thu nhặt. Nhưng tòa thành bị bỏ rơi này dường như chỉ sau một đêm đã khôi phục lại dung nhan ngày ca. Đồi bờ Tần Hoài, người như mắc cửi, biết bao nhiêu quan lớn quý nhân, tao nhân mặc khách lũ lượt tìm đến. Lâu đài thủy tạ, thuyền hoa Tần Hoài, đèn đuốc sáng trưng. Cỏ dại bên cầu Chu Tước, bóng chiều đầu ngõ Ô Y đã nhạt nhòa trong trí nhớ, chỉ còn phong lưu danh sĩ, ca kỹ yếu điệu, nâng ly chúc chén, say đắm xa hoa.

Năm xưa Đỗ Mục từng viết: "Con hát biết chi hờn mất nước, cách sông còn hát 'Hậu đình hoa'²". Ông nào có biết, về sau, vai chính trong đô thành vàng son này đều đã đổi thành những cô gái làng chơi có khí tiết. Tần Hoài bát diễm tuy là gái phong trần, lưu lạc lâu xanh, nhưng khí cốt chẳng kém nam nhi. Dù nhan sắc họ từng lừng lẫy đồi bờ Tần Hoài, nhưng dù có phong tình vạn chủng cũng đều thành bụi trần mờ mịt, một mảnh hồn thơm, chẳng biết nương nấu chốn nào.

Về sau ngõ Ô Y bỏ hoang nghìn năm được xây dựng lại, phủ đệ hai nhà Vương Tạ đã suy tàn cũng được tu sửa, chỉ là cách bao tháng năm mưa gió, còn lấy lại được dáng vẻ năm xưa sao? Chim én năm xưa trước nhà Vương Tạ cũng đã đổi mấy kiếp sinh tử, sao còn nhớ nổi những phồn thịnh xưa kia. Thực ra bất luận có tu sửa lại hay không thì ngõ Ô Y vẫn đó, dấu phong lưu Vương Tạ còn kia, chỉ không thấy yến tiệc linh đình, tơ trúc sênh ca mà thôi.

Biết bao người đem theo cả gió bụi trời Nam đất Bắc lũ lượt kéo đến, không phải vì diễm tình nhả ý của ca kỹ Tần Hoài, cũng chẳng phải vì khí thế vương giả của cố đô Lục triều, chỉ muốn quán quanh trong ngõ Ô Y mà thôi. Mà quanh quán không đi,

² Trích trong bài *Bạc Tần Hoài*, bản dịch Khương Hữu Dụng.

không chỉ là khách thăm Tần Hoài, còn cả chim én trên xà cùng bài thơ đã được ngâm nga suốt ngàn năm nay của Lưu Vũ Tích.

*Én bay đôi trước nhà Vương Tạ,
Ngõ Ô Y sớm đã quen nhau.*³

Xem kia giang sơn vẫn thế, muôn dân trăm họ cũng yên ổn, mọi chuyện trước mắt đều tốt đẹp. Nếu không tranh giành, vạn vật xung quanh cũng chẳng quấy nhiễu; nếu sinh ngăn ngại, sẽ nảy ra muôn vàn phiền não. Dù ở giữa thời loạn cũng có thể tìm cảnh Đào nguyên để an cư lạc nghiệp, tầm tơ gà chó, trai cày gái dệt, ngày tháng tuần tự trôi đi, đoan chính giản dị.

Phấy gió thời Tấn, ngắm mưa triều Đường, nếm trà thời Tống, ngắm hoa thời Minh Thanh. Tôi chẳng qua cũng ở nhờ dưới mái thời gian, khép cửa ngời yên, ngắm bóng hoa sắc trời. Tuy ở giữa hồng trần mà như ngoài cõi tục, nghìn xưa dằng dặc, không lịch sử, không hưng vong, không qua lại, cũng không vui buồn.

³ Trích trong bài *Kim Lăng hoài cổ* theo điệu từ *Mãn giang hồng* của Tát Đô Lạp.

Lất phất mưa sông đám cỏ bằng,
Sáu triều như mộng, tiếng chim vang.
Đài thành¹ rặng liễu thờ ơ thế!
Mười dặm đê xưa lớp khói giăng.²

Mưa xuân liên miên, hoa cỏ trong sân cùng hành lang dưới hiên, cầu nhỏ đường đá đều ướt đầm. Từ đầu giờ chiều đến hoàng hôn rồi lại từ hoàng hôn đến tối muộn, thấp mấy nén hương, uống mấy bình trà, thời gian đẹp đẽ cứ trôi qua như thế. Trước kia không thấy quý thời gian, một mình ngồi trên lầu nghe mưa, đến sáng tinh mơ cũng chẳng chịu thôi. Hoặc lòng sầu muộn mỗi, hoặc chẳng nghĩ ngợi gì, chỉ ngồi yên, cũng không tọa thiền. Mưa bụi như tơ, trong hơi giá lạnh lại vương vấn tình cảm, trong mộng lung vẫn đượm vẻ cảm thương.

Một cảnh hải đường mọc xiên xiên trên bức tường cũ, tím hồng đẹp đẽ, như mộng như ảo, mùa xuân nào tôi và nó cũng gặp nhau, nhưng lại như mới quen. Cũng giống như Giang Nam mưa bay lất phất này, tôi từng mơ thấy vô số lần, nhưng lần nào cũng như mới gặp. Tôi trước kia thường nhớ xưa nghĩ nay, tới thăm những di tích cổ, ngắm giang sơn vạn khoảnh, đình đài lầu gác, cảm thán lịch sử bể dâu thăng trầm. Về sau khép chặt cửa, chỉ sống cho hiện tại, một bình trà đã đủ xoa dịu hết thấy vui buồn tan hợp.

Lất phất mưa sông đám cỏ bằng,
Sáu triều như mộng, tiếng chim vang.
Đài thành rặng liễu thờ ơ thế!
Mười dặm đê xưa lớp khói giăng.

Đêm đọc bài *Đài thành* của Vi Trang, lại cùng ông tới Kim Lăng, đem theo mưa bụi như tơ giữa tháng Ba se lạnh, dưới màn mưa

Cây
cỏ
vô
tình,

đâu
màng
Lục
triều
bể
đâu
đời
đổi

¹ Đài thành tức Uyển thành, xây đắp từ đời Đông Ngô, trải thêm năm triều đại nữa là Đông Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần đều đóng đô tại đây, cuối đời Đông Tấn đổi thành Đài thành. Di chỉ nay còn tại ven hồ Huyền Vũ, thành phố Nam Kinh, Trung Quốc.

² Bài *Đài thành* của Vi Trang, bản dịch Lê Nguyễn Lưu.

phùn mịt mùn, không sao trông rõ được dung nhan cố đô Lục triều này. Ngôi thành ấy sớm đã đánh mất vương khí và phong vận cố đô, biết bao bậc vương giả tầm hoan tác lạc cũng đã thành khách qua đường vội vã trong lịch sử.

Đài thành từng một độ tráng lệ phồn hoa bị cơn mưa xuân dịu dàng chôn vùi bá khí, ngay chuyện cũ Lục triều cũng thành một giấc mộng xuân của Kim Lăng, nói tỉnh là tỉnh. Biết bao thi nhân từ khách tới Đài thành thăm viếng, chỉ thấy Lục triều như mộng, vạn vật thành không. Vô tình nhất là liễu Đài thành, bất luận thế sự hưng suy, chẳng hỏi triều đại đổi thay, càng chẳng màng tới những buồn rầu thương cảm của khách qua đường. Nó cứ luôn tha thướt rủ cành suốt con đê dài mười dặm trong mưa bụi, yếu điệu động lòng người.

Ngôi thành này vốn là đất liễu buông hoa rộ, phú quý phồn hoa. Dù sơn hà diên đảo, cây cỏ suy tàn, thì bất cứ lúc nào cũng thoang thoảng mùi phấn son không sao xua tan nổi. Chim én năm xưa trước nhà Vương Tạ đã bay vào nhà thường dân, ca kỹ lâu Tần cũng thành người phụ nữ bình thường. Nhưng chúng ta vẫn không thể nào quên những phong nhã và khí cốt từng tồn tại trong tòa thành vàng son lắm tai nhiều nạn này. Một gốc dương liễu, một cành hoa đào đều có những xót thương và câu chuyện riêng không ngỏ cùng ai.

Vi Trang nói liễu rủ vô tình, chẳng hiểu tang thương; Đỗ Mục lại nói con hát vô tâm, chẳng hay hưng phế. Năm xưa Trần Hậu Chủ quanh năm đắm chìm trong yến tiệc mua vui, coi chính sự như trò đùa, cuối cùng đánh mất giang sơn. Triều Trần tuy mất, song nhạc khúc du dương vẫn còn lưu truyền lại, khiến Đỗ Mục buông lời chế nhạo. Họ nào có biết cây cỏ vốn có tình, cũng như rất nhiều ca nữ Tần Hoài còn có khí tiết hơn đấng mày râu.

Đoan Bình Bắc sứ Vương Tiếp có thơ rằng:

Nhìn khắp giang sơn thấy chiến trường

Dân Hoài còn kể chuyện ruộng nương

Hoa mai nào hiểu hờn hưng phế

Theo gió đông về giỡn tịch dương.

Dường như nhưng văn nhân mặc khách, thậm chí anh hùng bá vương từng tới Kim Lăng, nhìn những bể dâu dời đổi, sơn hà thay chủ trên đô thành lịch sử này, đều oán trách cây cỏ vô tình, mà nào có biết đế nghiệp sơn hà có liên quan tới số trời, còn cây cỏ chẳng qua chỉ là khán giả vô tội. Cây cỏ may mắn sinh trưởng ở cố đô, ngắm hết

những phồn hoa cường thịnh của giang sơn, lại bất hạnh dự vào chiến loạn sát phạt, trải qua khói súng mịt mù.

Năm xưa Nguyễn Đại Thành ép Lý Hương Quân lấy mình, song nàng quyết chờ Hầu Phương Vực, thà chết không theo, đập đầu vào cột đá, máu vấy quạt hoa đào. Thì ra người đẹp không chỉ biết rơi lệ mà cũng có khí tiết dám đổ máu. Bấy giờ Hầu Phương Vực chẳng biết đã chạy tới đâu để giữ mạng, đâu dám vì người con gái ấy mà quay lại Kim Lăng, gánh lấy tình yêu của hai người. Cành hoa đào đỏ rực như máu, chiếc quạt gấp nhuốm máu ấy, lẽ nào không hiểu hưng vong?

Nhà thơ đời Nam Tống là Tạ Phương Đắc từng viết: "Đài thành là nơi Lương Vũ Đế chết đói. Vua mất nước tan, nường dâu bãi bể, vật đổi sao dời, chỉ có cây cỏ vô tình, vẫn như thuở trước."

Có điều rằng liễu vô tình dưới ngòi bút nhà thơ, liệu có phải là gốc liễu trồng từ triều Lương không? Dù phải thì mưa bụi giăng mắc khắp trời đến từ triều đại nào, đã từng chứng kiến bao nhiêu câu chuyện buồn vui?

Giữa Đài thành mưa phùn bao phủ, nhà thơ cũng chạnh lòng cảm khái muôn vàn. Thoạt trông ông giống như đang thăm viếng di tích Nam triều, song thực ra lại đang lo lắng cho triều Đường tràn ngập nguy cơ. Xưa nay thói đời nghìn xưa vẫn vậy, biết bao tháng năm rực rỡ như hoa, bao vương triều phồn thịnh cũng có một ngày đi về phía diệt vong.

Nhưng hết thảy kết thúc đều bao hàm một khởi đầu mới, lịch sử cũng như vở kịch, khua chiêng gióng trống mở màn rồi giải tán trong ánh đèn nhấp nháy. Chúng ta còn chẳng bằng cây cỏ, ít nhất chúng còn có thể theo cùng thành bại suốt nhiều năm. Còn chúng ta chỉ có trăm năm, so với cỏ cây chẳng qua là mấy phen nở rồi tàn, mấy bận luân hồi.

Vi Trang là nhà thơ, cũng là từ khách. Ông xuất thân Tiêu Dao công phòng, Đông quyền, thuộc tộc họ Vi ở Kinh Triệu³, cháu bảy đời của Văn Xương hữu tướng Vi Đãi Giá, cháu bốn đời của thứ sử Tô Châu Vi Ứng Vật. Tới đời Vi Trang, gia tộc đã suy tàn dần. Cuộc đời ông chia làm nửa đời trước và nửa đời sau, nửa đời trước trải qua chiến loạn lưu vong, lưu lạc khắp nơi, dãi gió dầm sương. Mấy phen tới Trường An dự thi mà

³ Thời xưa họ Vi là một họ lớn, giữ vai trò trọng yếu trong chính trị và đời sống xã hội từ thời Ngụy Tấn tới tận thời Đường, gồm rất nhiều chi họ, trong đó chỉ riêng những chi có người làm đến tể tướng đã có chín chi, được gọi là "chín công phòng của gia tộc họ Vi". Đông quyền (còn gọi là Lăng công phòng) và Tiêu Dao công phòng là hai trong chín chi này.

không đậu, tới năm Càn Ninh thứ nhất (tức năm 894), khi đã gần sáu mươi ông mới đỗ tiến sĩ, được triều đình bổ nhiệm làm giáo thư lang "soạn chiếu", bắt đầu bước vào con đường làm quan.

Tháng Tư năm Thiên Hựu thứ tư (tức năm 907), vương triều Đường diệt vong, Ai Đế bị ép nhường ngôi cho Chu Toàn Trung, lập quốc hiệu là Lương. Nhà thơ chẳng những phải trải qua việc thay triều đổi đại, mà cũng từ chỗ hay thơ chuyển sang điền từ. Thơ Vi Trang chủ yếu là nhớ xưa ngẫm nay, thương cảm thời thế, tình cảm thế lương khiến người ta đau đớn. Còn từ của ông phần nhiều là niềm vui khi chơi xuân, mối hận ly sầu, phong cách thanh lệ, thẳng thắn giản dị. Ông được đặt ngang với Ôn Đình Quân, cùng một phái Hoa gian, được gọi chung là Ôn Vi.

Tôi thích nhất khúc *Bồ tát man* của Vi Trang:

*Ai ai cũng bảo Giang Nam đẹp,
Khách già ở Giang Nam mới hiệp (hợp).
Sông biếc tựa sắc trời,
Ngủ trên thuyền mưa rơi.
Bên quây người tựa nguyệt,
Tay trắng ngưng sương tuyết.
Già chữa tới đừng về,
Về rồi dạ tái tê.*

Rong chơi Giang Nam, thả thuyền nghe mưa, cảnh đẹp ngày lành như thế ấy, không khỏi chạnh lòng nhớ nhung giai nhân mặt như trăng rằm, da trắng hơn tuyết. Giang Nam tuy đẹp, nhưng ông chỉ là một vị khách qua đường để lánh chiến loạn, công danh chưa có, suy cho cùng vẫn là bất đắc chí.

Từ của Vi Trang về mối tình trong buồng khuê đẹp để vô vàn, từng câu từng lời như người đang thủ thỉ, phong lưu uyển chuyển. Trong *Nhân gian từ thoại* Vương Quốc Duy có bình rằng: "Từ của Đoàn Kỵ tình sâu mà lời hay, tuy quy mô chẳng bằng Hậu Chủ, Chính Trung, cũng phải hơn Phi Khanh. Xem từ xưa mà như thấy người, có thể thấy ưu khuyết rõ ràng."

Có lúc tôi nghĩ, những nhân vật lịch sử trải qua giai đoạn thay triều đổi đại như vậy là may mắn hay bất hạnh. Tuy phải nếm trải gió mưa loạn thế, phiêu bạt lênh dênh, song lại là kẻ làm chứng cho vương triều nọ. Bất luận là triều đại nào, rơi vào lúc thịnh thế hay loạn lạc, cũng vẫn là tháng năm cuộc đời như thế, trong ổn định có lênh dênh,

trong phiêu bạt cũng có yên ổn. Muôn dân trăm họ, hiền thần lương tướng có gì khác nhau đâu.

Cả đời Vi Trang rong chơi trong gió thơ rồi lại quần quanh giữa mưa từ, ông cũng chỉ là một nhân vật nhỏ nhoi trong lịch sử, chẳng mấy ai nhớ được.

*Ngẩn ngơ hồn tán loạn
Lẽo đẽo mộng đêm ngày
Riêng có vầng trăng bạc
Chẳng ai hay.⁴*

Thuyền hoa Tần Hoài còn đó, mái chèo bóng đèn thấp thoáng, tưởng như trông thấy một khách thơ tóc bạc phơ cùng một kép hát lẻ loi, chẳng biết đang giải thích và đàn hát về hưng vong của Lục triều cho ai nữa.

Mưa bụi ngoài song khiến mối sầu cứ vương vấn trong lòng, xua hoài không tan. Thực ra hết thảy những điều trên chỉ là niềm cảm khái của nhà thơ, di tích Nam triều, gió mây Văn Đường có liên quan gì tới tôi đâu. Thôi thì xin gửi lại ưu sầu cho người xưa, trả câu chuyện về cho năm tháng, trả non nước về với đất trời. Cảnh xuân đang đẹp, chớ có phụ lòng.

⁴ Trích trong bài *Nữ quan tử* - kỳ 1 của Vi Trang, bản dịch Nguyễn Chí Viễn.

Cửa đây năm ngoái cũng ngày này,
Má phấn, hoa đào ửng đỏ hây.
Má phấn giờ đây đâu vắng tá,
Hoa đào còn bốn gió xuân đây.¹

Ngày xuân ngoài ngắm hoa pha trà, dường như chẳng còn việc gì khác. Tôi vốn là kẻ nhàn hạ, dù trời long đất lở, giang sơn nghiêng ngửa, tôi cũng chỉ coi là cơn gió qua hiên, chẳng mấy may rung động. Ai đó từng nói: "Đời người chẳng có gì, chỉ sống chết là trọng." Những tai nạn ngỡ rằng không sao chịu nổi, cuối cùng đều mưa tạnh trời quang, chẳng còn dấu tích. Hoa tàn hoa nở, năm tháng bình yên, bề dâu lịch sử, đời người đời đổi đều sẽ tan đi theo dòng chảy thời gian.

Gió xuân vô chủ, đào mạn không lời, phong cảnh vô ý lướt qua trong mắt người đời lại thành tư liệu văn chương của tôi. Cây cỏ có linh tính lại đa tình, còn hơn những lời thề suông hẹn hão chốn nhân gian, thà tôi phung phí thời gian trong một chén trà còn hơn trải qua một mối duyên trần. Những câu chuyện tình liên quan tới hoa đào dường như đều là của người khác, còn tôi là kẻ ngắm hoa nghe mưa đón gió, chẳng chút dính dáng. Nghe nói nàng có một cái tên bình thường mà đẹp dễ, gọi là Giáng Nương. Còn nghe nói nàng sống trong một căn nhà tranh ở ngoại ô thành Nam, nằm sâu trong núi, giữa nơi thôn dã. Căn nhà tranh giậu trúc của nàng thấp thoáng trong vạt rừng đào, cách biệt thế nhân, yên tĩnh vắng vẻ. Giậu trúc sân con, đơn giản trang nhã, là nơi ở của ẩn sĩ, chẳng ai biết được Giáng Nương và cha mình từ đâu tới, đã ở đây bao lâu.

Năm tháng xoay vần, Giáng Nương cùng cha già mai danh ẩn tích trong căn nhà hẻo lánh, trồng hoa cắt cỏ, chẳng màng thế sự. Biết bao nhân duyên cứ thấm thoát trôi qua, nàng chẳng cố ý đợi ai, cũng chẳng mong ai đó sẽ bước vào đời, lay động tình cảm của

Người

xưa

đâu

tá,

hoa

đào

năm

ngoái

còn

cười

gió

đông

¹ Bài *Đề đô thành Nam trang* của Thôi Hộ, bản dịch Nam Trân.

mình. Lâu dần, nàng đã thành một gốc đào dưới mái hiên, trông giữ sớm chiều, bỏ uổng cả tuổi hoa.

Chàng tên Thôi Hộ, là một thư sinh huyện Bắc Lăng vào những năm Trinh Nguyên đời Đường Đức Tông. Xuất thân môn đệ thư hương, tài hoa trác tuyệt, thanh cao ngạo nghễ, thường ngày chàng cũng không thích qua lại với người khác, chỉ miệt mài đọc sách hòng giành lấy công danh, thỏa chí bình sinh. Chàng chỉ là một thư sinh bình thường, giống như hết thầy nam nhi, ôm hoài bão lớn lao giữa thời Đại Đường phồn thịnh. Thế giới của chàng là sách vở bút nghiên, chẳng liên quan gì tới đàm bạc hay nhàn nhả ẩn cư cả.

Tiết Thanh Minh chẳng có mưa phùn lay phay, cũng chẳng có người đau đớn đứt ruột. Ngoài song muôn tía nghìn hồng, ong bay bướm lượn, cảnh xuân vô hạn, ý vị sâu xa. Đều nói trong sách tự có nhà vàng, trong sách có nàng mặt như ngọc, Thôi Hộ cả ngày chìm đắm trong sách vở cũng không cầm lòng nổi trước cảnh sắc rực rỡ bên ngoài, không cưỡng nổi những gọi mời của đào hồng liễu biếc. Đặt sách xuống, tìm đường mà đi, không muốn như năm ngoái, chưa kịp thưởng thức cảnh xuân đã phải từ biệt.

Trên đường người qua lại thông dong, chỉ sợ đi vội quá sẽ bỏ lỡ sắc xuân như giấc dật này. Thôi Hộ rơi vào giữa bữa tiệc phồn hoa ấy cũng tạm thời quên bằng hư danh, vút bỏ tục niệm. Đường dài dằng dặc, băng qua trường đình lại đoản đình, bất giác đã đi xa khỏi thành. Dưới chân núi tình cờ trông thấy mấy căn nhà tranh nơi thôn dã nằm khuất trong bóng râm, chẳng thấy rào giậu cửa nẻo. Vô tình quay người, chàng bước đến một vạt rừng đào, chỉ thấy hoa đào nở bừng rực rỡ. Thấp thoáng trong rừng đào là một căn nhà tranh đơn sơ, cửa đóng sập vắng, dây leo bò đầy, tựa hồ chưa từng bị người lạ quấy nhiễu. Căn nhà tuy đơn sơ song lại sạch sẽ tao nhã, không nhuốm bụi trần, chẳng khác nào nơi ở của bậc cao nhân ẩn sĩ, chứ không phải nhà nông dân bình thường.

Có thơ làm bằng:

*Tuyết lạnh ngời màu trắng
Hương nồng theo gió đưa
Thương thay ta lạc lối
Thơ thẩn giữa núi thưa.*

Chủ nhân căn nhà này dường như đang mượn hoa mai ngấm tỏ nỗi lòng. Khi chàng đẩy cánh cửa khép hờ, lại thấy một thiếu nữ ăn vận thanh nhã, tay cầm khay trà bước tới. Người con gái ấy không tô son phấn, mày mắt thanh tú, như hoa đào nở rộ giữa gió xuân, phong tư rực rỡ. Cuộc gặp gỡ ngắn ngủi khiến chàng không sao quên được tình ý trong chén trà, càng không quên được thiếu nữ xinh đẹp giữa rừng hoa. Nàng sống lâu giữa núi rừng, chưa từng biết thế nào là phấn hoa trần thế, cũng chưa từng gặp thư sinh nào tiêu sái tuấn tú như Thôi Hộ. Chàng vốn không cố tình xáo động giấc mơ nàng, song nàng lại đã tương tư sâu nặng, yêu chàng tha thiết.

Chàng chỉ muốn làm một khách ngắm hoa du xuân, tuy gặp giai nhân, song không muốn vì thế mà bỏ bê học hành, làm lỡ tiền đồ. Thỉnh thoảng nghĩ ngợi sẽ nhớ tới đóa hoa đào linh tú nọ, nhớ tới dáng vẻ yêu kiều động lòng người của nàng. Nhưng nhìn lại mười năm đọc sách, vò võ miệt mài, sao có thể vì tình cảm nhi nữ mà vứt bỏ công danh. Song nàng lại ngày nhớ đêm mong, chẳng màng ăn uống, ngày ngày dựa cửa, ngắm hết cỏ hoa.

Ngày ngày nàng quét sân thật sạch, bày biện nhà cửa thật ngăn nắp gọn gàng. Bình hoa trên bàn lúc nào cũng sẵn hoa tươi, trong lò lúc nào cũng hâm một ấm trà nóng, chỉ để đợi chàng thư sinh nàng đã mơ thấy cả trăm ngàn lần. Nàng cho rằng vào một ngày gió nhẹ mây quang nào đó, chàng sẽ đột ngột ghé đến, như lần đầu gặp gỡ. Nàng nghĩ rằng trước khi hoa đào rụng hết sẽ lại có một cuộc trùng phùng đẹp đẽ.

Đông qua xuân lại, thời gian lặng lẽ trôi đi, lại một năm đào thả liễu xanh, dung nhan Giáng Nương vẫn thế, chỉ có phong tư hao gầy. Thôi Hộ giam mình trong thư trai cả năm, thấy xuân sắc ngoài song muôn tía nghìn hồng, oanh bay cỏ rợp, lại nhớ đến nàng Giáng Nương mặt như hoa đào ở thành Nam năm ngoái. Chàng không muốn kìm nén tình cảm trong lòng nữa, bèn đặt sách xuống, vội vã cưỡi ngựa ra đi, chẳng mấy chốc đã khuất bóng cuối con đường liễu xanh tha thướt.

Lần theo dấu thơm tìm đến, chàng chẳng còn bụng dạ nào thưởng thức sắc nước cảnh non hai bên đường nữa, chỉ mong được gặp hồng nhan trong mộng để tỏ mối tương tư. Ngoài ngoài ô thành Nam, hoa đào vẫn thế, mà căn nhà tranh ẩn giữa rừng đào lại đóng cửa im ỉm. Người vắng sân không, chỉ có hoa đào vẫn tươi cười giữa gió xuân, tưởng như hiểu lòng người, thực ra lại là vô tình bậc nhất.

Mặt trời đã ngả về tây vẫn chẳng thấy bóng Giáng Nương đâu, lòng Thôi Hộ xiết bao buồn rầu, hệt hẫng. Vốn định quay lưng lên ngựa, song cứ bịn rịn không thôi, bèn để lại bài thơ để gửi tâm tình. Chàng nhớ tới giai nhân không hẹn mà gặp dưới cội hoa

đào năm ngoái, nhan sắc trời ban, sóng mắt long lanh, mà giờ đây người ngọc nơi đâu, chỉ có mấy cội hoa đào dập dờn trước gió.

*Cửa đây năm ngoái cũng ngày này,
Má phấn, hoa đào ứng đỏ hây.
Má phấn giờ đây đâu vắng tá,
Hoa đào còn bốn gió xuân đây.*

Hết thủy đẹp dễ đều lưu lại trong ký ức, nàng đối với chàng cũng như một đóa hoa đào, đẹp tươi uyển chuyển mà lặng lẽ không lời. Chàng mong được thấy nàng trang điểm nhẹ nhàng, hâm một bình trà mới dưới bếp rồi nói lại duyên xưa giữa rừng đào. Nhưng gió xuân vẫn đó, hoa đào còn đây, nhà tranh vẫn vậy, chỉ không thấy người xưa.

Đời người có biết bao duyên phận tình cờ mà ta gặp được rồi lại vô tình bỏ lỡ. Chàng cứ ngỡ người con gái mình yêu mến sẽ như hoa đào kia, dựa cửa ngóng chờ, năm nào cũng đến như đã hẹn, mà đâu hay non nước điệp trùng, tan hợp khó lường. Vì công danh, chàng đã lỡ hẹn giai nhân, giờ có muốn tìm gặp cũng chẳng được nữa.

Còn Giáng Nương ra ngoài ngắm cảnh hoặc thăm thú, trở về thấy mấy vần thơ Thôi Hộ để lại, lòng sẽ tiếc nuối và hực hắng xiết bao! Nàng vẫn sẽ tựa cửa ngóng chờ, đun trà đợi sẵn hay sẽ lấy một người dân quê bình thường, êm đềm sống hết kiếp này, hoặc cũng có thể tương tư thành bệnh, rầu rĩ cả ngày, bầu bạn cùng hoa đào trong sân đến già?

Có người nói Thôi Hộ tìm người chẳng thấy, thất vọng quay về, cũng chẳng còn bụng dạ học hành. Mấy ngày sau chàng quay lại chốn cũ, cuối cùng cũng gặp được Giáng Nương, không bao giờ chia lìa nữa. Về sau chọn ngày lành tháng tốt, cưới nàng về làm vợ, từ ấy có giai nhân như hoa bầu bạn, năm tháng thoi đưa, hạnh phúc vô vàn. Được người ngọc động viên, Thôi Hộ tĩnh tâm dốc lòng đọc sách, tài học cũng tiến bộ hẳn. Năm Trinh Nguyên thứ mười hai đời Đường Đức Tông (tức năm 796), Thôi Hộ đi thi, đỗ tiến sĩ. Năm Đại Hòa thứ ba đời Đường Văn Tông (tức năm 829) được phong làm kinh triệu doãn, cùng năm ấy chuyển sang làm ngự sử đại phu, tiết độ sứ Lĩnh Nam.

Cũng có người nói lần ấy lỡ nhau, từ đó chàng Tiêu thành khách lạ. Ngày sau chàng thi đỗ tiến sĩ, làm quan ở xa, đường mây rộng mở, chẳng thiếu giai nhân nâng khăn sửa túi. Còn nàng vẫn ở ẩn nhà tranh, trông giữ mấy gốc đào cùng mối duyên đã lỡ, pha trà cả đời, ngắm hoa suốt kiếp, cũng đợi chờ đến già.

Lúc này đây sắc xuân rực rỡ, không gì che giấu nổi, tôi ngồi bên song cửa, bình đàm thản nhiên. Kể lại câu chuyện trong thơ Đường, còn câu chuyện của riêng mình lại như măng mọc sau mưa, chẳng nhuộm bụi trần. Tơ liễu như khói, én đùa ríu rít, chỉ còn lại đôi câu, má phấn giờ đây đâu vắng tá, hoa đào còn bốn gió xuân đây.

Thấp thoáng cầu treo cách khói đồng,
Bờ tây ghềnh đá hỏi ngư ông.
Hoa đào trôi mãi theo dòng nước,
Động ở bên nào mé suối trong?¹

Bên suối hoa đào, sắc núi bóng cầu, phong cảnh nhân thế vẫn vậy, chẳng mấy may dời đổi vì người hay vật. Trăm nghìn năm vẫn như xưa, xuân thu dời đổi, hoặc phồn thịnh, hoặc suy tàn, hoặc hoa lệ, hoặc quạnh quẽ. Tôi thích hoa nở rục rở, tràn ngập sân vườn, chẳng chừa lại một kẽ hở nào trong sâu thẳm thời gian. Song cũng cực kỳ thích giản dị, nguyện từ bỏ hết thảy rườm rà để sống ở nơi chẳng nhuộm bụi trần.

Trăm năm kiếp người, chỉ cần một gian nhà tranh, một chén trà trong, một kẻ tri âm là đủ, còn lại đều như phù hoa hư ảo, có thể bỏ qua hoặc xóa đi. Vạn vật trong thiên hạ, tuy thứ gì cũng tốt đẹp, nhưng chẳng bao giờ thích tranh giành. Kiếp này hoặc nghèo hoặc giàu, hoặc làm quan hoặc ở ẩn, một nửa là theo đuổi, một nửa là vận may. Được là may mắn, không được là số mệnh, vậy thôi.

Bao nhiêu năm mới rèn luyện được thành phong thái ngày nay, song suy cho cùng cũng chẳng được ung dung cho lắm. Gặp chuyện vẫn sẽ bối rối, gặp lại vẫn sẽ động lòng, vẫn chấp nhất về đến đi, được mất, không buông bỏ được. Lòng tôi tuy cởi mở phóng khoáng, không tránh né che đậy, nhưng gió thổi qua vẫn lẫn tăn gợn sóng, cũng từng quên hết tháng năm trong một chén trà, chẳng hay Tần Hán. Giữa giấc trưa mơ màng, một mình lên thuyền lan, theo ông chài Vũ Lăng, trôi theo dòng nước, bước vào Đào nguyên. Núi sâu thung vắng, khói mờ bảng lảng, hoảng hốt mơ màng, tưởng như tiên cảnh. Ấy là một thế giới đơn sơ chất phác, thôn làng bình dị, dân cư bình dị, trai cày gái dệt, êm đềm hòa ái.

Khác với bên ngoài, hết thảy mọi thứ ở đây đều đẹp để đơn giản, thuần tịnh không bị quấy nhiễu. Ở chốn Đào nguyên, dân tình chân

Hoa
đào
nước
chảy,

tiền
người
đi
cùng
đón
người
về

¹ Bài Đào hoa kê của Trương Húc, bản dịch Khương Hữu Dụng.

chất, không có chiến tranh sát phạt, không có thuế má bóc lột, không có mua danh trục lợi, không có đấu đá lẫn nhau. Người với người hòa ái ôn tồn, chân thành chất phác. Tuy nhà tranh vách đất nhưng nhà nào nhà nấy đều sửa giậu trồng hoa, thanh nhàn phong nhã. Láng giềng qua lại với nhau cũng hết sức thật lòng, chuốc chén nói chuyện tầm tở. Trong lòng mỗi người đều có một mảnh Đào nguyên, dù tận hưởng vinh hoa phú quý nhân gian vẫn không quên cần kiệm giữ nhà. Đời người chỉ có đơn giản mới được coi là đẹp đẽ, chỉ chất phác mới được lâu dài, chỉ thanh đạm mới có tư vị. Đào Tiềm đời Tấn thời trẻ từng ôm chí hướng cứu dân giúp đời, bước vào quan trường mới thấy quan trường đen tối. Ông bản tính thanh liêm, không muốn quy lụy kẻ quyền quý, không chịu uốn gối khom lưng, bèn từ chức huyện lệnh Bành Trạch, về với ruộng vườn, vui cùng cày cấy.

Ông có thơ rằng:

*Kết lều cỏ giữa nhân gian
Mà không xe ngựa râm ran đi về
Sao anh giữ được nếp quê?
Tấm lòng cao khiết đất lìa tự xa.²*

Ông hái cúc giậu đông, song suy cho cùng vẫn canh cánh chính sự quốc gia, tuế nguyệt sơn hà. Ông nói rằng mình lỡ sa lưới trần ba chục năm, về với ruộng vườn, trồng thông gieo cúc, chuyện trò cùng chim én, bầu bạn với ráng mây. Ông cũng tìm suối trong pha trà, vào núi sâu thăm tầng lũy, tham thiền ngộ đạo để khuây ưu tư trong lòng.

Ông không thích thế gian ô trọc loạn lạc nên đã dùng ngòi bút của mình phác họa nên một mảnh Đào nguyên thanh khiết. Thế giới ấy hoàn toàn cách biệt với thế gian, thanh bình yên ổn, tự do đẹp đẽ. Họ từng là người chạy loạn từ thời Tần tìm tới đây, về sau dựng nhà tranh vách đất tại đây, an cư lạc nghiệp, cắt đứt mọi liên hệ với bên ngoài. Nếu không phải ông chài Vũ Lăng bỗng dưng lạc bước vào, họ cũng chẳng biết chuyện thay triều đổi đại, gió mưa triều Hán đã qua, lại tới câu chuyện thời Ngụy Tấn.

Bài *Đào hoa khê* này do nhà thơ, nhà thư pháp thời Đường là Trương Húc sáng tác. Ông mượn ý cảnh trong *Đào hoa nguyên ký* của Đào Uyên Minh để viết về Đào nguyên trong mộng của mình, theo đuổi thế giới tốt đẹp mà hư ảo ấy. Toàn bài cấu tứ uyển chuyển, ý họa đậm đà, tình cảm cao xa, khiến người ta hết sức thích thú. Thậm chí có

² Trích trong bài *Ấm tửu* - kỳ 5, bản dịch Trần Trọng Dương.

người còn nói, chỉ vồn vẹn bốn câu thơ cũng đủ sánh ngang với cả bài *Đào hoa nguyên ký*.

*Thấp thoáng cầu treo cách khói đồng,
Bờ tây ghềnh đá hỏi ngư ông.
Hoa đào trôi mãi theo dòng nước,
Động ở bên nào mé suối trong?*

Núi sâu rừng vắng, mây khói mịt mờ, như có chiếc cầu dài vắt ngang khe suối, ẩn sau màn sương mù, thấp thoáng ẩn hiện. Lốp lốp cánh đào dập dềnh trên dòng suối trong, thuyền nhẹ lướt qua, sóng lẫn lẫn gợn. Núi xanh như mực kẻ mây, hoa đào rợp khe khiến người ta nhìn mà hoa cả mắt, lòng muôn vàn cảm khái. Ông chài đang chống sào kia liệu có phải người Vũ Lăng đã bước lầm vào Đào hoa nguyên năm ấy hay chăng?

*Hoa đào trôi mãi theo dòng nước,
Động ở bên nào mé suối trong?*

Từ xưa hoa đào trôi theo dòng nước là cảnh tượng đẹp nhất, cũng là cuộc chia ly bi tráng nhất. Hoa lìa cành, trôi theo dòng nước, chẳng biết sẽ đến đâu, cũng chẳng hẹn ngày về. Thường nói hoa rơi có ý, nước chảy vô tình mà đâu biết nước chảy cuốn cuộn, đưa khách đi, lại đón người về, không ngừng rong ruổi, chẳng hề hối hận.

Nước chảy hoài chảy mãi, đâu là điểm cuối, liệu có thể xuyên qua làn nước mênh mông mà tìm tới cửa hang dẫn tới Đào nguyên năm ấy không? Hang động bí ẩn thâm u kia rốt cuộc ở đâu? Ông chài chẳng biết, làm sao biết được? Năm xưa ông chài Vũ Lăng rời Đào hoa nguyên, chèo thuyền theo đường cũ mà về, trên đường cũng đã đánh dấu lại. Về sau bá kiến thái thú, thuật lại những gì tai nghe mắt thấy, quay lại tìm song cuối cùng lạc lối, không thấy con đường dẫn tới cảnh tiên nữa. Trên thế gian này có lẽ đâu đâu cũng có Đào nguyên, giữa hồng trần huyên náo, ở nơi núi sâu rừng vắng, hoặc khuất sau khe suối. Chỉ cần trong lòng có ước mơ, có lý tưởng, thế nào cũng sẽ tìm được. Cũng có lẽ Đào nguyên không tranh đua với đời ấy vốn ẩn sâu trong lòng mỗi chúng ta. Chỉ khi bạn gạt bỏ hết thủy bụi trần, buông xuống mọi vương vấn, dứt bỏ hết thủy hư danh, mới có thể gặp được nó.

Mọi chuyện trên đời đều do duyên phận, duyên đến thì dù không cố tìm, mọi thứ vẫn sẽ tới như ước nguyện. Năm xưa ông chài Vũ Lăng chẳng qua chỉ đi đánh cá, mong

được no bụng, nào nghĩ lại có duyên gặp được những người chạy loạn tự thời Tần. Nhưng hết thấy những gì trông thấy đều chỉ là giấc mộng Nam Kha, mộng tỉnh rồi, dù năm năm tháng tháng chèo thuyền trên dòng suối cũng chẳng tìm thấy Đào hoa nguyên xưa nữa. Lâu dần, cũng thành câu chuyện phiếm lúc rảnh rang giữa ông thuyền chài và chú đồn củi, thành câu chuyện trà dư tửu hậu của mọi người.

Đào nguyên thực sự thế nào, chẳng ai biết được. Lòng rộng chừng nào thì Đào nguyên rộng chừng đó; lòng tĩnh chừng nào thì Đào nguyên êm đềm chừng đó. Từ ấy về sau, Đào hoa nguyên đã trở thành tiên cảnh nhân gian mà các ẩn sĩ luôn khao khát, tưởng chừng hễ bước vào Đào nguyên là cắt đứt được muôn vàn chấp niệm hồng trần, tiêu tan nghìn vạn tai ách.

Trương Húc, tác giả bài thơ này thực ra là một người phóng khoáng tiêu sái, rộng lượng hào sảng. Ông tài hoa xuất chúng, học vấn uyên bác, thư pháp chữ thảo của ông như rồng lượn, vung bút tự nhiên. Một nhân vật như vậy sao có thể cố chấp kháng kháng đi tìm cửa động dẫn tới Đào nguyên được? Ông viết bài thơ này chẳng qua chỉ muốn bày tỏ khát vọng của mình với cuộc sống tươi đẹp và một miền đất thanh tịnh mà thôi.

Trương Húc nổi tiếng về thư pháp chữ thảo, chữ thảo của ông cùng với thơ Lý Bạch và kiếm pháp của Bùi Mân, được gọi là tam tuyệt. Chữ ông cũng như thơ ông, mang một phong cách riêng, cuồng phóng tiêu sái, sở trường là thơ thất tuyệt. Ông lại mê rượu, mỗi lần say vung bút viết chữ, vẩy mực thành cuồng, được người đương thời gọi là "Trương điên". Về sau Hoài Tố kế thừa bút pháp của ông, cũng nổi tiếng về chữ thảo, được gọi chung là "Trương điên Tố khước".

Trương Húc là một nghệ thuật gia thuần túy, ông nhúng mực tiêu sái, múa bút như bay, như say như dại, như điên như cuồng. Ông gửi gắm tình cảm vào ngòi bút, hoặc vui giận, hoặc buồn lo, hoặc ngông cuồng, hoặc nhạt nhẽo. Thậm chí cả vạn vật trong đất trời, cây cối đá núi, chim bay thú chạy, hoặc hình hoặc vận, đều có thể gửi gắm vào bút mực.

Cảnh hoa đào trôi theo dòng, tự bản thân nó đã toát lên ý cảnh xa xăm, những gợn sóng lẫn tan loang ra cũng có thể làm rung động lòng người. Ông chài từ xa chèo thuyền tới, đến từ triều đại nào, từng qua những đâu, gặp gỡ những gì? Thực ra ông chỉ là một ông chài bình thường, khoác áo tơ đội nón lá, dầm dãi gió mưa, chẳng biết số trời vận đời, chẳng liên quan gì tới vinh nhục đến đi.

Những nơi từng qua cũng vẫn là ngày tháng nhân gian như thế, hoặc Tần Hán Ngụy Tấn, hoặc Đường Tống Minh Thanh, đều là vạn vật, đều là Đào nguyên như vậy. Tấm lòng cao khiết đất lìa tự xa, nơi bạn nghĩ tới, hẳn là chốn hoa lặng người nhàn, vạn vật tốt đẹp.

*Phồn hoa tan tác bụi thơm đưa,
Cỏ thấm màu xuân nước hững hờ.
Chiều giục gió xuân chim khắc khoải,
Hoa rơi như gái nhảy lầu xưa!¹*

Dường như mỗi phong cảnh đều sẽ tạo ra một kiểu tâm trạng, mỗi di tích đều từng có một câu chuyện. Đời người tự có chốn về, bất luận bạn đi trên cổ đạo dằng dặc hay ngồi trên thuyền nhỏ, thì tới một ngày cũng sẽ phải dừng lại, không phiêu bạt nữa. Có điều những người dân thường sống trong nhà nhỏ ngõ hẻm, cả đời bình đạm, có biết bao vui buồn khôn tỏ cùng ai. Mà những quan lại quyền quý sống trong nhà cao cửa rộng, cả đời hưởng đủ lợi danh, nên để lại rất nhiều câu chuyện cho người đời sau tưởng nhớ.

Tôi vốn là kẻ thanh đạm, nguyện cả đời ngắm hoa chơi cỏ, pha trà nghe mưa, sống dưới mái tranh nơi sơn dã, không tăm không tiếng. Song cuối cùng vẫn bị lưu đầy trong cũi tục, bị vây hãm trong trường danh lợi, tiến thoái lưỡng nan. Nếu không có chữ nghĩa, trên đời cũng chẳng có Bạch Lạc Mai, còn tôi kiếp này mãi mãi là một du khách ở trọ Giang Nam. Chẳng ai biết tới Mai trang, cũng chẳng có ai dò hỏi câu chuyện của tôi, nghe ngóng về cuộc đời tôi, cùng dấu bèo trôi nổi như cánh hoa rơi xuôi theo dòng nước.

Nếu không có Thạch Sùng, lịch sử cũng sẽ mãi mãi không có Lương Lục Châu. Không có Thạch Sùng, mé Tây Bắc Lạc Dương cũng sẽ chẳng có Kim Cốc viên, càng không có nhiều truyền thuyết đẹp để thê lương như vậy. Thạch Sùng là ai? Ông ta là phú hào thời Tây Tấn, một trong Kim Cốc nhị thập tứ hữu. Ông ta cũng là nhà văn, quan viên, cả đời chỉ yêu gia tài đồ sộ tiêu không hết và ba nghìn giai nhân xinh đẹp phi phạm, song lại vì một người mà vứt bỏ tất cả. Lục Châu chết đi, Kim Cốc viên từ ấy cũng bỏ hoang, xa hoa phú quý trước kia, chỉ qua mấy ngày đêm đã chẳng còn tăm tích.

Một
làn
bụi
thơm,

hoa
rơi
như
kẻ
gieo
thân
trên
lầu

¹ Bài Kim Cốc viên của Đỗ Mục, bản dịch Lê Nguyễn Lưu.

Lương Lục Châu là người làng Lục La, trấn Song Phượng, huyện Bắc Bạch, Quảng Tây, sinh ra dưới chân núi Song Giác hẻo lánh, cây cỏ xanh um, non xanh nước biếc, chẳng khác Đào nguyên, suốt bao năm tháng chẳng có dấu chân khách lạ. Có lẽ Thạch Sùng là vị khách cao sang nhất ghé qua làng Lục La, chỉ một cuộc gặp gỡ tuyệt đẹp đã thay đổi số phận Lục Châu, cũng thay đổi cả đời Thạch Sùng. Ông là quý nhân từ trên trời rơi xuống, bỏ ra mười hộc trân châu để đưa nàng rời làng Lục La, từ ấy ngấm hết phần hoa nhân thế.

Mười hộc trân châu là bao nhiêu viên? Nặng bao nhiêu? Đáng giá bao nhiêu? Mua được bao nhiêu ruộng đất? Dựng được mấy căn nhà? Mua được bao nhiêu lương thực? Đổi được bao nhiêu thốt vải? Lục Châu thực sự không biết, nàng cũng chẳng cần biết.

Về sau nàng ở trong Kim Cốc viên, chẳng màng vinh hoa phú quý, dù trước kia cũng từng yêu vẻ tuấn tú phong lưu của Thạch Sùng, nhưng dần dà cũng chán chường mệt mỏi. Nàng chỉ thích cây sáo trúc, thứ duy nhất nàng đem theo từ làng Lục La. Để làm Thạch Sùng vui, ngày ngày nàng đều phải tập ca múa, bởi Kim Cốc viên có hơn nghìn cơ thiếp, ai nấy đều xinh đẹp như hoa, quần áo lụa là, đeo vàng giắt ngọc, nàng chẳng qua chỉ là một hầu thiếp được ông mua bằng mười hộc trân châu thôi.

Kim Cốc viên là một khu biệt thự năm xưa Thạch Sùng xây dựng để độ giàu sang với cậu của Tấn Vũ Đế là Vương Khải. Vương Khải dùng mật rửa nổi, Thạch Sùng bèn lấy nến làm củi đốt; Vương Khải dựng bình phong tơ tía chạy dài suốt bốn mươi dặm, Thạch Sùng bèn làm bình phong gấm dài năm mươi dặm; Vương Khải dùng đá đỏ nghiền thành bột quét tường nhà, Thạch Sùng bèn dùng hồ tiêu. Tuy cả hai đều giàu nứt đổ đổ vách, nhưng độ giàu như thế, quá xa hoa lãng phí, thực không phải hành vi của người quân tử.

Thạch Sùng lựa theo hình thế núi sông mà dựng vườn xây nhà, trong vườn đình đài lầu gác, suối chảy vờn quanh, chim kêu làng vắng, cá nhảy dưới hồ. Cả Kim Cốc viên như một cung điện vàng son chói lọi, ngói lưu ly, cửa sổ vàng, lan can ngọc, sập ngà voi, tường như chất đầy kỳ trân dị bảo trong thiên hạ. Nhà thơ đời Minh Trương Mỹ Cốc có thơ rằng:

*Kim Cốc xưa phong cảnh
Núi xanh nước chảy dài
Ngọc châu chồng chất xếp
Muôn vạn trạng lâu đài.*

Trong Kim Cốc viên, cách mấy ngày lại bày tiệc chiêu đãi khách khứa. Thạch Sùng có lệnh, phàm là mỹ nhân tiếp khách đều phải mời rượu, nếu khách chối từ không uống thì sai thị vệ lôi mỹ nhân ra ngoài giết. Thạch Sùng rải vụn trầm hương lên sập ngà voi, để các cơ thiếp được sủng ái bước lên, nếu ai không để lại dấu chân thì ban cho một trăm viên trân châu, còn nếu để lại dấu chân thì mỗi ngày phải bớt ăn, đến nỗi tất cả cơ thiếp trong Kim Cốc viên đều như liễu nghiêng trước gió, nhẹ nhàng thướt tha.

Vương Gia trong *Thập di ký* viết rằng: "(Thạch Sùng) Lại lấy vụn trầm hương tán thành bột mịn rải lên sập ngà, cho các thiếp yêu bước lên. Ai không để lại dấu chân thì ban trăm viên trân châu." Tiếc rằng Thạch Sùng không biết, thắng cảnh phồn hoa tinh xảo tuyệt trần như Kim Cốc viên, cuộc sống xa xỉ của ông ta cùng mấy nghìn giai nhân dung nhan tuyệt đẹp rồi đến một ngày cũng tiêu tan theo gió, chẳng còn dấu tích như vụn trầm hương.

Ngay nàng hầu Lục Châu mà Thạch Sùng yêu thương nhất cũng chỉ là một làn khói thơm, ngọc nát hương tan cùng dung nhan đẹp đẽ, lời ca điệu múa cùng tiếng sáo như từ trời vẳng lại. Trong hơn ngàn hầu thiếp, Thạch Sùng chỉ riêng yêu quý Lục Châu, chẳng cần duyên do, trông thấy nàng là đã xiêu hồn lạc phách. Vì chiều chuộng Lục Châu, ông đã cho dựng Sùng Khởi lâu cao trăm trượng trong Kim Cốc viên, có thể "phóng mắt nhìn tít xuống cuối trời Nam", để nàng với nỗi nhớ quê. Sùng Khởi lâu cũng xa hoa tột bậc, vàng ngọc châu báu, mã não hổ phách, sừng tê ngà voi, khiến người ta nhìn ngợp mắt.

Lục Châu là hồng nhan, cũng là họa thủy. Theo *Truyện Thạch Sùng* trong *Tấn thư*: "(Thạch) Sùng có ả gái tên Lục Châu, xinh đẹp diễm lệ, giỏi thổi sáo. Tôn Tú cho người tới xin... Sùng hầm hầm mắng: 'Lục Châu là người ta thích, không thể cho được.' ... Sùng đang bày tiệc trên lầu thì quân lính mặc giáp kéo tới cửa. Sùng bảo Lục Châu: 'Nay ta mang tội vì nàng đó.' Lục Châu khóc mà rằng: 'Thiếp xin được chết trước ngài' rồi đâm đầu xuống dưới lầu mà chết."

Nếu Tôn Tú không xuất hiện, có lẽ cả đời Lục Châu vẫn sẽ ở Kim Cốc viên, sống cuộc đời bình yên nhàn tản ca múa của mình. Tôn Tú dựa hơi Triệu vương Tư Mã Luân, nghe nói là một kẻ giỏi nịnh hót, lắm thủ đoạn. Nhưng bất luận lịch sử bình luận về hắn ra sao thì người đàn ông này cũng muốn Lục Châu. Thạch Sùng là người cực kỳ sĩ diện, đời nào chịu dâng tặng người đàn bà mình yêu nhất cho kẻ khác. Ông ta không chịu được sự sỉ nhục ấy, cũng không cách nào dứt nỗi tình.

Bị Thạch Sùng từ chối, Tôn Tú nảy ý muốn giết người, bèn xui Triệu vương Luân giết Thạch Sùng. Kim Cốc viên bị binh mã bao vây, Thạch Sùng tự biết đại thế đã mất, bên than với Lục Châu: "Nay ta mang tội vì nàng đó." Lục Châu khóc mà rằng: "Thiếp xin được chết trước ngài." Đoạn nàng tung mình nhảy từ trên lầu xuống, như một cánh hoa rơi, máu đỏ tươi nhuộm đầm tẩm áo lụa xanh mỏng mảnh. Lục Châu chết để báo ơn, đồng thời cũng là tuấn tình, nàng chết bi tráng mà đẹp đẽ, khiến người ta không khỏi đón đau tiếc nuối.

Từ ấy Kim Cốc viên trở thành truyền thuyết, nó trang nghiêm hoa lệ, song cũng bí ẩn mịt mờ. Biết bao người đã làm thơ diễn từ vịnh Lục Châu, hoặc ca tụng, hoặc tưởng nhớ, song tôi ưa nhất vẫn là bài *Kim Cốc viên* của Đỗ Mục:

*Phồn hoa tan tác bụi thơm đưa,
Cỏ thấm màu xuân nước hững hờ.
Chiều giục gió xuân chim khắc khoải,
Hoa rơi như gái nhảy lầu xưa!*

Thơ tuyệt cú của Đỗ Mục ý cảnh cao xa, hàm súc sâu sắc, giữa rừng thơ Đường mênh mông, cũng được coi là một phong cảnh khiến người ta phải thông thả ngắm nhìn. Hạ Thường trong *Tái Tửu viên thi thoại - Hựu biên* nói rằng: "Thơ Đỗ Mục Chi hay nhất là tuyệt cú, dư vị dài lâu mà hứng thú sâu xa, như trăng sáng lẻ loi, rắng hồng lơ lửng, thơ ta không sao bì nổi."

Đỗ Mục bấy giờ cũng chỉ là một khách qua đường ngang qua Kim Cốc viên, nhìn đi chỉ loang lổ dấu xưa, nhớ lại cảnh tượng phồn hoa trước kia. Nước chảy vô tình, chẳng màng đời người bể dâu đời đổi, cứ lờ lững chảy hoài. Cỏ xuân cũng vô tâm, luôn bình tĩnh thản nhiên trước sinh tử vinh nhục.

Gió xuân chiều tà, thỉnh thoảng lại nghe tiếng chim hót, khu vườn nổi tiếng một thời này, dưới ánh tà dương lại càng thêm phần hoang lương. Chim chóc dường như cũng đang khóc than nức nở, như si như oán, cùng chung tâm trạng với nhà thơ, chìm trong câu chuyện của người khác, không sao giã thoát nổi.

Hoa rơi lả tả, như người gieo mình, bay đi theo gió, đẹp mà thê lương khôn xiết. Thạch Sùng thực sự vì Lục Châu mà chống lại Tôn Tú ư? Nếu ông không phải phú hào giàu nghiêng nước, nàng không phải giai nhân tuyệt sắc, cả hai bọn họ đều là người bình thường, ắt số phận đã khác. Lục Châu có thực là người Thạch Sùng yêu không? Cái chết của nàng có giá trị không? Đã không còn quan trọng nữa. Nàng chẳng qua là

hầu thiếp được ông mua bằng mười học trần châu, có lẽ đến tận lúc chết đi, nàng cũng chẳng biết mười học trần châu rốt cuộc đáng giá bao nhiêu.

Trăm năm kiếp người, thời gian thấm thoát thoi đưa, khó thay đổi nhất, thậm chí không thể đảo ngược, chính là những dâu bể hưng suy. Nếu không có Lục Châu, Kim Cốc viên mà Thạch Sùng xây dựng rồi cũng sẽ có một ngày suy tàn, mai một dấu tích trong một góc nào đó của trần gian, như nhà họ Vương, họ Tạ vậy. Thật đáng tiếc, *chiều giục gió xuân chim khắc khoải, hoa rơi như gái nhảy lâu xưa!*

Rượu đào ngon ngọt chén lưu ly,
Toan uống, ty bà giục ngựa đi,
Chớ mĩa người say nằm bãi cát,
Xưa nay chinh chiến mấy ai về!¹

Hái hoa thông ủ rượu, hứng nước xuân pha trà là nhàn tình nhả trí của người xưa, khiến người nay ngày đêm ao ước. Tôi cũng học người xưa, hằng ngày pha trà ủ rượu, sáng cày ruộng tối đọc sách, hòng xua tan cô tịch, gửi gắm tâm tình. Sáng ra hái hoa nhài, bỏ đầy một chén sứ Thanh Hoa, hoặc pha trà, hoặc ủ rượu, hương thấm đầy tay áo, vui với thú tao nhã. Trà của văn nhân, rượu của văn nhân, có lòng người thơ, dạ khách tử, không bợn vị lợi danh mà nhàn nhạt thanh cao.

Mơ xanh hâm rượu luận anh hùng là phóng khoáng, cũng là tình ý. Hoa mơ vườn cũ đã rụng hết, kết thành quả chua, tròn trĩnh căng mọng, hái xuống ngâm rượu, ngon hết mức. Vò rượu này cất trong sâu thẳm thời gian, ngấm mùi thế sự, trải năm tháng bể dâu mới thành rượu ngon vị thuần. Lúc tịch liêu, tự rót tự uống trong đình viện dưới bóng chiều, lòng trĩu nặng tâm tư mà không đau buồn. Hoặc mời dăm ba tri kỷ, tụ lại trong gian nhà dột, nâng chén chúc nhau, say khướt dưới trăng, cũng chẳng giảm hào tình.

Mấy bó hoa theo mùa, bàn ghế sạch sẽ, mấy đĩa hoa quả đơn giản, màu sắc rực rỡ, cảnh tĩnh người nhàn, nhấp chén rượu, nhâm nhi thức ăn, hồi tưởng lại những duyên trần chẳng thể tỏ cùng ai. Hoặc tới bụi hoa rặng liễu tìm một chiếc ghế gỗ, lặng ngắm phồn hoa, rót một bình u sầu, một mình thể nghiệm cảnh thơ của người xưa. Tới khi ngà ngà đã chẳng biết giờ là tháng năm nào, mùa nào, mình đang ở đâu nữa.

Thơ rượu dễ say người, biệt ly là buồn nhất. Từ xưa tới nay, biết bao văn nhân mặc khách gửi tình vào chén rượu, vung bút vẩy mực thành bài, nối dài văn hóa nghìn năm, tình cảnh vạn cổ. Lại có biết

Tỳ
bà
vàng
vàng,

rượu
đào
ngon
ngọt
chén
lưu
ly

¹ Bài Lương Châu tử của Vương Hàn, bản dịch Lê Nguyễn Lưu.

bao nông phu lái buôn mượn rượu giải sầu, chúc chén đùa vui, giữ lấy tháng năm thanh bình, say khướt cả đời. Tuy sở nguyện mỗi người mỗi khác, thân phận cũng khác nhau, song vẫn có thể coi là tri kỷ về rượu.

Những chuyện vui về rượu rất nhiều, bạch y đưa rượu, già bên giậu đông là tiêu sái, ngựa Ngũ Hoa, áo khinh cừu, hô hào đem ra đổi rượu ngon, cùng người giải mỗi sầu thiên cổ là hào sảng; rừng trúc giữa hạ, coi đời như cơn say mà chết như giấc mộng là phóng khoáng; một mình chúc chén dưới hoa, ngà ngà mờ trăng sáng là thoát tục. Thiết nghĩ, thi nhân từ khách xưa kia, vào đêm gió mát trăng trong, mượn chén rượu mà khơi xưa kia, vào đêm gió mát trăng trong, mượn chén rượu mà khơi lên muôn ngàn cảm xúc, viết ra đều là thơ hay thiên cổ, sảng khoái làm sao! Hoặc ngồi tựa lan can, say hồng hai má, bẻ liễu tiễn biệt, nắm tay nhìn nhau, cảm khái xiết bao!

Trước kia đọc *Hồng lâu mộng*, Giả Bảo Ngọc ngủ mơ, dạo chơi Thái Hư ảo cảnh, Cảnh Ảo tiên tử cho cậu ta uống trà phẩm rượu, ẩn ý sâu xa. Cảnh Ảo nói: "Trà này lấy ở Động Khiển Hương núi Phóng Xuân, pha bằng nước móc động ở trên hoa lá cõi tiên, gọi là 'Thiên hồng nhất quật'. Rượu này cất bằng nhụy trăm thứ hoa, nước muôn thứ cây thêm vào tủy con lân, sữa con phượng, vì thế gọi là rượu 'Vạn diễm đồng bôi'²." Bảo Ngọc nếm xong, tấm tắc khen mãi. Trà có trăm vị, rượu đến nghìn hồi. Rượu ngon nhắm tốt bày biện trong nhà cao cửa rộng ngói xanh tường đỏ, còn cơm nhạt trà trong thì thưởng thức trong nhà thanh bản cần kiệm. Bất luận là rượu quý hiếm hay rượu quê, đều có vị nồng nàn riêng của nó, chỉ người uống mới biết. Kẻ tỉnh táo phóng khoáng nghìn chén chẳng say, kẻ tâm sự rối bởi một chén là ngã.

Trong *Tiểu ngao giang hồ*, tác giả mượn lời Tổ Thiên Thu để miêu tả về các dụng cụ dùng khi uống rượu. Đã biết uống trà có nhiều thú nhả, không ngờ uống rượu cũng lắm cái hay như vậy. Rượu bồ đào xưa kia là thứ rượu Tây Vực, uống bằng chén dạ quang mới càng đúng điệu.

Trong phần Phượng lân châu của *Hải nội thập châu ký*, Đông Phương Sóc viết rằng: "Đời Chu Mục Vương, Tây Hồ dâng lên dao cắt ngọc Côn Ngô và chén lưu ly luôn đầy. Dao dài một thước, chén đựng được ba thăng. Dao cắt ngọc như bùn, chén là tinh túy của bạch ngọc, ban đêm lại sáng rực."

Đây có lẽ là xuất xứ của chén lưu ly. Theo lời kể bên trên thì thời Chu Mục Vương, Tây Vực dâng lên chén lưu ly, là tinh túy của bạch ngọc, dẫu nửa đêm vẫn thấy ánh

² Tất cả các đoạn trích *Hồng lâu mộng* trong sách này đều lấy từ bản dịch của nhóm Vũ Bội Hoàng.

sáng rực. Rót đầy rượu bồ đào vào chén này, dầu say nghìn ngày cũng có sao? Nhưng ở đây, rượu ngon chén đẹp lại đọng đầy sầu hận biệt ly, ủ bấy đoạn trường.

Vương Hàn là nhà thơ chuyên về thơ biên ải lúc bấy giờ, tài học lẫy lừng, tính cách hào phóng, khoáng đạt tiêu sái. Sau khi đỗ tiến sĩ, ông ngày ngày uống rượu. Thơ ông phần nhiều viết về thiếu niên sa trường, giai nhân xinh đẹp ca hát bày tiệc, cảm thán đời người ngắn ngủi, phải mau nắm bắt niềm vui trước mắt. Đỗ Phủ từng viết đôi câu "*Lý Ung tìm biết mặt, Vương Hàn muốn cầu thân*" để khen ngợi Vương Hàn là đủ thấy.

Thơ Vương Hàn phần nhiều là những câu hào phóng tráng lệ, phong hoa luân chuyển, dư âm còn vang vọng bên tai. Nhưng nổi tiếng nhất, hàm ý sâu xa nhất là bài *Lương Châu từ* này. Bài thơ đọc qua đầy khoáng đạt hào sảng, song thực ra lại gửi gắm tâm trạng chán ghét chiến tranh của binh lính cùng lòng can đảm coi chết như về, thê lương mà khảng khái, phấn chấn mà bi tráng.

*Rượu đào ngon ngọt chén lưu ly,
Toan uống, tỳ bà giục ngựa đi.*

Tỳ bà là vật dễ khiến người ta đau lòng, là một nhạc cụ, trong văn học cổ điển, nó đã làm uớt biết bao vạt áo xanh vui vẻ, xui rầu lòng bao tóc mai bạc trắng của người chia lìa. Tới khi ngoái đầu chỉ thấy mệnh mang mây biếc, bóng nhận tiền đưa, mới thấu hiểu nỗi ai oán của Chiêu Quân, lại lặng so đây, gảy nát những xương khô vùi trong cỏ hoang biên tái, phảng phất bao nhiêu vong hồn muốn về mà không được.

Tiếng tỳ bà lúc này đến từ người đang ngồi trên lưng ngựa, chữ "giục" trong bài, hàm ý "nôn nóng". Mà nhạc cụ nơi biên ải được nhắc tới trong thơ từ, ngoài sáo Khương ra, chính là tỳ bà, bất luận tấu khúc nào, cũng là vật gợi hứng. Rượu ngon, chén lưu ly, tiếng tỳ bà, là những vật điểm tô đẹp nhất cho doanh trại.

Rượu ngon nhắm tốt, cỗ bàn ê hề, các tướng sĩ ở biên ải lạnh lẽo nhiều năm, chinh chiến đã lâu, chỉ muốn say khướt một trận mới thôi. Vui vẻ trong chốc lát, chẳng biết bao lâu nữa lại phải cầm binh khí xông trận. Hoặc chỉ trong chốc lát, hoặc sáng hôm sau, hoặc tiệc rượu còn dang dở, đã phải vào sinh ra tử, xông xáo giết địch giữa ánh đao bóng kiếm. Tâm trạng ấy thoát trông tưởng là phóng khoáng hào sảng, song thực ra ẩn giấu biết mấy bi ai!

Nếu "*Còn quuyền luyến, thuyền đà giục riết. Năm tay nhìn mắt lệ rơi*³" chỉ là cảm xúc bi thương khi ly biệt thì "*Chớ mĩa người say nằm bãi cát, xưa nay chinh chiến mấy ai về!*" lại là lời than thở lúc sinh tử. Đối mặt với sinh mệnh khó lường, chúng ta nên quên hết sinh tử, hào sảng phóng khoáng hay nên hàm súc uyển chuyển, bịn rịn vô bờ? Nên "*hôm nay có rượu nay say khuớt*" hay "*liếc mắt trông cho suốt sự đời*"?

Chiến loạn sát phạt, khói lửa sa trường, các tướng sĩ từ lâu đã gạt chuyện sống chết ra khỏi tâm trí. "*Cây ông bỏ giúp lòng khanh tướng, một tướng nêu công chết vạn người*⁴" Giang sơn tươi đẹp, thành trì vững mạnh là do biết bao xương khô đắp thành. Biết bao người chống kiếm ra đi, chinh chiến cả đời, cuối cùng đến xương cốt cũng chẳng biết chôn ở đâu, chỉ tới đêm trăng tròn, hồn phách tình cờ bay về quê cũ, thăm lại người thân xa cách đã lâu.

Sống chết là việc trọng đại, cũng là quá trình tất yếu của sinh mệnh. Dù là vương hầu khanh tướng, tài tử giai nhân, cũng chẳng tránh nổi năm tháng thoi đưa. Nhưng ở chốn biên ải này, sống sớm chẳng hay tối, sống mùa xuân đâu biết mùa hạ, có thể coi nhẹ sinh mệnh, đặt cả mạng sống vào một cơn say, là trốn tránh, cũng là thuận theo. Trăng biên ải nhuộm trắng áo giáp tướng quân, giục cỏ xanh phát phơ trong thành héo úa, song chẳng chiếu được tới khi trời sáng, chẳng soi tới được quê nhà phương xa, cùng người vợ ngồi dưới ánh trăng mỗi mòn chờ đợi bao năm.

Thường nói chữ như người, văn như lòng. Nếu Lý Bạch thiếu ngạo cốt thì đã chẳng thành Thi tiên, Đỗ Phủ sinh lòng tư lợi đã chẳng phải Thi thánh. Chính là bởi Lý Thái Bạch mơ chơi Thiên Mụ, say mờ trăng sáng, cốt cách thơ ngạo nghễ: Đỗ Công Bộ lòng lo thiên hạ, muốn dựng nhà lớn, tài hoa thành tựu muộn. Còn hào khí khoáng đạt của Vương Hàn, có thể thấy rõ qua bài *Lương Châu tử*.

"*Ban ngày còn lại đáng được bao, sống chết làm sao đủ tính toán.*" Qua đôi câu này cũng đủ thấy sự cuồng ngạo phóng khoáng cùng tâm thế nắm bắt niềm vui trước mắt. Một nhân vật thời Thịnh Đường như vậy cũng nên có phong cốt và sự phóng khoáng của Thịnh Đường, đồng thời cũng mang ý thơ và hào tình của thời Thịnh Đường.

Giữa tháng ngày êm đềm mà sinh lòng nôn nóng là kẻ ngu, dùng tấm lòng bình đạm mà giữ lấy cảnh êm đềm mới là người khôn. Trong cảnh giản dị nhớ nhung gấm lụa là tài khách, thấy chân thuần trong cảnh phồn hoa là cao sĩ. Người sống trên đời, không sa lưới trần, chẳng nệ công danh, không chấp nhất ái tình, một chén rượu

³ Trích trong bài *Vũ lâm linh* của Liễu Vĩnh, bản dịch Châu Hải Đường.

⁴ Trích trong bài *Kỷ Hối tuế Hy Tông Quảng Minh niên - Kỳ 1* của Tào Tùng, bản dịch Cao Tự Thanh.

trong, một vành trăng non, hoặc nhàn rồi rong chơi ngõ nhỏ, hoặc dong thuyền ngắm sông hồ, đều tốt cả.

Chương 3

Trăng

sáng

đá

ình

tiếc

rằng,

mộng

đẹp

bị

người

lay

tĩnh

*Nhà Tà về đây một giấc mòng,
Bao lan uốn khúc, dầy hiên cong.
Đa tình có mảnh trăng xuân đó,
Hoa rụng soi giùm kẻ ruỗi rong.¹*

Mùa xuân năm nay, tôi chỉ ở Mai trang viết chữ uống trà, song chưa từng bỏ qua những thay đổi nhỏ của phong cảnh ngoài song. Ngắm hết đợt hoa này tới đợt hoa kia nở, như từng mối duyên tình thuở trước, nở bung rồi tàn tạ cảnh xuân, cũng bào mòn cả tuổi hoa. Một bận chơi hồ, ngồi bên bờ thưởng thức chén trà thơm, hải đường quây quần, trúc xanh thấp thoáng, đã quen một mình, lúc nào cũng sợ mộng đẹp bị người lay tỉnh, cũng sợ phá vỡ giấc mộng của người khác.

Đình lang thủy tạ là những phong cảnh hấp dẫn nhất của Giang Nam, có thể ngắm hoa nở hoa tàn trong đình nhỏ, rồi nhìn mây tụ mây tan cuối chân trời, lúc nghe nước chảy róc rách, khi ngắm trăng trong vầng vạc. Trà nói, cả đời chẳng muốn rời vườn cảnh này. Trà còn nhỏ, chưa hiểu việc đời, con đâu biết vườn cảnh này là của nhà quan, chúng tôi chẳng qua là khách du ngoạn, chẳng thể mang theo dù một mảy bụi trần. Nhưng một cô bé như con lại thích du sơn ngoạn thủy, yêu hoa mến cỏ, khiến tôi không khỏi vui mừng.

Thời xưa những nhà giàu có đều dựng vườn cảnh, xếp đá thành núi, đào ao dẫn nước, trồng hoa trồng cỏ. Trong *Hồng lâu mộng* có vườn Đại Quan, là nơi các cô gái cư ngụ, hết thấy bày biện đều dựa trên tính tình các cô, hoặc trúc biếc hoa mai, hoặc chuối xanh cỏ dại. Họ ở trong đình viện của mình, ngâm thơ vẽ tranh, gảy đàn chơi cờ, pha trà ngắm hoa, uống rượu xem hát, sống cuộc đời đầy ý thơ, tận hưởng tuổi hoa lãng mạn. Song hết thấy đều là tưởng tượng của tác giả, là giấc mộng hồng trần dang dở của ông. Ông từng nói, "*Lời hoang đường rợp giấy, lệ đắng cay hai hàng. Cứ cười kẻ viết si, ai biết sầu trong ấy?*"

Trăng
sáng
đa
tình,

tiếc
rằng
mộng
đẹp
bị
người
lay
tỉnh

¹ Bài *Ký nhân* của Trương Bí, bản dịch Lê Nguyễn Lưu.

Nhà soạn kịch thời Minh là Thang Hiến Tổ, cuối đời xa rời quan lộ, vui cảnh thanh bần, về quê ở Lâm Xuyên, chú tâm vào lời kịch và thơ từ, viết ra *Lâm Xuyên tứ mộng* nổi tiếng. Mỗi vở kịch đều bắt nguồn từ giấc mộng, họ an hưởng vinh hoa phú quý, nếm trải yêu hận tình thù, phát sinh vui buồn hợp tan trong mộng. Cảnh trong mộng, người trong mộng, tình trong mộng, hết như hiện thực, khiến người ta rung động không thôi. Trải qua cả đời đăng đẳng trong mơ, tỉnh ra mới hay chỉ là một khoảnh khắc vụt qua.

Trong lời tựa vở *Mẫu đơn đình*, Thang Hiến Tổ từng viết: "Tình chẳng biết bắt nguồn từ đâu, vừa bén đã đậm sâu. Người sống có thể chết, người chết có thể sống. Sống mà không thể cùng chết, chết mà không thể sống lại, không phải là chí tình vậy." Hết thấy đều là mộng, hết thấy đều là tình, nếu tránh được tình ái thì cũng buông bỏ được chấp niệm. Kiếp này bất luận là rong chơi trong mộng hay gửi thân nơi trần thế, đều có thể tự tại an nhiên, không cần bị tình trói buộc, bị ái dây dưa.

Ai ai cũng có những mối tình không sao buông bỏ, có người ngày nhớ đêm mong. Người ấy có lẽ đã hóa thành hôm qua, cũng có lẽ đang ở bên bạn, số phận ràng buộc vào nhau, nhưng rồi cuối cùng cũng sẽ thành quá khứ. Bạn nhớ được cũng tốt, buông bỏ cũng tốt, người ấy từng đến, từng khuấy động cuộc đời bạn, đem lại cho bạn một tình yêu đẹp cùng những buồn đau chẳng thể gọi thành tên. Rốt cuộc cũng chẳng thể được như ý nguyện, bầu bạn bên nhau cùng đậu cùng bay, bạc đầu đến già.

Tôi cũng từng yêu, từng hẹn hò dưới bóng hoàng hôn, nhưng hết thấy đều đã thành người qua đường, không còn gặp lại. Thảng hoặc gặp nhau trong mộng, song chẳng phải bởi nhung nhớ không quên, tình cảm canh cánh gì, chỉ tình cờ lạc vào mộng mà thôi. Năm xưa Đỗ Lệ Nương dạo vườn hoa gặp một chàng trai rồi si mê cố chấp, hò hẹn vui vậy, trao gửi chân tình cùng người đó. Tô Đông Pha nửa đêm nằm mơ thấy người vợ đã mất từ mười năm trước, thấy nàng chải đầu trước song, tỉnh dậy vội làm bài từ ghi lại.

Từ uyển từng đàn của Từ Cầu thời Thanh có viết: "Trương Bí giữ chúc nội sử xá nhân dưới thời Nam Đường, ban đầu phải lòng cô gái giặt áo bên hàng xóm, làm bài *Giang thành tử*:

*Cán Hoa khe ấy gặp cô mình,
Mắt long lanh,
Nét mi thanh.
Tóc mây cao búi*

Vấn kiêu chú chuồn xinh
Hay là ướm thử: "Đến cùng anh?"
E lại bảo:
"Chớ đa tình!"²

Về sau nhiều năm không gặp lại. Trương mơ thấy, làm bài thơ tuyệt cú:

*Nhà Tạ về đây một giấc mộng,
Bao lan uốn khúc, dây hiên cong.
Đa tình có mảnh trăng xuân đó,
Hoa rụng soi giùm kẻ ruỗi rong.*

Trương Bí là thi nhân cuối thời Đường, vừa viết thơ, vừa điền từ. Sử sách không ghi chép nhiều về cuộc đời ông, chỉ biết cuối thời Đường ông từng đỗ tiến sĩ. Bài *Ký nhân* của ông được chọn xếp vào cuốn *Đường thi tam bách thủ*. Từ của Trương Bí điểm lệ đa tình, lời lẽ lưu loát, tình cảm tinh tế, ý cảnh xảo diệu.

Ông làm thơ gửi người mình từng yêu thương, mà giờ đây chỉ có thể tìm nhau trong mộng. Sao họ lại chia tay, cô gái ấy giờ ở đâu, đã thành vợ người hay vẫn một mình vò võ buồn khuê, chúng ta đều không biết được. Nhưng sau khi chia tay, ông vẫn không quên nỗi người ấy, tiếc rằng thời gian ngăn cách, chỉ có thể gặp nhau trong mộng.

Mỗi tương tư chẳng biết giải bày từ đâu, chỉ có mượn thơ gửi tình, mượn những lời thơ đơn sơ đẹp để biểu đạt tình cảm sâu sắc phức tạp trong lòng.

*Nhà Tạ về đây một giấc mộng,
Bao lan uốn khúc, dây hiên cong.*

Nhà Tạ ở đây ý chỉ nhà người con gái, mượn tiếng tài nữ Tạ Đạo Uẩn thời Đông Tấn để ám chỉ người nọ. Nhà thơ vừa thiếp đi đã mơ màng bước vào nhà người ấy, nhà rộng thăm thẳm, hành lang quanh co. Xưa kia người đẹp ngồi dựa lan can, thẹn thùng xinh đẹp, giờ lan can vẫn đó mà người ngọc đã chẳng thấy đâu.

Có lẽ họ cũng giống như Liễu Mộng Mai và Đỗ Lệ Nương trong *Mẫu đơn đình*, tỏ tình thể hẹn trong đình đài thủy tạ ngoài vườn. Giờ mộng hôn vợ vẫn khắp hành lang,

² Bản dịch Nguyễn Thị Bích Hải.

gỗ hết lan can mà cũng đành thất vọng trở về, đuổi theo hồi ức, giai nhân đầu mất, sao ngay cả dấu thơm vết bèo cũng chẳng để lại mảy may. Tình cảnh ấy thực chẳng khác nào *"Má phấn giờ đầy đầu vắng tá, hoa đào còn bốn gió xuân đây"*, lại giống như *"Vật đổi sao dời mọi việc thôi, chưa nói lệ tuôn rồi"*³.

Vật đổi sao dời, ông lưu luyến bịn rịn, ân tình ngày cũ, tương tư rồi bởi, buồn bã khó nên lời. Ông biết rõ trong hiện thực mình đã hoàn toàn đánh mất, chỉ mong gặp gỡ trong mơ, dù cách một bụi hoa mà chẳng thể tỏ lòng, chỉ ngắm dáng ngọc từ xa cũng đủ. Nhưng mây mưa tan hết, thế sự hạ màn, hết thấy cuối cùng cũng bình lặng lại.

*Đa tình có mảnh trăng xuân đó,
Hoa rụng soi giùm kẻ ruỗi rong.*

Đa tình là vầng trăng trước đình, tỏa ánh lạnh lẽo xuống con đường rợp hoa rơi, tan tác như lòng người ly biệt. Họ cũng từng giống như hoa rộ đầu cành, yêu thương lẫn nhau, vầng trăng đa tình vẫn nhớ bóng họ ôm ấp dưới hoa, giờ trăng thu còn đó mà người ngắm trăng đã chẳng biết nơi nào.

Ông có oán trách cô gái ấy không? Ông cũng chỉ mong mượn cảnh mộng để gặp lại nàng, thổ lộ nỗi nhớ nhung sâu đậm. Nhưng giai nhân bóng chim tăm cá, tựa hồ chưa từng tới, cũng chưa từng gặp gỡ ông. Là nàng phụ lời thề ước hay năm xưa chính ông đã phụ nàng? Đa tình lại bị vô tình làm khổ. Là trăng sáng đa tình hay nhà thơ đa tình, hay đa tình chính là giai nhân nọ?

Có lẽ phải mất đi người ta mới biết trân quý, ông cũng chỉ là mượn thơ gửi người, sau khi tỉnh giấc hoặc sẽ thần thờ buồn bã, hoặc ăn ngủ không yên. Nhưng hết thấy rồi sẽ trôi qua, còn cô gái trong mộng, giai nhân xa xôi, chỉ có thể giấu sâu trong đáy lòng: Ông sẽ lại bắt đầu một tình cảm mới, hứa những lời hứa mới, tạo ra một câu chuyện mới, thậm chí tới một ngày sẽ quên hết mọi chuyện hiện giờ. Lúc ấy mới thực sự là chỉ có trăng sáng trước đình nhớ được tình ý xưa cũ, tương tư xa xăm.

Hành lang quanh co, trăng hoa trước đình, không phải tình cảm của nhà thơ với giai nhân, cũng không phải trăng sáng đa tình, mà chính khung cảnh u buồn ấy mới khiến tôi rung động, chẳng khác nào một cảm xúc quen. Tôi cũng từng nằm mơ, trong mơ cũng gặp được người xưa, nhìn như cùng người gặp gỡ thấu hiểu nhau, vậy mà

³ Trích trong bài *Vũ lăng xuân* của Lý Thanh Chiếu, bản dịch Nguyễn Chí Viễn.

nháy mắt đã chẳng còn bóng dáng. Ân tình xưa cũ, vui vầy hôm qua như hoa rụng rơi, đẹp rực rỡ mà cũng thê lương khôn tả.

Đời người có tình, lòng có chốn tựa nương, song khó tránh bị tình cảm ràng buộc. Lúc tụ thì vui vẻ, lúc tan lại buồn rầu, chi bằng chẳng gặp chẳng tan, cả đời an tĩnh một mình, chẳng xao động giấc mộng lành, cũng là một dạng từ bi. Còn tôi cuối cùng chỉ muốn làm ngọn gió tự do, có thể lướt qua từng góc nhỏ, chẳng bị ai ràng buộc, chẳng ai hay biết, càng không ai kinh động.

*Bảng lảng song ngoài nắng tà giăng,
Nhà vàng ai thấy lệ ướt khăn.
Xuân đã sắp tàn sân quạnh quẽ,
Hoa lê đầy đất cửa cài then.¹*

Chiều đến, pha một bình Phổ Nhĩ nhiều năm, ngắm nhìn thưởng thức mấy đóa tường vi bên ô cửa nhỏ cùng anh đào mùa này. Mong cho thời gian đẹp để nhàn tản có thể xoa dịu chứng đau đầu, bình lặng vui vẻ, kỳ diệu khó tả. Thời gian tươi đẹp luôn lặng lẽ trôi qua vào lúc người ta không ngờ tới, ví như còn chưa kịp từ già xuân năm nay thì xuân đã đi mất, chỉ còn dư vị nhàn nhạt.

Tôi từng nói, đau đớn nhất trên đời không gì hơn anh hùng mạt lộ, mỹ nhân xế chiều. Nhiều người cứ oán gặp nhau quá muộn mà chẳng biết mình đã vung phí hết quãng thanh xuân đẹp nhất để yêu thương, đau đớn, cười và khóc. Giờ sao còn có thể đòi hỏi cao xa nữa? Người từng yêu cùng người đang yêu đều là khách qua đường, gặp nhau có hạn, xa cách vô chừng.

Thực muốn sống một cách đơn giản, chọn một việc, yêu một người, trọn một kiếp. Đẹp để mà đơn giản, bình thản mà yên ổn, chẳng cần tranh đoạt với ai, cũng chẳng lo ai sẽ phụ lòng. Dẫu là mỹ nhân về già, tóc bạc trắng phơ, cũng chẳng phải sợ. Phải tu bao nhiêu năm mới đổi được hạnh phúc từ từ già đi bên người mình yêu cơ chứ.

Giữa một ngôi nhà vắng khách thăm, ngồi giữa bóng chiều chậm chậm buông xuống, sống cuộc sống bình đạm bên chén trà bát cơm, êm đềm mà hạnh phúc.

Ngắm bóng chiều nhàn nhạt, một mình ngồi lặng đến tàn cả hoàng hôn, lại nhớ tới bài thơ Đường Xuân oán:

*Bảng lảng song ngoài nắng tà giăng,
Nhà vàng ai thấy lệ ướt khăn.*

¹ Bài Xuân oán của Lưu Phương Bình, bản dịch Phụng Hà, nguồn: thivien.net.

Sân	hoa
không	lê
vắng	đầy
vẻ,	đất
	cửa
	khép
	hờ

*Xuân đã sắp tàn sân quạnh quẽ,
Hoa lê đầy đất cửa cài then.*

Đời này luôn giật mình trước cảnh hoàng hôn, giai nhân trôi dạt. Người con gái trong cung điện thâm sâu thường khát vọng phiêu lưu, có vậy mới không bị những tường cao ngói lục giam hãm một đời, thê lương lạnh lẽo.

Âu Dương Tu có bài từ rằng: "*Cửa khép hoàng hôn, chẳng giữ xuân được mãi*". Đúng vậy, dù khép chặt cửa dày, cũng chẳng cách nào giữ được sắc xuân phơi phới, tuổi hoa tươi đẹp. Năm tháng thoi đưa, cuốn đi biết bao khoảnh khắc đẹp để muôn màu cùng tình ý và cảm xúc, chỉ để lại những hồi ức nhạt nhòa cùng tiếng thở dài não nuột.

Trong bài từ *Thanh bình lạc*, Triệu Lệnh Chỉ có viết: "*Dẫn vật cả đời tiêu tụy, chỉ cần mấy độ hoàng hôn*". Kiếp này bằng đèo lội suối, trăm lần vắn chuyển, chẳng biết phải nếm trải bao khổ nạn, chìm nổi bao phen, bằng qua bao nhiêu gai góc mới có thể đậm bạc ung dung, chẳng sợ gió mưa. Mà những khổ nạn bạn trải qua, nhìn lại chẳng qua chỉ là mấy bận hoàng hôn, mấy phen hoa nở. Bấy giờ hết thấy được mất, lấy bỏ, yêu hận đều chẳng đáng nhắc tới.

Tuy tôi sợ hoàng hôn, nhưng không muốn trở thành người con gái đầy oán giận, thương xuân buồn thu, chỉ mong lòng như trăng sáng gió xuân, trong lành mát mẻ. Dù có bi thương, có tiếc nuối cùng biết bao điều dang dở, cũng sẽ dần nhạt phai theo dòng thời gian trôi. Đến cuối cùng, hết thấy đều như dung nhan của tôi, gột hết phấn son, tuy chẳng còn lộng lẫy nhưng lại trong trẻo vô nhiễm, đơn giản an nhiên. Thực ra tôi cũng chỉ là một người bình đạm trong số những nữ tử phàm trần, có lúc ưu nhã đầy ý thơ, khi lại thấu suốt thế tình, khi thì ai oán uyển chuyển, khi thì vui vẻ tự tại.

Nhi nữ thời xưa nhiều khi tuy không thể tự chủ nhưng vẫn có thể giữ lấy tâm tình thái độ hiện tại, chẳng cần nghĩ ngợi quá nhiều. Nếu ở nhà nông bản hàn thì dựa cửa ngắm hết hoa cỏ nhân gian. Tới tuổi lấy chồng thì gả cho một người đàn ông bình thường, sinh con đẻ cái, tấm lòng không đổi, cả đời chẳng lo phải chia ly. Lỡ bất hạnh gặp phải hoạn nạn ốm đau thì cũng là việc thường ở đời, sau đó từ từ già đi, con cháu đầy nhà, phúc thọ dài lâu.

Nếu là thiên kim nhà giàu, từ nhỏ áo gấm cơm vàng, chẳng hỏi nhân gian ấm lạnh, chẳng lo thế đạo vận số. Cả đời cũng chẳng gặp nhiều biến cố, chẳng lo dời đổi lênh xuống, bình thản hứa hẹn bạc đầu với một người mình yêu hoặc không yêu. Lúc thanh

xuân thì hái hoa dệt mộng, lấy chồng thì giúp chồng dạy con, trông giữ khoảnh sân hoa tàn hoa nở, ngắm cả đời mây tụ mây tan.

Nghĩ lại thì người buồn rầu nhất là những cô gái trong thâm cung. Cả đời bị số phận trêu đùa, không thể thoát ra, cuộc đời thoát trông thì hoa lệ, song thực ra lại như bị nguyên rửa. Từ nhỏ tôi đã đọc rất nhiều thơ bày tỏ nỗi ai oán trong cung, thường lấy làm thương tiếc cho cuộc đời bi kịch của họ. Họ nói rằng, sai lầm và bi ai lớn nhất trong đời là gả vào nhà đế vương, bước vào chốn thâm cung kín cổng cao tường kia.

Từ xưa rất nhiều cung nhân phi tần, dù được sủng ái hay không, đều có chung một kết cục. Số phận của họ giống nhau đến lạ, tranh giành đấu đá vì một người đàn ông, cuối cùng chết già trong cung, chẳng ai hay biết. Dù gom hết ba nghìn sủng ái cũng chỉ là ân tình trong gương, ảo ảnh dưới nước, khó được lâu dài, đằng sau gấm hoa rực rỡ là cô đơn và lạc lõng sâu thẳm thẳm. Thà sống cả đời lẻ loi cô quạnh trong cung lạnh sâu sâu còn hơn kẻ cận đế vương hưởng thụ vinh quang vạn trượng. Bởi chẳng ai tranh đoạt với một kẻ không địa vị, không ân sủng cả. Tuy cuộc sống như vậy thê lương mà thấp kém, nhưng lại được an toàn, vô lo. Dù những năm tháng tươi đẹp nhất trong đời đều bỏ phí sau bức tường cao ngất kia, song lúc tới không hoảng sợ không choáng ngợp, lúc đi cũng lặng lẽ âm thầm.

*Bảng lảng song ngoài nắng tà giăng,
Nhà vàng ai thấy lệ ướt khăn.*

Ánh nắng bên ngoài khung cửa phủ song sa dần nhạt đi, lại một hoàng hôn nữa sắp đến, từ lúc vào cung, chẳng biết đã qua mấy bận xuân thu, bao ngày thấm thoát, lại đã ngắm mấy mùa hoa. Tuy sống giữa nhà cao cửa rộng, gấm lụa vây quanh, chẳng lo cơm áo, nhưng chẳng ai thấy được nỗi bi ai ẩn giấu trong lòng, càng chẳng thấy ngấn lệ hoen trên má.

*Xuân đã sắp tàn sân quanh quẽ,
Hoa lê đầy đất cửa cài then.*

Sân rộng thênh thang mà quanh quẽ, cảnh xuân sắp tàn, lại càng thấy cô quạnh gấp bội. Hoa lê rụng đầy đất trắng xóa như tuyết, tâm tư trần trọc, biết rõ chẳng ai thăm hỏi, bèn khép chặt cửa nhà. Chỉ mấy câu ngắn ngủi đã nói hết nỗi ai oán cùng tình ý vô tận bấy nhiêu năm nay của một cô gái trong cung. Phải làm sao mới phung

phí hết những tháng ngày đằng đẵng lập đi lập lại đầy nhàm chán năm này sang năm khác ấy đây?

Biết bao cung nữ vào cung từ lúc thanh xuân mơn mớn, tới hết đời cũng chưa từng gặp hoàng đế. Họ bị sắp xếp vào những khu nhà u tịch, chịu đựng niềm cô quạnh nặng nề, sống những tháng ngày cách biệt với đời. Nơi biết bao người cả đời chẳng thể bước vào lại thành lồng giam nhốt họ. Ở đó không thể gặp người thân, cũng không thể nhờ chim cá đưa thư, ngay con lạch dài mà hẹp trong hoàng cung cũng chẳng thể thả lá đỏ đề thơ, gửi gắm tình ý.

Bên ngoài bức tường cao có trời mây lồng lộng xa không với tới, có cảnh đẹp từng khát khao thuở thiếu thời cùng giấc mộng đời này chẳng thể hoàn thành. Rất nhiều cô gái cả đời chẳng biết thế nào là yêu, họ dốc hết tâm sức cũng chẳng thể gặp người đàn ông mình ngưỡng mộ. Sau cánh cửa nặng nề ấy là bóng dáng lẻ loi chẳng ai thấy, là những đợi chờ và thất vọng vô tận.

Năm lại năm trôi, cho tới khi người đẹp bạc đầu, chơ vơ trước cảnh già thê lương, ngay cả hồi ức cũng đơn điệu tẻ nhạt. Nguyên Chấn có thơ rằng:

*Cung nhân đầu bạc trắng,
Ngồi kể chuyện Huyền Tông.²*

Vốn là ngày lành cảnh đẹp, khung cảnh vui mắt vừa lòng, song trong mắt họ chỉ thấy thê lương tàn tạ. Bào mòn nốt những tháng ngày thanh xuân cuối cùng sau cánh cửa cung sâu, chỉ còn lại mái tóc bạc phơ, như kể lại những năm tháng tuổi hoa mà họ từng có.

Sống trong cung đình tịch mịch khiến họ chẳng biết tới niềm vui ở nhân gian nữa, ngấm hết mùa hoa này tới mùa hoa khác trong cung, tháng ngày đơn điệu mà tẻ nhạt. Chẳng còn gì để kể, đành ôn lại những chuyện cũ từ thời Huyền Tông, những năm Thiên Bảo. Hồng nhan chóng già, thịnh thế suy bại, họ cũng chỉ đành từ từ già đi theo thời gian, chẳng còn gì mong mỏi, cũng chẳng thể mong mỏi gì.

Bên trong bức tường cao cũng có rất nhiều cung nữ an phận, tĩnh tại ưu nhã sống suốt một đời trong tiểu viện của mình. Họ trồng hoa uống trà, chơi cờ gảy đàn, thêu thùa may vá, bất luận mây trắng tới lui, chẳng sợ tuổi hoa trôi mãi. Chẳng chờ đợi, không mong mỏi, cũng không thất vọng. Tháng ngày đơn giản thanh tịnh, song lại ung

² Trích trong bài *Cố hành cung*, bản dịch Lê Nguyễn Lưu.

dung đẹp đẽ, so với những phi tần từng được sủng ái muôn vàn rồi lại bị lạnh nhạt, dường như còn vui vẻ hơn.

Đời con người ta hoặc xán lạn, hoặc bình đạm, hoặc ồn ào, hoặc cô quạnh, đều không do mình quyết định. Chớ nói những cô gái bị giam cầm trong chốn thâm cung, dù bôn ba giữa hồng trần khói lửa cũng chẳng thể theo ý mình. Có điều dù bạn sống theo cách nào, thì khi bất lực, cũng hãy cố giữ mình đừng buồn đừng sợ, đừng bi đừng thương.

Hoa lê tàn rồi lại nở, song tuổi xuân đã trôi qua không cách nào vớt lại được đâu.

Hiên nước trong xanh trúc muốt bờ
Xa xôi cách trở nhớ khôn vừa
Bóng thu bằng lãng chiều sương đổ
Còn mỗi sen tàn hóng tiếng mưa.¹

Xuân lạnh se se, người yếu ớt như tôi hiển nhiên thường bị gió sương vùi dập, không khỏe suốt mấy ngày, buồn rầu khó tả. Có lúc cảm thấy căn bệnh này giống như mưa xuân rả rích ngoài song, khó mà bớt được. Thường nói văn nhân đa sầu, ngày nắng ngắm hoa uống trà còn đỡ, ngày mưa cứ ủ ê không thôi, tâm trạng buồn buồn. Còn tôi lòng đã sớm lạnh như nước hồ, không ai oán không buồn sầu, càng không tương tư, gặp gió xuân cũng chẳng gợn sóng.

Lục Du thời Tống có thơ rằng:

Đêm xuân, lầu nhỏ, mưa rơi,
Sớm mai ngỗ vẳng ai mời mua hoa.²

Năm xưa ông nhàn nhã ở nước Nam, cảm thán thế sự nhân tình mỏng như lụa. Sống trên lầu nhỏ, nhàn nhã nghe mưa, viết chữ bên song, pha ấm trà xuân. Một đêm mưa xuân, chắc hẳn sáng hôm sau, trong con hẻm nhỏ sâu hút lại vang lên tiếng rao hoa hạnh. Anh xuân phơi phới, sầu xuân như rượu, tâm trạng ông không được phóng khoáng ung dung, phong vận tiêu sái như chữ thảo ông viết. Ông mòn mỏi trong những ngày tháng điếm tĩnh tự tại, song vẫn không quên vận nước sầu nhà, dù khói trà bằng lãng cũng không xóa nhòa được nội tâm tỉnh táo. Chẳng biết là mưa xuân đa tình hay người nghe mưa đa tình, hay có lẽ là người pha trà bán hoa đa tình. Mưa xuân buồn man mác, mưa thu buồn chia ly, mưa nghìn thuở vẫn vậy, chỉ là người ngắm mưa không ngừng thay đổi tâm tình. Nhớ lại năm xưa tôi nghe mưa dưới mái hiên, tâm tư thiếu nữ đơn thuần không tì vết, ngay sầu oán cũng trong trẻo, không có thán

Cát
nén
song
tây,
sen
tàn
nghe
rón
tiếng
mưa
thu

¹ Bài *Túc Lạc Thị đình ký hoài Thôi Ung*, Thôi Côn, bản dịch Đông A, nguồn: thivien.net.

² Trích trong bài *Lâm An xuân vũ sơ tế*, bản dịch Nham Hoa.

năm đời đổi, bãi bể nương dâu, cũng chẳng nhưng nhớ người xa. Còn nay nghe mưa lại thêm mấy phần cảm khái trước tình cảnh, nhưng nếm trải đủ chuyện, hết thấy vui buồn ly hợp đều xem nhẹ, không sinh lòng sầu muộn nữa.

Ngày mưa đọc *Hồng lâu mộng* là đúng điệu nhất, giống như lúc tịch liêu pha một ấm trà ngon, có thể xoa dịu phần nào. Năm xưa Lý Thanh Chiếu và Triệu Minh Thành đổ sách sánh trà, cũng là chuyện phong lưu lý thú. Trời mưa một mình nhớ người xa, hoặc uống trà cùng dăm ba tri kỷ, hoặc đọc một cuốn sách. Mưa trong thơ Đường từ Tống lại thêm mấy phần uyển chuyển tình tứ, cũng thật nhiều phong vận ưu nhã mà người thời nay không cách gì tả nổi.

Hôm ấy mọi người trong vườn Đại Quan thả thuyền chơi hồ, Bảo Ngọc chê lá sen đã tàn lụi, nhận xét rằng: "Những lá sen tàn này thật đáng ghét, sao không sai người nhặt hết đi." Bảo Thoa cười nói: "Mấy lâu nay những người coi vườn có được rồi đâu, ngày nào chúng ta cũng tới chơi, họ còn thì giờ đâu mà đi nhặt được nữa?" Lâm Đại Ngọc bảo: "Xưa nay tôi không thích thơ Lý Nghĩa Sơn, chỉ thích có một câu của ông ta là: Sen tàn nghe rốn tiếng mưa thu. Bây giờ các người lại không để lại những lá sen tàn à!"

Bảo Ngọc nghe xong, thấy thơ rất hay, bèn bảo người giữ lại những lá sen tàn, càng tăng thêm tình thu vào ngày mưa. Thơ Lý Nghĩa Sơn uyển chuyển đẹp dễ, đau đớn triền miên, những bài vô đề của ông mới mẻ độc đáo, đa sầu đa cảm, lại sâu sắc nặng tình. Ý thơ hàm súc mông lung, mơ màng khó hiểu, nên mới có câu "*Tây Côn thơ lắm người khen thích, chỉ hận không người chú Trịnh thôi*"³.

Lâm Đại Ngọc tình tứ đa cảm lại không thích thơ Lý Nghĩa Sơn, bởi sự đa tình của ông đã vô cớ khuấy động tâm tư nàng hay bởi Lâm Đại Ngọc cô cao ngạo thế vốn không thích đa tình? Tình cảm của nàng cũng như tâm tính nàng đã vượt ra ngoài ngoại vật. "*Tâm ta đã nhàn nhã, suốt trong càng tĩnh không*"⁴. Lâm Đại Ngọc thích thơ Vương Duy, ý cảnh trong thơ ông cao khiết thoát tục, chẳng cần gọt giũa nhiều, có thể so với tranh sơn thủy, thanh tịnh trong trẻo, cao nhã không dính bụi trần. Có điều Lâm Đại Ngọc chọn bầu bạn với bụi trúc ở quán Tiêu Tương, chẳng phải để nghe mưa ư? Nàng làm bài *Thu song phong vũ tịch* cũng vào lúc dựa song thu, một mình nghe mưa gió miên

³ Đầu thời Tống, Dương Úc, Tiền Duy Diễn, v.v... làm thơ học theo Lý Thương Ẩn thời Văn Đường, chú trọng vào điển cố, hoa lệ, được gọi là thể thơ Tây Côn, ở đây chỉ thơ Lý Thương Ẩn.

Chú Trịnh: Kinh Thi khó hiểu, nên Trịnh Huyền thời Đông Hán đã chú giải cho nó.

Đôi câu này ý nói thơ Lý Thương Ẩn khó hiểu, mà chẳng ai chú giải được.

⁴ Trích trong bài *Thanh Khê* của Vương Duy, bản dịch Vũ Thế Ngọc.

man suốt đêm thâu đằng đẵng. Trong vườn Đại Quan, trừ tri âm Bảo Ngọc ra, Đại Ngọc chẳng còn ai để thổ lộ nỗi lòng. Nhưng Bảo Ngọc còn chẳng thể làm chủ được cuộc đời mình, cơn gió mưa số phận ấy tới tận khi nàng ra đi cũng chưa từng ngừng lại.

Mưa có thể gột sạch hết thảy bụi bặm trên đời, những điều tốt đẹp hay xấu xa đều bị gột sạch. Mưa là ý thơ của văn nhân, vừa khơi dậy linh cảm, vừa khơi mối muộn sầu. Cơn mưa trong thơ Lý Thương Ẩn kia cũng đã rơi suốt nghìn năm, lớp lớp gõ lên lá sen tàn úa, những tiếng lớp lớp lạnh lạnh khiến người ta không kìm được nhớ nhung. Về sau hễ trông thấy sen tàn đều sẽ nhớ tới cơn mưa từng trôi qua thời Đường ấy, vẻ đẹp của nó đã vượt xa cảnh hoa lệ phồn vinh muôn hồng nghìn tía.

Lý Thương Ẩn hồi trẻ thông tuệ, song cảnh nhà nghèo khó, chỉ mong sớm ngày giành được công danh, làm rạng rỡ tổ tiên. Nhưng mấy phen thi cử đều trắc trở, lận đận mấy năm mới kiếm được công danh, bước vào con đường làm quan, được trao cho chức bí thư tỉnh giáo thư lang. Chỉ là một chức quan nhỏ nhoi, về sau lại vô tình bị cuốn vào vòng xoáy đấu đá bè phái, cả đời khốn đốn bất đắc chí.

Lý Thương Ẩn đã gửi gắm hết thảy niềm cảm khái trước nhân thế vô thường, quan trường chìm nổi cùng nỗi lòng buồn rầu u oán vào thơ. Đọc thơ Lý Thương Ẩn như đọc được cả quãng đường đời của ông, nỗi cô quạnh thất vọng, niềm thê lương cô độc, mối tương tư ai oán của ông thoát trông tưởng như vô đề, thực ra lại có tâm.

Bài thơ này được Lý Thương Ẩn sáng tác khi ở Lạc Thị đình, chạnh lòng nhớ tới hai anh em họ Thôi ở Trường An. Lạc Thị đình thanh nhàn u tĩnh, cách xa huyên náo phàm trần, đã khơi lên nỗi nhớ bạn khôn cùng trong ông. Càng thanh tĩnh ông càng thấy cô tịch, cảnh quạnh quẽ lại càng buồn bã, mưa phùn lay phay rắc đầy sầu muộn. Ngày mưa vốn nên cùng bạn bè quây quần uống trà giết thời gian, tiếc rằng họ lại xa cách nghìn trùng, khó mà gặp gỡ.

Tâm sự trùng trùng chẳng biết ngỏ cùng ai, lại thêm mưa rả rích suốt ngày dài, khiến tâm trạng vốn nặng nề lại thêm mấy phần cảm thương. Một câu "Còn mỗi sen tàn hóng tiếng mưa" có thể coi là xuất thần tuyệt diệu, khiến cả bức họa sinh động hẳn lên. Cánh sen tàn giữa gió thu vốn đã thê lương quạnh quẽ, lại thêm mưa đổ khiến cảnh trí trở nên phong vận vô hạn. Mưa thu sen tàn có thể gửi gắm nỗi nhớ nhung da diết, khiến ông và bạn bè cách nhau nghìn dặm như hiểu được lòng nhau.

Tuy ông phiêu bạt quê người song vẫn có gió mưa làm bạn, có sen tàn đầy hồ gợi ý thơ. Lúc Lý Thương Ẩn còn đang ở đất khách là Ba Thục, từng gặp một cơn mưa thu

dai dẳng. "Bao giờ khêu nển song tây, cùng nhau kể chuyện mưa bay đêm nào"⁵. Nghe nói Lý Thương Ẩn làm bài thơ này vì nhớ vợ là Vương thị, hai vợ chồng họ tình cảm thắm thiết nồng nàn, tiếc rằng ngăn sông cách núi, không hẹn ngày về.

Ông chỉ mong có một ngày được về quê, cùng vợ yêu ngồi dưới song tây, cắt hoa đèn trò chuyện thâu đêm. Kể với nàng rằng năm xưa vào một đêm mưa dai dẳng, mình đã nhớ nhung nàng biết mấy. Ông cũng chỉ là khách phiêu bạt chân trời, cả đời lênh đênh chìm nổi, đã gặp bao cơn mưa, cũng đã chịu đựng biết bao cô độc và tương tư. Suốt đời ông bất đắc chí trên quan trường, bị người ta chèn ép, chán nản tuyệt vọng, người vợ ông yêu thương tha thiết cũng mất sớm, chỉ còn mình ông vò võ lẻ loi, thê lương suốt kiếp.

Đời người có quá nhiều tiếc nuối và mất mát không thể bù đắp, nhưng dù gai góc giằng đầy cũng phải ung dung bước qua. Giống như sen tàn, tuy khô héo điêu linh, song trong mưa thu lại tăng thêm cảnh trữ tình, còn có thể gửi mối sầu tư. Về sau tôi cũng sinh tình cảm với sen tàn, mỗi khi thấy sen tàn trong vườn lại nhớ tới thơ của Lý Nghĩa Sơn, nhớ tới Lâm Đại Ngọc ở vườn Đại Quan. Nàng thông tuệ từ nhỏ, lại một lòng yêu thích sen tàn nghe mưa, ấy cũng là phản ánh ý nguyện cuối cùng của nàng trước cuộc đời mờ mịt và tình yêu vô vọng.

Lúc này ngoài song mưa phùn rả rích, tiếng mưa như tiếng đàn lạnh lẽo, xao xác tiêu điều. Tuy chẳng có sen tàn, nhưng cổ thụ đâm chồi, trăm hoa bên suối, mưa suốt đêm thâu, sáng mai hắt cánh hồng sẽ rơi đầy lối. Nghĩ lại thì đời người cũng theo bốn mùa vẫn chuyển, tươi héo có thì, tụ tán đã định, không nên chìm đắm trong sầu oán cô quạnh.

Mưa xuân miên man, chẳng biết khi nào dứt, nhưng ắt sẽ có lúc tạnh. Nếu được người hiểu mình làm bạn, cùng nhau khêu hoa đèn, cựa sách sánh trà trong đêm mưa thì quả là may mắn trong đời. Nếu không thì một mình ngồi bên song ngắm mưa, một chén trà thơm, một cuốn thơ Đường, cũng tự vui vẻ, cũng nên trân quý.

⁵ Trích trong bài *Ba Sơn dạ vũ*, bản dịch Trần Trọng San.

*Cô gái phòng the chữa biết sầu
Ngày xuân trang điểm dạo lên lầu
Đầu đường chợt thấy tơ xanh liễu
Hối để chồng đi kiếm tước hầu.¹*

Một đêm mưa xuân, tỉnh ra thấy ngoài song nắng vàng như tơ, khói liễu sương hoa, say đắm lòng người. Ngày nhàn sân sau, phong cảnh đoan trang nên thơ là vậy, chẳng có lo xa, cũng chẳng có buồn gần, chỉ có sự khoan thai thư thái với hoa với trà trước mắt. Liễu rủ bên cầu, so với hoa mai và trúc xanh lại có một tư thái phong lưu riêng, mảnh mai mềm mại mà tha thuốt tĩnh tại.

Bẻ hai, ba cành hải đường, một cành cẩm bình, một đóa cài đầu, điểm trang cho năm tháng, kinh điểm cả thời gian. Dung nhan đơn sơ trang nhã, trang điểm nhạt, giữa khóm mắt đầu mày lại toát lên phong vận không giấu được. Nỗi âu sầu và thương cảm trong chốn phòng khuê đều trong trẻo, không ai oán, cũng không hoang lương. Từng nhành cây ngọn cỏ, từng nhụy hoa chồi lá mùa xuân đều hoan hỉ.

Thường nghe nói phải chong chóng mới bắc kịp mùa xuân, trước kia mỗi độ xuân tôi thường hẹn tri kỷ ra vườn ngắm hoa, hoặc tới bên bờ Thái Hồ ngắm núi giỡn nước. Cũng từng học người xưa bẻ mai gửi người, bẻ liễu chia tay, qua trường đình đoản đình, ngắm hết mùa hoa nhân thế, thuyền hoa sóng gợn. Về sau mới hay hết thấy những cuộc gặp gỡ đẹp đẽ, những tương phùng ngẫu nhiên đều là lầm lỡ của thanh xuân. Những người từng cùng ngắm hoa, bẻ liễu, thậm chí chưa bao giờ gặp mặt, đều thành khách qua đường, chẳng còn mảy may dính dáng.

Kẻ vô tình ắt có chỗ nặng tình riêng. Tôi chính là kẻ vừa vô tình vừa nặng tình như thế đấy, tuy không tùy tiện động lòng với khách phàm trần song lại nghĩa nặng tình sâu với rượu đàn trà hoa. Giờ đây ngày ngày ngồi một mình giữa lầu nhỏ, uống trà ngắm hoa, an

Ba
xuân
qua
hết,

hối
giục
chàng
đi
kiếm
tước
hầu

¹ Bài Khuê oán của Vương Xương Linh, bản dịch Ngô Tất Tố.

tĩnh nhàn nhã, mặc thời gian treo ngoài cổng, liễu biếc nghiêng nghiêng vắt qua mái ngói. Bốn mùa luân chuyển, cảnh xuân chẳng kém gì năm ngoái mà dung nhan như nước thu, phong cốt như mai rụng của tôi cũng chưa từng tiêu giảm.

Thấy liễu rủ xanh ngắt bên đường mà không có người nhớ nhung, cũng chẳng có tình cảm để trao gửi. Tình cờ nhớ tới một bài thơ Đường:

*Cô gái phòng the chữa biết sầu
Ngày xuân trang điểm dạo lên lầu
Đầu đường chợt thấy tơ xanh liễu
Hối để chồng đi kiếm tước hầu.*

Tâm trạng mới rồi còn bình lặng chợt chạnh buồn, song không phải buồn cho mình, mà buồn cho người từ thời Đường cả nghìn năm trước, buồn cho nàng thiếu phụ buồng khuê không biết sầu tui nọ. Tuy núi non cách trở, thời không cách biệt, nhưng tôi luôn yêu thương và xót xa cho những cô gái thời xưa, tưởng như vào một kiếp nào đó, tôi đã cùng họ tâm linh tương thông vậy.

Có lúc cảm thấy một cảnh nào đó trong thơ Đường chẳng khác nào một màn kịch đã bị lãng quên rồi lại được nhớ tới trong giấc mộng Lê viên xưa. Tôi sẽ dừng lại trong ý cảnh quen quen nào đó, tình cờ tham dự vào vui buồn của họ, nhưng không sửa đổi câu chuyện, khuấy động cuộc đời họ.

Nàng là thiếu phụ trong phòng khuê, rơi vào nhà quyền quý, tuy đã lấy chồng, nhưng chưa từng biết thế nào là nhân thế gặp ghềnh khó nhọc. Ngày ngày trang điểm phấn son, lên lầu trông ngóng, tâm tư hồn nhiên như sông xuân mênh mông, chưa từng sầu muộn, cũng chẳng biết thế nào là muộn sầu. Trang điểm tỉ mỉ, ăn mặc chải chuốt, lên lầu cao ngồi tựa, chỉ để ngắm xuân sắc vô biên, giết thời gian tẻ nhạt trong phòng khuê mà thôi. Thiếu phụ chưa biết mùi sầu, lên lầu cao đâu phải để khuây mỗi sầu, cũng chẳng ngóng trông đau đầu về phía cuối trời.

Nàng thấy cảnh xuân mà không biết môi sầu xuân, gặp người qua đường chẳng hỏi ngày về, chỉ lặng lẽ chìm đắm trong thế giới nhỏ của mình, hái một mảnh cảnh xuân, gặp một áng mây trôi, cất lấy một cơn gió xuân. Nếu không phải dương liễu ven đường khuấy động tâm tư nàng, thậm chí nàng còn quên cả người chồng đi chinh chiến phương xa, ly biệt đã lâu, quên cả tình chàng ý thiếp buổi tân hôn cùng những thể non hện biển trước hoa dưới trăng.

Ân tình quyến luyến dường như đã dừng ở ngày hôm qua, mà rõ ràng đã cách rất xa. Gió xuân lùa qua rừng liễu khiến nàng nhớ tới cảnh bẻ liễu chia tay thuở trước, bóng người quay lưng rời đi ấy, chưa hề gặp lại. Tuy nói cảnh xuân rất đẹp, tuổi hoa vẫn đây, nhưng thời gian cuối cùng vẫn lặng lẽ trôi đi, chỉ e có ngày thanh xuân đã trôi xa mà người chồng đi xa ngàn dặm vẫn chưa về.

"*Công danh giành lấy trên lưng ngựa, mới thật anh hùng đáng trọng phu.*"² Tòng quân đi chinh chiến nơi xa, lập công ngoài biên ải, tấn tước phong hầu là hoài bão cao xa của biết bao nam nhi, cũng là kỳ vọng đẹp đẽ mà vô số thiếu phụ phòng khuê gửi gắm vào chồng. Họ mong mỗi sẽ có một ngày chồng công thành danh toại, cưới ngựa quay về, phong hầu bá tước, từ nay cùng đậu cùng bay, bên nhau mãi mãi. Mà chẳng biết "*Cây ông bỏ giúp lòng khanh tướng, một tướng nêu công chết vạn người.*"³ Chiến trường khói lửa mịt mù, ánh đao bóng kiếm sát phạt, công trạng của một vị danh tướng phải đổi bằng bao nhiêu xương máu binh lính. Đời người trăm năm, thoáng chốc là qua, hoặc vì công danh, hoặc vì hoài bão, hoặc vì vinh quang, cũng có khi chỉ vì muốn sống bình đạm bên nhau.

Tóm lại thiếu phụ buồng khuê này thấy dương liễu đầu đường lại đã biếc xanh mà chồng vẫn bật vô âm tín, chợt đâm hối hận. Nàng hối hận năm xưa lẽ ra không nên khuyên chồng đi kiếm tước hầu, để đến ngày nay bỏ uổng cả ngày lành cảnh đẹp, lần lửa tuổi hoa. Nếu trước kia chẳng tham vinh hoa phú quý thì hôm nay đã có người ấy kề cận bên người, cùng thưởng thức sắc xuân say đắm này. Nào phải sợ thời gian thấm thoát, ấm lạnh khó lường, dương liễu xanh hay lụi.

Tuổi xuân đẹp đẽ chịu được mấy phen dầu dãi bào mòn? Bằng tình thơ tinh tế của mình, Vương Xương Linh đã khắc họa hết sức chân thực tâm trạng hàm súc mà phức tạp của một thiếu phụ trong chốn buồng khuê. Ngắm xuân mà không buồn xuân, tuy có nhớ người xa nhưng không hờn chia cách; nói ly sầu nhưng chẳng thấy giọng sầu. Lời thơ trau chuốt, cấu tứ mới mẻ, vần điệu gãy gọn, ý vị sâu xa.

Thơ Vương Xương Linh chủ yếu là ngũ ngôn và thất tuyệt, đề tài chính là biên tái và cung oán, được xưng tụng là "thánh thủ thất tuyệt". Trong *Vi Lô thi thoại*, Ngô Kiêu có nhận xét rằng: "Thơ thất tuyệt của Vương Long Tiêu như văn bát cổ của Vương Tế Chi. Phép khai thừa chuyển hợp từ đó mà định ra, gọi là thể thơ Đường, đời sau thầy đều học theo."

² Trích thơ Sầm Tham.

³ Trích trong bài *Kỷ Hại tuế Hy Tông Quảng Minh niên* - Kỳ 1 của Tào Tùng, bản dịch Cao Tự Thanh.

Thơ biên tái của Vương Xương Linh có thể nói là tình cảnh giao hòa, tạo thành một cảnh sắc tráng lệ cho thời Thịnh Đường. Ông khắc họa hết sức tinh tế phong cảnh biên ải cùng thế giới nội tâm của tướng sĩ ngoài chiến trường. Cảnh thơ ông cũng xa xăm lòng lộng, khoáng đạt phiêu dạt, hùng hồn hào sảng mà man mác buồn thương như phong cảnh ngoài biên tái. Còn thơ cung oán của ông có thể sánh ngang với Lý Bạch, tình thơ ý cảnh đều xảo diệu xuất thần, hoặc hoa mỹ thanh nhã, hoặc uyển chuyển ai oán, đều có vận vị vô cùng.

Nhà phê bình thơ thời Minh là Lục Thời Ung trong *Thi kính tổng luận* có viết: "Vương Xương Linh nhiều ý mà dùng nhiều, Lý Thái Bạch ít ý mà ít dùng. Xương Linh thiên về trau chuốt, Thái Bạch xuất phát từ tự nhiên, nhưng hình ảnh của Xương Linh rất sâu sắc." Làm văn viết thơ liên quan tới cảnh cũng liên quan tới tình, còn liên quan cả tới những trải nghiệm và ngộ tính cá nhân. Thái Bạch tâm tính tự nhiên, thơ văn phóng khoáng, không cần trau chuốt; còn Xương Linh một mảnh hồn băng, văn từ thanh tuấn, tình ý đậm sâu.

Lúc này tôi cũng đang trên lầu cao giữa gió xuân, ngắm trời mây lộng lộng, dương liễu xanh biếc bên ngoài, tình chẳng biết khơi dậy từ đâu, cũng chẳng biết phải sâu nặng với ai. Nàng thiếu phụ than rằng, hối để chồng đi kiếm tước hầu, còn tôi hối hận cái gì? Tôi không có chồng đi viễn chinh nghìn dặm, cũng chẳng có cố nhân xa cách nghìn trùng, càng không có duyên phận đi lướt qua nhau. Với tôi mọi chuyện trong quá khứ chẳng cần tưởng nhớ, cũng chẳng cần hối hận, hết thủy kết cục trong đời người đều bắt nguồn từ quyết định lúc này, đúng hay sai tôi đều thản nhiên tiếp nhận, bình tĩnh gánh vác.

Gió xuân như nước liễu như khói, chẳng biết cô gái buồn khuê thời Đường ấy có đợi được người chồng đi kiếm tước hầu không? Liễu xanh năm năm vẫn thế, song dù có dung mạo như hoa như nguyệt cũng đến ngày tuổi già sắc phai, tới khi chàng về, biết lấy gì để hồi tưởng lại người con gái từng trang điểm lên lầu ngắm cảnh xuân ngày xưa nữa.

Có lẽ trong lòng tôi cũng từng đợi một người như thế, chỉ là đã quá lâu rồi, cuối cùng vẫn trả cho năm tháng. Hoặc bỏ lại trong viện nhỏ ngói đen tường trắng, hoặc đánh mất trên cổ đạo dương liễu xanh xanh, hoặc có thể vẫn luôn êm đẹp, chưa từng rời đi, chỉ có tôi giả vờ quên mất.

Nhiều năm trước, tôi từng viết một câu, không ngờ lại trùng hợp với quang cảnh lúc này. "Nước trà ướp thanh mai, vẫn là hương vị ấy, song người chúng ta chờ đợi lại không trở về."

Chỉ là dù có về hay không về, gặp hay không gặp, tôi vẫn ở đây. Tôi tự chuốc chén, người cứ tùy ý.

Như hoa mà chẳng phải hoa
Giống mù mà chẳng phải là mù sương
Nửa đêm chợt đến lạ thường
Sớm mai thức giấc lên đường lại đi
Đến như thoáng mộng xuân thì
Rồi như mây sớm lại đi phương nào?¹

Đêm nay có gió xuân, có trăng sáng, có cỏ thơm tôi thích, còn cả một chén trà xuân nhàn nhạt cùng vài tâm sự chẳng biết ngỏ cùng ai. Từ hoàng hôn đến giờ, tâm trạng sa sút, tựa hồ nhàn bạch ngọc lan sắp úa tàn ngoài song, như hoa mà không phải hoa, như mộng như ảo. Vừa không phải bi ai, cũng không phải sầu muộn, không sợ hãi, cũng không đau thương, ngay cả phiền não cũng không phải.

Nhìn lại quá khứ, tôi cũng từng yêu, có lẽ giờ vẫn đang yêu. Bấy giờ trăng tròn hoa nở, người nhàn đời êm, tựa hồ được gặp lại cố nhân thất lạc từ kiếp trước, thậm chí chẳng cần hứa hẹn bất cứ lời nào cũng có thể bên nhau đến trời tàn đất tận. Tôi bản tính trong sáng, chỉ mong sống cả đời đẹp để thanh đạm, bầu bạn cùng phong cảnh nên thơ, nắm tay người tình mềm như nước.

Về sau tôi đã coi hết thảy gặp gỡ trên đời là những cuộc tu hành giữa phàm trần. Những người ngang qua đời tôi đều đã thành phong cảnh xoay người là quên, bị tôi quét sạch bụi trần, đời này không gặp lại nữa. Rất nhiều người tôi đành coi như chưa từng gặp, cũng chưa từng có bất cứ điểm gì chung, để đời tôi như một hồ nước mùa xuân phẳng lặng, như trăng sáng vắng vặc, không gặp tai nạn họa kiếp, cũng chẳng có nhân quả tình duyên.

Việc trước kia, việc hiện giờ, việc sau này, dường như đây ắp mà lại trống trải, rõ ràng có tình, song lại sống ung dung bình thản. Bạch Cư Dị đời Đường có thơ rằng:

Không
phải
hoa,
chẳng
phải
sương,

đến
như
xuân
mộng
được
mấy
hồi

¹ Bài *Hoa phi hoa* của Bạch Cư Dị, bản dịch Hải Đà, nguồn: thivien.net.

Như hoa mà chẳng phải hoa
Giống mù mà chẳng phải là mù sương
Nửa đêm chợt đến lạ thường
Sớm mai thức giấc lên đường lại đi
Đến như thoáng mộng xuân thì
Rồi như mây sớm lại đi phương nào?

Thực phù hợp với tâm tình tôi lắm. Có những vẻ đẹp, có những thoáng chốc như bóng hoa dưới trăng, hương thơm ngào ngạt mà xa xôi khó nắm.

Không phải hoa cũng chẳng phải sương, là giấc mộng xuân, mà cũng giống như mây sớm. Bài thơ này rõ ràng dễ hiểu, như nước chảy mây trôi, chẳng cần trau chuốt. Ngôn từ thanh lệ, lại toát lên sắc thái mơ màng, nửa thực nửa hư. Như mùa hoa đẹp để trong màn đêm dịu dàng, chẳng kịp nhìn rõ dung nhan, trời đã tảng sáng. Nói là mộng thì quá chân thực, nhưng nếu bảo không phải mộng thì lại theo áng mây sớm phiêu bồng trôi đi mất tích, chẳng biết tìm đâu.

Trong lời tựa bài *Cao Đường phú*, Tống Ngọc có viết: "Thiếp ở mặt nam núi Vu, nơi cao nhất hiểm nhất, sớm làm mây, chiều làm mưa, sớm sớm chiều chiều, đều ở bên dưới đài cao."

Năm xưa Sở Tương Vương mơ gặp thần nữ Vu Sơn, yêu thương say đắm, khổ sở theo đuổi, nhưng thần nữ không muốn cùng vua hoan hảo. Có thể nói là Tương Vương có ý, thần nữ vô tâm, tình này như hoa trôi nước chảy, chẳng có điểm giao hòa. Thần nữ đoan trang tao nhã, dịu dàng phong lưu, song lại lạnh lùng cao ngạo, không thể xâm phạm.

Bài thơ này của Bạch Cư Dị viết về tình ái, nhưng không chỉ về tình ái. Chỉ trong mấy chục chữ ngắn ngủi mà tưởng như thấy hết cả cuộc đời dang dở cùng tình cảm, đường làm quan, những thăng trầm trôi dạt, thành bại được mất của ông. *Kinh Kim Cương* có viết:

Tất cả các pháp hữu vi
Như bóng, bọt nước có gì khác đâu
Như sương, nhu điện lóe mau
Hãy xem như giấc chiêm bao mơ màng.

Nhìn lại quá khứ, mấy năm tuổi hoa, những phong cảnh đẹp đẽ vô biên, giai nhân nghiêng nước nghiêng thành cùng tất cả phú quý công danh từng có đều như bong bóng, bọt nước, rực rỡ như pháo hoa, chỉ lóe lên rồi vụt tắt. Hết thấy sắc tướng đều là hư vọng, hưng vong vinh nhục, duyên đến duyên đi đều là một giấc mộng thoáng qua, là áng mây trôi ngang trời.

Bạch Cư Dị sinh ra trong gia đình quan lại nhỏ, "đời đời theo nghiệp nhà nho", từ nhỏ đã thông minh hiếu học, tài hoa hơn người. Năm Trinh Nguyên thứ mười sáu (tức năm 800), ông đỗ tiến sĩ, đến mùa xuân năm thứ mười chín thì được bổ nhiệm làm bí thư tỉnh giáo thư lang. Về sau thôi chức giáo thư lang, làm quan chấm thi tiến sĩ, giáo lý viện Tập Hiền, hàn lâm học sĩ. Tài hoa của ông từng được hoàng thượng thưởng thức, để báo ơn tri ngộ mà liên tục dâng thư bàn việc. Nhưng quan trường xưa nay gió mây bất định, biến ảo khôn lường, tể tướng Vũ Nguyên Hành bị ám sát chết, Bạch Cư Dị dâng sớ xin truy bắt xử nghiêm hung thủ, bị chỉ trích là nói lời vượt quyền, sau đó lại bị gièm pha, cuối cùng bị biếm thành tư mã Giang Châu.

Từ ấy cuộc đời ông từ chỗ lòng lo thiên hạ đã tuột xuống chỉ còn lo giữ mình. Rời kinh đô Trường An phồn hoa, ông tới bên bờ Tầm Dương, ốm đau luôn, bỏ lỡ biết bao hoa xuân trăng thu, chỉ uống rượu một mình để giải mối sầu. Ông dựng nhà cỏ ở Lư sơn, sống cuộc đời nhàn tản thong dong, cũng coi như an vui trong mọi hoàn cảnh.

Mùa thu năm đó, tiễn khách trên bến Tầm Dương, Bạch Cư Dị tình cờ gặp một ca nữ tỳ bà tài nghệ siêu phàm, cảm động trước tiếng đàn thê lương ai oán của nàng, lòng ông cũng rối ren trăm mối. Tỳ bà nữ vốn là ca nữ ở Trường An, cũng từng nổi danh một độ. Về sau má hồng phai nhạt, lấy một người lái buôn bình thường, sau đó bóng lẻ bèo trôi, lưu lạc giang hồ. Nàng mượn tiếng đàn thánh thót để tỏ nỗi lòng, oán trách số phận trên đũa, bên bờ nước xanh, hoa lau trắng phau như tuyết làm nổi lên dung nhan tiêu tụy của nàng, càng tăng thêm phần thê lương.

Thưởng thức tài hoa của nàng, lại xúc động trước cảnh ngộ nàng, Bạch Cư Dị bèn làm một bài thơ dài tặng nàng, đặt tên là *Tỳ bà hành*. "*Cùng một lúa bên trời lặn đặng, gặp gỡ nhau lọ sẵn quen nhau.*"² Tuy chỉ là bèo nước gặp gỡ, song ông đã coi nàng như tri âm. Có lẽ trên đời, người hiểu lòng ông nhất không phải Phan Tố mà ông yêu thương, cũng chẳng phải Tiểu Man, càng không phải Quan Phán Phán, mà là tỳ bà nữ gặp nhau nơi góc biển chân trời này.

² Bản dịch Phan Huy Thực.

*Đêm khuya, sức nhớ vòng tuổi trẻ,
Lệ trong mơ hoen vẽ phấn son.*

Nhớ lại năm xưa, Bạch Cư Dị cũng là người phong lưu phóng khoáng, để khuây sầu đời, xoa dịu những thất vọng trên quan trường, ông đã vui đầu trong thơ rượu nhã nhạc, chuốc chén mua vui. Bạch Cư Dị coi những nàng ca kỹ là tri kỷ hồng nhan, cả ngày ngâm thơ làm vui, ca múa mua cười. Mà Phàn Tố và Tiểu Man là hai người thiếp ông sủng ái nhất, còn làm thơ rằng, "Phàn Tố môi anh đào, Tiểu Man eo liễu rủ".

Những năm cuối đời, Bạch Cư Dị chẳng còn hào tình tráng chí thuở thiếu thời, ông buông bỏ chấp niệm, xem nhẹ sự đời, chỉ mãi xướng họa thơ rượu cùng bạn văn, lại thêm ốm yếu bệnh tật, bị trúng gió liệt nửa người. Thậm chí ông cũng chẳng màng tình ái, không truy hoan với thị thiếp nữa, sợ mệt mình lỡ người, bèn bán cả con ngựa tốt làm bạn bên ông nhiều năm, còn định cho cả Phàn Tố và Tiểu Man đã theo mình bấy lâu đi hết. Nhưng ngựa tốt cứ ngoái lại hí vang, không nỡ đi, Phàn Tố cũng đau lòng rơi lệ nói: "Chủ nhân cưới con Lạc năm năm, khi đi khi đứng, không kinh hoảng không chây ì. Tố hầu hạ chủ nhân mười năm, sửa túi nâng khăn, không quá phận không thất thố. Nay tuy dung mạo Tố xấu xí, nhưng chưa tới mức tàn tạ. Sức Lạc còn khỏe, lại không bệnh tật. Với sức của Lạc, còn có thể chở chủ nhân một bước, tiếng ca của Tố, cũng có thể chuốc chủ nhân một chén. Một khi cả hai đi cả, đâu còn ngày về nữa. Nên Tố sắp đi mà tiếng than đau khổ; Lạc sắp đi mà tiếng hí buồn buồn. Tình người tình ngựa như thế, chủ nhân há không nghĩ tới ư?"

Thời gian bạc bẽo nhưng đời người có tình, phen này Bạch Cư Dị dốc lòng tin Phật, lấy hiệu là Hương Sơn cư sĩ, bỏ hết hư danh thuở trước, đốn ngộ trong kinh sách, tìm kiếm sự bình yên. Kiếp này bất luận là tình trường, quan trường hay thi đàn, ông đều được phơi phới đắc ý. Tuy bị biếm chức, nhưng cũng có thể điềm nhiên mà sống, tu hành trong nhà cỏ, hẹn nhà sư du ngoạn.

Mà bên cạnh ông chắc hẳn xưa nay chưa bao giờ thiếu giai nhân.

*Hai cành liễu rủ giữa lầu son
Yếu điệu bao năm bạn lão say
Một sớm cho về quê quán cũ
Thế gian chẳng thiết gió mây mây.
Năm năm ba tháng nay đà dứt
Khách tản tiệc không khép cửa này.*

*Bệnh với Lạc Thiên giờ kẻ cận
Xuân theo Phàn Tố đến thì hay.*

Phàn Tố đi rồi, Tiểu Man cũng đi, tiệc vắng người đi, đời người đến cuối cũng nên như thế. Ông không muốn lần nữa tiêu phí nốt những năm tháng tuổi hoa chẳng còn là bao của họ, chỉ mong họ có thể tìm được người thương, sắp xếp lại số phận của mình. Mà nào có biết hết thấy những điều tốt đẹp trong cuộc sống của họ đã tiêu tán từ lâu, chẳng còn lại mấy may.

Yến tiệc phồn hoa tới đâu, tình cảm lâu bền nhường nào, hứa hẹn sâu sắc ra sao, cũng sẽ phải lùi bước trước thời gian. Những thứ chúng ta từng có cuối cùng sẽ mất đi, mà những thứ đã mất đi, rồi sẽ trở lại theo một cách khác. Nếu đã không giữ được thời gian vô hình, thì cứ lẳng lặng nhìn nó trôi đi, tận hưởng vẻ đẹp của nó, cũng là một loại hạnh phúc.

Như hoa mà chẳng phải hoa. Giống mù mà chẳng phải là mù sương. Nửa đêm chợt đến lạ thường, sớm mai thức giấc lên đường lại đi. Đến như thoáng mộng xuân thì. Rồi như mây sớm lại đi phương nào?

*Từng qua bể biếc đâu còn nước,
Trừ núi Vu ra chẳng có mây
Lần lửa bụi hoa lười ngoảnh lại
Nửa đời tu đạo, nửa nàng đây!¹*

Cuộc đời mỗi con người đều có bể lớn không bay qua được, nương dâu không băng nổi qua. Gặp được một mối tình là duyên phận, cũng là kiếp nạn. Đây là định mệnh của con người, dù có ra sức né tránh cũng không thoát nổi yêu hận lìa oán. Có rất nhiều việc biết rõ là sai mà vẫn như thiêu thân lao vào lửa, chỉ mong tranh lấy một sớm một chiều. Có lẽ yêu đến mức đậm sâu sẽ chẳng còn đúng sai, càng không có được mất. Trong những ngày tháng bên nhau, hết thấy non nước cây cỏ từng ngắm, bi hoan ly hợp từng trải, đều là cảnh đẹp đáng trầm trồ. Có lẽ đời này sẽ không bao giờ quên, cũng có thể chỉ quay đi đã là bãi bể. Thề hẹn đẹp thật, nhưng cũng như gió, có thể thấm vào xương tủy người ta, cũng có thể không tung không tích.

*Từng qua bể biếc đâu còn nước,
Trừ núi Vu ra chẳng có mây
Lần lửa bụi hoa lười ngoảnh lại
Nửa đời tu đạo, nửa nàng đây!*

Người viết bài này là Nguyên Chấn, một người đàn ông thời Đường, từ thời niên thiếu đã nổi tiếng tài hoa, thi đỗ cùng khoa với Bạch Cư Dị, còn kết bạn thơ cả đời, hai người cùng khởi xướng cuộc vận động Tân Nhạc phủ, được người đời gọi chung là "Nguyên Bạch".

Thơ Nguyên Chấn lời nhạt mà ý sâu, tình buồn thảm thiết, đọc lên làm người tỉnh mộng đẹp, rung động tâm can. Năm bài *Ly tứ*, ba bài *Khiển bi hoài* của ông đều là thơ thấm thía đến xương, lời thơ đẹp dễ, tình cảm uyển chuyển, song cũng tràn đầy ai oán bi thương.

¹ Bài Ly tứ của Nguyên Chấn.

Ai		ai
là		là
nước		mây
bể		núi
khơi,		Vu

Ông còn có truyền kỳ *Oanh Oanh truyện*, tên khác là *Hội chân ký*, về sau được Vương Thục Phủ đời Nguyên viết lại thành vở kịch *Tây sương ký*, được truyền tụng nghìn đời, chẳng hề gián đoạn.

Bể biếc và núi Vu là phong cảnh đẹp nhất nhân gian, nên Nguyên Chấn đã đem phong cảnh đẹp nhất ra để ví von với vợ mình là Vi Tùng. Vi Tùng, con gái út của thái tử thiếu bảo Vi Hạ Khanh, năm hai mươi tuổi được gả cho thi nhân Nguyên Chấn. Bấy giờ Nguyên Chấn chỉ là bí thư tỉnh giáo thư lang, nhưng xuất thân danh môn nên nàng Vi Tùng cao sang tao nhã cũng chẳng so đo chê bai thân phận chàng. Lấy Nguyên Chấn, cần kiệm quản việc nhà, pha trà nấu cơm, nâng khăn sửa túi cho chàng. Ngày tháng tuy bình đạm song vợ chồng lại thấm thiết, tình ý nồng nàn, coi nhau như tri âm giữa hồng trần. Tiếc rằng tạo hóa trêu người, đến gần hai mươi bảy tuổi, Vi Tùng bệnh nặng qua đời, bấy giờ Nguyên Chấn đã được thăng làm giám sát ngự sử, cái chết của vợ yêu khiến nhà thơ đau đớn khôn nguôi, về sau bèn viết một loạt thơ khóc vợ, tế vong linh vợ, bày tỏ tình cảm nồng nàn son sắt.

Bể biếc được lấy ý từ câu "*người xem bể lớn đâu còn nước*". Trong phần *Tận tâm* thuộc sách *Mạnh Tử* có chép: "*Kẻ xem bể lớn đâu còn nước, người chơi vào cửa thánh nhân khó cất lời*". Mà núi Vu hẳn là dùng điển cố "mây mưa núi Vu" trong bài *Cao Đường phú* của Tống Ngọc. Bài *Cao Đường phú* viết rằng, mây ấy do thần nữ hóa thành, trên thuộc về trời, dưới nhập vào vực, dày đặc như từng bách, mỹ lệ như gái đẹp.

Ngắm chán bể biếc mệnh mang thì nước chảy rả rích không sao lọt mắt nổi, mà đã trông mây màu núi Vu thì chẳng ngạc nhiên trước bất cứ áng mây nào nữa. Trên đời này chỉ có tuyệt đại giai nhân như nước bể biếc, như mây núi Vu có thể khiến ông dốc lòng đối đãi. Sau này dù có cô gái nhan sắc nghiêng thành, hoa nhường nguyệt thẹn cũng không thể giành được lòng yêu và tình cảm của ông.

Dù qua cả vạn bụi hoa cũng không vương một chiếc lá. Đầu cành muôn tía nghìn hồng, song chẳng có đóa hoa nhành cây nào đáng để ông dừng lại, chớ đừng nói là bẻ lấy hay chạnh lòng xúc động. Cái chết của người vợ yêu khiến lòng ông nguội lạnh, chẳng màng tình ái thế gian, cũng không để tâm đến hoa cỏ gì nữa. Trong lòng ông chỉ có vợ mới là đóa hoa nghiêng nước, tuy đã chết song không tàn không rụng. Bấy nhiêu phần hoa như tuyết, ông cũng chỉ hời hả đi qua, chẳng nhìn quanh, cũng không ngoái lại.

Ông nói rằng, không bẻ hoa vương lá, không dừng chân nhìn quanh, một nửa là nhờ ông đã tu đạo nên thanh tâm quả dục, nửa kia là bởi ông từng có người tốt đẹp nhất thế gian này.

Vợ mất rồi, ông cũng không sao thoát khỏi tâm trạng bi thương, lúc rảnh rồi lại đọc phần *Tiêu dao du* của Trang Tử, coi nhẹ tình ái hồng trần, tĩnh tâm tu đạo. Trong lòng ông, vợ ông là nước bể khơi, mây núi Vu, bông hoa kiêu diễm nhất trong trăm hoa, suốt đời này chẳng có một ai thay thế được vẻ đẹp của nàng. Tình ông dành cho vợ thắm sâu như biển, thậm chí ông còn thề rằng cả đời không lấy ai nữa.

Trong số những thơ khóc vợ thời Đường, thơ của Nguyên Chấn có phong cách thanh tuyệt, ý tứ uyển chuyển mà tình cảm sâu đậm. "*Từng qua bể biếc đầu còn nước, trừ núi Vu ra chẳng có mây*", lại càng được người đời sau xưng tụng. Thi nhân có lòng, song những gì ông thổ lộ cũng chỉ là cảm xúc ở giai đoạn ấy mà thôi. Vợ mất đi, ông vô cùng đau xót, còn thề rằng không lấy vợ khác, tình cảm Nguyên Chấn dành cho Vi Tùng lúc ấy thực sự là chân thành, không có gì để ngờ vực cả. Nhưng bảo một khách thơ phong lưu cô độc từ ấy đến già thì quả là quá khó.

Hai năm sau khi Vi Tùng qua đời, Nguyên Chấn nạp thiếp ở phủ Giang Lăng, có lẽ chấp nhận một tình cảm mới, mở ra một câu chuyện mới, không có nghĩa là quên lãng quá khứ. Cũng có thể sâu trong lòng Nguyên Chấn, trên đời chẳng còn ai thay thế nổi người vợ đã khuất nữa. Dù ông nạp thiếp hay lấy vợ khác, thậm chí gặp thêm nhiều nhân duyên mới, thì cũng không thể xóa được dấu vết quá khứ.

Về sau Nguyên Chấn tới Tứ Xuyên làm quan, quen với tài nữ đất Thục là Tiết Đào, còn nảy sinh một mối tình khắc cốt ghi tâm với nàng. Tiết Đào lớn hơn Nguyên Chấn mười một tuổi, tuy đã quá bốn mươi song dung nhan vẫn đẹp đẽ, phong vận ngời ngời. Nguyên Chấn phong lưu phóng khoáng khiến Tiết Đào vừa gặp đã xiêu lòng, bao năm kìm nén, từ ấy lại dốc hết tình cảm vào một mình ông. Tiết Đào là ca kỹ, tuy từng có một đoạn tình với Vi Cao, song trước sau chưa từng trao gửi chân tình cho họ Vi.

Khoảng thời gian ấy, họ quên hết cách biệt tuổi tác, ràng buộc thế tục, chỉ say sưa với thơ rượu văn chương, dạo khắp non nước Thục Trung. Tiết Đào cả đời không lấy chồng, nàng cho rằng người mình chờ đợi tuy không xuất hiện vào độ thanh xuân tươi đẹp nhất của nàng, song rốt cuộc cũng tới như đã hẹn. Thậm chí nàng chẳng buồn nghĩ xem liệu họ có kết cục hay không, chỉ biết đời này ít nhất cũng đã có một mối tình đẹp như vậy, chẳng hề hối tiếc.

Tiết Đào và Nguyên Chấn đã cùng trải qua một quãng thời gian lãng mạn tiêu dao, nhưng tình cảm nồng nhiệt ấy cũng tắt ngấm khi Nguyên Chấn ra đi. Nguyên Chấn tới kinh thành, có hứa rằng sẽ quay lại, bầu bạn bên nàng năm năm tháng tháng. Cả đời nàng tuy chưa từng động lòng trước một ai khác, song đã nghe quá nhiều hẹn biển thề non. Nàng không dám nhẹ dạ tin vào lời hứa của ông, song sâu trong lòng lại mong mỗi một ngày ông quay trở lại rồi ở lại đất Thục, bên nàng chiều chiều sớm sớm.

Ông không giữ lời thề, nàng cũng không hận không oán, một mình ở ẩn bên khe Cán Hoa, gặt xuống hết thảy đẹp đẽ và buồn thương trong quá khứ, tự làm giấy viết thư, sống lẻ loi mà êm ả. Những năm cuối đời, Tiết Đào mặc áo đạo cô bằng vải trắng, dựng lầu ngâm thơ, ủ rượu Tiết Đào, bình thản sống nốt trong cảnh thanh u. Nàng tự biết tình cảm trai gái, yến tiệc linh đình đều là mây khói thoáng qua, yêu nhau đấy mà cũng dễ dàng phụ rẫy.

Xưa nay đàn ông động lòng thì dễ chung tình mới khó, Nguyên Chấn tình sâu nghĩa nặng với người vợ cũ, cũng không thể coi là bội tình bạc nghĩa với Tiết Đào, chỉ là tình cảm của ông khó cầm giữ được. Về sau vào thời Tống, Đông Pha cư sĩ cũng viết một bài *Giang thành tử tưởng* nhớ người vợ đã mất, lời lẽ càng đau đớn thê lương, khiến người ta đứt ruột gan.

*Mười năm sống chết cách đôi đường,
Gạt nhớ thương,
Vẫn tơ vương.
Ngàn dặm nắm mồ côi,
Xiết nỗi thê lương.
Có gặp nhau chăng, khôn nhận rõ,
Bụi đầy mặt,
Tóc nhuộm sương.*

*Đêm rồi mơ trở lại quê hương,
Đứng bên sông,
Đang điểm trang.
Nhìn mặt nín thính,
Chỉ nhỏ lệ ngàn hàng.
Liệu được hàng năm nơi đứt ruột,*

Gò thông ngấn,
Dưới đêm trăng.²

Tô Thúc mơ thấy người vợ đã mất là Vương Phất, âm dương cách biệt đã mười năm, song ông vẫn nhớ nhung nàng tha thiết. Nhớ năm xưa vợ chồng khăng khít, giờ chỉ mình nàng vò võ nắm mồ cô cách xa nghìn dặm, muôn vàn yêu mến, bởi bởi nhớ nhung, chẳng biết tỏ cùng ai. Tô Thúc cả đời chìm nổi trên quan trường, tình cảm cũng trắc trở gian nan, chẳng được như ý. Nàng Vương Phất nâng khăn sửa túi cho ông, có thể coi như tiểu đồng, như bạn tốt, tiếc rằng mất sớm. Về sau ông tục huyền với Vương Nhuận Chi, cũng là một cô gái tính tình hiền hậu, thuận thảo rộng rãi, cùng ông trải qua mưa gió cuộc đời, lênh đênh trôi dạt.

Sau khi Vương Nhuận Chi qua đời, Tô Đông Pha lại gặp được hồng nhan tri kỷ Vương Triều Vân, tuy nàng là ca kỹ song lại thanh nhã thoát tục, tài tình siêu việt. Tô Thúc yêu nàng, nạp làm thiếp, Triều Vân đã đi theo Đông Pha cư sĩ suốt quãng đời đẹp nhất của mình, cùng ông ngâm thơ uống rượu, cùng ông nghiên cứu giáo lý nhà Phật. Song hồng nhan bạc mệnh, Triều Vân cũng bỏ ông mà đi, Đông Pha đau lòng khôn xiết, viết cho nàng đôi câu đối: *"Chẳng hợp thế thời, chỉ có Triều Vân là hiểu tớ; riêng đàn điếu cổ, mỗi chiều mưa đổ lại nhớ em."*

Đời con người ta luôn là liên tục gặp gỡ rồi lại liên tục chia ly. Có lẽ lâu dần cũng chẳng phân biệt nổi ai là nước biển khơi, ai là mây núi Vu, ai lại là người bạn dành trọn cả đời tiếc nhớ, đến chết không quên nữa. Thì thôi, mặc cho duyên đến duyên đi, chớ hỏi tình sâu tình mỏng.

² Bản dịch Nguyễn Xuân Tảo.

Bé đi, già mới về nhà,
Tiếng quê vẫn thế, tóc đà rụng thưa.
Trẻ con trông thấy hững hờ,
Cười ồ, hỏi khách lại từ phương nao.

Quê nhà xa cách đã bao thu,
Nhân sự gần đây đã xác xơ.
Riêng có Kính hồ bày trước cửa,
Gió xuân không đổi sóng thời xưa.¹

Trương Ái Linh từng nói: "Với những người ở tuổi trung niên trở ra, tám năm, mười năm chỉ như một cái ngoái đầu, nhưng với người trẻ thì ba năm, năm năm đã có thể là một đời một kiếp." Trước kia không thấy thời gian đáng quý, mặc sức lưu đày bản thân tới từng góc ngách phàm trần. Ba năm, năm năm chậm như một đời một kiếp, tựa hồ có vô vàn thời gian để phung phí. Vậy mà giờ đây lại thấy tháng năm thấm thoát, rất nhiều phong cảnh còn chưa kịp tới đã hối hả bước qua.

Bao lần nửa đêm nằm mộng, trước sau vẫn thấy xóm làng tường trắng ngói đen nọ, ruộng vườn đơn sơ, trăng sáng khe suối, tường cũ loang lổ, ngõ dài rêu xanh, còn cả một sân khấu phủ đầy bụi. Bấy giờ tôi chỉ là một cô bé chưa đầy mười tuổi, ngây thơ trong sáng, chưa nhuộm sự đời, càng không hiểu nhân tình. Đêm qua lại mơ thấy mẹ, bà không còn đáng vẻ thời trẻ, áo trắng thuần khiết, để đuôi sam dài, nói năng vui vẻ cởi mở nữa. Hai bên tóc mai bà đã bạc, dáng dấp tiêu tụy, dường như có vô vàn lời muốn nói với tôi, song lại giấu trong lòng, không thể thổ lộ. Thực ra những điều bà muốn nói, những điều bà chưa bao giờ nói ra, tôi đều hiểu cả. Tiếc rằng lòng đã nguội lạnh, tôi sao có thể vì ai mà sửa đổi hành trình cuộc đời đây?

Vật
đổi
sao
đời,

cười
hỏi
khách
từ
nơi
nào
đến

¹ Hai bài *Hồi hương ngẫu thư* của Hạ Tri Chương, bản dịch Trần Trọng Kim.

Cha mẹ già đi khiến tôi luôn lo lắng trong lòng, tuy biết sinh lão bệnh tử là trạng thái bình thường của sinh mệnh, song vẫn luôn sợ ly biệt tìm tới. Đời người hối hả đến đi, chẳng qua chỉ dạo bước hồng trần một chuyến, song lại không thể quá tùy hứng, không thể thả sức phung phí. Những con đường từng đi qua, những người từng gặp, những chuyện từng xảy ra, tình cảm, công danh cùng vô vàn trải nghiệm vụn vặt đều được viết vào cuốn sách số phận thuộc về mình, trở thành câu chuyện, thành lịch sử.

Khi cuộc sống của một người chỉ còn lại hồi ức, hoặc chỉ còn giản dị và bình đạm, thì hẳn là không có ham muốn tranh đoạt gì nữa. Mẹ tôi thường cảm râm trách năm tháng quá vô tình, khiến bà từ một cô gái rực rỡ đương độ tuổi hoa trở thành bà cụ tóc bạc phơ như hiện giờ. Bà khiến tôi tiếc thời tiếc cảnh, mà không biết rằng tuổi hoa của mình cũng vừa trôi qua, ngay cơ hội quay người lần nữa cũng chẳng có.

Coi như tôi cũng đã phụ quang đời đẹp nhất, nhưng tôi không chịu dễ dàng cúi đầu, sợ lại bỏ lỡ nhiều vẻ đẹp đáng trân quý trên đường hơn. Tôi nguyện trông giữ khu vườn nhỏ yên tĩnh, trông một gốc tường vi dưới chân giậu cũ, hướng về mặt trời mà nở, sinh sôi không ngừng. Lại tới mùa hoa nhài và dành dành nở rộ, nhà bà ngoại lại là một chốn mát lành ở làng xa.

Nhà cửa kiểu xưa, đơn sơ giản dị, bà ngoại chọn lấy những bông nhài mình thích trong làn trúc, tuy đã là người đẹp về già, song bà cứ như thiếu nữ tuổi hoa vậy. Nụ cười bà như làn gió mát lành thổi qua hành lang, hương thấm thấm vào tim phổi. Ông ngoại vận áo khoác chéo vạt màu trắng, dáng dấp khá giống bậc quân tử đọc sách, ngồi trên ghế trúc, trên bàn đá bày một ấm trà, dạy tôi học thuộc thơ Đường:

*Bé đi, già mới về nhà,
Tiếng quê vẫn thế, tóc đà rụng thưa.
Trẻ con trông thấy hững hờ,
Cười ồ, hỏi khách lại từ phương nao.*

Bấy giờ tôi chẳng biết thời Đường, thời Tống là năm tháng nào, nhưng lại thích đọc thơ, còn đọc cả từ. Ông ngoại kể rằng tổ tiên là dòng dõi thư hương, cũng từng có người đỗ tiến sĩ, cử nhân, về sau trải qua biến động triều chính mới dời tới ngôi làng nhỏ này, đồn cũi đánh cá, chẳng buồn bận tâm ai nắm giang sơn nữa. Ông nói thời trẻ cũng muốn theo đuổi công danh chức tước, song cuối cùng vẫn làm ông câu cá. Mà ngôi làng nhỏ trong núi này cũng như đất lành Đào nguyên dưới ngòi bút của Đào Uyên Minh thời Tấn, xa rời gió mây thời Tần, bão táp thời Hán.

*Bé đi, già mới về nhà,
Tiếng quê vẫn thế, tóc đã rụng thưa.*

Năm ấy Hạ Tri Chương rời đất Ngô Việt phong lưu, tới kinh thành phồn hoa mà nhiều mưa gió. Lúc rời quê còn đương độ tuổi trẻ, khi trở về tóc đã rụng thưa, đèn tàn sắp tắt. Tuy giọng quê không đổi, không quên tình cũ cảnh xưa, nhưng quê cũ có nhận ông là người cũ không?

*Trẻ con trông thấy hững hờ,
Cười ồ, hỏi khách lại từ phương nao.*

Trẻ con nhà nghèo hộ nhỏ tụ tập dưới bóng cây nô đùa, thấy một ông lão tóc bạc phơ chống gậy thì cười hỏi ông đến từ đâu, tới đây làm gì. Một câu hỏi tưởng chừng bình thường, song lại khơi lên vô vàn cảm khái trong lòng nhà thơ. Rời quê đã mấy chục năm, vốn là chủ nhân nơi này, giờ dầm mưa dãi gió trở về lại bị lầm là khách lạ.

*Quê nhà xa cách đã bao thu,
Nhân sự gần đây đã xác xơ.*

Khách xưa già lão, tuy có buồn rầu, song thấy trẻ con vui vẻ, cảnh tượng sinh động, cũng thấy vui vui. Bấy nhiêu năm tháng đều phung phí ở Trường An, chỉ còn mấy năm cuối đời, trở về quê cũ, song nào tìm thấy nhân tình thế sự quen thuộc ngày xưa.

*Riêng có Kính hồ bày trước cửa,
Gió xuân không đổi sóng thời xưa.*

Những người và việc cách biệt bấy lâu đều đã thay đổi, chỉ có Kính hồ vườn cũ, mấy năm không gặp, sóng vẫn biếc xanh như thế. Thế gian chỉ có phong cảnh tự nhiên là nghìn năm không đổi, bất luận trải bao nhiêu tụ tán ly hợp vẫn hệt như thuở trước. Nhà thơ vốn đang buồn rầu cảm khái, song thấy Kính hồ vẫn trong vắt như xưa cũng dần bình tĩnh lại.

Hai bài *Hồi hương ngẫu thư* của Hạ Tri Chương, cảnh thơ tự nhiên, giản dị đơn sơ, tình cảm cũng được bộc lộ hết sức tự nhiên, chẳng cần trau chuốt. Năm ông cáo lão về quê thì đã tám mươi sáu tuổi, nghe nói bấy giờ ông bị bệnh đâm ra hoảng hốt, bèn dâng tấu lên triều đình xin được về quê, dốc lòng tu đạo. Đường Huyền Tông ngự bút

làm thơ ban tặng, hoàng thái tử dẫn các quan đi tiễn. Hạ Tri Chương có thể coi là vãng về quê, những kẻ được ân sủng như ông, trong lịch sử cũng chỉ đếm đầu ngón tay.

Hạ Tri Chương cả đời rong ruổi Trường An, ra vào cung điện, nhận ơn vua sâu dày, lênh đèn trên quan trường. Tuổi trẻ đa tài, về sau đỗ trạng nguyên ra làm quan, đường mây rộng bước. Tính ông hào sảng khoáng đạt, giỏi ăn nói, thích uống rượu, mê thư pháp, được tiếng khen "thanh đàm phong lưu". Ông phong lưu tiêu sái, bấy giờ những bậc hiền sĩ và quan lại hiền đạt đều hâm mộ. Ông gặp Lý Bạch, ca ngợi Lý là "tiên mắc đọa", về sau trở thành bạn vong niên, còn tiến cử Lý Bạch với Đường Huyền Tông.

Đến cuối đời, Hạ Tri Chương phóng khoáng tiêu sái, ngày ngày đều hẹn bạn thơ tới uống rượu làm thơ, nhúng mực múa bút, tự gọi mình là Tứ Minh cuồng khách. Ông cùng Lý Bạch ngâm thơ uống rượu, dốc lòng đối đãi, đem rùa vàng đổi rượu ngon, nức tiếng Trường An. Tuy ông làm quan to, song lại trong sáng chân thật, cả đời tu đạo, không đổi lòng son. Cuối cùng ông rút khỏi quan trường, chú tâm tu đạo, giày cỏ gậy trúc, mưa gió dãi dầu.

Nếu không nhờ một cơn bệnh nặng, có lẽ Hạ Tri Chương vẫn còn lưu luyến Trường An, chưa định trở về. Ngày đêm chìm trong thơ rượu, tóc bạc phơ mà mặt trẻ trung, vẫn hết sức tiêu sái cuồng ngạo. Nghe nói ông về quê tu đạo, chẳng bao lâu thì chết già, kết thúc cuộc đời dài dằng dặc. Tu hành cả đời chẳng gì hơn thế, tuổi trẻ nông cuồng, làm mưa làm gió, thơ rượu giang hồ, tới khi già thì thoái ẩn, nhìn lại cả đời hối hả như giấc mộng, nửa buồn nửa vui, nếm đủ vinh nhục.

Người sống giữa đất trời, như khách từ xa tới. Ông ngoại tôi cả đời sống trong ngôi làng hẻo lánh, làm một người dân quê bình thường, nắng đi cày mưa đọc sách. Công danh mà ông ao ước đã ở cách xa nghìn dặm, mờ mịt khói mây. Dù thời trẻ có theo đuổi danh lợi thì tới khi già vẫn muốn quy ẩn điền viên, xuất thế hay nhập thế cũng chỉ mong nội tâm tĩnh tại.

Tôi có ý ở ẩn, lại chẳng ham danh lợi, bước vào phàm trần, qua hết sóng gió, chẳng biết chốn về ở đâu. Rời quê từ bấy cũng đã hai chục năm, bạn bè thân thiết chẳng còn như trước. Tuổi hoa đẹp dễ cũng như cơn gió nhẹ, thoáng qua là tan biến. Có lúc tôi thậm chí chẳng biết quê cũ ở nơi nào, càng không để ý lúc quay về, những đứa bé hàng xóm chưa từng gặp mặt sẽ coi tôi là chủ hay khách.

Hạ Tri Chương nói, riêng có Kính hồ bày trước cửa, gió xuân không đổi sóng thời xưa. Còn tôi hẳn là mấy gốc mai trong sân sâu vườn rộng, dung nhan xưa chẳng đổi, hoa tàn hoa nở, vừa gặp đã nặng lòng.

Chương 4

Về	
già	việc
chữ	đời
tĩnh	muôn
những	sự
mong,	ngoài
	vòng
	dừng
	dưng

Về già chữ tình những mong
Việc đời muôn sự ngoài vòng dừng đứng
Biết mình sách lược tầm thường
Lui về rừng cũ tìm đường kịp may
Gió từng dải áo nhẹ bay
Dạo đàn trăng sáng quang mây non ngàn
Cùng thông người hỏi miễn bàn
Bến sâu tiếng hát hò khoan lão chài.¹

Mùa xuân năm nay còn trôi nhanh hơn năm ngoái, tưởng như mới ngắm mấy bận hoa nở, uống được mấy bình trà xuân thì đã vào hạ. Tôi từng nói đời người thực quá vội vàng, như một chén trà uống khi nhàn nhã, từ nóng thành lạnh, từ đậm tới nhạt chỉ trong nháy mắt. Nhớ lại chuyện trước kia chẳng khác nào mây khói, tháng năm đằng đẳng không thấy điểm cuối, đúng là chỉ trong nháy mắt mà thôi.

Giang Nam mưa nhiều, ra ngoài hơn một tháng lại tưởng như mới được mấy hôm. Để tìm một ngôi đình viện, một tòa thành trì, hoặc chỉ là một đoạn duyên phận, một lần lướt qua, thậm chí chẳng là gì cả. Sau khi quay về, thấy trong vườn cây cỏ tốt tươi, vẫn giữ nguyên không khí lúc ban đầu. Đây chính là Mai trang, vừa đơn sơ vừa lắm vẻ, thanh tĩnh mà êm đềm, không có người tới, cũng chẳng tiễn khách đi.

Hoa bay vào mộng, mưa bụi như tơ, bất luận là phong cảnh ngoài rèm hay tĩnh vật trong phòng đều thành chất liệu làm thơ. Tuy tôi yêu non nước như gấm, sơn thủy diên viên, rừng rậm bể mây, song còn yêu hơn cả là niềm vui trong lành tản mạn, đơn sơ nhàn nhã. Rất nhiều khi, thà giữ một góc riêng thanh tĩnh, trao quãng thời gian đẹp nhất cho một chén trà, chứ không muốn đoạ đầy mình giữa trần gian xuôi ngược, nhọc lòng phí sức vì lợi danh. Có lẽ đây chỉ là lời của kẻ không có chí hướng gì, nhưng nó được rút

Về	
già	việc
chữ	đời
tình	muôn
những	sự
mong,	ngoài
	vòng
	dừng
	đứng

¹ Bài Thù Trương thiếu phủ của Vương Duy, bản dịch Lê Phụng, nguồn: thivien.net.

ra từ gan ruột. Bao năm nay tôi vẫn như xưa, đơn giản tĩnh tại, không kinh hãi trước việc đời, không khuất phục trước sự vật. Cũng từng khom lưng vì năm đấu gạo, song cuối cùng vẫn giữ lấy linh hồn trong sạch, giữ lấy bản thân thuở xưa. Biết bao công hầu khanh tướng, quan lại hiển đạt còn có thể vứt bỏ công danh, buông bỏ giang sơn, hưởng hồ một người con gái bình thường như tôi?

Vương Duy có thơ rằng:

*Về già chữ tĩnh những mong
Việc đời muôn sự ngoài vòng dừng đứng*

Nhà thơ của nước non thiên ý này, cả đời nửa làm quan nửa ẩn dật, vừa nhập thế vừa xuất thế. Ông tham thiền ngộ lý, học Trang tin đạo, tinh thông thi thư nhạc họa, vịnh nhiều non nước ruộng vườn. Tô Thức bình luận rằng: "Thưởng thức thơ Ma Cật, thấy trong thơ có họa; xem tranh Ma Cật, thấy trong họa có thơ."

Vương Duy, nhà thơ, họa sĩ nổi tiếng thời Đường, tên chữ là Ma Cật, làm quan đến thượng thư hữu thừa, nên còn được gọi là Vương hữu thừa. Từ nhỏ ông đã tài tình trác tuyệt, giỏi thư họa, thông âm luật, thuở thiếu thời đã được hết thầy vương công quý tộc kinh thành mến chuộng. Dù ra làm quan, ông cũng vô cùng nhàn nhã, xây dựng vườn cảnh, đào hồ dẫn nước, gảy đàn tự vui ở quán trúc, thưởng trà đàn hát cùng bạn thơ.

Ông cũng từng có ham mê chính trị, không liên quan tới danh lợi, nhưng quan trường không phải chùa chiền, nhan nhản những trò đấu đá tranh giành danh lợi, sao bằng được biệt viện thâm u, ngâm thơ vẽ tranh, gảy đàn ngâm nga, nhàn nhã tự tại? Thơ sơn thủy của Vương Duy thần vận cao xa, thanh u lãnh đạm, xa rời trần thế, không nhuộm vị khói lửa, thiên ý khoan thai.

Trong bài *Lộc trại*, ông viết:

*Núi trống vắng tanh người,
Chỉ nghe vọng nói cười.
Nắng vào trong núi thẳm,
Lên đám rêu xanh soi.²*

² Bản dịch Trần Trọng San.

Tựa hồ ông chính là ánh nắng nhạt trong núi vắng rừng sâu, là mảng rêu xanh trên đường mòn giữa núi, là một bức tranh vừa sinh động vừa tĩnh tại. Người rơi vào giữa phong cảnh, song lại vượt ra ngoài vạn vật, thoát trông tưởng khoáng đạt, song lại toát lên hơi lạnh băng lạnh.

Thơ văn của Vương Duy cũng như thái độ làm quan của ông vậy. Con người ông cao quý, tâm lòng thanh khiết, thơ văn tao nhã, sống giữa Trường An cuộn cuộn khói lửa song ông luôn tươi tắn thanh cao, có phong độ của Uyên Minh. Thơ ông cũng như cuộc sống của ông, không cố tình phô bày, hết thảy tự nhiên tùy ý, đẹp dễ linh hoạt.

Bài *Thù Trương thiếu phủ* được Vương Duy viết tặng Trương Cửu Linh. Bấy giờ Trương Cửu Linh bị biếm chức, Vương Duy buồn bã làm thơ gửi bạn, bày tỏ sự thất vọng của mình trước triều chính, nguyện rằng từ nay quy ẩn núi rừng, bạn cùng non nước. Dù về sau Vương Duy vẫn làm quan trên triều, song ông trước sau vẫn không chịu hòa vào quan trường, lòng tàn ý lạnh, cuối cùng cho dựng biệt viện ở núi Nam, thờ Phật ăn chay, càng tỏ rõ phong thái của bậc ẩn sĩ.

*Biết mình sách lược tâm thường
Lui về rừng cũ tìm đường kịp may
Gió từng dải áo nhẹ bay
Dạo đàn trăng sáng quang mây non ngàn.*

Tự biết mình chẳng có kế hay giúp nước, chỉ bằng về núi rừng thuở trước, gió thông cõi đại, gảy đàn thường trăng. Cuộc sống êm đềm nhàn nhã trong núi có thể khiến ông quên đi những phân tranh trên quan trường. Ông thà yên tĩnh một mình, làm một kẻ nhàn tản còn hơn xuôi theo dòng nước, đánh mất bản thân giữa dòng đời rối ren.

Trăng núi gió thông cũng thấu tình đạt lý, biết nội tâm ông thanh cao tốt đẹp nên bầu bạn bên ông. Nhớ năm xưa Đào Tiềm cũng từng ra làm quan, trải bao chìm nổi, cuối cùng từ chức huyện lệnh Bành Trạch, viết bài từ *Quy khứ lai hế*, ẩn dật điền viên, trồng thông gieo cúc. Chim mới về tổ, cửa nhà vắng lặng, mọi chuyện quá khứ chỉ là một phen hiểu lầm. Nay chỉ mong giữ lấy mấy mẫu ruộng cần, mấy mảnh vườn rau, một gốc thông, một bụi cúc, an nhàn qua ngày.

Vì sao con người ta tới tuổi xế chiều mới biết ngày lành cảnh đẹp không thể lần nữa? Sao phải qua hết thăng trầm mới ngộ được thiên lý? Đời người hư ảo vô thường, sống có gì vui, chết có gì buồn, gặp gỡ chia ly đều có thể mỉm cười chờ đợi. Nghìn năm

không đối chỉ có non xanh nước biếc, vẻ tĩnh tại đẹp để ẩn sâu trong linh hồn và phong thái phong lưu. Vẻ đẹp tự nhiên thanh đậm mà đậm đà, đơn sơ mà sâu nặng, chẳng cần trau chuốt, vạn vật đều hợp tình hợp lý.

*Cùng thông người hỏi miễn bàn
Bến sâu tiếng hát hò khoan lão chài.*

Nhà thơ ngưỡng mộ ông chài, cư ngụ bên sông, chẳng qua lại với người thế tục, cũng chẳng hỏi lẽ cùng, thông của nhân gian. Việc đời tưởng như ẩn chứa nhiều điều huyền diệu, song thực ra lại đơn giản rõ ràng, cần chi gặng hỏi lý cùng lẽ triệt. Lòng người thấu tỏ thì như bể biếc trời xanh, mệnh mông vô bờ, có thể chứa đựng vạn vật, bao trùm thiên hạ; cũng có thể nhỏ nhoi như hạt bụi, vui với đàn với sách trong vườn nhỏ giàu thừa nhà mình.

Vương Duy sống trong núi rừng, vẽ tranh làm thơ, còn thích gảy đàn nơi quán trúc. Thơ, nhạc, họa của ông đều thanh đậm tĩnh mịch, như rừng trúc thâm u, trắng sáng vắng vạc, nhơn nhơ nhàn tản, khiến người ta ngưỡng mộ. Biết bao người bị vây trong lưới trần, vốn không định tranh chấp gì, song về sau lại rơi vào vòng phân tranh, không sao dứt bỏ. Đời người như hoa tàn hoa nở, sống chết có số, lý cùng thông cũng đã định sẵn, gột lo phiền, tu lòng thiền, vui vẻ nhàn nhã.

Trong *Hồng lâu mộng*, Lâm Đại Ngọc chỉ thích thơ Vương Duy, không chỉ bởi trong thơ có họa, mà còn bởi sự trong trẻo tự nhiên cùng thiền cơ toát lên từ đó. Tuy nàng sống trong nhà quyền quý, song lại thích cảnh thiên nhiên non nước, yêu mấy khóm trúc trước sân cùng vệt rêu loang lỗ đầy đất. "*Chốn hoang vu chẳng rõ ai lai vãng? Chỉ rêu xanh mọc trắng điều linh.*" Trong vườn Đại Quan ngày nào cũng có yến tiệc náo nhiệt muôn vàn, song nàng lại chỉ thích sự thanh u cách biệt phàm trần ở quán Tiêu Tương.

Thường ngày Lâm Đại Ngọc cũng cùng mọi người dự tiệc nghe hát, uống rượu làm tửu lệnh, rất nhiều lúc huyền ảo đều có nàng góp mặt. Nhưng Đại Ngọc thích nhất là lúc họp xã làm thơ trong vườn Đại Quan. Trong *U mộng ảnh*, Trương Trào viết rằng: "*Được gọi là mỹ nhân thì: mặt đẹp như hoa tươi, tiếng nói như chim hót, tinh thần như trăng, dáng vẻ như liễu, xương cốt như ngọc, da trắng như băng tuyết, phong tư như nước mùa thu, trong lòng như thơ ca. Ta không chỗ nào chê được cả.*"³

³ Trích *U mộng ảnh*, bản dịch Huỳnh Ngọc Chiến.

Mà Đại Ngọc không có vẻ lòe loẹt phấn son, nàng mang vẻ đẹp của ý thơ. Uyển chuyển, trong trẻo, thanh tú, nàng có phong tư của nước hồ thu, phong thái của vầng trăng sáng, sự cao khiết của trúc, vẻ tao nhã của thơ. Ngộ tính nàng chẳng thua Bảo Thoa, cũng chẳng thua Diêu Ngọc tu hành ở am Lũng Thúy. Tiếc rằng tình cảm giày vò con người, linh hồn bị giam cầm, làm sao siêu thoát nổi? Nàng hiểu rõ quán Tiếu Tương chỉ là nơi ở tạm, nàng đến không dấu vết, đi chẳng tăm hơi. Nhàn nhả tiên Giáng Châu ấy đến phàm trần một chuyến, chẳng may may nhuộm mùi trần, đã phát phơ trôi đi như một áng thơ.

Tôi cũng thích đọc thơ Vương Duy, tưởng như bất cứ lúc nào cũng có thể bước vào cảnh thơ. Nghe gió ngấm mưa, gảy đàn bụi trúc, pha trà dưới hiên, tĩnh tọa tu thiền, ý cảnh diêu kỳ trong đó, chỉ ẩn giả mới hay. Vạn vật có linh, tĩnh tại là đẹp nhất, hết thảy rườm rà và chải chuốt, rồi có ngày đều sẽ bị lược đi cả, chỉ còn lại thuần phác đơn nhất.

*"Tâm ta đã nhàn nhã, suốt trong càn tinh không."*⁴ Vương Duy về sống ở căn nhà riêng tại núi Chung Nam, tu thân dưỡng tính, chẳng quan tâm tới việc chi nữa. Cũng như tôi ở Mai trang, giai nhân quên đời, chẳng hỏi sớm chiều. Đời người trăm năm, đi vạn dặm đường, ngắm muôn phong cảnh, thừa thốt dồn dập, tụ họp phân ly, cuối cùng cũng chỉ cần một gian nhà cỏ, một chén trà thơm, một tấm lòng trong sạch mà thôi.

⁴ Bài *Thanh kê*, bản dịch Vũ Thế Ngọc.

Thành ngoài đời đến ở
Dâu mọc lối mòn qua
Cúc mới trồng ven giậu
Thu về chứa nở hoa
Cửa chào không tiếng chó
Chân bước hỏi bên nhà
Rằng: bác vào trong núi
Về khi bóng ác tà.¹

Mở một quán trà đi. Tìm chỗ nào bên bờ nước, không khoa trương, không huyền ảo. Hơi cũ kĩ, hơi đơn sơ, vắng khách, thậm chí bị người ta lãng quên. Những điều này đều không quan trọng, chỉ cần vẫn có một, một người khách, trong ánh nắng chiều uể oải, uống một chén trà đến nhạt vị, nghe một khúc ca đến nhạt vụn, đọc một cuốn sách đến hết chữ, yêu một người đến vô tâm.

Nhiều năm trước, tôi từng nói muốn mở một quán trà ở bên bờ nước Giang Nam, đặt tên là Trà Duyên Quá Khách. Mong rằng chúng sinh có thể gột sạch bụi trần, yên ổn nghỉ ngơi, tạo dựng một giấc mộng ưu nhã qua một bình trà. Sau đó tôi làm quen với mấy quán trà, cũng từng xin trà của người khác, mỗi chén lại nếm ra một vị đời khác nhau, hoặc ấm hoặc lạnh, hoặc buồn hoặc vui, song cuối cùng cũng chẳng thể đi vào lòng được.

Trần thế hiếm tri âm, chén trà tôi mong muốn, không nhiều người cho được. Nghe mưa dưới hiên, bình ngọc mua xuân, có lẽ là giấc mộng đẹp nhất đời tôi. Thực ra quán trà của tôi vẫn luôn ở đó, bên bờ nước, tại Mai trang thanh u. Chỉ là không ai hay biết, năm tháng thoi đưa, tôi cũng quên mất phải ung dung đối đãi với người đời ra sao.

Năm xưa Đỗ Phủ ở nhà cỏ tại Thành Đô từng viết: "Ước được nhà rộng muôn ngàn gian, khắp thiên hạ, kẻ sĩ nghèo đều hân hoan." Lòng tôi bình lặng yên tĩnh, tuy thương xót chúng sinh

Nhất

kỳ

nhất

hội,

một

chén

trà

một

bài

thơ,

tự

mình

trần

quý

¹ Bài *Tầm Lục Hồng Tiệm bất ngộ* của Giáo Nhiên, bản dịch Lê Nguyễn Lưu.

nhưng lại nhạt nhòa như gió, dù là một chén trà cũng đợi người có duyên cùng tận hưởng. Nếu không có, thà rằng một mình ngồi lặng dưới bóng hoa, thấp hương pha trà, ngắm thời gian trôi, sống êm đềm cùng năm tháng.

Thường nói Đại Ngọc bản tính cô độc, song Diêu Ngọc còn cô độc hơn. Nàng tu hành ở am Lũng Thúy, cả ngày ngồi thiền uống trà, tụng kinh niệm Phật, đơn giản thanh tịnh. Những trò ngâm thơ họp bạn, uống rượu làm tửu lệnh bên vườn Đại Quan, nàng đều không tham dự. Thỉnh thoảng chơi cờ với Tích Xuân, ngoài ra hiếm khi giao thiệp với ai, cũng chỉ dốc lòng dốc dạ với mấy cội mai đỏ trong am Lũng Thúy.

Hôm ấy Giả mẫu dẫn bọn già Lưu tới am Lũng Thúy uống trà. Diêu Ngọc là chuyên gia thưởng trà, nghiên cứu khá sâu về nước pha và dụng cụ pha trà. Nàng tính tình cao khiết, chén sứ Châu Thành mà già Lưu từng uống, nàng cũng bỏ không dùng. Vậy mà lại pha trà mời tri âm, lấy nước tuyết hứng được trên hoa mai ở chùa Huyền Mộ Bàn Hương năm năm trước, cộng lại chỉ được đầy một bình hoa xanh, không nỡ uống một mình, nhân dịp này mới đem ra cùng mọi người thưởng thức.

"Chỉ có nước tuyết hứng mùa đông, vào hạ đem ra dùng mới là tuyệt phẩm." Diêu Ngọc thích trà, thích nước pha trà, thích bình phẩm chén uống trà, càng thích người uống trà cùng mình. Nàng tài hoa như tiên, khí chất tựa lan, mà nào biết cao quá đời ghen, sạch quá đời ghét. Nhưng một người con gái như thơ như trà thế ấy, tâm hồn, tình cảm, tính tình còn hơn xa bậc cao nhân nhĩ sĩ.

Những nguồn gốc, công cụ (để trồng và chế biến), phẩm cấp, dụng cụ (để uống trà), cách pha, cách uống, câu chuyện xoay quanh, phân bố các vùng, khả năng đơn giản hóa và tranh vẽ về trà, đều bắt nguồn từ *Trà kinh* của Lục Vũ. Lục Vũ là chuyên gia nổi tiếng về trà từ thời Đường, được xưng tụng là Trà thần, Trà thánh. Cả đời ông mê trà, tinh thông trà đạo, tham thiền trong cây cỏ, thoát tục từ chén trà.

Lục Vũ bị bỏ rơi từ nhỏ, được trụ trì chùa Long Cái nuôi nấng, học biết chữ pha trà trong chùa. Về sau không muốn quy y cửa Phật, xuống tóc làm sư nên đã rời chùa, tới gánh hát làm kép hát. Vì tướng mạo xấu xí, lại nói lắp nên cũng không trụ nổi ở gánh hát. Ông đành lang thang khắp nơi ở Giang Nam, nếm trà thử nước, ngâm thơ luận văn, nghiên cứu về trà, nhàn nhã tự đắc.

*Vò vàng ròng chẳng thiết
Chén bạch ngọc không màng
Chầu sớm vốn không ham*

*Lầu son càng hờ hững
Chỉ hận chẳng như dòng Tây giang,
Thành Cánh Lãng lơ lững chảy ngang.*

Ông chẳng màng làm vương hầu, chỉ muốn ẩn cư sơn dã, gửi tình vào non nước, độc hành chốn thôn quê, hái trà tìm suối, đóng cửa viết *Trà kinh*. Ông vì trà mà ở ẩn, nhờ trà mà tao nhã, cũng nhờ trà mà nhàn tản, nhờ trà mà tĩnh tại.

Nghìn năm trước, vào một ngày thu đẹp trời, thi tăng, cũng là trà tăng Giảo Nhiên tới thăm người bạn thân là Lục Vũ. Giảo Nhiên là cao tăng thời Đường, cháu mười đời của Tạ Linh Vận, người khai sáng trường phái thơ sơn thủy Nam triều. Ông lớn hơn Lục Vũ mười mấy tuổi, song hai người lại kết duyên nhờ trà, thường cùng nhau thưởng trà tham thiền, ngâm vịnh sơn thủy. Tu vi Phật pháp của Giảo Nhiên cũng rất cao, cả đời ngao du núi cao sông dài, nếm hết nước nghìn sông, xem hết gió mây thế sự. Có lẽ Giảo Nhiên không nghiên cứu sâu về trà như Lục Vũ, song trà trong chén ông lại thêm mấy phần thiền ý, mấy phần không linh. Đọc kinh dưới trăng, pha trà bên sông, ông giao lưu trao đổi hết thảy lý luận về trà và đạo của trà mà mình ngộ được từ việc tu hành với Lục Vũ, khiến *Trà kinh* của Lục Vũ chẳng những mang đậm tình thú sơn thủy mà còn ẩn chứa cả ý cảnh thiền. Trà khiến người ta tĩnh táo, hóa giải phiền não trên đời, như ngồi trên mây cao, như ở bên bờ nước, biết hết chuyện thiên hạ, cũng có thể khuây mọi lo âu.

Nơi ở ẩn mới của Lục Vũ cách thành không xa, song cũng u tĩnh khó tìm. Đi qua con đường mòn nơi thôn dã, mới thấy một căn nhà nhỏ đơn sơ giữa bụi dâu. Bên giậu trồng đầy cúc, có lẽ vừa mới chuyển đến, mới trồng nên thu tới mà còn chưa nở hoa. Ông gõ nhẹ cửa mà không ai đáp, không cả tiếng chó sủa, đành đứng đó ngắm cảnh bên ngoài giây lát, ngửi thấy trong nhà thoang thoảng hương trà, nhưng chớp mắt đã phai. Nhà sư lưu luyến không nở về, bèn sang hỏi láng giềng bên cạnh, láng giềng đáp: "Vào trong núi rồi, chiều hôm mới về." Hàng xóm có lẽ cũng không nắm được hành tung Lục Vũ, chỉ nói rằng hằng ngày ông vào núi tìm nguồn nước, hái trà sao trà, luẩn quẩn trong núi mãi, tới khi trời tối hết hưng mới chịu về. Ấy là Lục Vũ, chẳng màng việc thế gian, chẳng để tâm tới danh lợi hư ảo, mang đậm tâm tình và phong độ của bậc ẩn sĩ thoát tục. Tấm lòng của Giảo Nhiên với Phật và trà cũng chẳng kém gì Lục Vũ. Họ vừa là sư cũng vừa là Phật, vừa là trà cũng vừa là thơ, vừa rong chơi vừa ẩn cư, sống giữa Đại Đường phong lưu tiêu sái mà cam lòng đạm bạc lánh đời, khiến người ta hâm mộ.

Trường danh lợi xa ngoài tầm với trong mắt người đời, đạo thiên cao thâm khó lường chẳng qua là bụi dâu trên con đường ngang qua giậu, là khóm trúc dưới mái hiên, là một ấm trà quê, mấy tiếng chó sủa, mấy hộ nhà nông. Có người dốc hết tâm huyết cả đời tranh giành danh lợi, có người bỏ cả đời để trả món nợ tình, cũng có người lăn lộn giữa hồng trần khói lửa, có người tu hành ngồi thiền giữa chùa chiền, còn có người bỏ hết cả đời ra chỉ để thưởng thức một bình trà.

Một chén trà, trong mắt lái buôn là lợi, dưới mắt chính khách là quyền, trong mắt văn nhân là nhân, trong mắt nhà sư là thiền, trong mắt người tình là yêu. Vạn vật chúng sinh, mọi chuyện nghìn xưa đều rơi vào trong một chén trà. Trà có thể khiến huyền diệu trở thành đơn sơ, biến phức tạp thành giản dị, khiến người chia xa gặp lại nhau. Chiều thu gió lạnh, chẳng biết về sau Giáo Nhiên có đứng trước cửa đợi Lục Vũ ngao du sơn thủy trở về không? Chắc hẳn là có, không vì tình bạn sâu sắc giữa hai người thì cũng nên vì một chén trà thơm đã lâu không nếm dưới đèn. Năm xưa Bá Nha, Tử Kỳ kết mối tri âm trên phím đàn, còn Giáo Nhiên và Lục Vũ lại dốc hết gan ruột trong chén trà.

*Một chén tình người ra, tinh thần sáng khoái khắp đất trời
Hai chén lòng trong sáng, như có mưa phùn gột bụi trần.
Ba chén thời đắc đạo, cần chi nhọc lòng giải phiền não.
Trà vốn thanh cao đời chẳng hay, người đời uống rượu sao sánh tày.²*

Trà, là giống cây quý ở phương Nam, tựa như giai nhân, thanh đạm mà trầm tĩnh, hương thơm xông người, mùa nào cũng hợp.

Có lẽ có một ngày, quán trà tên Trà Duyên Quá Khách kia sẽ nằm ở rất nhiều con phố kề bên bờ nước khắp Giang Bắc Giang Nam, hoặc ở giữa núi sâu rừng thẳm mây phủ mịt mờ. Hoặc cũng có thể cả đời này chỉ ở nơi không ai thấy được, một mình pha một ấm trà tịch mịch mà yên tĩnh.

Nếu được, tôi muốn đem cả đời tu hành, đổi lấy cơ duyên cùng bạn thưởng thức một chén trà trong. Duyên phận giữa người với người cũng đơn giản đẹp dễ như trà, nhất kỳ nhất hội, một chén trà một bài thơ, phải nên trân quý.

² Trích trong bài *Ấm trà ca* tiểu *Thôi Thạch sứ quân* của Giáo Nhiên.

Đường từ mây trắng hết
Xuân với suối xanh dài
Thỉnh thoảng đóa hoa rụng
Theo dòng thơm xa trôi
Cửa nhân núi ở trước
Nhà sách liễu buồng ngoài
Lúc ánh trời vào đến
Lại soi xiêm áo người.¹

Hái một bát hoa, pha một bình trà trong, mỗi ngày hè, hoặc thậm chí mỗi ngày, đều lặp lại tư thái giản đơn ấy. Cuộc sống tĩnh tại êm đềm, thậm chí khó mà với tới người khác, tôi lại thấy chất phác thanh đạm làm sao. Sống cả đời này theo cách mình thích, chọn một chốn non nước trong xanh, dựng nhà mà ở, xa rời phù hoa, chính là phúc báo tốt nhất kiếp này.

Hôm ấy đọc được câu "nguyện cho bạn bốn ba nửa đời, quay về vẫn là thiếu niên", lòng tôi thoáng dịu đi, sau đó cũng bình lặng lại, không vui mừng, cũng không buồn bã. Thực ra ai cũng phải nếm trải hết bẽ dẫu nhân thế rồi mới đạt được sự bình đạm sau khi rũ hết phồn hoa. Tuy lòng tôi cố chấp, thậm chí phản nghịch, song vẫn muốn làm một cô gái dịu dàng nhu thuận, hằng ngày uống trà đọc sách dưới bóng hoa trước nhà. Mượn văn kết duyên là sở thích trong lòng, cũng là để mưu sinh. Bao năm nay, tôi vẫn viết những bằng những trắc trong câu thơ của người khác, viết hết những chia lìa tan hợp trong câu chuyện của người khác. Khó tránh sinh ra một mối, nhưng lại thành một mô thức, không thể sửa đổi, cũng không muốn sửa đổi. Rời sách vở, rời cây cỏ, rời chén trà tôi yêu nhất này, đời người còn gì thú vị, vui vẻ nữa đâu?

Thế giới của tôi đơn sơ trong trẻo, không có danh lợi đan xen, không có tiền Phật vãng lai. Tuy ở giữa hồng trần, song một mình một đường, tìm kiếm một sự thanh đạm cao nhã riêng. Hễ rảnh rỗi

Nắng
cày
ruộng
mưa
đọc
sách,

bình
thản
giữa
thịnh
thế

¹ Bài Khuyết đề của Lưu Thận Hư, bản dịch Trần Trọng San.

lại ngồi trầm ngâm, pha một chén trà, khi thì giết thời gian trong câu thơ Đường, lúc lại thông dong ngao du trong cuốn từ Tổng. Hoặc chẳng nghĩ gì cả, ngắm bóng hoa bên cầu, mây trắng lững lờ.

Trước kia tôi thích Tổng từ, thanh lệ đa tình, tuy có ai oán song không lộ lộ sắc bén. Gần đây đọc thơ Đường, lại càng thấy êm đềm giản dị, biết bao câu hay vốn dĩ, kỳ diệu khôn tả. Người đời không ngừng mưu cầu, song triều đại nào cũng có ẩn sĩ. Con người ta dẫu thanh cao, cũng mất bao năm bóng lẻ song lạnh chờ mong, chỉ muốn một ngày chiếm được hư danh, không phụ kiếp này. Sau đó hoặc chuyên tâm tu hành, khép cửa đọc sách, hoặc quy ẩn núi rừng, phiêu bạt giang hồ, cũng thấy chẳng uống thời gian, chẳng sợ sầu thương.

*Đường từ mây trắng hết
Xuân với suối xanh dài
Thỉnh thoảng đóa hoa rụng
Theo dòng thơm xa trôi.*

Nơi ở mà tôi mong ước, há chẳng giống cảnh thanh u dưới ngòi bút nhà thơ ư? Thường nói đại ẩn là ẩn giữa chợ, giữa cảnh ồn ã giành lấy một phần tĩnh tại đơn sơ, ấy là đại ẩn. Mai trang của tôi tuy nằm ở chốn xa xôi, nhưng không khỏi khói lửa mịt mờ, cả ngày khép cửa lánh đời, không người qua lại, cũng có thể nghe suối chảy ngửi hương hoa, có gió lay ngọn trúc, én lượn mái hiên, mây trắng lững lờ, trăng tròn gõ cửa.

Người xưa tìm chốn thanh u, nhàn tản ở ẩn, thường hay tìm vào núi sâu rừng vắng, khe suối đồng hoang, có vậy mới không bị thế giới bên ngoài quấy rầy, tránh được thái thái nhân tình. Biết bao người sống giữa chốn phồn hoa mà không sinh xốc nổi, rơi vào hồng trần mà không vương thói đời, được phú quý mà vẫn giữ thanh bản. Chốn để tu tâm thực sự vẫn là nơi núi rừng hẻo lánh, non xanh nước biếc, mây khói mịt mờ, thỉnh thoảng mới có tiểu phu ngang qua, sơn tăng qua lại.

Đường núi quanh co, bị mây trắng bảng lảng ngăn cách với trần thế. Tựa hồ bước qua là một vùng đất lành khác, không có hồng trần cuộn cuộn cũng chẳng có tranh giành danh lợi, chiến loạn sát phạt. Cảnh xuân khắp nơi, như dòng suối trong tuôn chảy hoài không dứt, miên man chẳng có điểm dừng. Hoa trôi theo dòng, tỏa hương thoang thoang lan ra khắp núi khiến lòng người khoan khoái.

Nhà thơ đi đâu, tìm kiếm ai? Tối thăm một ẩn sĩ trong núi, hay một cố nhân xa cách nhiều năm, hay chỉ tình cờ đi ngang, ngẫu nhiên không hẹn mà gặp.

*Cửa nhàn núi ở trước
Nhà sách liễu buông ngoài.*

Đủ thấy chủ nhân trong núi rất thích ngắm non giỡn nước, đông nắng đo mưa, làm cửa ngay con đường lên núi vắng vẻ là để đóng núi lại hay là đợi người có duyên? Bóng liễu xanh ngắt rợp sân khế đung đưa dưới làn gió xuân, thuốt tha yếu điệu. Mà chủ nhân thư trai chỉ thấp thoáng giữa bóng liễu, càng thấy mát rượi. Có lẽ ông chỉ là một khách thơ không ham danh lợi, xa lánh phàm trần, bỏ núi đắp đá, trồng liễu dựng nhà ở đây. Để tránh triều đình loạn lạc, trốn tình đời rối ren, cũng có thể là định tu thân dưỡng tính, tự vui vầy tại đây.

Thường Kiến thời Đường có thơ rằng:

*Quanh co đường dốc vắng
Hoa cỏ ngát thiên môn.²*

Cũng là tìm chốn vắng vẻ tham thiền, cả bài thơ tuy không dùng chữ thiền, nhưng lại toát lên ý thiền. Người xưa thích xây nhà trong núi sâu, cả ngày hẹn tri kỷ tới cùng nhau chuốc chén ngâm thơ. Lúc còn làm quan trên triều, Vương Duy vẫn không quên ở ẩn, xây một căn biệt viện ở núi Chung Nam, tụ họp cùng bạn thơ trong rừng trúc, gảy đàn ngâm ngợi, vui cùng thơ rượu hết thanh xuân.

Trồng liễu cắm trúc, trồng mai chăm lan, đều theo sở thích của chủ nhân. Từ xưa các ẩn sĩ đa phần tính tình cô độc cao ngạo, khách tới thăm cũng hầu hết là bạn tri kỷ, hạng phàm phu tục tử có muốn vào vườn xin chén trà trong cũng khó. Cuộc sống trong núi nhàn tản, chẳng biết tháng năm, việc thiên hạ khắc có người thiên hạ bận tâm, liên quan gì tới mình?

*Lúc ánh trời vào đến
Lại soi xiêm áo người.*

Ánh dương rọi qua bụi liễu, tia nắng nhàn nhạt chiếu qua khe hở giữa cành rủ, đọng đầy trên áo. Chốn tĩnh mịch thanh u là thế, tiết trời lại dễ chịu, khiến nhà thơ

² Bản dịch Hải Đà.

quyến luyến không thôi, chẳng nỡ trở về. Cả bài thơ chẳng hề nhắc tới tình duyên, chỉ tả cảnh trí, song vẫn điệu uyển chuyển, ý tứ khôn cùng.

Trong *Nhân gian từ thoại*, Vương Quốc Duy từng viết: "Những lời tả cảnh, tả cảnh cũng tả tình." Lời của non nước thiên nhiên tươi mới mà uyển chuyển, chẳng cần cất lên cũng đã hơn đứt tình ý nhân gian. Người xưa làm thơ phần nhiều là tả cảnh ngụ tình, mượn vật tỏ lòng. Nhiều câu thơ đọc thì thẳng thừng dễ hiểu, song lại tài tình hết mực, đi sâu vào lòng người. Bài thơ này tên *Khuyết đề*, tức không có đề mục. Chắc hẳn năm xưa khi nhà thơ viết ra cũng đã đặt tên, song trải qua thời gian lưu chuyển đã mai một đi. Nhưng những câu thơ hay vẫn như mây trắng trôi trong, nhơn nhớt trôi chảy suốt nghìn thuở, không hề tan biến theo thời cuộc đổi dời. Lưu Thận Hư vốn tính tình cao khiết, không ham danh lợi, thường giao du với những sơn tăng đạo侶. Người bạn ông tìm tới thăm cũng là một ẩn sĩ cao siêu, tao nhã thanh khiết, nên mới có thể ở ẩn trong núi, chẳng hỏi việc đời.

Ghi chép trong sách sử về tác giả này không nhiều, chỉ biết là nhà thơ thời Thịnh Đường, chẳng rõ năm sinh năm mất. Có thuyết nói là người Giang Đông, nay hiệu đính lại thành người Tân Ngô, Hồng Châu (nay là Phụng Tân, Giang Tây). Tám tuổi đã biết làm văn, giảng học, được vời triệu kiến, được ban hiệu đồng tử lang³. Tuy ông "lừng danh về văn chương, nhưng di cáo thất tán cả". Ông rất thân với Mạnh Hạo Nhiên, từng làm thơ tặng nhau. Đề tài, ý cảnh của bài thơ này khá giống với phong cách thơ của Mạnh Hạo Nhiên, chỉ là trong vẻ thanh đạm tự nhiên có thêm mấy phần nhân nhả riêng.

*Đường từ mây trắng hết
Xuân với suối xanh dài.*

Vần thơ của ông cùng tình cảm dành cho bạn cũng như mây trắng nghìn năm, suối trong muôn thuở, chảy mãi không ngừng. Đời người là vô vãn duyên phận, tiều phu và khách đàn có thể là tri âm, vương hầu và ông chài có thể luận thiên hạ, danh tướng và phàm phu cũng có thể cùng nhau quy ẩn. Trăm nghìn năm nay có biết bao người theo đuổi danh lợi, phí hết tuổi hoa, đến cuối cùng dù ngồi nắm sơn hà cũng không quên được núi non rừng thẳm. Kẻ hiển đạt thì lo cho thiên hạ, kẻ nghèo túng chỉ lo giữ thân mình. Thiên hạ cuộn cuộn mênh mông, bạn chỉ có thể tự giữ mình trong sạch, chứ đâu thể cùng chung vui buồn, sống chết với muôn vạn chúng sinh? Trăm

³ Danh hiệu tặng cho những đứa trẻ thông hiểu kinh sách đạo Nho khi xưa.

nghìn năm nay, giang sơn đổi chủ, lịch sử cũng đã trải qua bao nhiêu biến cố bể dâu, tới cuối cùng vẫn là thiên hạ thái bình, thịnh thế yên ổn. Hoa rơi khe suối, ráng chiều liều rủ, chẳng có hưng vong thành bại, chẳng có ân oán ấm lạnh, trời đất sáng trong, gió lồng mây cao.

Đời người khó được lúc hồ đồ, cần chi lúc nào cũng phải tỉnh táo rành mạch? Dù gặp bất trắc hay tai họa, rồi cũng bình thản bước qua. Thế sự như mộng, phong cảnh thời Tần Hán cùng nhân vật thời Đường Tống đều theo khói nhẹ chiều buông mà tiêu tan, không còn thấy nữa.

Suối khe quanh cỏ rậm,
Bờ giậu ráng mây pha.
Mến trúc cơn mưa tạnh,
Yêu non bóng nắng tà.
Cò nhàn về sớm sửa,
Hoa thắm rụng dần dà.
Lối cỏ sai đồng quét,
Hôm rời bác hện qua.¹

Giang Nam ngày mưa, nếu là lúc thường, tôi sẽ ngả người nằm trên sập nghe mưa, chẳng làm gì cũng chẳng nghĩ ngợi gì, chỉ lo tận hưởng quang thời gian đẹp để sáng sớm mưa phùn này. Những lúc thế này chỉ sợ thời gian vội vã, sợ lỡ bình trà mới còn lại từ đầu xuân, lỡ từng đóa hoa nở ngoài vườn, lại sợ lỡ cả cố nhân nào đó xa cách lâu ngày mới gặp.

Gặp người vào một ngày đầu hạ mát mẻ nhiều mưa thế này, cũng như năm tháng tuổi hoa đã lặng lẽ trôi xa mà vẫn tươi đẹp vẹn nguyên của tôi. Thực ra tôi yêu hơi mát đầu hè, yêu hoa nhài thanh đậm thoát tục mùa này cùng hương hoa dành dành thanh khiết thấm vào xương tủy, cả cái tao nhã nhàn tản của bụi trúc sau mưa cùng cái vui vẻ của hợp hoan rợp lá.

Đầu hè, một làn gió thổi qua người, một cơn mưa phùn chẳng tỏ cùng ai, một tâm sự chẳng biết giấu vào đâu, một bữa trà đầy tình thơ ý họa, đều khiến người ta rung động không thôi. Mỗi người đều có một chốn để trao gửi linh hồn, hoặc là sân vườn xanh mướt um tùm, bờ nước sóng biếc lăn tăn, hoặc hộ nhỏ trong làng, nhà nhỏ trong ngõ, dẫu là một khung cửa sổ thanh u hoặc một mái hiên đơn sơ, cũng có thể yên thân gửi phận. Sự đủ đầy và thỏa mãn trong lòng đã đủ khiến một kẻ thanh bần an nhàn vô lo sống hết đời.

Năm xưa Tào công viết *Hồng lâu mộng* trong một căn nhà ở quê, dột nát khổ sở, được bữa nay lo bữa mai. Song lòng ông ẩn chứa

Pha
một
bình
trà,

đợi
một
cố
nhân
xa
lâu
gặp
lại

¹ Bài Cốc khẩu thư trai ký Dương bổ khuyết của Tiên Khởi, bản dịch Lê Nguyễn Lưu.

muôn vàn gấm dệt, văn vẻ phong lưu tiêu sái, dù phiêu bạt giang hồ, lênh đèn phố thị, cũng không cúi đầu không khuất phục, để lại một áng văn chương cho trăm đời. Ông có thể miêu tả gian nhà tranh đơn sơ nghèo nàn thành vườn Đại Quan phồn hoa rực rỡ, cũng có thể coi cơm nhạt trà thô thành cơm ngọc rau vàng. Nội tâm ông vô cùng phong phú, có thơ có trà, chẳng cần tranh giành với ai, càng không cần chứng minh gì với người đời.

Phong cảnh đời người cứ vùn vụt trôi qua, chẳng ai giữ nổi quá trình một đóa hoa nở, cất giấu gió mây vẫn chuyển bốn mùa đi. Chỉ là lúc sống trên đời, phải sống sao cho sáng khoái vui vẻ, thuận theo ý muốn của mình.

Người xưa sửa đình viện, chăm cây cối, phần nhiều để gửi sấm tình cảm, tu dưỡng tâm tính, đình viện là vườn hoa phía sau, nơi linh hồn họ ngơi nghỉ. Pha trà ngắm hoa, thưởng thức ánh nắng mai, tiễn đưa ráng chiều buông, ngắm chim chóc hát ca, hoặc quét lối thơm, đợi một cố nhân hò hẹn đã lâu.

Dưới bóng hoa, đọc bài *Cốc Khẩu thư trai ký Dương bổ khuyết* của Tiền Khởi, thực là hợp tình hợp cảnh.

*Suối khe quanh cỏ rậm,
Bờ giậu ráng mây pha.
Mến trúc cơn mưa tạnh,
Yêu non bóng nắng tà.*

Thư trai trong nhà cỏ là nơi ông cư ngụ, xa rời huyên náo, thanh nhã lánh đời. Suối khe bao quanh, mây ráng làm nền, dây leo trên tường, như một bức màn nhiều màu sắc. Sau mưa trúc xanh mướt, khiến người ta thích thú vô vùn, núi chiều ánh chiều bóng hoàng hôn, rọi vào góc sân, như tâm sự ngập ngừng muốn nói lại thôi.

*Cò nhàn về sớm sửa,
Hoa thắm rụng dần dà.
Lối cỏ sai đồng quét,
Hôm rồi bác hẹn qua.*

Cò trắng nhớn nhó, cùng chẳng mến phong cảnh vô biên ngoài núi, mà quyến luyến chiếc tổ yên tĩnh an toàn hơn, nên thường về sớm nghỉ. Ngay hoa thu cũng giàu sức sống hơn nơi khác, biết tháng năm đáng quý nên cứ trần trở luyến lưu ánh sáng nhân gian, chần chừ không chịu rụng rơi. Đồng tử biết ta có cố nhân tới thăm nên đã

chu đáo quét sạch lối đi mọc đầy cỏ dại, còn cố nhân hò hẹn từ hôm qua sẽ tới, không bỏ lỡ cuộc hẹn đẹp đẽ này.

Tình ý trên nhân thế, có tình yêu nam nữ triền miên, cũng có niềm vui bè bạn. Cùng người mình ái mộ thủ thỉ dưới trăng trước hoa, tình chàng ý thiếp, là ấm áp, cũng là hạnh phúc. Hẹn dăm ba tri kỷ, pha một bình trà ngon, dưới bóng cây bên song cửa, ngắm cảnh luận thơ, cũng là việc vui trong đời. Nếu trên đời chẳng có người yêu, cũng chẳng có tri âm thì ở bên một cội mai, một cây trúc, giữa một ngôi nhà cỏ dại lan đầy, rêu xanh lấp lối, cũng có nhã thú nhàn tình.

Tiền Khởi đỗ tiến sĩ năm Thiên Bảo, từng giữ chức khảo công lang trung, nên được người đời gọi là Tiền khảo công, còn được liệt vào mười vị tài tử Đại Lịch cùng với Hàn Hoàn, Lý Doan, Lưu Luân, v.v... Đường công danh bằng phẳng, lại nổi tiếng về thơ, sở trường về thơ ngũ ngôn, câu cú thanh lệ, âm luật uyển chuyển, nhờ thế mà được xếp ngang với Lang Sĩ Nguyên, người đời xưng tụng là "Tiền Lang". Còn có câu rằng: "Trước có Thẩm Tống, sau có Tiền Lang."

Thơ Tiền Khởi phần nhiều là tiền tặng tức cảnh, quyến luyến phong cảnh, tô điểm thái bình. Phong cách thơ ông đẹp đẽ, linh tú tinh xảo, chuyên về tả cảnh ngụ tình, rất ít khi cảm khái loạn lạc thời thế, phê phán hiện thực. Rất nhiều câu thơ hay của ông đều chảy dài qua nhà cỏ ở Cổ Sơn, qua thư trai trong núi. Tuy ra làm quan, vẫn không đánh mất nhã hứng của văn nhân, sống giữa rừng sâu, yêu trúc gầy trước song, dây leo đầy tường.

Ông còn một bài thơ khác:

*Cốc Khẩu xuân tàn lác đác oanh,
Hoa tân di hết, hạnh bay quanh.
Càng thương khóm trúc ngoài song cửa,
Chờ đợi ta về sắc vẫn xanh.²*

Đủ thấy tình cảm sâu nặng của ông dành cho cây cỏ vườn xưa, mà trúc gầy cũng có lòng, sắt son chờ đợi người chủ lâu ngày mới trở lại. Mặc cho quan trường sóng gió chìm nổi, tình người ấm lạnh thất thường, khoảnh sân của ông bốn mùa vẫn xanh ngắt. Dù cỏ hoa theo xuân mà đi, chìm nổi cùng thời thế, thì suy cho cùng cũng không đổi tấm lòng thanh bạch ban đầu.

² Bài *Mộ xuân quy cổ sơn thảo đường*, bản dịch Lê Nguyễn Lưu.

Trúc xanh sau mưa tươi tắn đẹp dễ, bóng nước sắc non, xanh sẫm đỏ tía, đẹp mắt thỏa lòng. Ngụ trong thư trai thanh u tao nhã ấy, quét sân, bày tiệc, pha trà đãi khách, mà cố nhân nợ nhất định sẽ tới như đã hẹn, mới khỏi phụ thịnh tình khoản đãi. Cảnh tượng thoát trông có vẻ tĩnh mịch, song trong tĩnh có động, âm u mà không tịch mịch, vắng vẻ mà không quạnh quẽ. Trong thơ có sắc nước màu mây, dáng hoa tiếng chim, nhập cảnh ngụ tình, từ đó cũng thấy được lòng nhà thơ mong mỗi một tri âm giữa trần thế.

Đỗ Phủ từng sống trong nhà cỏ ở Thành Đô, Tứ Xuyên, sống một quãng thời gian đơn sơ giản dị tạm quên hư danh, không hỏi chính sự, viết ra những câu thơ:

*Chưa vì khách quét lối hoa,
Cửa bỗng nay mới mở ra vì người.*³

Nhà cỏ sơ sài, thường ngày cũng chẳng quét lối hoa đón khách, cửa tre chưa từng mở ra mừng khách, mà nay lại quét đường đón khách. Nhà cỏ cách xa phố chợ, không có rượu ngon nhắm tốt, đành sửa soạn mấy món ăn tầm thường ở thôn quê cùng rượu nhà tự ủ. Chỉ mấy câu ngắn ngủi cũng đủ thấy sự khoáng đạt hào sảng của thi nhân, tuy lực bất tòng tâm, song lòng hiếu khách nồng nhiệt vẫn khiến người ta cảm động.

Mời hàng xóm tới, thả sức chuốc chén đối ẩm qua bờ giậu, giữa gian nhà cỏ trong núi này, chẳng màng giang sơn triều chính, chẳng có giàu nghèo sang hèn, phú quý công danh dường như cũng chẳng đáng nhắc tới. Dù tiền rừng bạc bể thì xa rời trần thế cũng chẳng tiêu được vào đâu, chi bằng lấy rau rừng nước suối, ngồi dưới khe núi trước trăng trong, chuyện phiếm băng quơ với ông câu cá chú lấy củi. Chẳng hỏi giang sơn gấm vóc do ai nắm giữ, chẳng nghĩ tới năm nào phiêu bạt lênh đênh lại rơi vào nhà ai, nhìn khắp gió mây biến ảo.

Tri âm trên đời chẳng phân giàu nghèo, chẳng hỏi sang hèn, chỉ cần tâm đầu ý hợp. Dù chỉ là một cử chỉ bình thường, một ánh mắt đơn giản, chỉ là duyên phận qua một khúc hát, thời gian cạn một chén trà, hoặc lạc thú trong một chén rượu, cũng đều đáng quý. Bình sinh sợ nhất thể hứa, cũng sợ cả hẹn trước, tình duyên như mộng, đến đi đều không thể tự chủ.

Một bàn cờ, đời suốt nghìn năm, cuối cùng cũng chẳng tìm thấy tri kỷ giải thế cờ. Một câu đố, tìm kiếm khắp nơi, cuối cùng cũng không tìm nổi đáp án thực sự. Muôn

³ Trích trong bài *Khách chí*, bản dịch Trần Trọng San.

và phần hoa cũng cần phải có khách qua đường đa tình yêu hoa; trà ngon trong chén còn cần cố nhân hiểu trà tiếc duyên. Đời có tri âm, dĩ nhiên đáng mừng, chúc chén cùng say, bên nhau ngắm hoa nở trước sân, thế thái phần hoa. Còn nếu chẳng có tri âm, cũng chớ nên buồn, ngồi giữa núi vắng tĩnh mịch, dây băng vẫn lạnh, cũng có thể gửi gắm tâm tình.

Có những người dù suốt đời suốt kiếp không gặp gỡ, cách non nước nghìn trùng, biển người cuộn cuộn, cũng có thể thấu hiểu lẫn nhau. Như thế cũng tốt, chẳng cần bận tâm tới tâm trạng người khác, cũng khỏi phải để ý tới thái độ nóng lạnh của người khác, không có dây dưa thì khỏi sinh phiền nhiễu. Có những người mới gặp lần đầu mà như bạn cũ, có những người ngày đêm kề cận mà như khách qua đường. Hết thấy nhân duyên hòa hợp đều có an bài, đều có định sẵn.

Lúc quạnh quẽ thì quét lối hoa trong vườn, pha một ấm trà ngon trong vắt, đợi một cố nhân tâm ý tương thông. Người ấy có đến hay không, ở lại hay không, đều không quan trọng.

*Thương thay khúc Bạch Tuyết
Chẳng gặp kẻ tri âm
Hành quân lặn lội khổ
Hoài Hải mãi lần khôn.
Cây núi vương mưa sớm
Chim khe giỡn tàn xuân
Ta có một bầu rượu
Để xoa dịu phong trần.¹*

Ta có một bầu rượu, để xoa dịu phong trần. Đạo trước, hai câu thơ này nhan nhản trên mạng, còn được rất nhiều tài tử giai nhân viết nổi. Những câu thơ ngâm vịnh, có câu phong nhã vô cùng, có câu tang thương trống trải, có câu hào sảng khoáng đạt, có câu lại thâm lương thương cảm. Thiết nghĩ, một người đi giữa trời đất mệnh mỏng, cô đơn lạc lõng, mà một bầu rượu là đủ để xoa dịu phong trần, gạt sạch mệt mỏi trên nẻo bôn ba.

Từ xưa văn nhân đã mê rượu thích trà, bất luận tay cầm sách ngồi bên song lạnh hay lưu lạc chân trời, bôn ba sông núi, đều không thể thiếu được chén rượu bình trà. Trà có thể dưỡng tính còn rượu có thể vơi sầu, Trường An thuở trước, quán rượu như mây, biết bao văn nhân nhã sĩ, kiếm khách du hiệp đã mua say giữa phố, quên cả đường về. Một bầu rượu có thể giải âu lo, có thể cắt đứt tình cảm, gạt sạch phong trần, xoa dịu tang thương.

Tào Tháo có thơ rằng:

*Trước rượu nên ca,
Đời người bao lâu?
Giống như sương sớm,
Ngày qua khổ đau.²*

Ta		để
có		xoa
một		dịu
bầu		phong
rượu,		trần

¹ Trích trong bài *Giản lư trắc* của Vi Ứng Vật.

² Trích trong bài *Đoản ca hành*, bản dịch Cao Tự Thanh.

Rượu của ông mang khí thế gió mây, tuy cảm thán thời gian qua mau, song không giấu nổi hùng tài đại lược. Tháng năm như nước, nhật nguyệt như thoi, chỉ có nâng chén ca vang mới giải được ưu sầu. Ông nguyện hạ mình cầu hiền, được anh hùng hào kiệt trong thiên hạ dốc lòng quy thuận, ngồi nắm giang sơn. Người sống trong cảnh phú quý, lại ưa thanh bần, được thiên hạ thì muốn thanh bạch.

Rượu của Lý Bạch nhuộm phần lãng mạn và cô độc, lại nặng niềm cảm khái bởi không hợp thời.

*Trong hoa một bầu rượu
 Riêng mình chẳng có ai
 Nâng chén mời trăng sáng
 Với bóng thành ba người.³*

Ông là Thi tiên tài hoa xuất chúng, là hiệp sĩ chống kiếm giang hồ, ngất ngưỡng giữa quán rượu Trường An, rồi lại cười ngạo nghễ giữa cung điện Đại Đường. Say khướt ngông cuồng, thiên tử cho gọi ông cũng không chịu lên triều sớm, Dương Quốc Trung phải mài mực, Cao Lục Sĩ phải cởi giày cho ông. Tới khi phần hoa tan hết, cuối cùng cũng chỉ còn một bầu rượu và một mảnh thuyền con có thể vớt trăng ở lại cùng ông.

Rượu của Tô Thức lại phóng khoáng tiêu sái, ông uống rượu ca vang:

*Trăng có từ bao thuở,
 Nâng chén hỏi trời cao.
 Cung khuyết trên trời chẳng rõ,
 Đêm nay vốn thuộc năm nào.
 Muốn cười gió mây về đó,
 Lại sợ lâu quỳnh gác ngọc,
 Lạnh buốt chỗ riêng cao.⁴*

Ông nói, thà rằng ăn không thịt, không thể ở thiếu trúc, ông thích trà thích rượu, cũng thích cả thịt Đông Pha. Cả đời ông chìm nổi giữa quan trường, song vẫn phóng khoáng hào sảng, lưu lạc chân trời, có thơ rượu làm bạn, giai nhân theo cùng.

³ Trích trong bài *Nguyệt hạ độc chúc*, bản dịch Trần Trọng San.

⁴ Trích trong bài *Thủy điệu ca đầu*, bản dịch Cao Tự Thanh.

Còn một người con gái mà thơ từ làm rung động cả bầu trời nhà Tống. Bà thích rượu yêu từ, thông âm luật mê đồ kim thạch, khẳng khít mặn nồng với chồng là Triệu Minh Thành, đổ sách sánh trà, uống rượu điền từ, phong nhã khôn xiết. Về sau quân Kim đánh xuống phía Nam, Triệu Minh Thành mất, bà lưu lạc lênh đên, cuối đời quạnh quẽ.

*Rượu nhạt uống đôi ba chén
Không chống nổi
Chiều về gió dữ.⁵*

Rượu lúc bấy giờ bi ai đau đớn, còn bà cũng gầy hơn hoa cúc, đầu còn phong tư tha thướt năm xưa.

Vi Ứng Vật nói, ta có một bầu rượu, để xoa dịu phong trần. Nhà thơ sơn thủy điền viên này có ý thơ điểm đạo cao xa, thanh tâm tự nhiên, nhưng cả đời ông lại không được nhân tản an nhiên như thế, mấy chục năm trên quan trường, ông không sao thoát nổi công danh. Bước lên con đường làm quan, tháng ngày thấp hương hưởng nhân chợt trở nên ngán ngùi, những lúc ngấm non chơi nước cũng thấm thoát qua nhanh.

Vi Ứng Vật là người Vạn Niên, Kinh Triệu. Nhà họ Vi từ Hán tới Đường lớp lớp nhân tài, nhiều người làm quan, đứng đầu các vọng tộc ở Quan Trung. Mà Vi Ứng Vật là nhà thơ có thành tựu lớn nhất trong nhà họ Vi.

Thơ Vi Ứng Vật hay nhất là thơ ngũ cổ, lời thơ giản dị đơn sơ, ý thơ tự nhiên tao nhã. Ông từng làm thứ sử Tô Châu nên được người đời gọi là Vi Tô Châu. Làm thứ sử tới hết kỳ, ông vẫn không được bổ nhiệm chức quan mới, từ đó thanh bần lạc lõng, ở nhờ chùa Vĩnh Định Tô Châu, không lâu sau thì mất ở đất khách. Bầu rượu xoa dịu gió bụi nọ, không bù đắp nổi nỗi cô đơn và tịch mịch của ông.

*Thương thay khúc Bạch Tuyết
Chẳng gặp kẻ tri âm
Hành quân lặn lội khổ
Hoài Hải mãi lần khôn.*

Từ xưa văn nhân đều thanh cao ngạo nghễ, sa vào lưới trần, gửi thân biển người, thường than thở không có tri âm. Thi nhân lúc này gảy đàn tấu lên khúc nhạc cao nhã,

⁵ Trích trong bài *Thanh thanh mạn* của Lý Thanh Chiếu, bản dịch Nguyễn Xuân Tảo.

song không gặp được tri kỷ thấu hiểu tiếng đàn mình. Ông đành phung phí thời gian trên con đường bôn ba hối hả mà cô độc của mình. Nếu lúc này gặp được một người tri kỷ, cùng ông thông thả mà đi, cùng ông uống rượu đối thơ, thì dù tiêu phí thời gian, phí hoài cảnh vật, cũng có hề gì?

*Cây núi vương mưa sớm
Chim khe giỡn tàn xuân
Ta có một bầu rượu
Để xoa dịu phong trần.*

Cây cỏ còn vương sương sớm, xuân sắc còn đây, vẫn nghe thấy chim núi líu lo, đời người tuy không toại ý, song thiên nhiên non nước lại có lòng. Bôn ba trần thế, vừa không có tri âm, cũng chẳng có giai nhân bầu bạn, chỉ có một bầu rượu xoa dịu một nhọc trên đường, an ủi ông phiêu bạt gió sương.

*Mưa dịp triều xuân, trời sập tối,
Chiếc đồ quanh vắng tự quay ngang.⁶*

Đời ông cũng như thơ ông, bàng bạc vẻ hoang mang và sầu nhớ giữa đất trời mênh mông. Tuy ông bị vây khốn giữa quan trường, nhưng lại chỉ thích sơn thủy điền viên, có lẽ ông từng thất vọng chán nản, song chưa từng rời thơ rượu. Rượu của ông có thanh bạch cao xa, cũng có trầm buồn cô độc, rượu của ông có thể gột rửa gió bụi nhân thế, song không gột nổi năm tháng tang thương. Có thể ông cũng có mối tơ tình không gỡ nổi, rượu ngấm ruột sâu, nỗi nhớ đầm nước mắt.

*Sống gửi trên đời,
Phiền ưu chi lắm?
Nay vui chẳng đợi,
Năm tháng dần trôi.⁷*

Đời người là sống gửi, hoặc gửi vào tình ái, hoặc gửi vào danh lợi, hoặc chỉ gửi vào năm tháng nhạt nhòa. Chúng ta đều là khách qua đường, người trên thuyền, ngấm nước ngấm non ngấm hoa ngấm trăng, suy cho cùng cũng không thoát nổi phàm trần long đong. Hết thấy sầu lo phiền muộn, rồi sẽ có ngày tan đi theo nắng sớm, bấy giờ

⁶ Trích trong bài *Trừ Châu tây giản*, bản dịch Nam Trân.

⁷ Trích trong bài *Đoán ca hành* của Tào Phi, bản dịch Diệp Luyến Hoa, nguồn: thivien.net.

còn lại được gì đâu? Ngồi nắm giang sơn, sao phóng khoáng tự tại bằng ngồi nắm non nước; hưởng thụ phú quý, đâu có tiêu dao sáng khoái bằng hưởng thụ gió trăng. Đời người ngắn ngủi, mỗi khoảnh khắc đều đáng trân quý, song cũng có thể thả sức vung phí. Có người chẳng màng công danh, nguyện làm người nhàn tản, cả đời ngao du non nước, uống rượu làm vui. Rượu của Trúc lâm thất hiền và Đào Uyên Minh ở sâu trong rừng trúc, ở giữa đông núi Nam, tuy họ chìm đắm trong rượu, song vẫn luôn tỉnh táo.

Trên đời này có rượu giải sầu, cũng có rượu danh lợi, có rượu tương tư, cũng có rượu dứt tình. Thường nghe nói như người uống nước, ấm lạnh tự hay, rượu cũng vậy thôi, một vò rượu ngon, có thể xoa dịu gió bụi, song cũng có thể lại càng thêm buồn bã. Có người uống vào tiêu tan hết tình sầu thiên cổ, lại có người uống vào tan lòng nát ruột.

*Trường Giang cuốn cuộn chảy về đông
Sóng vui dập hết anh hùng
Được, thua, thành, bại, thoát thành không
Non xanh nguyên vẻ cũ
Mấy độ bóng tà hồng.*

*Bạn đâu bạc ngư tiêu trên bãi
Đã quen nhìn thu nguyệt xuân phong
Một bầu rượu vui vẻ tương phùng
Xưa nay bao nhiêu việc
Phó mặc nói cười suông.⁸*

Tôi thích nhất là bài *Lâm giang tiên* mở đầu Tam quốc diễn nghĩa. Câu cú hào sảng bi tráng, sâu xa khoáng đạt, tựa hồ đã tả hết thành bại hưng vong, ái hận tình oán nghìn thuở. Cả đời theo đuổi danh lợi, tính toán đủ đường, tới cuối cùng cũng trở thành câu chuyện phiếm của ông kéo chài chú lấy củi, chẳng bằng một bầu rượu đục.

Tôi có rượu, bạn có chuyện kể không? Thực ra ai cũng có chuyện kể, chỉ là biết bao câu chuyện đã bị vùi lấp dưới bụi trần theo dòng lịch sử, chẳng để ai hay. Cũng có thể thà giấu hết thảy mọi chuyện trong bầu rượu, chứ không tùy tiện thổ lộ tâm sự, dốc hết ruột gan với ai cả. Rượu là huyền não, cũng là tịch mịch, dẫu dốc cạn chén cũng chưa chắc gặp được người đáng trân quý kiếp này.

⁸ Bài *Lâm giang tiên* của Dương Thận, bản dịch Phan Kế Bính.

Ta có một bầu rượu
Để xoa dịu phong trần
Thương thay khúc Bạch Tuyết
Chẳng gặp kẻ tri âm.

Mờ sớm chuông khua rộn
Người đi thương cố hương
Điểm tranh gà gáy nguyệt
Cầu ván khách in sương
Lá học rụng rơi lối
Hoa gai rục rở tường
Đỗ Lãng hoài giấc mộng
Le nhận đầy đê đường.¹

Sáng sớm, quét sạch hoa cỏ ngoài sân, đốt hương pha trà, cả phòng thơm ngát, như đọc cuốn *Hoa gian tập*. Trong đó có tình cảm buồn khuê, có ý tứ điểm lệ, trong vẻ uyển chuyển lại mang vài phần thẳng thắn, giữa hân hoan cũng nhuộm buồn man mác. Những tháng ngày tao nhã nhàn tản này thực ra phải đổi bằng muôn vàn chuyển dời trần trở trước kia. Mọi việc trong đời đều là việc trần tục cả, xưa nay biết bao thi nhân từ khách, cả đời phong hoa tuyết nguyệt, ôm tình sầu khách thơ, cuối cùng cũng chẳng chống lại được cuộc sống đơn giản cơm nhạt trà thô.

Thuở nhỏ tôi chỉ muốn rời khỏi làng, du sơn ngoạn thủy, ngắm nhìn thế giới rộng lớn, phong cảnh nước non. Ngày đi đêm nghỉ, non nước quanh co, dãi gió dầm sương, cũng từng trú nhờ nhà tranh vách đất, trạm dịch mái tranh, chỉ để tìm một nơi ở giữa thành phố nào đó mình yêu thích, cho linh hồn cô độc nương náu. Giữ chút tình thơ, nhuộm mấy phần khói lửa, gây mấy cuộc chia ly.

Nhạc Phi từng nói, "*Bạc tóc bởi công danh*." Xưa kia kẻ lãng du rời quê, phần nhiều là để kiếm công danh, bôn ba giữa con đường ngoài trạm dịch, thất vọng giữa kinh thành. Cũng có những anh hùng lòng ôm chí lớn, rong ruổi giữa đất trời vô tận, chỉ điểm giang sơn, để lại biết bao khúc bi ca khảng khái. Chúng ta đều là lũ khách ngang qua dòng thời gian, bất luận bạn yên phận với hiện thực hay

Nước
Bắc
non
Nam,

kiếp
này
chẳng
hẹn
ngày
gặp
gỡ

¹ Bài *Thương sơn tảo hành* của Ôn Đình Quân, bản dịch Đông A, nguồn: thivien.net.

hành tẩu giang hồ thì cả đời cũng vẫn kiếm tìm chốn về của tâm linh.

Bệnh chung của đám văn nhân là trọng tài khinh vật. Hễ có cơ hội là "*Vua gọi tới thuyền không chịu tới; thưa: 'Thần là tiên trong rượu đây!'*"²; hơi có khí thế là "*Có khi nương gió vượt ba đào, kéo thẳng thuyền mây qua biển cả...*"³. Đây cũng là ngạo cốt của văn nhân, giữ phẩm cách thanh cao giữa hồng trần ô trọc, không đứng cùng hàng với hạng phàm tục.

Có tấm lòng thanh cao như vậy, ắt không chịu khom lưng uốn gối, nịnh nọt bộ đỡ, coi hư danh lợi lộc như mây khói. Tình cảm trong sạch ấy khiến linh cảm trong lòng hóa thành bút mực cuộn trào, song khó tránh động chạm đám quyền quý, khiến người ta phật lòng. Những câu chuyện đằng sau văn nhân không nhiều, chẳng ngoài nỗi chua xót không tranh với đời cùng niềm kiêu ngạo chẳng hòa dòng tục. Hết thấy những điều ấy vốn đã thành quen, chỉ là người sống trên đời suy cho cùng cũng có mong cầu, có tranh đoạt, biết bao văn nhân tài hoa trác tuyệt mà không thể thi triển, lòng cứ trần trở không yên.

Kẻ có tài mà bất đắc chí thường viết văn chế nhạo đám quyền quý, làm thơ tỏ chí khí. Ôn Đình Quân là từ nhân phái Hoa gian, chẳng những từ hay mà thơ cũng hay. Thơ ông sánh ngang với Lý Thương Ẩn, được người đời gọi là Ôn Lý, từ sánh ngang Vi Trang, được xưng tụng là Ôn Vi. Có tài hoa mẫn tiệp hay không, là một trong những tiêu chuẩn thời cổ đại để đánh giá năng lực, "bảy bước thành thơ", "dựa ngựa làm văn" đều là vầng hào quang của tài hoa trác tuyệt. Còn Ôn Đình Quân mỗi lần vào thi, chỉ tám lần chấp tay đã thành tám vận, nên được gọi là "Ôn Bát Xoa". Nhưng con người ông ỷ tài phóng túng, động chạm đến đám quyền quý nên thi mãi không đỗ, cả đời bất đắc chí, thất vọng chán chường. Ông vốn xuất thân trong nhà quý tộc sa sút, đã nhìn quen vật đổi sao dời, trần gian chìm nổi, nên cũng có thái độ tiêu cực trước thế sự. Ông đắm chìm trong thanh sắc, từ làm ra phần lớn là phần son thơm ngát, phong vị diễm lệ ngập tràn bầu trời Văn Đường.

Vương Quốc Duy trong *Nhân gian từ thoại* có nhận xét rằng: "Từ của Ôn Phi Khanh rất đẹp. Cái tinh túy đẹp đẽ của họ Ôn họ Vi, sở dĩ không bằng được Chính Trung, là bởi ý cảnh nông sâu khác nhau. Song thơ Ôn Đình Quân lại mang phong cốt và tình tứ riêng."

² Trích trong bài *Ẩm trung bát tiên ca* của Đỗ Phủ, bản dịch Phan Ngọc.

³ Trích trong bài *Hành lộ nan* của Lý Bạch, bản dịch Lê Nguyễn Lưu.

Bài *Thương sơn tảo hành* này viết về mối sâu nơi đất khách, có khốn đốn, có thất vọng, có bất lực, cũng có cô đơn và bi ai. Hẳn là bài này được viết khi ông rời Trường An tới Tương Dương, dọc đường ngang qua Thương sơn. Ôn Đình Quân lúc này đã lênhên đênh trôi dạt nửa đời, chưa được thỏa chí vẫy vùng, chưa được uống nước Trường Giang, thậm chí ngay cả một xuất thân đường hoàng cũng chưa có.

Tới từng tuổi ấy, vốn phải quy ẩn núi non hoặc điền viên, làm một người nhàn tản, một cây đàn, một vò rượu, một khe mây. Song vì cuộc sống bức bách, Ôn Đình Quân buộc phải nương nhờ người khác, làm một chức quan nhỏ. Thân phận thấp kém như vậy, so với lúc ban đầu châm chọc quyền quý, tài cao ngang trời, thực là cách biệt trời vực. Đời con người ta chìm nổi là vận số đã định, song vẫn luôn cố vẫy vùng giữa biển đời mệnh mông hòng giác ngộ siêu thoát. Tiếc rằng việc đời khó vẹn toàn, cuối cùng quá lắm là thỏa hiệp, hào tình tráng chí trước kia đã một đi không trở lại, chỉ còn thuận theo mệnh trời.

*Mờ sớm chuông khua rộn
Người đi thương cố hương.*

Người xưa đi xa đều cố đi thật sớm, chưa tới đã nghỉ, bởi đường đi đa phần là vắng vẻ không một bóng người. Nếu không kịp tới trạm dịch mái tranh vách đất thì sẽ phải nghỉ lại giữa núi rừng hoặc đồng hoang. Sáng sớm, tiếng chuông rộn rã từ xe ngựa đánh thức người khách khỏi giấc mộng mơ màng, họ lại phải bôn ba gió bụi, bắt đầu một cuộc hành trình mới.

Trời đất mệnh mang, có những hành khách thậm chí chẳng biết đi tới đâu, về chốn nào. Núi cao sông dài, dọc đường lận lộn, lòng vẫn chỉ canh cánh nhớ quê hương xa xôi nghìn dặm, cùng người thân đã vô số lần gặp trong mơ.

Vẫn lảng máng nhớ giấc mộng bên song, mẹ hiền xe chỉ luồn kim khâu áo cho đứa con phiêu bạt. Người vợ trẻ soi gương chải đầu, nay đã phai pha má hồng, mà chồng vẫn lênhên đênh bên ngoài, không về quê được. Nhớ quê rồi lại xót xa thương mình, càng lúc càng buồn thêm.

*Điểm tranh gà gáy nguyệt
Cầu ván khách in sương.*

Đằng xa tiếng gà vắng vắng, giục khách đi xa. Trăng tàn thấp thoáng chiếu qua cửa sổ gian nhà tranh, rọi ánh lạnh lạnh vào phòng, rơi trên áo khách tha hương, như

an ủi, cũng như than thở. Dấu chân lờ mờ trên cầu gỗ, vùi lấp sương lạnh đầu xuân, chỉ để lại những dấu vết thừa thớt thê lương.

Lênh đênh trôi dạt khắp nơi, buộc phải rời quê phiêu bạt đâu chỉ một mình ông? Biết bao người phải sinh tồn giữa lo lắng sợ hãi, chẳng dám mong vinh hoa phú quý, chỉ cầu một cuộc sống đơn giản có cơm ăn trà uống. Việc trên đời, tuy nói rằng đều tốt cả, nhưng lại gập ghềnh quanh co, chẳng được như ý người. Giống như trăng sớm soi khách điếm, sương lạnh đọng ván cầu, cuối cùng đều sẽ tiêu tan, chẳng còn dấu tích.

*Lá học rụng rơi lối
Hoa gai rục rở tường
Đỗ Lãng hoài giấc mộng
Le nhạt đầy đê đường.*

Lá học khô héo, rụng đầy núi hoang, những đóa hoa gai trắng nhạt nở rộ trên tường trạm dịch, đông giá vẫn đó, gió xuân chưa nồng, lại càng thêm phần hiu quạnh. Nhớ đêm qua mơ về Đỗ Lãng, thả bộ tìm xuân, nước ấm dưới hồ, le nhạt thành bầy, tiếc rằng tiếng gà gáy lại làm khách giật mình tỉnh mộng, rồi lại chạnh lòng buồn.

Ôn Đình Quân tuy là người Sơn Tây nhưng sống ở Đỗ Lãng khá lâu, đã coi đó là quê hương. Thi hoài không đậu, gần năm mươi lại phải đi làm một huyện úy nho nhỏ để sinh nhai, lòng hẫng ngổn ngang muôn mối. Trong mộng là đình viện lộng gió xuân, ngâm nga khe khẽ, biết bao tình thơ ý họa, tỉnh ra lại thành nhẩn nhịn chịu đựng. Những hoang mang rối bời, ấm lạnh đan xen trong lòng, chỉ ông tự biết mà thôi.

Niềm cảm khái trên đường phiêu bạt là ngang qua núi lạnh rừng sương, ráng chiều đổ bóng; là chạnh lòng khi nghe tiếng tù và rúc đầu thành, chỉ có ngựa gầy bầu bạn. Thử nghĩ mà xem, một người một ngựa, lẻ loi băng qua sông hồ, trên đường không người quen biết, thê lương biết nhường nào. Chúng ta ngày nay, bôn ba trên muôn nẻo đường đời, đâu đâu cũng bạt ngàn phồn hoa, không cách nào hiểu được cái lạnh lẽo giữa rừng hoang đồng vắng, cũng không cảm nhận được sự dụi dằm nhờ chim cá gửi tâm tình thời xưa.

Mấy năm ly biệt, mấy hàng thư nhà, nửa trang tâm sự, đủ biết buồn vui sầu tủi, sinh tử chìm nổi. Hướng hồ là những điều giấu kỹ trong lòng, không sao bày tỏ trên đường phiêu bạt hối hả. Rời quê từ nhỏ, tha hương cầu học, sau đó lại phải bôn ba kiếm sống, tới giờ mới tìm được một nơi tạm nương thân. Ngoái lại chỉ thấy quá khứ vội vã, tình đời man mác, biết bao nhiêu suy vi hư vô, biết bao tâm sự nặng nề, đều là nỗi khổ

của người sống trên đời. Cũng có thể ngày nay phiêu bạt là một niềm vui và thú tiêu khiển. Buông xuống mọi chuyện thế tục, chẳng màng thị phi nhân gian, bắt đầu một cuộc hành trình xách ba lô lên và đi. Nghìn dặm xa xôi, nước Bắc non Nam, chỉ bằng thời gian cạn một chén trà.

Tới thành phố mình thích, gặp người mình yêu, chỉ cần một chốc lát là thực hiện được. Song ở thời cổ đại, có những thành trì cả đời chỉ tới một lần, chẳng có ngày quay lại, có những người cả đời chỉ gặp một lần, không có ngày gặp lại. Giữa những tháng năm dằng dặc vô cùng, chỉ một lòng cố chấp mong đời này yên ổn. Song kiếp này dù thế sự hoang vu, lòng người hoảng hốt, số phận khó lường cũng không buồn phiền, vẫn thấy tốt đẹp.

Sớm mai thăm chùa cổ
Cây cao rợp nắng hồng
Quanh co đường dốc vắng
Hoa cỏ ngát thiên môn
Trời quang vờn chim núi
Hồ trong thanh tịnh lòng
Trời cao im phăng phắc
Xa xa tiếng chuông đồng.¹

Quanh

co

đường

dốc

vắng,

hoa

cỏ

ngát

thiên

môn

Có một thời gian, trong mắt tôi mọi vật đều có Phật tính, có thiền ý. Cây cỏ ngoài sân, đồ bày biện trong nhà, từng bông hoa từng chén trà, từng giọt nước từng hạt bụi, kể cả đám đông ồn ã ngoài kia cùng thế thái nhân tình rối ren, đều là thiền. Thế giới thiền luôn giản dị trong sáng, không bị khuấy động, từng cành cây ngọn lá đều thấu suốt sáng tỏ, thanh đạm mà không nhạt nhòa, tự nhiên mà không phù phiếm.

Thiền là một loại cảnh giới, khi đã nếm qua vị đời, trải hết thăng trầm, cõi lòng như được gột rửa, không còn bị quấy nhiễu, ung dung không tranh giành. Thiền là đặt xuống, cũng là buông bỏ, là tĩnh tại, cũng là ổn định. Thiền không liên quan tới phồn hoa, tháng ngày thanh nhàn giản dị mới thấy được phong cốt của nó. Một gian nhà cỏ, một góc mái tranh, một hồ nước xuân, một chiếc lá rụng, đều là thiền.

Mấy năm nay tôi đã thăm vô số chùa cổ trong núi, gặp rất nhiều nhà sư và ẩn sĩ. Cũng tới cả những ngôi chùa hẻo lánh không tên, thưởng ngoạn những phong cảnh mình từng mơ thấy vô số lần. Nếu nói hồng trần muôn vẻ đã ngấm cả, còn gì đáng để lưu luyến thì có lẽ là cây cỏ non nước cùng sự tĩnh mịch bén rễ trong sâu thẳm linh hồn.

Trong cõi tục cũng có rất nhiều người thích cuộc sống đầy thiền ý. Trộm được nửa ngày nhàn nhã, gác lại thế sự rối ren, đốt

¹ Bài Đề Phá Sơn tự hậu viện của Thường Kiến, bản dịch Hải Đà, nguồn: thivien.net.

hương pha trà trong gian nhà giản dị, tĩnh tọa tu hành. Cõi lòng bình thản, không tham sân danh lợi, không chấp niệm quấy nhiễu, không buồn bã lo âu, bất luận bên ngoài gió mưa pháp phối, sơn hà chìm nổi, chỉ lo giữ lấy sự tĩnh tại của thiền trong góc nhỏ yên tĩnh thuộc về mình.

Nói thời gian vô tình, ấy là bởi bạn quá để tâm tới việc nó trôi qua nhanh như gió, quá để ý tới sự biến ảo khôn lường của nó. Thời gian lặng thinh, trong cảnh giới của thiền, cây cỏ không sinh không diệt, mây trôi không đến không đi, hết thấy trần thế đều đẹp để an lành. Tất cả phong cảnh gặp được hay câu chuyện xảy ra trên đường, đều có thể không hỏi nguyên do, chẳng cần buồn bã. Về sau nghĩ lại, có thể sống theo cách mình muốn thực là đại từ, cũng là đại bi.

*Quanh co đường dốc vắng
Hoa cỏ ngát thiền môn.*

Hai câu này đến từ một bài thơ thiền từ triều Đường xa xăm, song lại rất hợp với tình cảnh hiện tại. Chiều tà, gối lên sách mà ngủ, mộng đẹp mơ màng như khói. Tỉnh ra mới thấy ánh nắng vẫn nhảy nhót ngoài song, hương thơm nhân gian còn ngan ngát. Mùa xuân thường trôi qua khá vội vàng, trông bóng cây xanh rợp mắt, người ta đã bắt đầu cảm thấy hơi thở đậm đà của mùa hạ.

Trước kia tôi vẫn thấy được vẻ đẹp của mùa hè vào mỗi sớm tinh sương mát lành và buổi chiều trời trong vắt, con đường vắng ngắt ẩn giấu vẻ phồn hoa. Trong sân tường vi bò khắp, cây cối xanh um, chim líu lo côn trùng rí rả, thấp thoáng ý thiền trong một góc nào chẳng rõ. Ví như cơn gió lướt qua hàng hiên, bóng cây xiên xiên dưới bờ tường, một chiếc lá rụng trên lối quanh hoặc một hồ nước lặng như tờ.

Năm xưa nhà thơ Thường Kiến lên núi từ tình mơ, tới chùa Hưng Phúc, thấy rừng cây cao vút đắm chìm trong ánh nắng mai ấm áp. Qua lối trúc quanh co, nằm khuất dưới bóng cây là thiền phòng thanh tịnh không vướng bụi trần. Phong cảnh nơi cửa Phật có chim chóc reo ca, có nước biếc chảy dài, vạn vật vắng lặng, chỉ có tiếng tụng kinh văng vẳng, gột sạch hết thấy bụi bặm và tục niệm trong lòng.

Thơ sơn thủy xưa nay đều mang phong cách cao nhã trong sáng, tình ý của thi nhân có khi tuyệt diệu, cũng có lúc bình đạm. Cấu tứ lời thơ có thể giản dị đơn sơ cũng có thể hàm súc uyển chuyển, những điểm đặc sắc đều phụ thuộc vào tài hoa và trình độ của nhà thơ.

Thi nhân Thường Kiến nghe nói sinh ra tại Trường An, thi đỗ tiến sĩ vào năm Khai Nguyên thứ mười lăm (tức năm 727), cùng đề tên bảng vàng với Vương Xương Linh. Song cả đời chìm nổi thất vọng trên con đường làm quan, nên thường viếng thăm danh thắng, rong chơi chùa miếu. Về sau ẩn cư ở Ngạc Chử, sống cuộc đời thanh tịnh nhàn tản. Thơ ông tự nhiên lưu loát, tài tình bất phạm, có điều các nhà thơ thời Đường đều là sao sáng rực rỡ, ông chẳng qua cũng chỉ là một ngôi sao lấp lánh trong đó mà thôi.

Bài thơ nổi tiếng nhất của ông chính là bài *Đề Phá Sơn tự hậu thiền viện* này đây. Cảnh thơ thanh u, ý tứ sâu xa, người thơ tâm tĩnh thoát tục, đắm chìm trong ánh sáng của thiền, vượt ra ngoài thế tục. Ông cũng từng ngụp lặn giữa quan trường, trải qua nhiều điều không như ý, nên chuyến du ngoạn này lại càng khiến ông khao khát cảnh giới thanh tịnh. Hoặc chung tình với non nước, hoặc tu hành trong thiền viện, hoặc ở ẩn giữa đám cỏ cây, rong chơi trên lối trúc, cũng đều khoáng đạt, vui vẻ.

Thơ Thường Kiến phần nhiều lấy đề tài núi non, chùa chiền, đủ thấy sâu trong lòng ông không thích phồn hoa phân tranh, chỉ hướng tới bình lặng êm đềm. Trên quan trường gió mây biến ảo, sao bì được cái vui trong lành giữa núi sông? Khói lửa hồng trần mờ mịt, sao bì được mùi đàn hương bảng lảng trong chùa? Vạn vật đều có ngày trở về thành cát bụi, nhưng vào khoảnh khắc này chúng đã thực sự tồn tại, không vì nhân thế mà tăng giảm, không màng thời gian sinh diệt.

Người sống giữa tự nhiên, tốt nhất là thanh bạch thấu suốt, tham thiền giữa núi non, còn hơn dấn thân vào giữa loạn thế rối ren. Chúng sinh đều có Phật tính, chẳng qua người ngộ sớm, người ngộ muộn. Duyên Phật vốn không có nông sâu, hết thấy đều phụ thuộc vào may mắn của mỗi người, vạn vật tuy hư ảo, song lại gắn bó với con người. BẠN bỏ cả đời theo đuổi lợi danh, tới cuối cùng lại chỉ mong mỗi một cuộc sống bình thường có cơm ăn trà uống.

Chắc hẳn nhà thơ cũng giác ngộ rất sớm, bằng không sao ông có thể kịp thời rút khỏi quan trường, rời nhà đi ẩn cư? Biết người mệnh mỏng, chẳng đâu là chốn nương thân thực sự, sự bình lặng trong nội tâm cần có một mảnh đất lành thanh tịnh. Bầu trời Đại Đường lấp lánh muôn sao, vạn tượng tung hoành, biết bao người dốc hết tâm sức tranh danh đoạt lợi. Đường làm quan cũng đầy gai góc, lắm hiểm trở gian nan, còn đường tu thiền lại thênh thang khoáng đạt, không vướng bụi trần.

Cuộc sống ẩn cư nhàn nhã, không tranh sớm tối, chẳng màng tan hợp. Ân oán thị phi phàm trần đâu sánh được một nhành cây một đóa hoa trong cảnh thiền, thế nên

đời người đi đến cuối cùng là tỉnh táo, là đơn giản, cũng là thuần túy. Việc đời phải trải qua mới thực sự thấu hiểu, nhưng muốn buông bỏ chấp niệm lại phải trải qua vô vàn tai kiếp, ngộ được chìm nổi thăng trầm.

Nếu không có bài thơ tràn ngập ý thiền này, có lẽ cái tên Thường Kiến sẽ bị vùi lấp trong một góc nhỏ tầm thường nào đó của Đại Đường, chẳng ai hay biết. Nhưng những nhân vật tiếng tăm lung lay từng hô mưa gọi gió trên bầu trời lịch sử đến cuối cùng cũng chỉ vùi thân trong nắm đất vàng trên con đường ngợp nắng chiều. Kể đến người đi đều là khách qua đường, thà thông dong chậm rãi mà sống hết kiếp này còn hơn vội vàng đợi hạ màn.

Bất luận lúc này bạn đang sắm vai gì trên đời, có nổi tiếng hay không, thì cũng sẽ có một ngày rời khỏi nhân gian, chẳng còn tung tích. Tiếng tăm nghìn thuở cũng như khói lửa, sinh ra rồi tàn lụi, tươi tốt rồi héo khô. Ông chán nản quan trường, song lại tràn đầy thiền ý, cuộc đời ông không cần phồn hoa như gấm, chỉ cần vui bên nước biếc non xanh là đủ.

Cả đời tôi thích trà, thích nước non, thích cây cỏ, thích nhàn tĩnh, không theo đuổi danh lợi, càng không có lòng tham lam, chỉ muốn sống bình lặng giữa đời. Nếu còn có gì cạnh cánh thì chỉ là cây cỏ đầy sân, mây mù giảng suối, trăng sáng vàng vạc, mưa bay phơ phất cùng mối tình dang dở từ kiếp trước để lại.

Nếu được, tôi mong cho tâm mình thuần khiết, để truy tìm một chốn nương náu thanh tịnh sau cùng trong thiền ý. Những người đi lướt qua tôi, bất luận duyên mỏng duyên sâu, nợ hay không nợ, cũng chẳng cần gặp lại.

Xin hãy cho tôi giữ lấy một gian nhà nhỏ phủ đầy rêu, pha một bình trà cũ chẳng có tình người vị đời, bình đạm yên ổn mà qua một kiếp. Cho tôi ung dung bước qua tháng năm tịch mịch mà thoải mái trong bối cảnh của một cuốn thơ Đường hay từ Tống.

Chương 5

Trăng

trong

nhô

mặt

biển,

soi

sáng

khắp

chân

trời

Tài sắc càng thêm lụy
Muốn về biếng ngắm gương
Vua không yêu mến sắc
Thiếp chẳng điểm trang thường
Chim hót cùng hơi ấm
Hoa lồng dưới ánh dương
Năm năm có gái Việt
Nhớ hái nụ sen hương.¹

Đỗ Tuân Hạc đời Đường có thơ rằng, "Chim hót cùng hơi ấm, hoa lồng dưới ánh dương", đọc lên khiến người ta khoan khoái tâm hồn. Tựa như rơi vào một ngày nắng đẹp gió ấm, nghe chim hót líu lo, ngắm bóng hoa trùng điệp. Phong cảnh ấy nếu ở giữa nhân gian giản dị thì là vui vẻ bình yên, nhưng nếu ở vào cung sâu tường cao, thì dù ngày lành cảnh đẹp, cũng bớt đi mấy phần trong trẻo, thêm mấy phần ai oán.

Về sau tôi mới nhận thấy phong cảnh đẹp nhất trên đời đều ở nhân gian sơn dã cả. Ví như lúc này pha một bình trà ngồi dưới bóng hoa dàn dảnh, nháy mắt đã ngủi thấy vị đồng quê thoang thoang, khoan khoái thấm vào tận tâm can, tiêu tan hết phiền não. Khiến bạn như ở giữa núi thẳm, giữa cảnh mây mù bảng lảng, cảm nhận vẻ thanh nhã tĩnh tại của nhân gian, sự chất phác đơn sơ của năm tháng.

Tôi thích nhất là khói trà bóng nắng ở thôn làng trong núi, thời gian đẹp để thấm thoát đã nghìn năm, mà chúng ta lại chỉ sở hữu được mấy năm ngắn ngủi. Chim én năm năm tới trước nhà xây tổ, Giang Nam lấm mưa, trên mái ngói lúc nào cũng được mưa xối sạch lầu. Trúc mới mọc bên tường mang đậm phong cốt thời Ngụy Tấn, khiến người ta lưu luyến. Ngày tháng giản đơn, trong sạch thanh tĩnh, én riu rít, côn trùng rí rả, cũng là vần điệu tuyệt đẹp của thiên nhiên, làm rung động lòng người.

Khói
trà
bóng
nắng,

thời
gian
thấm
thoát
đã
nghìn
năm

¹ Bài *Xuân cung oán* của Đỗ Tuân Hạc, bản dịch Lê Nguyễn Lưu.

Trong *Kinh Thi* có người con gái thanh nhân đẹp đẽ, bà ngoại ngồi khâu vá dưới bóng hoa nhài chính là như thế. Ông ngoại đọc *Sử ký*, *Kinh Dịch*, cũng hiểu vận số trong sách không thể xoay chuyển. Ông cũng như tôi, thích thơ Đường từ Tống hơn, lễ độ mà không câu nệ, hoa lệ mà không khinh bạc, uyển chuyển mà không yếu đuối.

Còn tôi chỉ là một cô gái giặt lụa trong làng, tảng sáng rời nhà, tỉnh mơ lại từ rừng trúc về. Sau đó hẹn các bạn gái hàng xóm ra bờ hồ hái sen, vấy lụa xanh mướt như lá sen, mặt tựa phù dung, dăm ba đứa túm tụm lại, thuyền con chầm chậm, cười nói rộn ràng. Tìm được đóa sen cùng cuống thì tranh nhau hái, bóng hoa rung rinh, sóng gợn lăn tăn, in bóng mấy cô nàng hái sen tha thướt, dung nhan tươi đẹp.

Tôi từng đọc rất nhiều thơ cung oán, cảm thấy bài *Xuân cung oán* này của Đỗ Tuân Hạc ý cảnh kỳ diệu truyền thần, khiến người ta hết sức xúc động. Tác giả thay lời cung nhân oán trách, thương giai nhân mà buồn cho hiền tài, không ai thưởng thức, không được trọng dụng. Văn nhân ngóng nhà vua xa cách nghìn trùng, chẳng khác nào cung nữ giam mình trong bốn bức tường cao, nếm đủ giày vò cô độc.

Tài sắc càng thêm lụy

Muốn về biếng ngắm gương.

Nàng vốn là gái thôn quê, chỉ vì sinh ra giữa đất Giang Nam mỹ lệ, dung mạo thanh tú, xinh đẹp thoát tục nên mới bị tuyển vào cung. Một sớm được sủng, quán tuyệt hậu cung, ân trạch không ngừng, tiếp theo đó là những ưu phiền không sao xua tan nổi và tranh đấu liên miên. Nàng soi gương đồng, trông bóng thương thân, vốn định nhân ngày xuân tươi đẹp mà trang điểm, nhưng biết rõ tài sắc càng thêm lụy nên không khỏi chần chừ, biếng cả chải đầu. Từng than thở: "*Mòn mãi ở Trường Môn, chẳng thà xưa xấu xí.*" Tin rằng cô gái nào cũng muốn mình xinh đẹp như hoa, nhan sắc rạng ngời. Người con gái trang điểm vì kẻ yêu mình, nếu nhờ xinh đẹp mà được tuyển vào cung, lại không được để vương sủng ái, thì cũng chỉ là một món đồ trang trí mà thôi. Chẳng bằng ngay từ đầu dung mạo tầm thường thì đã được ở lại căn nhà nhỏ ở quê, lấy một người bình thường, sống đời giản dị chồng cày ruộng vợ dệt vải, hơn chán vạn ngày tháng thoi đưa, tuổi già sắc phai, cô độc cả đời.

Vua không yêu mến sắc

Thiếp chẳng điểm trang thường.

Để được quân vương sủng ái cũng không hoàn toàn dựa vào nhan sắc, nếu đã chẳng thể nịnh nọt ton hót, đấu đá giành giật tranh sủng, thì dù có dốc lòng trang điểm cũng ích gì? Từ xưa biết bao phi tần trong hậu cung được quân vương sủng ái, có người nhờ vào thế lực gia tộc, có người lại dựa vào trí tuệ và nhan sắc bản thân, nhưng nếu không mưu mô nịnh nọt thì ân sủng cũng chẳng được lâu dài. Biết bao cung nhân may mắn được ân sủng, song tình cảm cũng chỉ ngắn ngủi như sương xuân, nháy mắt đã tan thành bọt nước.

Xưa nay rất nhiều đế vương không phụ cả người đẹp lẫn giang sơn. Có lẽ họ có thể vì mỹ nhân mà xem nhẹ giang sơn, nhưng tới lúc phải lựa chọn một trong hai, thì thà phụ mỹ nhân chứ không bỏ giang sơn. Đường Minh Hoàng Lý Long Cơ, Nam Đường hậu chủ Lý Dục, Thanh Thuận Trị đế Phúc Lâm, đều là bậc quân vương đa tình chung tình, nhưng cuối cùng chẳng những phụ mỹ nhân mà còn làm phụ cả giang sơn. Vua đã đa tình, ắt phải vô tình, hậu cung ba nghìn giai lệ, phần nhiều là vừa vào cửa cung đã lỡ cả một đời.

Nhà rộng sân sâu, tô nhạt mày ngài, chỉ mong một ngày gặp được quân vương. Dù chỉ đơn giản là đi lướt qua, dù không đổi được một lần ngài ngoái lại, dù chỉ cúi đầu đi qua bên cạnh ngài, cảm nhận chút khí thế đế vương, cũng coi như không uổng công một chuyến. Nhưng hết thấy những điều đó đối với một cung nữ bình thường lại là tiếc nuối cả đời, là bi ai một kiếp.

Chim hót cùng hơi ấm Hoa lồng dưới ánh dương.

Gió xuân lồng lộng, ánh nắng chan hòa, chim kêu ríu rít, bóng hoa rung rinh. Ngày lành cảnh đẹp, nắng xuân rực rỡ là vậy mà không khuây nổi nỗi trống trải tịch mịch trong lòng. Trong mơ chỉ thấy cỏ non xanh mướt, đường dài hun hút, chốn về ở đâu? Nếu chốn về kiếp này là thâm cung này, thì vì sao vào cung bấy nhiêu năm, vẫn chẳng có cơ gặp gỡ? Dung nhan tươi đẹp rồi cũng có ngày tan tác theo hoa xuân, bây giờ biết dựa vào đâu để giành được ân sủng của quân vương?

*Năm năm cô gái Việt
Nhớ hái nụ sen hương.*

Than thở khôn nguôi, lại nhớ tới bạn bè ở quê thuở còn con gái, cùng niềm vui thả thuyền hái sen năm xưa. Những tiếng nói cười vui vẻ ngày ấy, giờ đã thành tiếng thở dài quạnh quẽ.

Việt Khê nằm ở Thiệu Hưng, Chiết Giang, là nơi Tây Thi giặt lụa xưa kia, ở đây ý chỉ quê nhà của cô cung nữ. Nàng chạnh lòng nhớ quê, nếu không phải vì nhan sắc xinh đẹp thì nàng đã như bè bạn, lấy một người chồng ở thôn quê, tuy cuộc sống khổ cực, nhưng cũng còn hơn vô vô đơn độc suốt bao năm đằng đẳng.

Nhớ năm xưa ở thôn Trữ La, Trịnh Đán và Tây Thi nếu không vì nhan sắc tuyệt trần, cùng chẳng theo Phạm Lãi tới Việt, rồi lại sang Ngô. Họ sẽ ở thôn Trữ La giặt lụa cả đời, không có quạnh quẽ và ưu sầu, sống bình thường giản dị suốt kiếp. Họ bị dâng cho Câu Tiễn, rồi lại mang theo sứ mệnh tìm tới Ngô vương Phù Sai, làm một con cờ chính trị.

Số phận của họ đã thay đổi nhờ dung mạo, nếu năm xưa lúc Phạm Lãi đi qua thôn Trữ La, dung mạo họ chỉ bình bình, thì đã chẳng có câu chuyện ngày sau. Họ sẽ ở lại làng quê cả đời, giặt lụa hái sen, sống đời êm đềm giản dị. Cung nhân dưới ngòi bút nhà thơ, há chẳng phải cũng bị dung nhan làm lụy như thế ư? Nếu đã chẳng biết đấu đá tranh đoạt thì cứ yên phận sống dưới bóng hoa trong bức tường cao, cô độc cả đời.

Thi nhân Đỗ Tuân Hạc, tên chữ Ngạn Chi, hiệu là Cửu Hoa sơn nhân. Ông xuất thân nghèo khó, nhiều lần tới Trường An dự thi, không đỗ lại về núi, từ ấy ẩn cư mười lăm năm, sống cuộc đời *"Văn chương đời lạnh nhạt, trồng cấy đất phì nhiêu"*. Ông từng làm thơ ca tụng Chu Ôn, về sau Chu Ôn đoạt ngôi nhà Đường lập ra nhà Lương, ông giữ chức hàn lâm học sĩ không lâu thì bệnh nặng qua đời. Cả đời Đỗ Tuân Hạc mang nghiệp thơ văn, từng nói rằng: *"Trăm năm chẳng việc gì như ý, ngày ngày đều phải tự ngâm chơi."* Thơ ông lời lẽ giản dị, phong cách mới mẻ, phần nhiều viết về mâu thuẫn xã hội cùng số mệnh bi thảm của dân chúng trong giai đoạn loạn lạc cuối thời Đường, ngoài ra cũng rất giỏi thơ cung oán. Ông tài hoa trác tuyệt nhưng bất đắc chí, trên thi đàn cũng được coi là có tiếng tăm.

Tâm trạng và tình cảnh ông cũng giống người con gái trong cung cấm vậy. Nàng là giai nhân như hoa, ông là quân tử độc sách, đều không được đế vương thưởng thức. Tuy ở vào thời Văn Đường suy bại nhưng hoa cỏ xanh tốt, gió mát lồng lộng, muôn vàn phong cảnh trần gian tươi đẹp biết bao, chẳng dời đổi vì người, chẳng biến suy vì năm tháng. Nàng lụy vì hoa dung nguyệt mạo, ông lụy vì tài hoa tuyệt thế, nhưng hễ không thi triển được, đều thành ra lâm lũ cả đời.

*Gió nhẹ lay bờ cỏ,
Thuyền đêm một cột cao.
Sao rơi trên bãi rộng,
Trăng nháy giữa dòng xao.
Già bệnh quan nên nghỉ,
Văn chương tiếng há cầu.
Bệnh bỗng nào có khác,
Trời đất chiếc thân âu.¹*

Một hôm trời mưa, tâm tình không được vui lắm, không buồn, không sầu, cũng không oán hận. Tôi rất hay gặp tâm trạng như thế, vào một chiều hoàng hôn tịch mịch đều hiu, một đêm mưa gió tới bởi nào đó, lúc ngồi một mình, thậm chí cả khi ở giữa đám đông huyên náo. Nhớ lại một bài hát nọ: "Nếu em nhìn thấy được sông núi trong lòng tôi, tôi sẽ bước mỗi bước nở một bông sen mà cầu nguyện."

Trong lòng mỗi người đều có sông núi mà kẻ khác không thấy được. Sông núi của văn nhân là gió xuân trăng thu, tình thơ uyển chuyển; sông núi của chính khách là giang sơn xã tắc, muôn dân thiên hạ; sông núi của khách trà khách đàn là chén trà khói tỏa, là tiếng tơ tiếng trúc; còn sông núi của chúng sinh bình thường là củ gạo dầu muối, buồn vui tan hợp.

Phù sinh như cỏ, đế vương khanh tướng, muôn dân trăm họ cũng như nhau cả. Có lẽ mỗi người có một quá trình khác nhau, hoặc đặc sắc rực rỡ, hoặc bình thường nhạt nhẽo, nhưng kết cục của tất cả đều như nhau, chẳng phân sang hèn. Người sống trên đời, làm những việc trong khả năng, tìm một nơi để linh hồn nương náu, yên tĩnh tu hành, bình dị qua ngày, ấy là hành vi của bậc trí tuệ, suy nghĩ của bậc nhân từ.

Chợt nhớ tới câu thơ của Đỗ Công Bộ:

Đất		đời
trời		thừa
một		gửi
cánh		sông
âu,		bể

¹ Bài *Lữ dạ thư hoài* của Đỗ Phủ, bản dịch Khương Hữu Dụng.

*Làng sông trở lại mình ta
Im lìm liệu sống cho qua ngày tàn.²*

Lại nhớ tới thơ Vương Duy:

*Về già chữ tĩnh những mong
Việc đời muôn sự ngoài vòng đứng đứng.*

Cũng nhớ cả mấy câu của Lý Bạch:

Trời đất là quán trọ của vạn vật; quang âm là khách qua đường của trăm đời. Mà kiếp phù sinh như mộng, lúc vui được bao?³

Những câu này đều là tâm sự thực lòng của người đã trải qua thế sự chuyển vần, tình người ấm lạnh.

Đỗ Công Bộ trong lòng tôi là người thương xót chúng sinh, lo cho nước cho dân. Ông từng có một thời niên thiếu khinh cuồng "*Ngày đẹp hát ngao thì chuốc rượu, trời xuân theo bước thẳng về làng⁴*". Nhưng lòng ông suy cho cùng vẫn luôn sâu muộn, cả đời xuôi ngược, phiêu bạt khắp nơi, chẳng hề dừng bước. Dù ở ẩn nhà cỏ mấy năm cũng không dứt được lòng lo cho nước cho dân, viết ra câu: "*Ước được nhà rộng muôn ngàn gian; khắp thiên hạ, kẻ sĩ nghèo đều hân hoan.*"

Ông không bì được Vương Duy tâm tính đàm bạc, cả đời tin Phật, viết thơ đầy thiên ý sơn thủy; cũng không được phiêu dật sái thoát như Lý Bạch, tuy cũng khó kiếm công danh, chán nản quan trường, song vẫn chống kiếm phiêu bạt chân trời, vui cùng thơ rượu. Cả đời Đỗ Phủ đi đến đâu, hoặc số phận gặp ghềnh nhường nào, quan trường trắc trở ra sao, cũng không lúc nào không lo cho dân, cho nước.

Cả đời ông viết hơn nghìn bài thơ, để lại cho hậu thế rất nhiều, tác phẩm đa phần đề cập đến biến động triều chính, lo lắng cho dân chúng khổ sở, vạch trần mặt tối của xã hội. Con người ông cao thượng, tài thơ tinh tế, hạ bút là buồn bã thê lương, hoàn chỉnh phong phú. Người đời sau đã bình luận về con người và thơ ca Đỗ Phủ thế này: "*Cảnh đời tiêu điều, thơ ngời trí tuệ, dân gian khổ sở, ngòi bút sóng cồn.*"

Đỗ Phủ sinh ra trong một gia đình đời đời "theo Nho làm quan", gia đình có truyền thống uyên bác. Song ông lại sống vào thời kỳ nhà Đường từ thịnh chuyển sang suy.

² Trích trong bài *Phụng Tế dịch trùng tống Nghiêm công tứ vận*, bản dịch Nhưộng Tống.

³ Trích trong bài *Xuân dạ yến đào lý viên tự*, bản dịch Nguyễn Hiến Lê.

⁴ Trích trong bài *Văn quan quân thu Hà Nam, Hà Bắc*, bản dịch Lãng Xet Tử, nguồn: thivien.net.

Thuở nhỏ, cảnh nhà ông khấm khá nên ông được yên ổn no đủ, từ nhỏ lại thông minh mẫn tiệp, bảy tuổi đã biết làm thơ, *"Bảy tuổi nghĩ đã sâu, phượng hoàng thuận miệng vịnh"*. Đến mức *"Giúp vua vượt Nghiêu Thuấn, lại cho phong tục thuần"*⁵. Để thực hiện hoài bão trong lòng, hoàn thành lý tưởng chính trị, ông đi thi song không đậu, từ ấy lang thang Trường An suốt mười năm, ngược xuôi hiến tài, nghèo khổ chán chường. Về sau cũng có cơ duyên được Huyền Tông thưởng thức, mấy phen lận đận, cuối cùng được ban cho một chức quan nhỏ, làm Hà Tây úy. Có điều Đỗ Phủ tài tình cao ngạo, đời nào chịu cúi mình làm chức quan nhỏ vô dụng này. *"Huyện úy không làm nổi, khom lưng chuyện bề bàng"*⁶.

Loạn An Sử, Đồng Quan thất thủ, Huyền Tông hoảng hốt chạy về phía tây. Thái tử Lý Hanh lên ngôi ở Linh Vũ, gọi là Túc Tông. Đỗ Phủ cũng lênh đênh vì chiến loạn, không may bị quân phản loạn bắt được, giải đến Trường An. Tuy chỉ giữ chức quan nhỏ, không bị giam cầm, song lòng ông lại canh cánh lo dân khổ sở, thê lương bối rối.

Để tránh chiến loạn, Đỗ Phủ đưa cả nhà vào Thục, chuyển tới Thành Đô. Về sau được bạn bè giúp đỡ, ông dựng một gian nhà cỏ bên khe Cán Hoa ở ngoại ô phía tây Thành Đô. Bên khe Cán Hoa, phong cảnh như tranh, xa rời kinh đô, chẳng còn thấy khói lửa chiến loạn nữa. Đỗ Phủ cùng vợ già con thơ, vui với đời điền viên thanh đạm giản dị trong căn nhà cỏ. Dù sâu trong đáy lòng ông vẫn không quên muôn dân thiên hạ, nhưng sau nhiều năm phiêu bạt, ông cũng muốn tận hưởng cuộc sống êm đềm, quây quần bên người nhà, vui vẻ bình lặng.

Về sau Nghiêm Vũ bệnh nặng qua đời, Đỗ Phủ mất đi chỗ dựa ở Thành Đô, bất đắc dĩ lại dắt díu cả nhà rời Thành Đô, đáp thuyền đến những đất Lạc, Kinh, Tương. Bài *Lữ dạ thư hoài* này được ông sáng tác trên đường bôn ba, đêm nghỉ lại bên bờ sông. Cõi lòng ông cô độc bơ vơ như bầu trời bao la trên kia, song cũng cuộn sóng sục sôi như sông cuộn, nỗi thất vọng trên quan trường khiến ông chợt thấy chông chênh, không nơi nương tựa.

*Gió nhẹ lay bờ cỏ,
Thuyền đêm một cột cao.
Sao rơi trên bãi rộng,
Trăng nháy giữa dòng xao.*

⁵ Trích trong bài *Phụng tặng Vi tả thừa trượng nhị thập nhị vận*, bản dịch Nhượng Tống.

⁶ Trích trong bài *Quan định hậu hý tặng*, bản dịch Nhượng Tống.

Cỏ thơm bên bờ sông lay động theo gió nhẹ, con thuyền nhỏ đậu lại vào một đêm trăng lạnh lẽo cô độc. Ánh sao buông xuống, đồng hoang mênh mông, trăng loang theo sóng, sông lớn chảy về đông. Bất luận nhân thế biến ảo ra sao, tự nhiên vẫn thuần khiết như thuở ban đầu, bình thản luân chuyển lại qua, không dừng lại vì khách qua đường muôn thuở, càng chẳng vì ai mà thay triều đổi chủ.

*Già bệnh quan nên nghỉ,
Văn chương tiếng há cầu.
Bệnh bỗng nào có khác,
Trời đất chiếc thân âu.*

Ông vốn ôm hoài bão chính trị cao xa, mong được triều đình trọng dụng để giải mối lo của muôn dân, song lại nửa đời trôi nổi, cuối cùng khốn khó chán chường. Ngày nay ông lại nổi danh vì văn chương, song cái tiếng ấy vốn không phải thứ ông muốn. Tuổi già lắm bệnh, vốn nên từ quan về ở ẩn, vui với vợ con, tìm một căn nhà nhỏ, sống bình lặng qua ngày. Song phen này lặn lội giang hồ, biết đi đâu để tìm chốn nương náu, cho tấm thân long đong này được nghỉ ngơi.

Trời nước quanh hiu, người như hải âu, thậm chí còn chẳng được tự do tự tại như hải âu, dù phiêu linh cũng chẳng cần ngỏ cùng ai. Đỗ Phủ từ quan có thật là vì bệnh tật quán thân không? Ông từ quan là bởi chức quan quá nhỏ, lại bị xa lánh, cả đời ông thất vọng về chính trị, nếm đủ phong trần, ngoài cái tiếng văn thơ ra, chẳng còn chuyện gì đáng kiêu hãnh.

Đồng hoang quanh quẽ, sông Ngân rực rỡ khiến người ta sinh lòng đặc ý, có thể ngâm thơ uống rượu, phóng khoáng tiêu dao dưới ánh trăng dịu dịu. Nhưng trời đất mênh mông, ông lại như cánh hải âu, chẳng có nơi nương náu, nghỉ chân. Lá thuyền con ấy tiến anh hùng tiến cả mỹ nhân, tiến người thành đạt cũng tiến cả bại tướng. Vượt qua sóng gió, chẳng sợ nổi chìm, chỉ không biết bến đậu tiếp theo sẽ ở đâu?

Cảnh sinh tình, tình sinh cảnh, đời người tuy là sống gửi, song nếu lòng có muôn vàn cảnh tượng, yên ổn không tranh giành thì cũng chẳng bại trước thác năm, chẳng thua trước sơn hà. Những ưu sầu phiền muộn, khổ sở lênh dên của Đỗ Phủ đều vì quan trường chìm nổi mà ra. Chỉ là giữa Đại Đường phong khí thơ cường thịnh, nhân tài lớp lớp, có biết bao danh sĩ bị chôn vùi, cả đời khốn đốn giữa sông hồ mà không ai hay biết? Ông cũng chỉ là một người may mắn giữa muôn vàn kẻ tầm thường ngang qua đời mà thôi.

Tô Đông Pha đời Tống có bài từ rằng:

*Giận nổi thân này đâu của lão,
Bao giờ rũ sạch vinh hoa?
Canh khuya, gió lặng, sóng im tờ.
Thuyền con đi tít hút,
Sóng biển gửi đời thừa.⁷*

Ông cũng là một người tài hoa xuất chúng, không hợp thế thời, chìm nổi trên quan trường, may thay cả đời có giai nhân bầu bạn, thơ rượu phong lưu.

Đỗ Công Bộ cả đời lênh đênh sóng nước, chẳng hề dừng lại, cuối cùng bỏ trốn trong chiến loạn, có lẽ đây là nhân quả viết trên đá tam sinh. Giang sơn vẫn đó, cây cối um tùm, ngấm hoa rơi lệ, chim chóc động lòng. Ông đến rồi đi, sinh rồi tử, thành và bại, cũng chẳng khuấy động nổi đất trời, muôn dân trăm họ vẫn chầm chậm xuôi theo quỹ tích cuộc đời của riêng họ như thường.

Bệnh bông nào có khác, trời đất chiếc thân âu. Nghìn năm qua rồi, phải chăng ông vẫn trôi dạt giữa dòng, hay đã về nhà cỏ ở Thành Đô, cười nói bên giậu thưa với người bạn cũ là Nghiêm Vũ? Vợ già hâm rượu bên lò, con thơ tựa lan can câu cá, cửa tre khép hờ, ông lảng giềng chống gậy sang thăm, tự đem theo một vò rượu ngon, cùng nhau thưởng thức, say khướt kể chuyện tầm tở.

Hương sắc nhân gian đã hết, tôi vẫn còn đây, bạn có an lành?

⁷ Trích trong bài *Dạ quy Lâm Cao* theo điệu *Lâm giang tiên*, bản dịch Nguyễn Xuân Tảo.

Áo ấy thân con mặc
Chỉ này tay mẹ khâu
Con đi mẹ nhíp kĩ
Mẹ sợ con về lâu.
Ai rằng lòng tắc cổ
Đền được ánh xuân đâu.¹

Gió xuân mát mẻ, dưới ánh đèn lồng mờ, thấp thoáng trông thấy cây đâm chồi non, hoa trở rợp cành. Bao năm nay vẫn luôn coi đất khách là quê hương. Cây cỏ vô tâm nhưng lại có tình cảm có linh tính, ở bên người bốn mùa xoay chuyển, chẳng cầu đền đáp.

Tôi luôn cho rằng mỗi con người là một gốc cây, đời này bất luận bạn phiêu bạt chốn nào, thì cũng có một gốc cây cất giữ linh hồn bạn, bảo vệ bạn bình yên.

Mẹ cũng là một gốc cây, năm năm tháng tháng coi giữ phong cảnh vườn xưa, ngày đêm mong ngóng con cái đi xa trở về. Người xưa dạy rằng, "Cha mẹ còn, không chơi xa, nếu đi phải thưa là đi đâu". Đời người phiêu hốt, biết bao người đeo tay nải trôi dạt khắp trời Nam đất Bắc, nào biết phải dừng lại chốn nao, nơi đâu là chốn về. Cũng như tôi năm xưa khăng khăng rời quê cũ tới Giang Nam, cũng chẳng biết sẽ neo lại thành phố nào, nương thân dưới mái hiên nào.

Hồi nhỏ, mẹ từng vời thầy xem bói cho tôi, nói rằng đời này tôi đã định phải xa rời quê hương, rồi ắt sẽ gặp được quý nhân. Có nghĩa là, tôi không hợp ở lại nhà cũ vườn xưa, không thể làm một cô gái bình thường vui với cuộc sống bình dị, hồng trần loạn lạc mới là đạo tràng tu hành của tôi. Người xưa có câu, "Chớ hỏi ngày sau lành dữ, chỉ mong cuối đời không hối". Tôi thản nhiên đón lấy sắp xếp của số phận, còn dùng mười năm lưu lạc để sắp xếp ổn thỏa cho bản thân. Mười mấy năm nay, tôi chìm đắm trong thơ sách đàn trà cùng phong cảnh non nước uyển chuyển của Giang Nam mà hồ

Áo
ấy
thân
con
mặc,
chỉ
này
tay
mẹ
khâu

¹ Bài *Du tử ngâm* của Mạnh Giao, bản dịch Lê Nguyễn Lưu.

hững tình thân, xa rời cha mẹ. Trời đất mênh mông, biết bao hoang mang bối rối, khổ sở tai nạn, đều một mình vượt qua. Mỗi lúc về nhà, gặp mẹ cũng chỉ kể chuyện vui không kể chuyện buồn, chôn chặt những buồn bã khi xa nhà và nhung nhớ người thân vào lòng, chỉ kể qua loa những chuyện mình đã trải qua cùng những cuộc gặp gỡ đẹp đẽ. Mẹ tôi tóc bạc da mỗi lúc nào cũng hỏi, "Con đi xa có nhớ nhà không?" Còn tôi thường bình thản đáp, "Thỉnh thoảng cũng nhớ, miễn là bố mẹ yên ổn thì tốt rồi." Nhìn gương mặt mẹ ngày càng già đi, tóc thêm sợi bạc cùng vẻ buồn rầu không sao giấu nổi, tôi cũng chạnh lòng. Có điều thời gian không thể quay ngược, cuộc sống hiện giờ tuy an nhàn, song không thoát khỏi nỗi cô đơn đã định sẵn trong số mệnh.

Đêm qua nằm mơ, thấy mẹ cầm cúi vá áo cũ cho mình dưới ánh đèn dầu leo lét, từng đường kim mũi chỉ đều là tình ý, đều là mong chờ. Bấy giờ hai cánh cửa sổ chạm hoa trong phòng ngủ là phong cảnh đẹp nhất tôi từng thấy. Bởi từ đó, tôi có thể trông thấy tuyết bay lá tả cùng ánh nắng rải trên mái xuống. Về sau mẹ cũng ngồi sau khung cửa cũ ấy, đợi tôi và anh trai đi du học xa.

Lúc này, lật cuốn thơ Đường dưới ánh đèn, đọc *Du tử ngâm*, thấy chua chát khôn xiết, nước mắt lăn dài.

*Áo ấy thân con mặc
Chỉ này tay mẹ khâu
Con đi mẹ nhíp kĩ
Mẹ sợ con về lâu.
Ai rằng lòng tác cớ
Đến được ánh xuân đâu!*

Lời thơ giản dị đơn sơ, không hoa lệ trau chuốt, song lại mạch lạc sinh động, tình cảm thiết tha, suốt trăm nghìn năm nay chẳng biết đã làm động lòng biết bao nhiêu đứa con phiêu bạt.

Mạnh Giao hai lần thi trượt, tới bốn mươi sáu tuổi mới đỗ tiến sĩ, từng làm huyện úy Lật Dương. Chán nản về quan trường, không thi triển được hoài bão, ông cũng ngạo lòng, từ ấy chỉ mãi ngao du núi rừng, lặn ngụp trong bể thơ văn. Nửa đời trước của ông trôi qua trong lênh đênh phiêu bạt, nghèo khổ khốn cùng, long đong giang hồ, về sau nghe lời mẹ mới đi giành lấy công danh, nhưng chỉ được một chức quan nhỏ, vẫn khốn đốn phân vân.

*Cả đời ngâm thơ suông,
Thoáng chốc đã bạc đầu.*

Cả đời ông trắc trở long đong, cả đời trôi dạt, cả đời khổ ngâm. Thơ ông phần nhiều là lời ít tình sâu, có sầu khổ song không bi thương. Trong đó bài *Du tử ngâm* này đi vào lòng người, khiến người ta cảm động nhất. Nhà thơ nếm đủ tình đời ấm lạnh, nhìn chán quan trường chìm nổi, lại càng thấy tình thân đáng quý.

Trước kia còn trẻ, đeo tay nải phiêu bạt khắp nơi, chỉ trân quý tấm áo mẹ may. Từng đường kim mũi chỉ, tỉ mỉ mau mau, đều là sợ con lâu lâu mới về nên khâu thật kỹ. Đường chỉ tưởng bình thường mà lại vấn vương muôn ngàn nhớ nhung và mong mỏi, cùng lo lắng và chúc phúc của mẹ. Con trai phiêu bạt bên ngoài, dầm sương dãi nắng, chỉ có tấm áo mẹ may mới sưởi ấm lòng.

Mẹ may áo khâu giày cho con vốn là việc bình thường trong cuộc sống, nhưng tình cảm đơn thuần tự nhiên ấy vẫn hết sức thân thiết tinh tế, cảm động lòng người. Chẳng cần câu cú hoa mỹ, chẳng cần trau chuốt gọt giũa, lời thơ đơn sơ thuần phác mà vẫn toát lên tình thân tha thiết. Tô Thức từng viết trong bài *Độc Mạnh Giao thi*, "*Thơ từ gan ruột ra, lại ngấm sâu gan ruột.*" Bất luận là thơ hay từ thì lòng người viết vẫn luôn thiết tha chân thành, chỉ có những lời chắt ra từ gan ruột mới có thể được đời sau truyền tụng mãi không thôi.

*Ai rằng lòng tác cổ
Đền được ánh xuân đâu!*

Đúng vậy, lòng hiếu thảo mong manh như ngọn cỏ trong gió, làm sao đền đáp nổi ơn sâu của nắng xuân, tình thương của mẹ hiền. Mạnh Giao chỉ là một trong vô số những đứa con phiêu bạt, những gì ông nói há chẳng phải tiếng lòng của những đứa con phiêu bạt hay sao? Tình mẹ bao la, mệnh mỏng như trời bể, đền đáp thế nào cũng không xứng đáng. Song tất cả những bà mẹ trên đời đều hy sinh cho con một cách vô tư, có bao giờ mong đền đáp?

"Xưa Mạnh mẫu, chọn láng giềng." Xưa có Mạnh mẫu ba lần dời nhà, đủ thấy tấm lòng người làm cha mẹ lo cho con vất vả biết bao. Mẹ tôi năm xưa để thành toàn cho giấc mơ của tôi, cũng đã để tôi tự do lựa chọn, còn luôn động viên, tiếp thêm cho tôi can đảm. Dù đã chịu bao phong sương khổ sở, nếm hết ấm lạnh đắng cay, tôi vẫn biết ở quê nhà xa xôi, mẹ vẫn đang ngồi bên cửa sổ, ngày đêm ngóng chờ mình.

Có điều, bà không còn là người phụ nữ uyển chuyển tinh tại ngòai dưới mái hiên năm xưa nữa. Năm tháng đã bào mòn, làm tổn hại đến bà, còn đem đến bệnh tật cho bà, cùng rất nhiều nếp nhăn và tóc bạc. Nhìn bà già đi theo năm tháng mà tôi chẳng có cách nào vãn hồi, lòng tôi lại đau như cắt. Tôi biết, rồi tới một ngày bà sẽ ra đi, không thể khâu chỉ luồn kim khâu áo hay rửa tay nấu canh cho tôi nữa. Tôi biết, bất luận hiện giờ tôi có sống an nhàn sung túc hay không, thì bà vẫn sớm chiều canh cánh, không bao giờ nguôi lo lắng được.

Dù hôm nay tôi đã có một căn nhà yên tĩnh thuộc về mình, có hoa có trà làm bạn, thì trong lòng bà, tôi vẫn là đứa con phiêu bạt xa quê. Chỉ khi tôi ở bên cạnh bà, chiều chiều sớm sớm, cơm ăn ba bữa, bà mới khỏi buồn lo. Việc trên đời đâu thể theo ý người, có lẽ hôm nay tôi có thể trở về bất cứ lúc nào, làm một kẻ nhàn tản, bầu bạn bên cha mẹ lâu dài. Nhưng điều đó có nghĩa là tôi phải từ bỏ hết thảy mọi thứ hiện giờ, cắt đứt tâm sự với hoa mai, tình cảm cùng mưa bụi.

Có duyên gặp gỡ trên đời là tình cờ, song cũng chẳng phải tình cờ. Năm xưa bà ngoại cùng mẹ đã hy sinh quãng đời đẹp nhất cho chúng tôi. Về sau khi già rồi, điều duy nhất họ có thể làm là lặng lẽ chờ đợi, đợi được gặp lại. Đời người ngắn ngủi, duyên phận giữa tôi và mẹ tuy sâu mà thực mỏng, làm mẹ con nhiều năm mà thời gian bên nhau lại ngắn như một giấc mộng xuân. Tôi cũng tự thấy thẹn trong lòng, những tình cảm, nợ nần mà tôi mắc phải, biết lấy gì trả lại đây?

Lúc này tôi đang ngồi dưới bóng hoa, thêu chữ lên áo Tiểu Trà. Tôi không thạo việc kim chỉ lằm, nhưng từng đường kim mũi chỉ đều là tình cảm, là sự quan tâm tôi dành cho con. Tôi nghĩ, sau này sẽ thêu hoặc khắc một đóa hoa trà lên những đồ vật con yêu thích. Như vậy dù sau này có ngày con rời xa tôi, cũng sẽ nhớ được tấm lòng lo âu quyến luyến mẹ dành cho mình.

Bất luận Tiểu Trà đi tới đâu, tôi cũng sẽ dành tặng con những lời chúc tốt đẹp nhất, như mẹ đã dành tặng tôi vậy. Ngoài song sắc xuân tràn ngập, cây cối từng bừng, chẳng biết bao giờ mới lại đến ngày gặp lại mẹ. Kiếp người mệnh mỏng, biết bao sự việc ngày sau không thể dự đoán, chỉ bằng giữ lấy duyên phận trước mắt, trân trọng thời gian và cảnh vật, không oán không hối.

*Giang Nam đẹp,
Phong cảnh vẫn từng ham.
Nắng rực hoa sông hồng tựa lửa
Xuân về sông nước lục như chàm
Sao chẳng nhớ Giang Nam?*

*Giang Nam nhớ,
Nhớ nhất bến Hàng Châu,
Chùa núi nhìn trăng tìm tỏ ngọc,
Thủy đình nằm ngắm sóng dâng trào,
Trở lại dạo ngày nao?!¹*

**Giang
Nam
đẹp,**

**phong
cảnh
vẫn
từng
ham**

Có phải bạn từng hẹn ước với một thành phố, từng lướt qua mà canh cánh không quên một cảnh sắc, từng có một điểm giao thoa sâu sắc với một mảnh nước non? Chẳng cần hứa hẹn gì, năm nào tôi cũng không hẹn mà gặp thành phố này. Giang Nam từ trăm nghìn năm nay đã là nơi chốn biết bao người hướng tới, chỉ là người tâm linh tương thông, tình đầu ý hợp với nó lại quá ít.

Từ xưa phong lưu văn sĩ cũng thích mảnh đất phong lưu phồn hoa này. Tôi chẳng qua cũng chỉ là một cô gái thanh bạch thuần khiết giữa muôn vạn người, có mối duyên dang dở với Giang Nam. Thế nên kiếp này tôi trèo đèo lội suối mãi không tránh khỏi đô thành hoa liễu dịu dàng ấy. Nơi này có phong độ của Ngụy Tấn, từng in dấu những nhân vật thời Đường Tống, để lại những áng thơ văn như gấm.

Mỗi năm cứ tới tháng Tư lại phải tới Hàng Châu tìm một ấm trà, mượn non nước Tây hồ gột sạch bụi bặm trong lòng, tìm lấy sự tĩnh tại và bình lặng trong khói trà. Có người nói Giang Nam nhiều mưa, lúc nào cũng như có một màn sương khói giăng mờ, lòng cũng mềm dịu hẳn đi. Giang Nam lại nhiều mộng, khiến người tới cứ

¹ Bài *Ức Giang Nam* của Bạch Cư Dị, nửa đầu là bản dịch Phan Văn Các, nửa sau là bản dịch Lâm Trung Phú.

chìm đắm trong giấc mộng, không muốn tỉnh lại. Thực ra ánh nắng ngày xuân của Giang Nam rất đẹp, nắng xuân ấm áp chiếu lên hoa cỏ um tùm, đẹp đến rung động lòng người.

Giang Nam có liễu xanh ngần ngắt, Giang Nam còn có đào, kiêu diễm soi bóng nước. Nhà cửa ở Giang Nam tú lự hài hòa, tường thành đơn sơ cũ kĩ, dây leo bò đầy, giấu kín hoa lệ. Một bức tường thành, một góc mái hiên, một khung cửa sổ, một con đường lát đá xanh, một gốc cây, một hồ nước lặng ở Giang Nam đều là phong cảnh, đều có câu chuyện khiến người ta xao xuyến khôn nguôi.

*Giang Nam đẹp,
Phong cảnh vẫn từng ham.
Nắng rực hoa sông hồng tựa lửa
Xuân về sông nước lục như chàm
Sao chẳng nhớ Giang Nam?*

Thuở bé đọc *Ức Giang Nam* của Bạch Cư Dị, đã nảy sinh vô vàn mơ tưởng về tòa thành có Tây hồ ấy. Chỉ mong khi lớn lên, có thể tự mình tới mảnh đất non nước hữu tình này, tìm phong cảnh trong mơ, cố nhân kiếp trước.

*Giang Nam đẹp,
Phong cảnh vẫn từng ham.*

Ông nói, mảnh đất đẹp dễ này có phong cảnh ông từng quen thuộc. Nắng rực hoa sông hồng tựa lửa, xuân về sông nước lục như chàm, ông từng vô số lần nhớ về từng nhành cây ngọn cỏ, từng giọt nước hạt bụi nơi này. Giang Nam dưới ngòi bút Bạch Cư Dị khiến người ta thấy hoàn toàn mới mẻ, không phải oanh lượn cỏ thơm, liễu xanh đào thắm, mưa phùn hoa hạnh, cũng không phải nước chảy dưới cầu, ngôi đèn tường trắng, mà là hoa sông, nước sông, là sắc xuân rực rỡ của Giang Nam.

*Giang Nam nhớ,
Nhớ nhất bến Hàng Châu,
Chùa núi nhìn trăng tìm thỏ ngọc,
Thủy đình nằm ngắm sóng dâng trào,
Trở lại dạo ngày nao?!*

Hàng Châu chẳng khác nào đất Phật ở Nam triều, chùa cổ nghìn năm đếm không xuể. Đỗ Mục từng có thơ rằng, "*Bốn trăm tám chục chùa Nam quốc, mưa khói che lâu biết mấy không?*", chính là nói đến những chùa cổ trên núi tại mảnh đất Giang Nam phong lưu này. Liễu Vĩnh có từ rằng, "*Ba thu quế ngát, mười dặm sen lò²*", cũng chính là tả mảnh đất phồn hoa bên sông Tiền Đường nọ.

Từ xưa đã có biết bao văn nhân mặc khách tới đây tìm non hỏi nước, bẻ quế thưởng trà, xem triều trên sông Tiền Đường, ấy là vì nhả hứng, cũng là bởi nhàn tình. Năm xưa Bạch Cư Dị từng làm thứ sử Hàng Châu, có công sửa chữa đê điều ở Tây hồ, nạo vét sáu giếng nước chính, v.v... rất được lòng dân. Hai bên Bạch đê ở Tây hồ trồng đầy dương liễu, về sau người đời hiểu lầm là con đê ấy do Bạch Cư Dị xây đắp, nên gọi là đê Bạch Công. Tuy nhiên đê này đắp trước khi Bạch Cư Dị tới Hàng Châu, nhưng nhờ có thơ ông, mà non nước Tây hồ lại có thêm một phong cảnh thuốt tha.

Về sau Bạch Cư Dị lại giữ chức thứ sử Tô Châu, trong thời gian ấy, ông ngao du Giang Nam, ngụ tại Tô Hàng. Dù sau này trở về Lạc Dương, vui với thơ rượu đàn thiền cùng non nước, trong lòng ông vẫn mãi nhung nhớ tình người và phong cảnh Giang Nam. Bạch Cư Dị vốn là tài tử phong lưu, thường ngày mua vui cùng ca kỹ, chìm trong thơ rượu, điều này khiến ông càng chung tình với mảnh đất hoa lệ Giang Nam.

Giang Nam không chỉ có non nước tú lệ, mà còn có người đẹp như mây. Con gái Giang Nam cũng như non nước nơi này, yêu kiều yếu điệu, dịu dàng đa tình. Trong *Bản sự thi - Sự cảm*, Mạnh Khải từng viết: "*Bạch thượng thư có hai người thiếp, Phàn Tố hát hay, Tiểu Man múa đẹp, thường làm thơ rằng: 'Phàn Tố môi anh đào, Tiểu Man eo liễu rủ.'*" Phàn Tố và Tiểu Man chẳng biết có sinh ra ở Giang Nam hay không, nhưng lại có tấm lưng thon như liễu mềm và đôi môi anh đào xinh xắn như gái Giang Nam.

Về cuối đời, Bạch Cư Dị ốm yếu nhiều bệnh, song vẫn khôn nguôi nhung nhớ cảnh xuân rực rỡ ở Giang Nam, đồng thời cảm thán cho những năm tháng đẹp tươi vui cùng thơ rượu đã một đi không trở lại. Ông sống ở Lạc Dương, tuy có bạn thơ pha trà xướng họa, nhưng mầu đơn Lạc Dương không xóa nhòa được tấm lòng mong nhớ Giang Nam của ông. Phàn Tố và Tiểu Man không chịu rời xa ông, song Bạch Cư Dị lại khẳng khái muốn họ đi lấy chồng, không muốn một kẻ gần đất xa trời như mình làm lỡ hoa dung nguyệt mao của họ.

Bệnh già quẩn thân, song ông vẫn nhớ cảnh dương liễu Tố Tố ở vùng sông nước Giang Nam, say khướt ý thơ tràn. Hàng Châu bấy giờ tràn ngập hương quế ngan ngát,

² Trích trong bài *Vọng hải triều*, bản dịch Cao Tự Thanh.

trong chùa cũng thoang thoảng hương đưa, mà chẳng biết tỏa ra từ nơi nào. Đô thành mộng ảo như Giang Nam đã đem lại cho ông quá nhiều tốt đẹp và vương vấn, dù bán cả ngựa tốt, cho giai nhân đi hết, ông cũng vẫn không quên sông nước biếc xanh, hoa sông diễm lệ.

Hôm nay tôi theo hẹn mà đến, chỉ để ngồi trước mặt hồ, bên bờ dương liễu này mà uống một chén trà Long Tĩnh. Thả thuyền trên Tây hồ, tìm cảnh thâm u nơi chùa Vĩnh Phúc, năm lại năm qua, lặp đi lặp lại một tư thái, một tâm tình, không cảm thấy rườm rà, không biết mệt mỏi. Chùa chiền nơi này mùa nào cũng thanh u cổ kính, sân vườn sâu hút.

Chùa Vĩnh Phúc nằm kế chùa Linh Ẩn, không được bề thế bằng, nhưng lại có một vẻ phong lưu riêng. Ngôi chùa nho nhỏ song lại có nét đặc sắc riêng, cảnh trí thanh u, được xây dựng từ thời Đông Tấn, ngay cây cầu dẫn vào chùa cũng mang phong cách thời Ngụy Tấn. Hồ nước xanh biếc trong chùa hệt như cảnh thơ Bạch Cư Dị, còn thêm mấy phần tĩnh tại trong trẻo.

Vào chùa trong núi hỏi xin trà, dựng một tấm bảng gỗ ở sâu trong bụi cây cối, viết mấy dòng: "Mọi thứ trên đời, đều là để tôi sử dụng, không phải để tôi sở hữu." Chợt cảm thấy lòng sáng tỏ, sạch không bụi mờ. Vạn vật vô tư, vốn không ham muốn nhiều, là người đời không thấu tỏ, không buông bỏ được tình cảm và sự vật. Song duyên tình có hạn, dầu bạc đầu cũng phải lìa tan, mà vạn vật chẳng qua cũng chỉ mượn dùng, tới lúc ra đi chẳng thể nào đem theo nổi một nắm đất, một hạt bụi.

Đạo lý thì ai cũng hiểu, song vẫn không buông bỏ được. Chấp niệm cứ vương vấn trong lòng, hoặc thành Phật, hoặc thành ma. Bất luận là mảnh vườn trà nho nhỏ trong chùa hay quế mộc thành rừng, chúng ta cũng chỉ có thể mượn nhờ vẻ thanh u và hương thơm của chúng, chứ chẳng thể đem theo được. Biết bao người đã cầu nguyện, hứa hẹn trước cảnh non nước này, trước đất Phật này, mà nào có biết năm sau mình ở đâu, tới khi gặp lại là tháng Tư nhân gian, hay là giữa tiết thu trong, hay một ngày nào đó chưa định trước.

Tới cuối đời, Bạch Cư Dị mới ngộ được đạo lý cuộc đời, tâm tính trở nên hờ hững. Ông từng lo cho cả thiên hạ, nhưng về sau này chỉ lo giữ thân mình, tham thiền ngộ đạo, học theo thái độ sống của Đào Uyên Minh, bình lặng thanh cao, thông dong tự đắc. Rút lui khỏi vũ đài chính trị, xướng họa cùng non nước, quên cả niềm thất vọng chán chường khi bị biếm làm tư mã Giang Châu.

Ông nói "Trở lại dạo ngày nao", có lẽ về cuối đời ông cũng chẳng ngao du Giang Nam thêm lần nào nữa, hết thấy phong cảnh đều đã rơi vào thơ ông, khắc sâu trong lòng. Từ lâu ông đã hiểu rõ, vạn vật trên đời chỉ để ta sử dụng, chứ không phải để ta sở hữu. Thế nên ông mới chẳng chút do dự bán ngựa tốt, đuổi hết cơ thiếp, tuy có lưu luyến, có thở than, song nội tâm thanh tịnh, không còn vướng bận.

Bình sinh thích nhất là thơ rượu đàn trà, không quên mai lan cúc trúc, vương vấn cây cỏ núi non. Nhưng tôi biết tới ngày ra đi, sẽ chẳng thể đem theo bất cứ thứ gì. Cảnh vật Giang Nam tuy có tình, song cũng chỉ có thể ngắm từ xa, không thể khinh nhờn.

Bạn có thể trao gửi chân tình, nhưng tới khi quay lưng, rốt cuộc vẫn phải buông xuống, một chiếc lá rụng cũng không giữ được. Vạn vật đều thành cát bụi, như mây khói thoảng qua, chỉ có mảnh non nước nọ, thiển ý trong thơ, cuộc đời đậm chất thiền là còn mãi.

Trăng trong nhô mặt biển
Soi sáng khắp chân trời
Tình nặng sầu xa xứ
Đêm thâu mãi nhớ vơi
Tàn đèn thương bóng tỏ
Khoác áo biết sương rơi
Khó vốc đầy tay tặng
Trong mơ hẹn gặp người...¹

Trăng
trong
nhô
mặt
biển,
soi
sáng
khắp
chân
trời

Tôi ở Giang Nam, tôi thích con người Giang Nam, lại có mối tình sâu nặng từ kiếp trước, kiếp này không sao gỡ nổi với trăng Đường sông Tống. Điều nói trăng quê sáng rõ ràng, thuở nhỏ tôi thường ngồi trước khung cửa ở làng quê, nhìn qua bức rèm trúc, đợi vầng trăng treo trên đầu ngọn cây, thổ lộ những tâm tư đơn giản của trẻ thơ. Ngắm nhìn tiên nữ trên cung trăng phấp phới múa, lại lo nàng chỉ có một thân một mình, sao chịu nổi nỗi lạnh lẽo cô đơn trên cung Quảng Hàn.

Gốc quế trên ấy nghìn năm mới lớn, nghìn năm mới ra hoa, lẽ nào Ngô Cương chặt quế không nảy sinh một câu chuyện tình như dưới hồng trần cùng tiên nữ? Có phải giữa họ cũng có tỏ mờ ấm lạnh, vui buồn ly hợp như vầng trăng khi khuyết khi tròn kia không? Năm tháng thấm thoát trôi đi, thực ra cũng chỉ lặp đi lặp lại một hình thái. Suốt nghìn thu, việc và người không đổi, tình cảm không đổi, hẹn thề không đổi, trăng trong gió mát cũng không đổi.

Thời gian như nước, lặng lẽ trôi đi, tôi thích đọc sách, uống trà, cũng thích tỏ lòng cùng trăng sáng. Bất luận xuân thu, chẳng màng tròn khuyết, trăng như người tri kỷ trên trần thế, từ thời Đường Tống xa xôi trôi đến, treo trước song thưa. Hơn ba mươi năm nay, chưa bao giờ rời xa, ngày tháng về sau cũng sẽ bạn bầu kề cận, tình sâu ý dài.

¹ Bài *Vọng nguyệt hoài viễn* của Trương Cửu Linh, bản dịch Lê Nguyễn Lưu.

Người đời thường có duyên phận bền chặt với trăng, nhìn tưởng xa xôi nghìn dặm, chẳng thể với tới, song lại bạn bầu tối trời tàn đất tận. Kiếp người vui buồn tan hợp cũng như trăng tròn trăng khuyết, không thể đảo ngược. Trung thu quây quần đoàn viên, ngắm trăng tìm thú nhả được coi là niềm vui giữa nhân gian. Nguyên tiêu còn treo đèn lồng khắp nơi, pháo trúc nổ giòn để mừng Thượng Nguyên. Tối cả tết Trung Nguyên, Hạ Nguyên, cũng đều liên quan tới trăng. Trăng sáng vàng vạc giữa trời, ánh sao lấp lánh, vầng trăng nghìn năm bất biến kia đã chứng kiến hết thay ly hợp nhân gian, song vẫn tràn đầy tình cảm, không phải vật vô tình.

Trăng cũng là tri kỷ của văn nhân, có thể nâng chén mời, có thể cùng chơi cờ, có thể cùng du ngoạn dưới bụi hoa, cũng có thể ca vang giữa núi rừng.

*Cất chén mời trăng sáng,
Mình với bóng là ba.*

Lý Bạch phiêu dật cô ngạo cả đời lưu lạc Trường An, rong chơi giang hồ, là Thi tiên khoáng đạt, cũng là khách chán chường. Vỗng lọng rợp kinh thành, chỉ mình ông chốc chén dưới hoa, cùng trăng say khướt.

*Đằng tây lẳng lẳng lên lầu,
Mảnh trăng câu.
Cô quạnh ngô đồng sau viện,
Toát vẻ sầu.*

*Cất chảnh nổi,
Gỡ lại rồi,
Mối ly sầu.
Hằng có một niềm riêng nữa,
Quẩn trong đầu.²*

Trăng thu lẳng lẳng treo trên mái lầu tây, ẩn mình dưới bóng ngô đồng, làm Hậu Chủ chột thấy lạc lõng, buồn bã khó khuây. Nước cũ chẳng còn, hai vị Chu hậu chẳng còn, trăng sáng thời Đường chẳng còn, chỉ có giang sơn vẫn đó, song ngài đã chẳng phải là chủ nữa.

² Bài *Tương kiến hoan* của Lý Dục, bản dịch Nam Long, nguồn: thivien.net.

*Bức gấm từng mây ai gửi sang?
Bữa nhận bay về,
Gác nhỏ trắng tràn.³*

Vào mùa sen đỏ hương tàn, ánh trăng rải khắp lầu tây, rọi qua bấy nhận lớp lớp, soi xuống đôi mây Dị An cư sĩ, pha lẫn tương tư, hòa điệu với sầu tủi. Người con gái ấy cũng từng có quãng đời lãng mạn trắng tròn hoa nở, vui vầy bên người mình yêu mến. Tiếc rằng cuối cùng giang sơn rung chuyển, mất đi người thân nhất, một mình trôi dạt giữa biển người, lòng đầy tâm sự chẳng biết gửi vào đâu, chỉ biết thổ lộ cùng mảnh trăng tàn.

Trăng trong mắt kẻ viễn chinh chỉ có bi tráng thê lương.

*Lính thú trông biên giới
Nhớ quê khó muôn vòn
Đêm nay trên lầu cao
Không sao ngừng thở than.⁴*

Trăng trong mắt kẻ chia ly, lại càng thê lương buồn khổ.

*Bao giờ tựa bức màn không,
Gương soi chung bóng lệ dòng dòng khô.⁵*

Trăng trong mắt tình nhân, lại là yêu hận đan xen.

*Hận chàng chẳng giống vầng trăng ấy,
Nam bắc đông tây,
Nam bắc đông tây,
Chỉ mãi theo nhau chẳng nở rời.⁶*

Lần đầu đọc bài *Vọng nguyệt hoài viễn* của Trương Cửu Linh thời Đường đã bị đôi câu "*Trăng trong nhô mặt biển, soi sáng khắp chân trời*" thu hút, vừa gửi gắm tình cảm, vừa bày tỏ nỗi lòng. Một vầng trăng sáng từ bờ biển mênh mông chậm chậm nhô lên

³ Trích trong bài *Nhất tiễn mai* của Lý Thanh Chiếu, bản dịch Châu Hải Đường.

⁴ Trích trong bài *Quan san nguyệt* của Lý Bạch, bản dịch Trần Trọng San.

⁵ Trích trong bài *Nguyệt dạ* của Đỗ Phủ, bản dịch Tản Đà.

⁶ Trích trong bài *Thái tang tử* của Lã Bân Trung, bản dịch Nguyễn Thị Bích Hải.

bầu trời lồng lộng bao la kéo dài tới hút mắt. Câu này hô ứng với đôi câu "Sông xuân sáng nước liền ngang bể, vầng trăng trong mặt bể lên cao" của Trương Nhược Hư, tựa hồ họ từng là cố nhân trông ngóng nhau từ hai phía chân trời, từng cùng soi chung một mảnh trăng.

Chân trời ngóng vọng, cùng một vầng trăng sáng mà vạn hộ soi chung, mỗi người một mối sầu. Lòng người hoặc sáng sủa trong trẻo, không có ưu sầu ly hận, không có ai oán khổ sở; hoặc triền miên đau đớn, gửi gắm muôn ngàn tương tư, trăm vạn tình ý; hoặc tình thơ ngập lòng, ngà ngà túy lúy, chỉ đợi mài mực trải giấy là có thể vung bút viết nghìn lời; hoặc rộn lớn vô biên, ngấm gió mây biến ảo, nhân gian vạn tượng.

*Tình nặng sầu xa xứ
Đêm thâm mãi nhớ vơi.*

Giữa ánh trăng rõ ràng ấy, lên lầu nhìn ra xa, song núi non vạn dặm, lầu gác vắng hoe, nào thấy bóng dáng người thương. Nhưng nhớ miên man như ánh trăng gieo rắc, rơi xuống trên gối, cạnh màn, dẫn ra vô số tư tình, khiến người ta khó mà thiếp ngủ, buồn bã khôn khuây.

*Tàn đèn thương bóng tỏ
Khoác áo biết sương rơi.*

Tắt nến trông trăng, mặc cho ánh trăng loang đầy phòng, nhớ nhung giữa cảnh thanh tĩnh, lại càng thấy tình thêm nồng đậm. Lại khoác áo trở ra, lần tới giữa bụi cỏ, trước vườn hoa, tìm dấu người thương, song người ấy lại ở bên bờ nước, cách non cách bể, làm sao tới gần. Sương lạnh về đêm ướt đầm áo xanh, cũng ngăn bước chân tìm kiếm. Dù có muôn mối tâm tình cũng chẳng biết kể từ đâu, trăng lạnh tuy có thể gửi nỗi nhớ thương, song suy cho cùng cũng chẳng thể ấp ôm sưởi ấm.

*Khó vốc đầy tay tặng
Trong mơ hẹn gặp người...*

Vốc trăng đầy tay mà không thể trao tặng, ấy là lời thăm hỏi thiết tha từ thời xưa cho tới mấy chục năm trước, chỉ có thể gửi nhờ chim nhận truyền lời, song sao nghe bất lực yếu đuối là vậy. Dù yêu thương tha thiết cũng chẳng có ai thấu hiểu, đành thử gửi mối tương tư đàng đẵng qua vầng trăng sáng. Mong sao trong mộng được gặp lại giai nhân, lần này sẽ không dễ dàng chia lìa nữa.

Nhà thơ Trương Cửu Linh từ nhỏ thông tuệ hơn người, tài trí siêu việt, giỏi văn thơ. Bảy tuổi biết làm văn, nổi danh về tài văn thơ, Trương Thuyết ca tụng ông là "đứng đầu trong số các từ nhân sau này". Ông còn là vị thừa tướng nổi tiếng thời Đường, cử chỉ bất phàm, phong độ ngời ngời. Sau khi Trương Cửu Linh qua đời, hễ có ai được tiến cử làm tể tướng, Đường Huyền Tông đều hỏi, "Có phong độ bằng Cửu Linh không?", đủ thấy lòng dạ ông lỗi lạc tới đâu, cũng nhờ đó, Trương Cửu Linh vẫn luôn được người đời sau tôn kính, ngưỡng mộ.

Trương Cửu Linh không chỉ là nhà văn học, nhà thơ tài hoa trác tuyệt mà còn là một chính trị gia có can đảm, kiến thức và tầm nhìn xa. Ông từng nhận xét rằng An Lộc Sơn "có tướng làm phản, không giết ắt thành họa về sau", nhưng Huyền Tông không nghe. Về sau nổ ra loạn An Sử, Huyền Tông trên đường trốn chạy, nhớ lại lời Trương Cửu Linh thường nói, hối hận khôn xiết. Cũng chính vì thế mà Đường Huyền Tông chẳng những đánh mất giang sơn, còn đánh mất cả Dương quý phi mà mình sủng ái, để lại mối hận chia ly đắng đặc, không có điểm dừng.

Trương Cửu Linh là một vị thừa tướng ngay thẳng ôn hòa, tràn đầy khí phách, thơ ông cũng như người, thẳng thắn hào sảng, không nịnh nọt lấy lòng, không bộ đờ ton hót, tình cảm và câu từ uyển chuyển, giản dị mà mạnh mẽ. Tình thơ thanh khiết, lời thơ chất phác, ý tứ sâu xa, loáng thoáng phong cách thơ đẹp đẽ thời Lục triều, ý nghĩa phi phàm.

Vầng trăng sáng này, để vương khanh tướng thấy, tài tử giai nhân thấy, trai gái thôn quê cũng thấy, nhô lên từ mặt bể, rồi lại lặn xuống mặt bể. Tình cảm cao khiết của ông cũng như vầng trăng quán tuyết thiên cổ ấy, treo trên bầu trời Đại Đường, mệnh mệnh quang đăng, phong tình vạn chủng. Biết bao kẻ phiêu bạt chân trời đã cất nó vào tay nải, lặn lội ngàn dặm, rồi lại lặp lại một câu chuyện y hệt.

Đêm nay, trăng sáng vằng vặc, tuy tôi ở sâu trong chốn phàm trần, song cũng lánh xa khói lửa đô thành, nường nấu linh hồn tại nơi thanh u cỏ cây xanh mát. Chẳng cần ngóng trông ai ở tít chân trời, cũng chẳng cần suy đoán vầng trăng thời Đường kia sẽ tròn hay khuyết, soi sáng những ai, khơi mối tương tư trong lòng ai.

Đốt một lò hương, pha một ấm trà, mặc ánh trăng đầy áo, lòng trong như nước. Trải qua một trận gió mây Tần Hán, nghe một câu chuyện ít người hay thời Ngụy Tấn, chép một bộ kinh triều Tùy, đọc một bài thơ Đường, phỏng theo một điệu từ Tống, theo mảnh trăng trong quay lại thời Đường Tống tràn ngập ý thơ, gặp một tri âm, kết một

đoạn duyên phận. Sau đó lại ung dung rời đi, chỉ để lại mảnh trăng lạnh lẽo, ơ hờ tiễn biệt.

Giã bạn chốn tha hương
Non sông cách trở đường
Gặp nhau ngỡ mộng ảo
Hỏi tuổi gọi buồn thương
Đèn quạnh soi mưa gió
Tre mờ phủ khói sương
Sớm mai còn tiếc hận
Cùng chúc chén ly trường.¹

Người
đứng
cuối
trời,

kiếp
này
ắt
có
khi
gặp
gỡ

Đời người đẹp nhất là gặp lại, buồn nhất là gặp rồi lại phải chia tay. Thiết nghĩ giữa lúc tuổi hoa đẹp nhất, gặp một người phù hợp nhất, bầu bạn bình thường giữa hồng trần, trồng vườn hoa ruộng thuốc, đọc sách cũ xuân thu, thơ Đường mục Tống thì vui vẻ biết bao! Chẳng cần quan tâm tới thân thế, bất luận là nho sĩ hay lái buôn, là nông dân hay quan lại, chỉ cần lòng mang gấm lụa, hiểu hết dây đàn thì dù mặt mày xấu xí cũng có ngại gì?

Dầu áo vải chán chường, buồn nản thế sự, nhưng chỉ cần nắm tay đi giữa núi sông lá úa cỏ khô, cũng thấy lòng tràn ngập gió xuân ấm áp. Đôi bên nhìn nhau say đắm, chẳng cần nhiều lời đã hơn vô vàn kẻ ở nhân gian. Cũng từng hẹn thề những lời mật ngọt, song về sau lại bị năm tháng bào mòn, tả tơi bất lực. Người hôm qua không thể gặp lại, hết thủy tình cảm đều chôn sâu trong lòng, không chạm tới mới có thể lãng quên.

Cả đời tôi luôn ngưỡng mộ những người tiêu sái, hết một đoạn duyên, cũng xếp lại tương tư một lượt, rồi buông xuống, làm một khách nhàn du sơn thủy, không hỏi tình cảm. *Từng qua bể biếc đâu còn nước, trừ núi Vu ra chẳng có mây.* Đường đời muôn vàn phong cảnh, song đẹp nhất vẫn là căn nhà thuở trước, vườn ruộng ngày xưa. Cả đời gặp biết bao người, xảy ra bao nhiêu chuyện, song khắc cốt ghi tâm nhất cũng chỉ có một người, dù đôi bên chưa từng yêu nhau, dù chỉ đi lướt qua trong thoáng chốc.

¹ Bài *Vân Dương quán dữ Hàn Thân túc biệt* của Tư Không Thự, bản dịch Lê Nguyễn Lưu.

Đời người sợ nhất là mất rồi có lại. Bỏ bao năm chờ đợi một người, cuối cùng cũng được gặp lại, sau đó lại chia lìa, sau nữa thì biến người mệnh mệnh, không hẹn ngày tái ngộ. Đời này tôi không muốn sum họp nhiều với người, sợ tới lúc chia ly lại buồn rầu quyến luyến, sợ trông thấy ánh mắt buồn bã lại mềm lòng. Có khi thà cách sông cách núi ngóng vọng về nhau chứ không muốn gặp gỡ thoáng chốc rồi lại biệt ly.

Hồng Mai trong *Dung trai tùy bút - Thơ đắc ý và thất ý* có viết: "Từ xưa có bài thơ kể về những sự đắc ý trên đời rằng: '*Hạn hán được mưa diu, quê người gặp bạn quen. Tân hôn ngồi ánh đuốc, chiếm bảng vàng nêu tên*'"², về sau được gọi chung là "bốn nỗi vui trên đời". Tình cảm trên đời có nhiều loại, hoặc là trai si gái oán luẩn quẩn giữa món nợ gió trăng, hoặc là tri âm giữa non cao nước chảy, hoặc là tình máu mủ cả đời không cắt đứt nổi. Trong đời mỗi người đều sẽ kết một hoặc vài đoạn tình duyên, có những tình cảm ghi khắc trong lòng tới chết không quên, có những tình cảm lại tan tác chân trời, không còn tung tích.

Tư Không Thụ là "tiến sĩ những năm Đại Lịch, kỳ tài lỗi lạc, là bạn thân của Lý Ước. Tính tình ngay thẳng, không tham quyền. Cảnh nhà khốn khó, ông vẫn an nhiên tự tại. Thường vì bệnh tật túng quẫn mà phải đuổi cả thiếp yêu đi". Một nhân vật như vậy sống giữa triều Đường rợp những đốm lửa đỏ, không thể coi là xán lạn, thậm chí cũng chẳng có mấy vinh quang. Nhưng dù là vương hầu khanh tướng hay muôn dân trăm họ hoặc thi nhân từ khách, đều có những tao ngộ và duyên phận chẳng để ai hay.

*Giã bạn chốn tha hương
Non sông cách trở đường
Gặp nhau ngờ mộng ảo
Hỏi tuổi gọi buồn thương.*

Mang theo vài cuốn sách cùng một thanh kiếm phiêu bạt chân trời, bạn cùng trăng sáng, ấp ôm giấc mộng, chợt đến một ngày lại gặp bạn bè cách biệt mấy năm giữa biển người mệnh mang là một cảm giác vô cùng phức tạp. Họ vốn là bạn thân trên trần thế, một hôm chia cách, rồi mỗi người một phương, viết những buồn vui tan hợp của bản thân vào những câu chuyện khác nhau. Muốn tìm người thổ lộ mà chẳng biết ngỏ cùng ai, đành buộc tình vào cánh én trước nhà, thông thả ngấm cá dưới hồ, coi như quen biết, cũng là cố tri.

² Thơ Ưông Thù, bản dịch Điệp Luyến Hoa, nguồn: thivien.net.

Nhiều năm về sau, vào một ngày nào đó, đôi bên tình cờ gặp gỡ giữa đường bờ ruộng dọc ngang hoặc ở một quán dịch không biết tên. Sau vô vàn ngạc nhiên mừng rỡ, ôn lại bao năm ly biệt, chẳng hay tin tức, thực chẳng khác nào trong mộng, nửa thực nửa giả, đúng là mừng mừng tủi tủi, muôn mối bên lòng.

Phen này trùng phùng, lòng có muôn vàn lời muốn nói lại chẳng biết nói từ đâu. Nhìn gương mặt bạn đã dần già đi, tóc mai lốm đốm bạc, xa nhau mấy năm, thời gian rứt cuộc cũng đã để lại dấu vết. Họ đã không phân biệt nổi ai lớn ai nhỏ nữa, lòng luống bùi ngùi, thay nhau hỏi han. Đời người dâu bể, những thiếu niên từng phơi phới hoài bão, sớm đã bị bào mòn hào tình tráng chí. Giờ đây họ chỉ vui mừng trước cuộc gặp gỡ này, chẳng màng hỏi tới công danh, càng không muốn đoán định tương lai chìm nổi.

*Đèn quạnh soi mưa gió
Tre mờ phủ khói sương
Sớm mai còn tiếc hận
Cùng chuốc chén ly trường.*

Dưới bức rèm lạnh lẽo là bóng lẻ đèn tàn, soi tóc mai bạc phơ như tuyết, tang thương thấu cốt. Mưa đêm náo nức, khói sương bảng lảng tỏa ra từ sâu trong rừng trúc, như dĩ vãng xa xôi. Chuyện xưa như khói như mơ, kể lại lần nữa đã chẳng thấy phong hoa thuở trước, chỉ có chén rượu bầu bạn, bàn luận bình sinh.

"Rầu rĩ mất hồn, chỉ có ly biệt mà thôi!" Bài *Biệt phú* của Giang Yêm đã khắc họa hết nỗi sầu ly biệt của nhân gian, khiến người đọc cũng chạnh lòng buồn bã sầu thương. Lúc này đây, gặp gỡ là sắp phải chia xa, sum họp tức là biệt ly, lại càng thêm rầu rĩ. Tiếng mưa chưa dứt, ướt đầm bậu cửa sổ, trúc xanh biêng biếc, bóng đêm mênh mông ẩn chứa vô vàn cảm thương vô cùng tận. Kiếp này nếu có gặp lại nhau, cũng chẳng biết là năm nào ở đâu, thậm chí có khi cả đời không gặp lại.

Lý Ích đời Đường có bài *Hỉ kiến ngoại đệ hựu ngôn biệt*, viết rằng:

*Loạn lạc mười năm trái,
Gặp nhau đã lớn lên.
Giật mình khi hỏi họ,
Nhớ dáng lúc xưng tên.³*

³ Bản dịch Lê Nguyễn Lưu.

Tình cảm trong thơ cũng gần giống với Tư Không Thự. Cũng vào thời chiến loạn, gặp nhau vội vã rồi lại vội vã chia ly. Đường đời thoát trông thì dài đằng đẵng, thực ra lại ngắn ngủi gấp gáp. Tình cảm thế này cả đời có lẽ chỉ có một lần, gặp gỡ thế này có lẽ cả đời cũng chỉ cần một lần.

Trong bài *Hỉ ngoại đệ Lư Luân kiến túc*, Tư Không Thự có hai câu khá gợi ý cảnh: "*Nhuộm vàng, cây lá trong mưa; mái đầu bạc, ngọn đèn mờ cứ soi.*"⁴ Bài thơ này Tư Không Thự làm tặng người em họ ngoại là Lư Luân. Lư Luân và ông vốn là thân thích, đều có tài thơ, cùng được xếp vào "mười tài tử thời Đại Lịch". Tư Không Thự cả đời thanh bạch, không dựa hơi quyền quý, ông không hái cúc giậu đông như Đào Tiềm, song cuối thu cũng trồng mấy khóm ngoài sân, lộng lẫy bạc đầu. Mỗi bận mưa rơi, người đọc sách là ông lại viết mấy câu buồn bã.

Thơ ông có lẽ không mấy hoa mỹ tráng lệ, song lại tỉnh tại tao nhã, chân thành giản dị. Ông viết nhiều bài thơ tặng chia ly, sở trường thơ trữ tình, có rất nhiều câu nổi tiếng. Ông trọng tình trọng tín, tuy ngăn sông cách núi, cũng không quên tình nghĩa cũ với người xưa. Đọc hết thơ trùng phùng của ông, nhớ lại những tan hợp suốt bao năm của mình, lòng cũng ngổn ngang muôn mối, chẳng biết kể từ đâu.

Rất nhiều nho sĩ cả đời ngồi bên song cửa, bạc trắng tóc mai mà vẫn chẳng có duyên với công danh. Biết bao khách thơ viết cả vạn câu, một hôm mất cả, chỉ còn bi thương. Sinh mệnh sinh ra từ tiếc nuối rồi cũng khép lại trong tiếc nuối. Dù là "*Bánh bao đất ngoài thành, nhân bánh ở trong thành, mỗi người xơi một chiếc, chớ chê chẳng ngon lành*"⁵ cũng phải nếm thật kĩ, dù nhạt như nước lã, cũng phải biết mùi nhọc nhằn của cuộc sống bình thường cơm ăn trà uống. Đời người chỉ cốt vui lành, phải giản dị mới được lâu dài. Tình cảm há chẳng thế ư? Giao tình giữa quân tử với nhau đều nhạt nhẽo như nước, nếu quá khăng khít, sẽ làm mất ý vị vốn có.

Tư Không Thự có non nước của riêng mình, còn để lại thơ văn của mình giữa trời thơ Đại Đường. Tuy thân phận hàn vi, cảnh nhà túng thiếu, song cũng vẫn an nhiên bình thản. Một bài khác của ông là *Giang thôn túc sự* đã thể hiện rõ điều này.

*Thuyền nghỉ câu về thả lửng lơ
Đầu sông trắng lặn ngủ tha hồ*

⁴ Bản dịch Ngô Văn Phú.

⁵ Bài *Thành ngoại thổ man đầu* của Vương Phạm Chí, bản dịch Nguyễn Thị Bích Hải.

*Thâu đêm dù gió đưa đi nữa
Nước cạn bên lau cũng vật vờ.⁶*

Bút pháp có nét độc đáo riêng, sái thoát vô cùng, khiến người ta phải hâm mộ.
Liễu Vĩnh đời Tống có bài từ rằng:

*Đa tình tự cổ đau li biệt;
Sao chịu thấu
Tiết thu tàn gió rét!⁷*

Thu tàn còn chưa tới, đã nghe mùi chia ly. Trước kia thích mùa thu, ấy là mùa của văn nhân, cũng là mùa của kẻ chia ly, trong hơi mát lạnh đã nhuộm phần thương cảm, giữa tan tác thấp thoáng nỗi cô đơn, trong cái se lạnh lại thêm mấy phần đa tình. Giờ tôi lại thích gió xuân sóng xuân, thích hoa nở muôn tía nghìn hồng, trúc xanh liễu biếc. Gặp lúc biệt ly cũng chẳng còn bàng hoàng bối rối, tuy có buồn rầu, song chỉ nháy mắt là qua, thông dong điềm tĩnh.

Nhân thế mệnh mong như hoàng hôn, như nước chảy, chẳng thấy điềm cuối. Lúc này tuy chúng ta là người đứng cuối trời, chẳng hề liên quan, song ắt sẽ có ngày gặp gỡ, hoặc ở căn nhà bên suối, hoặc ở trạm dịch cạnh cầu, hoặc trước con ngõ vắng, đều có cơ duyên, đều có thể gặp.

⁶ Bản dịch Khương Hữu Dụng.

⁷ Trích trong bài *Vũ lâm linh*, bản dịch Châu Hải Đường.

Bị giam ở lao Tây, là công đường xử án, có mấy gốc hòe già. Tuy sức sống bùng bùng như cây cổ thụ của Ân Trọng Văn; song công đường ở đó, như gốc cam đường của Chu Triệu Bá. Mỗi khi chiều tà đổ bóng, ve thu kêu ran, ra rả náo nê, thê lương khôn xiết. Ấy bởi lòng đã khác trước, hay tiếng ve thê thiết hơn xưa? Ôi chao! Tiếng ve động lòng người, đức ve như người hiền đức. Thế nên sự trong sạch của nó cũng noi theo phẩm đức cao thượng của bậc quân tử phóng khoáng, mà sau khi lột xác lại có phong tư đẹp đẽ của bậc thần tiên vũ hóa. Khi thời gian tới thì tuân theo quy luật âm dương; ứng với bốn mùa dời đổi mà thấu tỏ dịp ẩn cư hay hoạt động. Mắt mở thật to, không vì đường tối mà không trông rõ; có cánh mà tự cam đảm bạc, không vì thế tục mà thay đổi bản chất của mình. Hóng gió ngâm xướng trên cây cao, tỳ thái thanh vận trời ban; hứng sương thu mà uống, giữ thân trong sạch chỉ sợ người hay. Kẻ lên này lỡ bước long đong, gặp nạn bị tù. Không bị thương mà tự giận, chưa rơi rụng đã úa tàn. Nghe tiếng ve sầu rí rả, hiểu thấu rửa oan đã dưng; thấy bóng bọ ngựa rập rình, sợ nguy ngập còn chưa yên. Tức cảnh làm thơ, gửi người tri kỷ. Ngõ hầu tình ứng với vật, thương cho cánh ve trôi dạt; nói để người hay, xót cho thân ta tịch mịch. Không phải văn chương, chỉ để giải buồn.

Ngày thu ve trỗi giọng
Cửa ngục khách thương nhà
Trong cánh mờ đau xót
Bên đầu bạc hát ca
Sương dày thân khó bỏ
Gió lộng tiếng chìm sa
Ai rõ mình cao khiết?
Giải lòng chút giúp ta!¹

Ngày hè ngồi bên bờ hồ, cây cỏ xanh um, thấy mát lạnh cả người. Ve rí rả đầu cành, ngày đêm không nghỉ, chẳng biết mệt mỏi,

Trong
cánh
mờ
đau
xót,

bên
đầu
bạc
hát
ca

¹ Bài Tại ngục vịnh thiên của Lạc Tân Vương, bản dịch thơ Lê Nguyễn Lưu.

khuấy động giấc mơ của người, song lại làm ngày tháng tịch liêu thêm phần rợn rã. Tiếng ve kêu tuy đơn điệu, song vào tai mỗi người lại có một âm điệu khác nhau. Là vui vẻ, là thê lương, là gặp lại, cũng lại là chia lìa.

Tôi rất thích kiểu tường cao nhà rộng, vườn hoa lầu gác thuở xưa, đắp đá thành núi, đào mận khoe tươi, liễu rủ phát phơ. Những cây cỏ xanh tốt, lầu gác thủy tạ ấy đã che lấp đám con cháu lụn bại ngụ bên trong, cũng ẩn giấu cả những ân oán gia tộc giữa họ. Ngày hè ve kêu ran, gần nước xa non, ngõ nhỏ đình gác đều nghe tiếng inh ỏi, như thời gian trôi hoài không dứt.

Trang Tử nói rằng: "Không thể bàn chuyện băng tuyết với côn trùng mùa hạ, bởi nó bị hạn chế do mùa vụ; không thể bàn luận về đạo với kẻ nông cạn, bởi người đó bị giới hạn trong kiến thức hạn hẹp."

Ve vốn là loài cao khiết, ngủ đông suốt mùa, kiên trì ẩn nhẫn, một khi cất tiếng là làm người ta kinh ngạc. Tôi có tình cảm không thể gọi thành tên với loài ve, thuở bé ở nhà trong làng, buổi chiều ngồi hóng mát dưới bóng cây, nghe ve kêu ra rả, xuyên qua ngõ vắng, xuyên qua sân khấu, ngay trên mái cũng có tiếng ve. Tôi đợi hoàng hôn buông xuống như đợi một vở kịch hạ màn, đợi một con ve già đi.

Vật trên đời, chỉ cần tốt đẹp, đều có thể đi vào thơ họa. Dù là liễu biếc dương vàng, hoa bờ tường cỏ ngoài ruộng, cho tới chim bay thú chạy, côn trùng ngoài giậu chim chóc trong rừng, nếu được nhà thơ chú ý, đều có thể được đưa vào bài thơ, lưu tiếng thơm nghìn thuở. Chẳng rõ đó là bởi thi nhân đa tình hay sự vật tự có sắc hương thu hút người tìm đến. Nghĩ lại đôi câu "*văn chương vốn trời sinh, khéo thì tình cờ được*" mới ngộ ra rằng trong tự nhiên, về thanh về sắc, về văn về mực, đều đã đủ đầy, chỉ đợi khách thơ tới hái bỏ vào túi.

Trong núi chẳng có gì, chỉ có trăng sáng bốn mùa, khắp rừng gió lộng, hoặc bao quanh rào giậu, vòng quanh căn nhà nông, đợi tiểu phu ngang qua gõ cửa nghỉ chân, xin một chén trà, tán gẫu chuyện ngoài khe núi. Biết bao gặp gỡ vi diệu khiến người ta cảm động sâu sắc, có người suốt quãng đời về sau cũng chẳng tìm được tri âm nữa. Biết bao người cam lòng làm một cánh ve, nghe gió đợi mưa trong mùa thuộc về mình, sống bình lặng, không buồn rầu nhưng nhớ.

*Ve kêu rừng quá lặng,
Chim hót núi thêm sâu.²*

Ve là tinh linh đêm hè sớm thu ẩn nấu giữa hồng trần, xướng lên những khác biệt tinh tế giữa phố thị và núi rừng bằng một âm điệu nhàm chán. Kẻ nôn nóng nghe được lại càng thêm nôn nóng, người điềm tĩnh nghe lại thấy trong trẻo, người tao nhã hiểu được cái sâu thẳm của nó, kẻ phàm tục ghét tiếng ran ran. Tuy cùng một loài, nhưng trong sinh mệnh mỗi người lại hóa thành muôn vàn hình dạng khác nhau. Hiểu được cái xảo diệu trong đó mới biết ve cũng là thiền, tục cũng là nhã.

Rất nhiều văn nhân tự ví mình với con ve, rồi lại ví con ve với người. Tiếng ve thảm thiết khổ sở mà chẳng chịu thổ lộ nỗi lòng cùng ai, vừa cất tiếng lên đã kinh động mọi người, song nó lại ẩn mình giữa tán lá rậm, chẳng thấy dấu tích. Lạc Tân Vương thời Đường từng viết bài thơ *Tại ngục vịnh thiên*, bấy giờ ông đang làm thị ngự sử, vì dâng sớ luận việc, chính kiến bất đồng, làm Võ Tắc Thiên tức giận, lại bị gièm pha vu hãm, cuối cùng bị hạch tội giam vào ngục. Ở trong ngục, ông nghe ve kêu mà sinh lòng cảm khái, mượn bài thơ này để bày tỏ nỗi bi phẫn, thấm đẫm tình cảm buồn bã, nặng nề.

Lạc Tân Vương là một trong bốn anh kiệt đầu thời Đường, tuy xuất thân hàn vi, nhưng lòng như gấm dệt. Bấy tuổi ông đã biết làm thơ, được gọi là "thần đồng". Nghe đồn, bài *Vịnh ngỗng* được sáng tác vào thời kỳ này. Cuộc đời ông trắc trở gập ghềnh, từng tòng quân đi Tây Vực, viết rất nhiều thơ biên tái, rồi lại phải chạy vạy để làm quan ở Thục Trung.

"Hóng gió ngâm xướng trên cây cao, tư thái thanh vận trời ban; hứng sương thu mà uống, giữ thân trong sạch chỉ sợ người hay." Ông tả ve rất kỹ trong lời tựa đầu bài, đồng thời cũng ví ve với bản thân mà tự thương mình. *"Mỗi khi chiều tà đổ bóng, ve thu kêu ran, ra rả nào nề, thê lương khôn xiết."*

Một chiều thu nào đó, ánh nắng thưa thớt rọi lên tường nhà lao nặng nề, đầy vẻ quạnh hiu. Lúc này nghe tiếng ve ra rả bên tai, lòng lo lắng bồn chồn, tình cảnh ấy thê lương biết nhường nào?

Giang sơn vô hạn, chỉ có mình ông bị giam cầm trong chốn ngục tù nhỏ hẹp này, chẳng nhìn thấy con đường trải dài tới chân trời. Lạc Tân Vương vốn là người có tài hoa, có hoài bão, song chỉ vì những chuyện đầu đầu mà bị tống giam, chẳng được tiếp xúc với bên ngoài. Chỉ có tiếng ve kêu ra rả vọng vào, từ bình minh tới hoàng hôn, trong

² Trích trong bài *Nhập Nhược Da Khê* của Vương Tích.

đó ẩn chứa biết bao vấn trắc vấn bằng nghe không ra, nói không rõ. Một mình ông ngồi trong nhà lao, có muôn vàn tâm trạng, trăm ngàn uất ức, mà cũng chẳng thể tỏ cùng ai. Đành ngồi đợi thời gian trôi đi, không thể níu giữ, cũng chẳng cách nào thay đổi.

Nói tới thơ vịnh ve, ắt không thể quên *Vịnh thiên tam tuyệt* của người xưa. Ngoài bài này của Lạc Tân Vương, hai bài còn lại là của Ngu Thế Nam:

*Buông vôi hút sương lạnh,
Trong lá chột ngâm nga.
Đâu mượn gió thu đẩy,
Trên cao tiếng tự xa.*³

Và Lý Thương Ẩn:

*Vốn ở cao, lòng rộng
Hoài công giận phí lời
Đêm dài yên ắng nghỉ
Cây biếc hững hờ tươi
Quan nhỏ bèo phiêu lãng
Vườn xưa cỏ thành thơi
Thanh bần ta cũng thế
Giải tỏ ấy ơn người.*⁴

Ba bài vịnh ve này mỗi bài có một cái hay riêng, một tư tưởng riêng, một tâm trạng riêng.

Bài của Ngu Thế Nam phần nhiều là tỏ lòng thanh cao, chỉ cần tâm tư cao khiết, không lụy trần tục, tự nhiên sẽ có tiếng kêu cao xa, chí hướng thanh khiết.

Còn bài thơ tả ve của Lý Thương Ẩn lại toát lên vẻ oán trách, song chí hướng của ông vẫn thanh tao, đứng trên chỗ cao, không chịu uốn gối giữa trần ai để mong được no bụng. Tới bài thơ của Lạc Tân Vương, lại là nghe ve kêu mà sinh cảm khái, mượn ve ví mình, trông bóng thương thân.

³ Bản dịch Cao Tự Thanh.

⁴ Bản dịch Lê Nguyễn Lưu.

Trong *Văn tâm điều long*, phần *Vật sắc*, Lưu Hiệp có viết: "Cảm xúc biến đổi theo cảnh vật, rồi bộc lộ ra qua thơ từ, một chiếc lá có thể gợi ý, tiếng côn trùng kêu cũng khơi dậy tâm tư."

Vạn sự trên đời đều có duyên khởi, trông hoa rơi lệ, thấy mưa chạnh lòng. Giữa vật với vật có tình, người với người có yêu, vật với người cũng có thể nảy sinh rất nhiều tình cảm. Ví như trong nhà lao cô quạnh này chẳng có gì, song tiếng ve vẫn len qua song cửa vọng vào, xui người buồn bã.

*Trong cánh mờ đau xót
Bên đầu bạc hát ca.*

Ông mượn cánh ve để tự nói về mình, ông đang giữa tuổi tráng niên, có đức hạnh của người quân tử, lòng như gấm dệt mà phải chịu nỗi khổ giam cầm này. Trác Văn Quân thời Hán từng làm bài *Bạch đầu ngâm*, bấy giờ nàng luống tuổi sắc phai, Tương Như thay lòng, Văn Quân viết bài thơ này, mong Tương Như nghĩ lại. Ở đây Lạc Tân Vương đã lái ý đi một chút, để tỏ lòng trung của mình.

*Mong người lòng chỉ một,
Bạc đầu chẳng xa nhau.*

Nhớ năm xưa Văn Quân hoa dung nguyệt mạo, Tương Như phải mượn khúc *Phượng cầu hoàng* để tỏ lòng ái mộ. Trác Văn Quân cũng bị phong độ và tài hoa của Tương Như thu hút, bỏ trốn cùng chàng. Mấy tháng sau, Tư Mã Tương Như hai bàn tay trắng bán cả xe ngựa, về Lâm Cùng mở quán rượu. Văn Quân đứng quầy bán rượu, cùng chung hoạn nạn với chàng.

Tư Mã Tương Như nhờ bài *Tử Hư phú* mà được Hán Vũ Đế chú ý, lại nhờ bài *Thượng Lâm phú* mà được phong quan. Áo gấm vinh quy, cảm động trước tấm lòng son sắt không lìa không bỏ của Văn Quân, yêu thương nàng tha thiết. Nhưng năm tháng dần trôi, Tương Như bắt đầu chán cuộc sống tẻ nhạt, thay lòng đổi dạ, Văn Quân làm bài *Bạch đầu ngâm* tự thương mình, Tương Như đọc được đâm hối hận, từ ấy hai người lại mặn nồng như cũ, không chia lìa nữa.

*Sương dày thân khó bỏ
Gió lộng tiếng chìm sa*

*Ai rõ mình cao khiết?
Giải lòng chút giúp ta!*

Thời đại nào cũng có nhiều ràng buộc, khiến chí hướng cao xa cùng tấm lòng khoáng đạt của con người không sao thực hiện được. Giống như dây leo khô quắt quấn quanh bờ giậu che ấp hương lan thoang thoảng, lại như bể mây mù mịt giăng mờ trắng sáng giữa trời.

Phẩm cách cao khiết, câu từ tao nhã cũng cần người thấu hiểu. Nếu như trên đời không có Chung Tử Kỳ, thì cũng chẳng có Bá Nha. Tướng giỏi cần vua sáng, người chơi đàn cũng cần khách tao nhã, tài tử phải gặp giai nhân.

Thường nói khách văn cô độc, giữa muôn vàn chúng sinh đi đi đến đến phàm trần, khó gặp được một tri âm. Được người thưởng thức, được người yêu mến, được người tôn trọng, đều là may mắn.

Lạc Tân Vương viết bài thơ tả ve này, mãi tới năm sau mới được xá tội, thả ra, rồi bổ nhiệm quan chức. Song tâm chí ông không hề thay đổi, mãi tới sau này Từ Kính Nghiệp phản Đường, ông viết *Vi Từ Kính Nghiệp thảo Võ Chiếu hịch*, phản đối Võ Tắc Thiên cầm quyền, mới là tâm ý thuở ban đầu. Về sau Từ Kính Nghiệp thua trận, Lạc Tân Vương cũng không rõ kết cục. Hoặc bị giết, quăng xác nơi núi hoang đồng nội, chẳng ai hay biết; hoặc ở ẩn chốn núi rừng nào đó, bầu bạn cùng ông câu cá chú đốn củi; hoặc lang thang đầu đường, ốm chết nơi đất khách; hoặc đã xuống tóc xuất gia, không còn ân oán với hồng trần; cũng có thể đã hóa thành một cánh ve, cao khiết lánh đời, chẳng cần tỏ lòng trung với ai nữa.

Ngày hè mát mẻ, một tiếng ve cất lên từ dưới cầu cong liễu biếc, vượt qua bóng hoa rủ thấp, băng qua chuyện cũ Đường Tống, gặp lại người đã cách biệt ba đời ba kiếp giữa hồng trần. Nắm tay giữa gió đông lồng lộng đứng trên lầu gác gần hồ nước, bên cửa sổ bóng thưa, dưới mái nhà đơn sơ, mát lạnh không mộng寐.

Chương 6

Tháng

năm

thoáng

chốc,

hái

hoa

đương

lúc

trên

cảnh

Áo kim tuyến xin chàng chớ tiếc
Có tiếc chẳng hãy tiếc tuổi xanh
Hái hoa đương lúc trên cành
Đến khi hoa hết bẻ cành mà chi.¹

Mẫu đơn đình có mấy câu thế này, "Xuân sắc năm nay khéo trên người, bần thần chi mà đi tới tường vôi, hóa ra lòng xuân đâu đâu cũng bùi ngùi. Thụy đồ mi níu gấu váy nàng, hoa cũng như ta muốn níu gót người sang." Giờ đây đọc lại những câu hát trong Mẫu đơn đình, đúng là câu nào cũng ngậm hương, uyển chuyển sinh động, mấy trăm năm rồi vẫn toát lên vẻ đẹp không thể thay thế.

Ngoài song nắng xuân ấm áp, cây cối mơn mớn, ngọc lan mọc xiên qua song cửa, mẫu đơn nở rộ trước sân. Tôi ngồi dưới bóng hoa, cũng đẹp để muôn vãn, hương thơm ngan ngát. Năm xưa Đỗ Lễ Nương dạo vườn ngày xuân, tình cờ gặp một thư sinh phóng khoáng bẻ liễu, đắm đuối nhìn nhau bên lan can thược dược, cạnh đá Thái Hồ, trước khóm mẫu đơn, kỳ diệu khôn xiết. Trong vườn cảnh đẹp trời quang, mây nổi rắng ngời, muôn hồng nghìn tía khắp nơi. Oanh kêu tỉnh mộng, vườn rộng sâu sâu, mà kỷ niệm như hoa trong lòng tôi đều đã gửi theo tháng năm như nước. Đúng vậy, tuổi xuân đã theo tháng năm bạc bẽo lặng lẽ trôi xa, biết bao câu chuyện còn chưa bắt đầu đã vội vã úa tàn như hoa xuân. May mà xuân vẫn đó, tâm tình ngắm hoa thưởng xuân chưa hề thay đổi. Lúc này tôi chỉ có một bộ áo trắng hơn tuyết, tóc dài như suối, dung nhan giản dị, ngắm mẫu đơn trước sân từ xa, cũng thấy dịu dàng khôn xiết.

Đã nói không tùy tiện bước vào câu chuyện của người khác, khuấy động cuộc sống của người khác, nhưng dường như tôi luôn gặp họ qua trang giấy. Cách cả mưa gió thời không, xuyên qua sơn hà trăm đời để gặp nhau như vậy, có thể coi là duyên phận không? Rồi một ngày nào đó của nhiều năm sau này, có phải cũng sẽ có một người con gái lặng lẽ nhớ về tôi như thế không? Nhớ rằng ở sơn

Tháng
năm
thoáng
chốc,

hái
hoa
đương
lúc
trên
cành

¹ Bài Kim lữ y của Đỗ Thu Nương, bản dịch Xuân Như, nguồn: thivien.net.

trang Lạc Mai xa xôi có một cô gái như hoa mai, từng viết những câu văn thanh đậm, những bài thơ từ lạnh lẽo.

Không phải tôi không biết vẻ đẹp của thời gian, mà là biết rõ tuổi hoa đáng quý, một khi đã mất thì không thể lấy lại. Chỉ là đi quen ngồi lặng uống trà dưới nắng xuân, nghe một khúc nhạc cổ, ngắm một đóa hoa nở.

*Áo kim tuyến xin chàng chớ tiếc
Có tiếc chẳng hãy tiếc tuổi xanh
Hái hoa đương lúc trên cành
Đến khi hoa hết bẻ cành mà chi.*

Người viết bài này là một cô gái tên Đỗ Thu Nương, sống dưới thời Đường. Đời này nàng thà chết đi trong rục rở, chứ không muốn sống mãi trong cô quạnh. Đỗ Thu Nương xuất thân thấp kém, chỉ là một ca kỹ tầm thường, nhưng lại có nhan sắc trời cho, thông minh tinh tế, hát hay múa giỏi. Nếu không thanh tú phong lưu, xinh đẹp rục rở, sao nàng có thể được sủng ái hết mực giữa đám mỹ nhân như mây trong nhà Trần Hải tiết độ sứ Lý Kỹ? Thu Nương tay cầm ngọc bội mời rượu, Lý Kỹ lâng lâng say khướt, đôi câu *Hái hoa đương lúc trên cành, đến khi hoa hết bẻ cành mà chi*" khiến nàng chẳng khác một đóa mẫu đơn kiều diễm ngậm sương, bùng nổ rục rở, đẹp không kể xiết.

Về sau nhờ bài *Kim lữ y* này mà nàng đổi được mấy chục năm gấm lụa phồn hoa. Đỗ Thu Nương từ một ca kỹ tầm thường trở thành thị thiếp được Lý Kỹ sủng ái, ngày ngày ăn ngon mặc đẹp, đàn hát múa ca, cũng coi như một quãng đời vui vẻ. Về sau triều đình xoay chuyển, Đường Hiến Tông Lý Thuần lên ngôi, tuổi trẻ hăng hái, lắm le đẹp bỏ các phiên trấn cát cứ. Lý Kỹ bất mãn, dấy binh làm phản, bị đại quân đánh dẹp, chết trong đám loạn quân. Hoa xuân trắng thu chớp mắt thành chuyện cũ, Đỗ Thu Nương là gia quyến của tội thần, bị đưa vào cung làm nô tỳ. Đỗ Thu Nương thông tuệ kiêu ngạo là vậy, đời nào cam chịu làm nô tỳ? Nhân một buổi tiệc trong cung, nàng dâng bài *Kim lữ y* đã luyện tập cả trăm nghìn lần lên Đường Hiến Tông. Vũ đạo xuất chúng, dung nhan diễm lệ của nàng đã làm chao đảo cả cung điện Đại Đường đèn đuốc sáng trưng, cũng làm Đường Hiến Tông tuần dật phong lưu động lòng.

Thiên tử muốn ân sủng một người con gái thì chẳng cần trình báo với ai, chẳng bao lâu, Đỗ Thu Nương đã trở thành viên minh châu sáng nhất trong cung. Nàng dường như chẳng cần phí tâm sức, cũng chẳng cần tranh đoạt với ai, đã từ một nô tỳ

lắc mình biến hóa thành Thu phi ung dung cao quý. Thậm chí nàng chẳng cần giấu tài, bởi nàng tin chắc có thể khiến Đường Hiến Tông không lọt mắt bất cứ người con gái nào khác nữa.

Bấy giờ khúc *Kim lữ y* truyền khắp hậu cung, nhưng những người khác chỉ hát khúc cũ lời xưa. Chỉ Thu phi mới thể hiện hết được tư thái gió mát trăng trong, hát khúc *Kim lữ y* thành muôn vàn đáng điệu. Nàng vô cùng thông tuệ, xưa nay hậu cung tranh sủng đều là gió tanh mưa máu, song nàng vẫn giữ được mình chẳng mất một sợi tóc, sống yên ổn tự tại.

Những năm ấy, Đường Hiến Tông chỉ sủng ái mình Thu phi, nàng chẳng những ca múa giải buồn cho nhà vua mà còn dùng sự dịu dàng của mình xoa dịu bớt những sắc bén của vua. Nàng là ái phi của Hiến Tông, cũng là quân sư giúp ông trị quốc bình thiên hạ. Hiến Tông cai quản quốc gia quá mạnh mẽ gay gắt, tính tình có phần nóng, Đỗ Thu Nương thường dịu dàng khuyên nhủ, bổ sung cho những thiếu sót của ông.

"Bậc vương giả trị nước, coi trọng đức độ chứ không trọng hình phạt, há lại không học hai vua Văn, Cảnh mà noi theo cha con Tần Thủy Hoàng ư?" Đường Hiến Tông nghe theo ý kiến của Đỗ Thu Nương, lấy đức độ cai trị thiên hạ, hai người đồng tâm hiệp lực, khiến quốc gia hưng thịnh. Song gió mây thế cuộc khó mà lường được, năm Nguyên Hòa thứ mười lăm (tức năm 820), vừa qua đầu xuân, Đường Hiến Tông đã bất ngờ băng hà ở điện Trung Hòa.

Có người nói Hiến Tông uống đan dược trúng độc mà chết, cũng có người nói là nội thương thị Trần Hoàng Chí rắc tâm hãm hại, song hết thấy đều chỉ là suy đoán. Xưa nay đế vương dời đổi, giang sơn thay chủ, nào ai nắm giữ được đâu? Đỗ Thu Nương hết sức đau buồn trước cái chết của Hiến Tông, bởi mười mấy năm bẽ hoa của nàng đã sắp kết thúc. Nàng chẳng còn bụng dạ đâu tìm hiểu nguyên nhân cái chết của Hiến Tông, chỉ cố gắng để mình tiếp tục yên ổn sinh tồn trong hậu cung mà thôi. Cung sâu thăm thẳm, chuyện cũ xa xăm, ngoài tự cứu mình ra, nàng chẳng còn lựa chọn nào khác. Thái tử Lý Hằng hai mươi lăm tuổi được bọn hoạn quan Mã Đàm ủng hộ lên ngôi, lấy hiệu Đường Mục Tông, đổi niên hiệu là Trường Khánh. Có điều Đỗ Thu Nương thường ngày khuyên nhủ Đường Hiến Tông, lấy đức trị thiên hạ, nên trọng thần trong triều vẫn tôn trọng nàng, dù Hiến Tông đã qua đời. Gặp một số việc trọng đại, Đường Mục Tông thậm chí cũng thường lắng nghe ý kiến cả nàng. Nàng được sắp xếp làm bảo mẫu cho con trai Đường Mục Tông là Lý Tấu, phụ trách chăm sóc hoàng tử. Đây là

phỉnh đặt cược cuối cùng của nàng giữa chốn cung sâu tường cao này, nàng không thể thua được. Đỗ Thu Nương không múa *Kim lữ y* nữa mà dồn hết thủy yêu thương tâm huyết vào Lý Tấu, gửi gắm hết hy vọng vào y. Dưới sự tận tâm dạy dỗ của Đỗ Thu Nương, Lý Tấu cũng trở thành một trang nam nhi có đảm lược, có hùng tâm tráng chí, còn quyết phải trở thành một bậc quân vương làm nên nghiệp lớn. Đỗ Thu Nương cho rằng thời cơ đã chín muồi, lập kế hoạch, phối hợp chặt chẽ cùng tể tướng Tống Thân Tích, toan diệt sạch thế lực đám hoạn quan Vương Thủ Trừng, phé Văn Tông, đưa Lý Tấu lên ngôi hoàng đế. Nhưng cuối cùng nàng đã thua, Lý Tấu bị phế, giáng xuống làm thường dân, còn nàng cũng bị đuổi về quê, trở thành một người cô đơn không nơi nương tựa. Nàng chẳng còn là ca kỹ xinh đẹp gom hết gió xuân, cũng chẳng còn là hoàng phi hô mưa gọi gió trong hậu cung nữa. Đỗ Thu Nương bấy giờ đã tóc bạc da mồi, đâu còn phong thái thuở xưa.

*Hái hoa đương lúc trên cành
Đến khi hoa hết bẻ cành mà chi.*

Đời này nàng chỉ nhờ một bài thơ mà được ân sủng mấy chục năm, chẳng có gì hối tiếc. Dầu sa sút phải trở về thôn quê, nhan sắc phai tàn, cũng chẳng có gì đáng sợ, những gì nàng muốn, đều đã được thỏa lòng. Chỉ là nhân thế quả thực có số phận, nàng thông tuệ hơn người, tính toán đủ đường, lần lượt giao phó vận mệnh cho mấy người đàn ông, hưng vong sang hèn, cũng chẳng thể tự chủ.

Nhiều năm sau, Đỗ Mục ngang qua Giang Nam, gặp Đỗ Thu Nương ở Kim Lăng. Cảm thương nàng tuổi già sắc phai, mới làm một bài *Đỗ Thu Nương thi*, kể về những gian truân bất hạnh trong đời nàng, đồng thời cảm thán cho nhân thế vô thường, bể dâu dời đổi. "*Cả phòng áo trắng lạnh, khung cử mượn thâu đêm.*" Nàng đã chẳng còn là ca kỹ áo lụa phát phơ năm xưa nữa, cả phòng toàn vải trắng, còn phải mượn khung cử nhà hàng xóm để dệt suốt đêm. Có điều Đỗ Thu Nương chẳng cần ai thương xót, từ xưa hoa nở hoa tàn, tụ tán đã định sẵn, có gì đáng buồn đâu?

"*Bốn triều ba chục độ xuân, như cơn mộng tỉnh bản thân trắng tay.*" Mấy chục năm cung đình phồn hoa, trải mấy đời đế vương, chẳng khác nào một giấc mộng mây khói thoáng qua. Nghe nói về sau Kim Lăng xảy ra biến loạn, khắp thành mưa gió, Đỗ Thu Nương theo dòng người đi lánh nạn, chết ở hồ Huyền Vũ. Một mảnh hồn thơm cũng chỉ là một hạt bụi hay một nhành cây nhỏ nhoi giữa trời đất mênh mang.

Nhìn sắc xuân lưu chuyển ngoài song, muôn tía nghìn hồng, hoa nở thành cụm, song lại tịch mịch vô chủ. Giữa gió mát hây hây, chẳng biết ai đang du dương hát: "*Hái hoa đương lúc trên cành, đến khi hoa hết bẻ cành mà chi.*" Tiếng ca ấy từ triều Đường nghìn năm trước vọng về, qua con đường xa tắp, qua giang sơn, qua năm tháng, như quyên hót, như oanh ca. Một khúc *Kim lữ y*, ngói lại còn lần lữa, còn lần lữa...

*E thẹn nắng lưa là che mặt
Buồn tuổi xuân nên bắt điểm trang
Dễ tìm bảo vật ngàn vàng
Được tình chân thật vô vàn khó khăn
Trên gối lệ âm thầm tuôn chảy
Nén thương đau khi xảy xem hoa
Trộm nhìn Tống Ngọc thiết tha
Vương Xương phụ bỏ cũng là thường thôi.¹*

Lúc này, giữa Giang Nam hoa hạnh mưa phùn, nghe một khúc Long Tỉnh trà viên, chỉ thấy gió xuân phả vào mặt, khói trà bảng lảng. Dùng nước suối trong pha một bình Minh Tiền Long Tỉnh, ngồi giữa cảnh nước non, nghe đàn xem múa, ngày tháng êm đềm. Hoa súng trong bình vẫn giữ nguyên tư thái hôm qua, hồn nhiên nào biết thời gian như nước, tựa hồ còn biết bao năm tháng đẹp để để phung phí.

Thành phố này nhất định đã từng giao hòa gắn bó sâu sắc với tôi, chỉ không biết là vào kiếp nào, ở triều đại nào mà thôi. Thời Đường Tống từng có biết bao truyền kỳ phong lưu, tin hay chuyện lạ. Mà Hàng Châu từ xưa non xanh nước biếc, con người tao nhã, cũng có rất nhiều câu chuyện gió mưa, tình duyên như gấm.

Bên hồ Tây Tử có dấu chân Tô Tiểu Tiểu và vô vàn văn nhân mặc khách, hơi ẩm lịch sử vẫn còn phảng phất, những câu chuyện tình yêu đẹp để đến giờ người ta vẫn chưa quên. Người trong bức họa, thường xuyên có cảm giác thời không giao thoa, ví như tôi ở Giang Nam khói lửa mịt mù, nhưng nhớ cố đô Trường An. Từ thành trì này sang thành trì khác, chỉ cần mấy tiếng đồng hồ; từ triều đại này đổi sang triều đại khác, cũng chẳng qua là mấy trăm năm.

*Dễ tìm bảo vật ngàn vàng
Được tình chân thật vô vàn khó khăn.*

Dễ
tìm
bảo
vật
ngàn
vàng,

được
tình
chân
thật
vô
vàn
khó
khăn

¹ Bài *Tặng lân nữ* của Ngư Huyền Cơ, bản dịch Nguyễn Minh, nguồn: thivien.net..

Đây là câu thơ của Ngư Huyền Cơ, tài nữ thời Đường, về sau được vô vàn nhi nữ đa tình ngâm ngợi. Năm xưa Tô Tiểu Tiểu ở Tây Linh từng có một mối duyên với Nguyễn Úc bên bờ Tây hồ, về sau Nguyễn Úc ra đi, cưới vợ khác, để lại mình Tô Tiểu Tiểu ở Tây Linh, ngày đêm chịu đựng nhưng nhớ giày vò.

*Thiếp đi xe du bích,
Chàng cười ngựa đốm xanh.
Đồng tâm nơi nào kết?
Dưới tùng bách Tây lăng.²*

Nàng là ca kỹ một thời, chàng là công tử con tể tướng, dù vừa gặp đã yêu, cũng không thể hẹn thề trăm năm được. Ngư Huyền Cơ trong lịch sử sinh ra vào thời Văn Đường, là một trong bốn nhà thơ nữ lớn thời Đường, đồng thời cũng là đạo sĩ. Tính thông tuệ, thích đọc sách, văn điệu trau chuốt, tình ý dồi dào. Ngư Huyền Cơ là bạn vong niên với Ôn Đình Quân từ nhân phái Hoa gian, thường hay xướng họa với nhau. Ngư Huyền Cơ sinh ra ở Trường An, tên chữ là Ấu Vi, chẳng những từ nhỏ thông minh, mà còn có nhan sắc nghiêng thành.

Tài nữ giỏi văn thơ ấy khi mới chớm bước vào yêu đã sinh lòng ái mộ người vừa là thầy, vừa là bạn như Ôn Đình Quân. Song hai người chưa hề nhắc tới tình ái thì Ngư Huyền Cơ đã gặp Lý Úc, người đàn ông trong sinh mệnh của mình. Chàng là con cháu của vọng tộc Giang Lăng, thi đỗ trạng nguyên rồi ra làm quan, vào kinh chờ được bổ nhiệm. Lý Úc phong lưu phóng khoáng, khiến Ngư Ấu Vi vừa gặp đã động lòng, bèn theo về làm thiếp của chàng.

Chàng là tài tử đa tình, quan lộ thăng thang, còn nàng là giai nhân một đời, thơ văn tú lệ. Đặt tiệc tân hôn, đôi bên quấn quýt bên nhau gần trăm ngày ân ái triền miên, gắn bó như keo sơn. Tuy nàng làm thiếp, song Lý Úc lại hết lòng sủng ái nàng, viết thơ thưởng trà, đối câu ngâm xướng, kẻ cận như bóng với hình, không rời nửa bước trước trắng trong hoa đẹp, cửa nhỏ gác cao.

Vợ cả của Lý Úc vốn là tiểu thư nhà quan, tính hay ghen, đời nào chấp nhận được một giai nhân tuyệt sắc như Ngư Ấu Vi? Huống hồ bấy giờ Lý Úc hết lòng yêu thương nàng mà lạnh nhạt với vợ. Về sau bị vợ dồn ép, Lý Úc mới dần nhạt tình với Ngư Ấu Vi, tuy có lòng muốn sớm chiều bầu bạn, nhưng không muốn sinh thêm phiền phức.

² Bài Vô đề của Tô Tiểu Tiểu, bản dịch Điệp Luyến Hoa, nguồn: thivien.net.

Chàng nghe lời vợ gièm pha, đưa Ngư Ấu Vi tới quán Hàm Nghi ở ngoại ô làm đạo sĩ. Tài nữ một thời, đương độ tuổi hoa, từ ấy đã thành cư sĩ ngoài cõi tục, song đạo hiệu của Ngư Huyền Cơ chẳng bao lâu đã nổi tiếng khắp Trường An. Triều Đường khá cởi mở, chùa chiền đạo quán không bị quá nhiều thanh quy giới luật ràng buộc, các nữ đạo sĩ lại càng thịnh hành. Những cô gái tài tình xinh đẹp như Ngư Huyền Cơ nhiều không đếm xuể, còn rất nhiều tiểu thư nhà quan, thậm chí cả công chúa hoàng phi tới đạo quán làm đạo sĩ.

Ngư Huyền Cơ tuy ở đạo quán nhưng vẫn nặng tình với Lý Ưc, sớm nhớ chiều mong, hiềm nỗi mỗi người một nơi. Gặp khi quán chủ qua đời, mà Ngư Huyền Cơ lại là người cá tính, từ đó lại càng tự do tùy ý. Nàng đã là tiên ngoài cõi tục, ngụ ở đạo quán, nửa tu hành, nửa thả sức phóng túng. Dẫu lòng vẫn canh cánh nhớ về Lý Ưc, song cũng chẳng muốn một mình vò võ chong đèn hằng đêm, đợi chàng đến héo mòn. Nàng mặc sức tiêu dao trong đạo quán, còn nhận mấy đồ đệ nữ xinh đẹp làm thị nữ, rồi phát thiệp mời ra ngoài, ghi rằng "Ngư Huyền Cơ xin được chỉ giáo thơ văn". Quán Hàm Nghi nhờ có nàng mà đông như trẩy hội, náo nhiệt vô cùng. Biết bao quan lại quý nhân, văn nhân tài tử nghe tiếng, kéo đến để được ngắm phong thái giai nhân, cùng nàng thưởng trà bàn thơ, luận đàn ngộ đạo.

Quán Hàm Nghi chẳng còn là chốn thanh tu tao nhã nữa, Ngư Huyền Cơ thả sức làm mưa làm gió trong quán, ngày ngày quẩn quýt với những bậc chí sĩ tâm đầu ý hợp. Nàng bàn chuyện gió trăng với những danh sĩ mình yêu mến, chẳng chút kiêng dè, còn những ai không vừa mắt thì nàng gạt sang một bên, chẳng buồn hỏi tới. Tuy ngày đêm thả sức mua vui, thơ rượu đàn trà, nhưng nàng không chịu xuôi theo thói đời tầm thường. Nàng đã nảy sinh tình cảm với người khác, song trước sau vẫn không quên Lý Ưc, còn mấy lần viết thư gửi chàng. Lòng vẫn mong được sum họp với chàng, khỏi phải lênh đênh phóng túng, nhưng hết thấy chỉ là ảo tưởng. Nàng và Lý Ưc đã cách sông cách núi, dù trèo núi vượt sông cũng chẳng thể quay lại được ngày xưa. Nhưng lòng Ngư Huyền Cơ vẫn oán giận khôn nguôi, nên mới viết bài *Tặng lân nữ* này. Theo Tôn Quang Hiến đời Tống viết trong *Bắc mộng tảo ngôn* thì: "(Huyền Cơ) làm thiệp của Lý Ưc, về sau tình cảm phai nhạt mà xuống núi, làm nữ đạo sĩ ở quán Hàm Nghi. Có viết bài *Oán Lý công*: 'Để tìm bảo vật ngàn vàng, được tình chân thật vô vàn khó khăn'."

Bài thơ này thực ra để tỏ lòng mình, lời thơ thực lòng tha thiết, có nỗi oán hận vì bị vứt bỏ song cũng có sự ung dung tiêu sái. Biết bao cô gái phong hoa tuyết đại trên đời, giam mình trong buồng khuê, chỉ mong số phận ban cho một đức lang quân. Dù tìm được thì người ấy cũng chẳng son sắt lâu bền với nàng, bởi nam nhi được phép có

năm thê bảy thiếp, đời nào chịu sớm hôm kề cận một người con gái. Song phận gái lại chỉ có thể có một chồng, dầu bị trượng phu phụ bạc vứt bỏ cũng không thể tự quyết đi hay ở được.

*Dễ tìm bảo vật ngàn vàng
Được tình chân thật vô vàn khó khăn.*

Con người sống trên đời muốn tìm báu vật vô giá thì dễ, nhưng tìm đâu được người có tình, hiểu ấm lạnh, tâm linh tương thông cùng mình chứ. Vì thế mỗi đêm nàng đều chạnh lòng rơi lệ, băng qua giữa bụi hoa, khó tránh rầu rầu suy nghĩ. Chỉ là đã có tài mạo nương ấy, cần chi buồn bã cô đơn, phải tự mình nắm lấy hạnh phúc, nếu cầu được tài tử phong lưu như Tống Ngọc thì cần gì oán hận Vương Xương hờ hững lúc gần lúc xa.

Ngư Huyền Cơ cuối cùng cũng làm được, nàng thả sức tìm vui trong đạo quán, chẳng bao lâu sau thì phải lòng một nhạc công tên Trần Vĩ. Nhạc công này tinh thông âm luật, phong độ ngời ngời, cả ngày gảy đàn tấu nhạc mua vui cho nàng. Phong tình như nàng sao chống nổi sức quyến rũ thế ấy? Thế là Ngư Huyền Cơ cùng Trần Vĩ mặc sức ân ái, gần như đã quên hết chuyện buồn xưa.

Nàng ngỡ rằng, gặp được một tài tử sánh ngang Tống Ngọc là hạnh phúc. Song nam nhi trên đời đa phần bạc bẽo, nếu Lý Ưc đã phụ lòng nàng thì Trần Vĩ lại bạc tình với nàng. Cứ ngỡ đã gặp được tri âm trên trần thế, nào ngờ chỉ là một kẻ háo sắc, nhân lúc Ngư Huyền Cơ vắng mặt, Trần Vĩ đã lén lút qua lại với Lục Kiều, tỳ nữ của nàng. Biết chuyện, nàng đau lòng khôn xiết, đồng thời cũng nổi giận đùng đùng.

Ngư Huyền Cơ nhớ tới năm xưa Lý Ưc nghe vợ gièm pha mà vứt bỏ mình, ép nàng phải tới đạo quán làm đạo sĩ, cô độc vô chủ. Giờ lại bị nhạc công mình yêu thương và nữ tỳ mình tin tưởng phản bội, sao có thể không nổi giận. Trong lúc giận dữ, nàng đã cho lời Lục Kiều ra đánh roi, không ngờ lỡ tay đánh chết ả. Quá mức hoảng loạn, Ngư Huyền Cơ vội chôn xác Lục Kiều ở vườn sau.

Mấy tháng sau, thi thể bị người ta vô tình phát hiện, Ngư Huyền Cơ bị dẫn lên công đường thẩm vấn, cuối cùng bị kinh triện doãn Ôn Chương phán tội tử hình. Một tài nữ triều Đường, một nữ đạo sĩ phong lưu, đương tuổi xuân rực rỡ, lại bị định tội chết như vậy. Nhân quả tuần hoàn, vay thì phải trả, nửa đời nàng chỉ mong cầu một lang quân có tình có nghĩa mà thôi. Kiếp này dù cầu không được, song nàng cũng đã buông thả bản thân, đồng thời đón nhận sự trừng phạt của vận mệnh rồi.

Rốt cuộc nàng bị kẻ khác phụ bạc hay phụ bạc chính mình? Lúc sống có lẽ nàng cũng chưa thỏa ý, cũng không được vui vẻ, song ít nhất cũng đã một độ huy hoàng. Người đời sau đều nhớ, triều Đường có một tài nữ tên Ngư Huyền Cơ, phong lưu tiêu sái trong đạo quán Hàm Nghi. Cuộc đời nàng tuy đến như mộng xuân, đi như mây sớm, song cũng không có gì đáng tiếc.

Sinh mệnh tàn lụi có thời, tình ái như sương mai như ánh chớp. Mong sao kiếp sau nàng sẽ gặp được một người tình sâu nghĩa nặng, không lìa không bỏ nàng. Có vậy mới không phụ nguyện vọng kiếp trước, không phụ nén hương nàng thành tâm cầu khẩn.

Không cùng ngắm hoa nở
Chẳng cùng xót hoa tàn
Hỏi chốn nào nhung nhớ
Là lúc hoa nở tàn.

Hái cỏ kết đồng tâm,
Quà tới bạn tri âm.
Xuân sâu chính khi dứt,
Chim cất khúc buồn ngâm.

Gió thổi rũ hoa tàn,
Chưa thấy tới ngày xanh.
Không có người tri kỷ,
Vơ vẩn kết đồng tâm.

Chán ngán nhìn hoa nở
Hai đứa cùng nhớ nhau
Trâm cài soi gương sớm
Gió xuân nào biết đâu? ¹

Hoa tàn hoa nở tự có khi, chỉ có tương tư không nơi gửi. Thời gian sẽ ghi nhớ và in dấu mọi cuộc gặp gỡ trên trần thế. Có những cuộc gặp khuấy động cả hoa niên, có những cuộc gặp xoa dịu cả năm tháng. Lúc yêu nhau thì nguyện kiếp này đồng tâm, không thay lòng đổi dạ, còn hứa hẹn kiếp sau cũng sớm chiều bên nhau. Nhưng được bao nhiêu người giữ lời hẹn? Lâu thì dăm ba năm, mau thì chỉ làm bạn ngắm hết một mùa hoa đã dừng đứng quay lưng, không bao giờ gặp lại.

Mỗi người đều đang kiếm tìm chốn về của riêng mình, nếu không dựa dẫm được vào con người thì đành gửi thân vào cây cối nước non, giao phó cho cầm họa thi thư. Tôi chẳng biết kiếp này ai

Bên
khe
Cán
Hoa,

một
câu
chuyện
gió
trắng
xa
tít

¹ Bốn bài *Xuân vọng tử* của Tiết Đào. Bản dịch lần lượt của các dịch giả Hải Đà (bài 1; bài 4); Điệp Luyện Hoa (bài thứ 2 và 3), nguồn thivien.net.

sẽ bên mình tới bạc đầu, những người từng gặp gỡ tôi trước kia cũng chỉ đi cùng một đoạn đường trần mà thôi. Nhưng có một nơi mãi mãi là nơi tôi trở về trong kiếp này, không vì sự vật mà thay đổi, không vì hoàn cảnh mà di dời, bất luận non nước thay đổi ra sao, người vật biến chuyển thế nào, nó cũng không lìa không bỏ.

Ấy là Mai trang, đạo tràng tu hành giữa hồng trần, trạm dịch của linh hồn, chốn về của số mệnh tôi. Biết bao người vội vã đến rồi đi như khách, ngấm hoa thưởng trà cùng tôi, nhưng cuối cùng vẫn ly tán, như một giấc mơ. Chỉ có mấy món đồ cũ nặng tình, mỗi khi cô độc tôi lại dựa vào chúng để lần tìm lại đôi ba ký ức tàn khuyết. Còn những dòng thư từng viết lên giấy hoa mai chẳng biết đã gửi tới đâu, tan tác ở tường nhà ai, hay lại được ai cất giữ, đặt lên bàn, lưu giữ nghìn năm.

Thời Đường, có một cô gái ở đạo tràng của mình, tự chế giấy viết thư bên bờ khe Cán Hoa cho khuây ngày tháng tịch liêu. Nghe nói loại giấy này dùng vỏ dâm bụt làm nguyên liệu, pha thêm nước phù dung, chế thành giấy màu đỏ đậm tinh mỹ, gọi là giấy Tiết Đào.

Tiết Đào dùng giấy hoa tiên mình tự chế để đề thơ:

*Không cùng ngấm hoa nở
Chẳng cùng xót hoa tàn
Hỏi chốn nào nhung nhớ
Là lúc hoa nở tàn.*

Đã từng có một tình yêu đẹp, cũng từng nhớ nhung, ngỡ rằng gặp được tri âm giữa hồng trần, muốn kết đồng tâm, song về sau đều tan tác cả theo dòng nước Cán Hoa cùng gió xuân không hiểu yêu hận. Tuy nàng đa tình nặng tình, song cả đời lại không bị tình yêu trói buộc, dù có đau thương cũng không đắm chìm trong đó, không tự thương tự oán.

Tiết Đào dung nhan thanh lệ, thông minh mẫn tiệp, thông hiểu âm luật, tài nghệ siêu tuyệt, mười sáu tuổi đã ghi tên nhạc tịch². Cũng vào năm ấy, Tiết Đào vừa chớm bước vào yêu đã gặp được người đàn ông đầu tiên trong đời mình, Vi Cao. Bấy giờ Vi Cao giữ chức Kiểm Nam Tây Xuyên tiết độ sứ, bị dung mạo và tài nghệ của Tiết Đào hấp dẫn, bèn triệu nàng tới phủ dự yến làm thơ. Về sau tài thơ xuất chúng cùng khí chất tao nhã của Tiết Đào lọt mắt Vi Cao, bèn giữ nàng lại bên mình, xử lý việc văn thư,

² Ý nói bắt đầu làm ca kỹ.

Tiết Đào cũng vui vẻ làm chúc "nữ hiệu thư" ấy. Bấy giờ Tiết Đào lãng mạn hay thơ, đương độ thanh xuân, sinh lòng ái mộ Vi Cao nho nhã học rộng, hô mưa gọi gió trên quan trường. Mà Vi Cao cũng không thể cự tuyệt một tài nữ xinh đẹp động lòng người, lan tâm huệ chất như nàng.

Tiết Đào có lẽ cũng từng yêu Vi Cao, nhưng tình yêu ấy lại thiếu vài phần lãng mạn, mà nhiều hơn cả là vui vầy nam nữ. Nữ hiệu thư như nàng nhờ tài mạo thoát tục, lại gửi thân cho Vi Cao, nhất thời nổi tiếng khắp Thục Trung, phong quang vô hạn. Từ ấy về sau xe hương ngựa quý, biết bao đạt quan quý nhân cầu kiến, dâng tặng nàng tài vật, nàng cũng chẳng câu nệ tiểu tiết, thản nhiên tiếp nhận. *Giám giới lục* mà Hà Quang Viễn thời Ngũ đại biên soạn có chép: "Kẻ xin gặp Đào rất đông, mà Đào tính cũng cuồng phóng, chẳng ngại hiềm nghị, nên vàng lụa cứ ùn ùn đưa tới."

Thái độ phóng túng ngông cuồng, sớm đón chiều đưa của Tiết Đào khiến Vi Cao rất không vui, trong cơn giận dữ đã giáng nàng từ quan kỹ xuống doanh kỹ, đày đi Tùng Châu để trừng phạt. Bấy giờ Tiết Đào mới tỉnh ngộ, nhận ra số mệnh mình cũng như bồ liễu, bị người khác nắm trong tay. Bất cứ sai lầm và phản bội nào đều sẽ bị trách phạt, nàng bình tĩnh thu lại bi thương và kính sợ, mượn tài thơ mẫn tiếp viết ra *Thập ly thi*, nhờ người dâng lên Vi Cao.

Mười bài thơ đều kể về kết cục bi thảm của sự vật khi mất đi chỗ dựa, đồng thời cũng nêu ra vô vàn hối hận trong lòng mình cũng như cảm xúc ai oán đối với Vi Cao, song có tứ chia ly mà không có tình ly biệt. Có người nói *Thập ly thi* nịnh nọt quá độ mà đánh mất đi khí tiết vốn có của thơ văn, nhưng trong lòng Tiết Đào xưa nay vẫn dựa dẫm vào Vi Cao nhiều hơn là yêu đương. Họ tuy nương tựa vào nhau, nhưng không hề có tình yêu khắc cốt ghi tâm.

Dù sao Vi Cao cũng có tình cảm với Tiết Đào, nên sau khi đọc xong *Thập ly thi* đã sai người triệu Tiết Đào về, vẫn hòa hảo như thế. Nhưng Tiết Đào trải qua kiếp nạn này đã nhìn thấu mọi chuyện, tự biết mình chỉ là một ca kỹ được Vi Cao yêu mến, chẳng có danh phận gì, ngay cả hầu thiếp cũng không phải. Chỉ dựa vào lòng thương của Vi Cao, nàng mới đứng vững được trên đời, lấy đâu tư cách mà cao ngạo phóng túng? Từ ấy về sau, nàng trở nên hàm súc kín đáo, không tùy tiện bước vào khoảng trời của Vi Cao, khuấy động cuộc sống của ông nữa.

Sau khi Vi Cao chết, Tiết Đào bình thản sống cuộc đời mình, nghiền hoa làm thơ, nhúng mưa làm mực. Tuy có rất nhiều đàn ông điên đảo trước tài hoa của nàng, song Tiết Đào đều khéo léo từ chối, quyết không lấy chồng, bầu bạn cùng thơ rượu hết đời.

Bấy giờ nàng đã ngoài bốn mươi, chẳng còn thanh xuân nữa, song vẫn dịu dàng đẹp đẽ, phong tư phơi phới.

Nàng ngỡ rằng đời này chẳng còn người đàn ông nào khiến mình xao xuyến nữa, ngờ đâu kiếp nạn tình ái không cách nào tránh thoát. Tài tử phong lưu Nguyên Chấn ba mươi mốt tuổi tới Thục với thân phận giám sát ngự sử đã gặp gỡ Tiết Đào lưng danh lâu nay. Tài nữ đa tình ấy cả đời đã gặp vô số duyên phận, song lại bị phong độ tuần nhã và tài hoa tuyệt thế của Nguyên Chấn lay động. Chỉ mấy lần gặp gỡ ngắn ngủi, đôi bên đã tình chàng ý thiếp, gắn bó keo sơn.

Nàng biết rõ hẹn biển thề non đều là hư ảo song lại chìm đắm vào đó không thể rút ra. Chàng là quan viên triều đình, nàng chẳng qua chỉ là quan kỹ, hưởng hồ còn hơn chàng mười mấy tuổi, sao có thể chấp cánh cùng bay, dài lâu mãi mãi? Tiết Đào hiểu rõ mình và Nguyên Chấn chỉ là mối tình qua đường, nhưng nàng chẳng còn bụng dạ nào nghĩ ngợi quá nhiều, lúc sum họp không màng lâu mau, khi chia lìa cũng chẳng tính toán sinh tử. Nàng cố gắng yêu thương, còn viết ra những câu thơ khắc cốt ghi tâm, rung động lòng người để kỷ niệm mối tình này.

Một năm sau, Nguyên Chấn ra đi, để lại lời hứa mong manh như gió xuân, từ ấy không trở lại nữa. Kết cục đã đoán được từ lâu, chỉ không muốn thừa nhận rằng lại ngắn ngủi nhường ấy. Tiết Đào tuy có mong đợi, song sâu trong đáy lòng cũng đã dứt tơ tình, dù bị vứt bỏ, cũng không oán trách. Nàng biết không phải chàng bạc bẽo phụ lòng, trên đời này có được bao nhiêu đàn ông một lòng một dạ đến chết không đổi đâu.

Từng qua bể biếc đâu còn nước, trừ núi Vu ra chẳng có mây. Chàng có mối tình sâu như bể đối với người vợ đã khuất, vậy mà quay lưng còn quên bằng hẹn thề, hưởng hồ giữa họ chỉ là duyên phận thoáng qua. Tiết Đào là người tỉnh táo, nàng đã dốc hết tình yêu trao đi nhưng vẫn thua cuộc, có điều nàng thua hết sức ung dung, bình tĩnh. Tới từng tuổi này, đã quen chứng kiến vui buồn tan hợp, có gì không dứt được đâu?

Tiết Đào từ biệt cố nhân, tới ở bên khe Cán Hoa, khoác đạo bào lên, chẳng cần lấy lòng ai nữa. Ngày ngày đốt hương pha trà, hái hoa ngắt lá, tự chế giấy hoa tiên, cô độc mà vui vẻ sống trong thế giới bình lặng không tranh đấu.

Nàng tên Tiết Đào, chế ra loại giấy hoa tiên đỏ sẫm, viết thơ tình cả một đời, song suốt kiếp không lấy chồng. Nàng rất kiên cường, sống đến khi tóc bạc phơ, từ từ già đi, không ai không oán, không sầu không thương.

Người đời nói biển sâu
So nhớ nhung bằng nửa
Biển rộng vẫn còn bờ
Khổ sâu thì rộng nữa
Ôm đàn lên gác cao
Gác vắng hoa trắng tựa
Dây gảy khúc tương tư
Dây tan lòng rạn vỡ.¹

Trăm
năm
tịch
mịch,

đành
đoạn
hồng
trần
mấy
độ

Đêm khuya gió xuân lồng lộng, không oán không yêu, không lo không sợ, cõi lòng bình thản, như đóa hoa nửa nở nửa tàn, sống cũng ung dung, chết cũng ung dung. Nữ nhi cũng vậy, dù dung mạo như hoa, tài tình tuyệt thế, cuối cùng cũng như hoa rơi, tan tác thành bụi đất, chẳng còn dấu tích. Đã biết ắt có ngày tàn lụi, chi bằng lúc còn trên cành thỏa sức bung nở, coi như không hối hận.

Đỗ Thu Nương thời Đường có nói: "Hái hoa đương lúc trên cành, đến khi hoa hết bẻ cành mà chi." Năm xưa nàng chỉ nhờ bài thơ này mà từ một ca kỹ tầm thường từng bước đi tới hoàng cung Đại Đường, mấy chục năm hưởng hết vinh sủng, như phồn hoa đầy cành, trăng sáng giữa trời. Dù về già bị đuổi về quê, nghèo khổ bệnh tật, song nàng biết hoa tàn hoa nở đều có số phận, những gì cần có nàng đã từng có cả, kiếp này coi như không uổng tới nhân gian một chuyến.

Nghe bài *Lan Nhược tử*, bỗng chốc cảm động sâu sắc trước câu từ trong đó, không sao tránh nổi.

Người hãy nhớ, từng hoang mang vì tình
Người phàm hay lưu luyến, từng yêu từng hận rồi cũng thôi,
Vậy mà vẫn động tâm ma vì một cái ngoái đầu.
Trăm năm tịch tịch, đành đoạn hồng trần mấy độ,

¹ Bài *Tương tư oán* của Lý Quý Lan, bản dịch Song Tuyết, nguồn: thivien.net.

*Chỉ còn người độc nhất trên đời
Vẫn quyến luyến ta.*

Vẫn động tâm ma vì một cái ngoái đầu. Từ xưa biết bao người tu hành, hoặc tiên hoặc ma, hoặc yêu hoặc quỷ, hoặc tăng hoặc đạo, một khi đã động lòng phàm thì không thể thiền định thanh tu nữa. Diệu Ngọc trong *Hồng lâu mộng* vốn sinh ra trong nhà quan lại, song từ nhỏ lắm bệnh, mua biết bao người thay nàng xuất gia cũng không được, đành phải bước vào cửa Không, để tóc tu hành, mới dần khỏe lại. Nàng được vời đến phủ Giả, tu hành ở am Lũng Thúy, nhưng chưa dứt lòng trần, chưa dứt duyên trần, cuối cùng miếng ngọc lạnh rơi xuống bùn lầy, không tránh nổi luân hồi.

Đế vương thời Đường tin Đạo giáo, bắt luận là đế vương khanh tướng hay tao nhân mặc khách cùng biết bao giai nhân tiểu thư đều tu pháp học đạo, thành phong trào một đạo. Các nữ đạo sĩ thời Đường cũng là phong cảnh đẹp đẽ bấy giờ. Họ ở đạo quán có thể tĩnh tâm tu hành, cũng có thể tự do tiếp đãi các nhà sĩ phong lưu thế tục, cùng chuốc chén tìm vui, ngâm thơ vẽ tranh, thậm chí yêu đương trước hoa dưới trăng, đều không ai gò bó.

Rất nhiều hậu phi công chúa, tiểu thư nhà giàu thời Đường tranh nhau xuất gia làm nữ đạo sĩ, lấy tiếng tu hành để được an nhiên tự tại, sắm khoái tiêu dao ở đạo tràng của mình. Theo *Đường tài tử truyện* chép lại, Lý Quý Lan thuở bé "xinh đẹp tiêu sái, chuyên tâm lo bút mực, thạo đàn, hay thơ".

Lý Quý Lan từ nhỏ đã bị cha đưa vào quán Ngọc Chân ở Diêm Trung xuất gia, quán Ngọc Chân cũng là nơi u tĩnh hẻo lánh, hợp để tu hành. Lý Quý Lan ở nơi thanh nhĩ ấy chú tâm đọc kinh, làm thơ viết chữ, gảy đàn tập điệu, trở thành một đạo cô xinh đẹp, tao nhã thoát tục. Đến độ tuổi xuân, kinh sách cũng không trói buộc nổi tâm tính lãng mạn đa tình của nàng, giống như nhiều thiếu nữ phòng khuê, nàng cũng xao xuyến hướng tới thế gian phồn hoa.

Quán Ngọc Chân thanh tịnh khuất nẻo, cảnh trí đẹp đẽ, từ thời Đông Tấn tới nay, Diêm Trung vẫn phong hưng thịnh, nên thường có phong lưu nhĩ sĩ tới quán du ngoạn. Lý Quý Lan phong tư phơi phới, tài mạo song toàn trở thành nữ thần được những tài tử phong lưu ấy hết lòng ngưỡng mộ. Nàng vốn là người phóng khoáng, ngấm động tình xuân, quãng thời gian tu hành cô đọc khiến nàng không muốn để uổng phí tuổi hoa. Mặc kệ thanh quy giới luật, đạo cô đa tình này gặp được các phong lưu tài tử cũng thường ngấm liếc mắt nhìn, phong tình vạn chủng.

Người đời nói biển sâu
So nhớ nhung bằng nửa
Biển rộng vẫn còn bờ
Khổ sầu thì rộng nữa
Ôm đàn lên gác cao
Gác vắng hoa trắng tựa
Dây gảy khúc tương tư
Dây tan lòng rạn vỡ.

Một ngọn đèn lẻ loi khó khuây nổi tịch liêu, ôm đàn lên lầu, muôn vãn tâm sự chẳng biết nhờ ai gỡ bỏ. Gảy dây đàn gửi tương tư, mài mực làm thơ, đều là tư tình, có điều mối tương tư còn sâu hơn biển này biết gửi ai đây?

Lòng tương tư của nàng rốt cuộc hướng về ai? Về sau mới hay, nàng khó cầm lòng xuân, lúc quạnh quẽ cô đơn, đã có một ẩn sĩ phong độ ngồi ngời, phóng khoáng tự do bước vào đạo quán của nàng, lay động cõi lòng nàng. Chàng tên Chu Phóng, ẩn cư ở đây, cả ngày vui cùng non nước, uống rượu tìm vui, hào phóng thoải mái. Một ẩn sĩ phong lưu như vậy lại gặp được tài nữ đa tình, tình chàng ý thiếp, vui vẻ vô cùng.

Từ ấy họ hẹn nhau du sơn ngoạn thủy, làm thơ uống rượu hoặc chơi cờ thưởng trà, gảy đàn tỏ lòng trong quán Ngọc Chân, trải qua một quãng thời gian tươi đẹp lãng mạn. Đạo quán không còn là chốn thanh tu nữa, Lý Quý Lan đã động lòng phạm, những kinh sách cùng quãng thời gian hiu quạnh trong quán không ngăn nổi tấm lòng nhiệt tình của nàng. Tiếc rằng tương tư vô bờ mà hợp tan đã định, Chu Phóng được triệu tới Giang Tây làm quan, bỏ lại nàng ở đạo quán, để nỗi nhung nhớ giày vò. Thời gian ấy, nàng chỉ biết nhờ chim cá gửi mối tương tư, nàng biết mình chờ đợi chỉ vô vọng, tuy chàng có tình với nàng, nhưng đâu cần giữ lời. Giữa lúc nàng rầu rĩ ngày ngày vì tình duyên, lại có một thanh niên tài tuấn thanh nhã tiêu sái bước vào đạo quán của nàng, xoa dịu mối bi ai cô quạnh.

Chàng tên Lục Vũ, một người đã kết duyên với trà, cả đời mê trà, tinh thông trà đạo, được xưng tụng là Trà thần, Trà thánh, viết nên cuốn *Trà kinh* nổi tiếng. Lục Vũ vốn là trẻ mồ côi, được thiền sư Trí Tích nuôi lớn, tuy ở chùa nhưng không muốn cả ngày tụng kinh ngồi thiền, lại thích đọc sách ngâm thơ. Năm ấy Lục Vũ ở nhờ chùa Long Cái, đọc sách, nghiên cứu trà đạo, nghe nói quán Ngọc Chân có một nữ đạo sĩ tài tình xuất chúng, khí chất như lan, bèn tới thăm viếng. Chàng học rộng hiểu nhiều,

nàng giai nhân tuyệt đại, sự xuất hiện của chàng như một chén trà trong, gột rửa lòng sầu của nàng, gỡ mối tương tư cho nàng.

Quán Ngọc Chân một lần nữa trở thành nơi Lý Quý Lan kết giao bạn bè, ngoài Lục Vũ ra, nàng còn qua lại với rất nhiều danh sĩ phong lưu, quan lại trong triều, nhưng dốc lòng đối đãi thì chỉ có Lục Vũ. Ngày tháng êm đềm, hai người trò chuyện cùng nhau, lấy nước suối pha trà, làm thơ vẽ tranh, gảy đàn gởi nhả hứng. Lúc nàng ốm, Lục Vũ tận tâm sắc thuốc pha trà, ân cần bầu bạn, dịu dàng đối đãi, nàng cũng dốc lòng yêu thương chàng.

Bấy giờ Lục Vũ có một người bạn thân là nhà sư Giáo Nhiên. Giáo Nhiên tuy là người xuất gia, song lại giỏi thơ văn, thích tranh yêu trà, là bạn thân của Lục Vũ. Có một thời gian, ba người thường tụ tập nghiên cứu kinh sách, thưởng trà, xướng họa thơ từ. Lý Quý Lan và Lục Vũ tâm đầu ý hợp, tình cảm khăng khít, nhưng nàng cũng rất ngưỡng mộ trước phong độ nhàn tĩnh, tài hoa xuất chúng của Giáo Nhiên, có điều Giáo Nhiên tu thiền đã lâu, lòng như nước lặng, chẳng hề gợn sóng trước tình cảm của nàng. Nhà sư từng làm thơ, tỏ ý quyết tâm:

*Tiên nữ thử lòng ghẹo
Cầm hoa nhuộm áo ta
Lòng thiền không xáo động
Dâng trả lại cành hoa.*

Lý Quý Lan vẫn ở đạo quán, nửa thanh tu, nửa giao tế. Thời gian như nước, chậm trôi đi, tuy nàng cùng Lục Vũ ý hợp tâm đầu, song trước sau cũng không thể thành hôn chung sống như nam nữ phàm trần được. Hướng hồ nàng đã quen cuộc sống tự do trong quán, không muốn sa vào lưới trần, bị thế tục ràng buộc. Lục Vũ cũng có thiền tâm, kết làm tri âm với trà, không muốn sống cuộc đời bình thường ở phàm trần. Họ vẫn luôn gặp gỡ chuyện trò, mua vui bên chén trà phím đàn như thế. Nghe nói Đường Huyền Tông thích thơ yêu tài, tinh thông âm luật nghe tiếng Lý Quý Lan cũng sinh lòng ngưỡng mộ, hạ chiếu lệnh cho nàng tới kinh đô gặp mặt. Bấy giờ Lý Quý Lan đã ngoài bốn mươi, dung nhan phai tàn, nhưng lòng thơ như cũ. Nhận được chiếu chỉ của hoàng thượng, nàng vừa kinh hãi vừa mừng rỡ trước vinh dự đột ngột này, kinh hãi là bởi mình đã phai tàn nhan sắc, sợ long nhan thất vọng, mừng rỡ là bởi mình nửa đời như mây trôi, chẳng ngờ lại gặp được cơ duyên này.

Nhưng cuối cùng Lý Quý Lan không gặp được Đường Huyền Tông, đương lúc nàng vào kinh thì nổ ra loạn An Sử. Trường An loạn lạc, Đường Huyền Tông giữ thân còn không nổi, dẫn Dương quý phi chạy về phía tây. Đến gò Mã Ngôi thì ngay cả quý phi gom hết ba nghìn sủng ái, nhà vua cũng không giữ nổi, còn bụng dạ nào nhớ tới nữ đạo sĩ nhỏ bé ở quán Ngọc Chân kia nữa?

Có người nói, nàng đã mất tích trong chiến loạn, cũng có người nói, nàng chết vì thơ. Từ xưa hồng nhan bạc mệnh, nàng đã động lòng phạm, bị tình ái mê hoặc, làm sao tránh khỏi. Tôi thà rằng đời này nàng cứ tiêu dao ở quán Ngọc Chân, quên hết mọi gặp gỡ đi, lòng phạm cũng không bị ai khuấy động. Chỉ là như vậy thì mối tương tư đằng đẳng vô bờ kia biết gửi về đâu, gửi cho ai đây?

Phòng hoa vừa tắt ngọn đèn hồng,
Chờ sáng lên thăm bố mẹ chồng.
Mày kẻ vừa xong, khe khẽ hỏi:
"Anh xem sắm nhật, hợp thời không?"¹

Mưa ở Mai trang thường rất đúng lúc, vào những ngày buồn bã, mỗi đêm dài cô quạnh cùng mỗi sớm gió lộng. Đời người vốn là một giấc mơ, chẳng qua tôi lần nữa hoài không chịu tỉnh, không muốn tỉnh, không thể tỉnh.

Trong mưa cây cối xanh tốt, tỏa hương thoang thoảng, hoa nhài đậm nhả, hoa lan nồng nàn, bạc hà thanh mát, như đời người lúc mới vừa gặp gỡ. Vạn vật tươi đẹp có thì, khi phù hoa qua hết, lại chỉ còn mấy nhành cây cong, mấy ngọn lá xanh.

Biết bao mối tình vô lý trên đời cứ thế tan biến, đến cuối cùng, người tới bên cạnh bạn chưa chắc đã phải người phù hợp. Trân trọng hết thảy những gì đang có, buông bỏ những thứ đã mất là sự tôn trọng cao nhất dành cho duyên phận. Dung nhan đẹp đẽ của người con gái hẳn là do vẻ ưu nhã và khí độ từ bên trong toát ra. Thường nói con gái trang điểm vì người yêu mình, có điều nếu không sắp được người khiến mình xiêu lòng, cũng nên biết yêu thương trân quý bản thân. Một người con gái thanh tịnh, chỉ cần trang điểm nhạt, kẻ lông mày là đã đủ tao nhã thanh lệ mà không mất vẻ quyến rũ phong lưu.

Mày mắt của con gái thường rất có thần. Từ thời Tiên Tần đã có tục kẻ mày, tới thời Hán Ngụy Lục triều thì dùng than đen kẻ mày đã thành trào lưu. Trong *Thích danh*, Lưu Hi thời Hán từng viết: "Cạo sạch lông mày, lấy than đen vẽ thay vào." Lông mày cũng có rất nhiều dáng vẻ, có mày uyên ương, mày tiểu sơn, mày ngũ nhạc, mày tam phong, mày thùy châu, mày nguyệt toa, mày phân sao, mày hàm yên, mày phát vân v.v...

Trước
gương
lăng
hoa,

kẻ
mày
đậm
nhạt
hợp
thời
không

¹ Bài *Cận thí thượng Trương thủy bộ* của Chu Khánh Dư, bản dịch Nam Trân.

Trước kia từng đọc được câu thơ của Âu Dương Tu đời Tống, "*Dưới song bước đến đỡ dìu nhau, hỏi nhỏ kẻ mây đậm nhạt, hợp thời không.*"

Bỗng thấy xúc động khôn xiết, muôn mối tình sâu hiện lên trước mắt. Về sau lại đọc được câu thơ của Chu Khánh Dư: "*Mây kẻ vừa xong, khe khe hỏi: 'Anh xem sẫm nhạt, hợp thời không?'*" Lại càng cảm thấy dịu dàng đa tình, không quá then thùng.

Trước gương đang điểm trang, phu quân phong độ ngồi ngồi như cây ngọc đón gió đã đứng phía sau. Nàng cầm bút vẽ nét mây cong như liễu mảnh trăng khuyết, tú lệ tự nhiên, dịu dàng đáng yêu. Chàng chăm chú ngắm nhìn, sóng mắt long lanh, tình nồng ý thắm, khen không dứt miệng. Đây là một đôi vợ chồng mới, đêm qua động phòng hoa chúc, quần quýt dịu dàng khôn xiết, sáng ra trang điểm, tình chàng ý thiếp, ân ái mặn nồng.

Thời xưa trong dân gian, việc cưới gả đều nghe theo ý cha mẹ, lời mối mai, có được mấy người thực lòng yêu nhau, thề nguyện bạc đầu đầu? Song rất nhiều cặp vợ chồng, tuy chẳng mấy khi tình ý nồng nàn, nhưng trong cuộc sống bình thường vẫn kính trọng nhau như khách. Nàng vì chàng rửa tay nấu canh, nâng khăn sửa túi, chàng vẽ mây cho nàng trước gương, khoác thêm áo cho nàng bên song. Có lẽ tình yêu bình đạm chỉ đơn giản là bên nhau như thế, không cùng sống chết, nhưng cùng ăn ở, ngọt bùi đắng cay vẫn bên nhau.

Bấy giờ tôi cũng đương độ tuổi xuân, tấm lòng như hoa sen chớm nở mùa hạ, chẳng vương bụi trần. Nguyên tìm cho được một người đàn ông ôn hòa trong trẻo, tôi làm người vợ như hoa mai của chàng, sinh con đẻ cái cho chàng, ngày tháng êm đềm tươi đẹp. Chẳng cần chàng thề hẹn, chỉ cần vẽ mây cho tôi suốt đời. Biết bao suy nghĩ, lại như gió thu như nước chảy, một đi không trở lại. Giờ thì thanh xuân đã hết, chỉ còn mấy mảnh hồi ức tàn khuyết cùng chút hơi ấm dịu dàng thỉnh thoảng mới gặp lại trong mơ.

Đời người có hối hận, có tiếc nuối, có nỗi trống trải không sao lấp đầy, cũng có sự tổn thương không gì bù đắp nổi. Tôi từng nói tình yêu đẹp nhất phải như ngọc thạch, ấm áp kiên định, cả đời không biến chất, không với tình. Thực may, tôi đã từng có cảm giác mình mong muốn, cũng từng nhận được vô vàn ân sủng. Thực không may, hết thấy ân tình đã bị dòng thời gian vội vã vùi chôn, mà kết cục cũng bị sửa đổi, cả hai chúng tôi đều có những quá khứ không thể quay lại được.

Về sau mới biết, Chu Khánh Dư viết bài thơ này để dâng lên Trương Tịch trước khi thi tiến sĩ. Ông tự ví mình như nàng dâu mới, ví Trương Tịch như chú rể, lại ví quan chủ

khảo như bố mẹ chồng, nhân đó xin ý kiến Trương Tịch. Thời Đường, những sĩ tử dự thi tiến sĩ đều gửi văn thơ tới những đạt quan quý nhân để xin giới thiệu. Đối tượng mà Chu Khánh Dư dâng bài thơ này lên là quan thủy bộ lang trung Trương Tịch. Nghe nói bài thơ của Chu Khánh Dư được Trương Tịch ưa thích, còn làm thơ tặng lại:

*Gái Việt bên gương mới điểm trang
Biết mình xinh đẹp vẫn mơ màng
Lựa Tề chưa đủ cho người quý
Một khúc "Lăng ca" giá vạn vàng.²*

Trương Tịch ví Chu Khánh Dư với cô gái hái ấu, khen nàng dung nhan xinh đẹp, tiếng ca trong trẻo, ắt sẽ được người ta yêu mến, ngầm ám chỉ Chu Khánh Dư không cần lo về việc thi cử.

Bất luận Chu Khánh Dư về sau có đỗ cao hay không thì đời người gặp được kẻ hiểu tài mình như thế cũng đủ rồi. Xưa nay biết bao tài tử phong lưu không gặp được minh chủ, không ai thưởng thức, long đong suốt đời. Kẻ sĩ chết vì người tri kỷ, biết bao duyên phận trên đời, ghi lòng tạc dạ, còn sâu nặng hơn ái tình nam nữ. Trương Tịch chân thành làm thơ tặng, thật lòng đối đãi, tình cảm này chẳng khác đức lang quân đa tình vẽ mày cho người con gái mình yêu trước gương, tình cảm thấm thiết. Còn Chu Khánh Dư lại giống cô dâu mới cưới, đêm qua nấn đỏ soi chiếu, sáng hôm sau lại phải ra chào hỏi cha mẹ chồng, nên mới dậy sớm trang điểm để tới sảnh hành lễ, chấm than vẽ mày, lại không biết nên vẽ đậm hay nhạt, đành khẽ khàng hỏi nhỏ: "Anh xem sẫm nhạt, hợp thời không?" Câu hỏi khẽ này thực e thẹn kín đáo, rung động lòng người. Chỉ một tiếng hỏi nhỏ đã khắc họa hoàn chỉnh nội tâm dịu dàng của cô dâu mới. Nhà thơ ví nỗi lo không biết có thể thuận lợi bước vào con đường làm quan hay không với tâm tình của cô dâu mới lần đầu gặp cha mẹ chồng, thực là khéo léo mới mẻ, khiến người ta xúc động.

Thơ Chu Khánh Dư mới mẻ tinh tế, miêu tả tỉ mỉ, mang đậm phong vị riêng. Mà câu trả lời của Trương Tịch cũng hết sức khéo léo tự nhiên, có thể nói là xứng đôi vừa lứa, trở thành giai thoại thiên cổ. Bất luận là đời thịnh hay đời loạn, đều không thiếu tài tử cao sĩ, cuộc đời thăng trầm, những người có duyên hợp được với họ có thể nói là cực kỳ ít ỏi. Bận dốc hết cả đời ra tranh danh đoạt lợi, song thành bại được mất chỉ trong một thoáng qua. Duyên trần cũng vậy, biết bao tài tử giai nhân, từng thề cùng

² Bài Ký Chu Khánh Dư, bản dịch Lăng Xet Tử, nguồn: thivien.net.

sống chết, hứa hẹn bạc đầu, cuối cùng lại phụ bạc nhau, làm lỡ người mà tổn thương mình. Những đôi có thể nâng án ngang mày, bình đàm sống hết đời như Mạnh Quang và Lương Hồng, chỉ có ở nhà dân chúng tầm thường. Còn những mối tình đẹp dễ trong sách vở hay kịch hát phần nhiều là bi kịch, không được viên mãn. Cũng phải, cái đẹp nhất của cuộc đời là giản dị, tình ái cũng nên như nét mày giai nhân mới kẻ, đậm nhạt phải lẽ, không ấm không lạnh.

Người chẳng gì bằng cũ, vợ tào khang không thể coi thường. Nữ nhi xinh đẹp tới đâu cũng chỉ được mười mấy năm ngắn ngủi, dầu có nhan sắc nghiêng thành thì cuối cùng cũng sẽ phai tàn và già đi. Mà tình như rượu ủ, phải chôn giấu thật kĩ, càng lâu vị càng thuần, để lâu ngày mới đem ra thưởng thức. Nhưng có lúc, buông tay cũng là một cách thành toàn, thuận theo vận mệnh là để giải thoát linh hồn, khoan dung với người khác cũng là đối tốt với mình.

Nếu hỏi thế nào là may mắn, thì ấy là đời này yêu được người mình chờ đợi đã lâu, hơn nữa đôi bên có được nhau hoàn toàn, không phải chia lìa. Nguyên cả đời trang điểm vì người ấy, mãi tới khi tóc bạc sắc phai, vẫn hạ giọng hỏi khẽ: "Anh xem sẫm nhạt, hợp thời không?"

Chàng hay em có chồng rồi,
Yêu em chàng tặng một đôi ngọc lành.
Vấn vương những mối cảm tình,
Em đeo trong áo lót mình màu sen.
Nhà em vườn ngự kê bên,
Chồng em cầm kích trong đền Minh Quang.
Như gương, vâng biết lòng chàng,
Thờ chồng, quyết chẳng phụ phàng thế xưa.
Trả ngọc chàng, lệ như mưa,
Giận không gặp gỡ khi chưa có chồng.¹

Lý Thương Ẩn có thơ rằng: "Tình xưa hãy để thành lưu niệm, một thừa yêu đương luống hão huyền!²". Trước kia đọc luôn thấy buồn sâu sắc, thời tuổi trẻ đã vô tình bỏ lỡ bao điều, để lại vô vàn nuối tiếc về sau. Giờ đọc lại lại thấy nhẹ nhàng, tình cảm thuở xưa, hoặc trôi đi, hoặc thoáng qua, đều đã thành quá khứ. Dẫu có đổi lấy một lần quay lại, cũng vẫn sẽ có những tiếc nuối không thể lấp đầy, những tâm tình không thể xoa dịu mà thôi.

Về sau tài nữ thời Dân quốc là Trương Ái Linh cũng viết: "Tôi ngỡ rằng tình yêu sẽ lấp đầy được những nuối tiếc trong đời, nhưng cũng chính tình yêu lại tạo ra nhiều nuối tiếc hơn. Trạng thái tỏ mờ tròn khuyết không ngừng lặp đi lặp lại trong một mối tình. Đối người khác, trời cũng chẳng thể xanh ngắt một màu mãi." Đã định là tiếc nuối thì cần chi bồi hồi mãi trong quá khứ, hối hận và kiểm điểm vô ích làm gì.

Người và người gặp gỡ, người và vật thấu hiểu, đều cần có cơ duyên. Có những duyên phận đến quá sớm, có những duyên phận lại đến quá muộn, vào đúng thời điểm, gặp đúng người phù hợp, mới may mắn làm sao! Đời người có biết bao kẻ quen biết, dẫu có duyên mà vô phận. Giống mùa hoa đẹp dễ, chưa kịp nở rộ đã vội vã

Trả	
chàng	hận
ngọc	sao
sáng,	chẳng
	gặp
	lúc
	chưa
	chồng

¹ Bài *Tiết phụ ngâm* của Trương Tích, bản dịch Ngô Tất Tố.

² Trích trong bài *Cảm sát*, bản dịch Lê Nguyễn Lưu.

héo tàn. Vô lý nhất, hư vô nhất trên đời là tình duyên, khó kháng cự nhất, khó buông xuống nhất cũng vẫn là tình duyên. Có người nói, hễ gặp được tình yêu đẹp thì chẳng bao giờ là muộn. Có lẽ hồng trần quá mệt mỏi, không cần quá nhiều ràng buộc, cứ mặc sức tùy ý phóng túng, yêu người mình muốn yêu, làm việc mình muốn làm. Còn như là duyên hay họa, sẽ gặp nhân quả thế nào, chớ nên sợ hãi hay hối hận. Nhưng con người sống là có sứ mạng, có trách nhiệm, có biết bao gánh nặng và chấp niệm không thể dứt bỏ. Quyết định hôm nay có thể dự báo kết cục ngày mai, đúng hay sai bản thân đều phải gánh vác.

Nếu nói bỏ lỡ là một vẻ đẹp thì buông xuống cũng là một dạng từ bi. Nhưng hết thấy gặp gỡ đều có một quá trình phức tạp, có một ngày, khi bạn gặp lại cố nhân xa cách lâu ngày, hoặc nảy sinh tình cảm chưa từng có trước kia, thì chỉ cần không oán không buồn, dứt bỏ mà không hối hận, đã khó lắm rồi. Trong lòng mỗi người đều có một gốc cây, hoa nở hoa tàn, chỉ người có duyên có tình mới thấy được.

Thời trẻ tôi cũng từng trải qua những tình cảm đẹp đẽ mà mơ hồ, lại đọc được hai câu thơ Đường:

*Trả ngọc chàng, lệ như mưa,
Giận không gặp gỡ khi chưa có chồng.*

Hai câu thơ tùy ý mà sâu sắc biết bao, chỉ không biết người ngâm lên lòng dạ bồi hồi nhường nào. Hết thấy chỉ vì gặp nhau quá muộn, quá muộn. Nhưng đời mỗi con người đều gặp được những duyên phận khác nhau, thoát nhìn tướng vô ý, song trước sau đều đang tìm kiếm một người thích hợp. Khi gặp được người mình ngày nhớ đêm mong, yêu thương hết mực, thậm chí bạn sẽ muốn xóa sạch tất cả mọi chuyện trong quá khứ, chẳng để lại dấu tích. Chỉ muốn quay lại thành bản thân thanh bạch thuở ban đầu, cùng yêu nhau giữa hồng trần. Quên hết hẹn biển thề non từng thề hứa, quên hết từng cái chau mày nhoẻn cười lúc bên nhau sớm tối, quên cả việc bạn từng là chồng hay vợ của người khác. Song có một ngày bạn sẽ lại vì một cuộc gặp gỡ nào đó mà không cầm lòng nổi, chấp nhận thì hổ thẹn, từ chối thì không nỡ.

Về sau mới biết, "*giận không gặp gỡ khi chưa có chồng*" là một bài thơ Nhạc phủ do Trương Tích đời Đường sáng tác, nhan đề là *Tiết phụ ngâm ký Đông Bình Lý tư không Sư Đạo*. Ý thơ kể về một thiếu phụ phòng khuê từ chối một chàng trai theo đuổi mình, tuy có cảm động, nhưng sau cùng nàng vẫn an phận thủ thường, giữ trọn thề ước, trọn tình với chồng. Thực ra bài thơ này nhà thơ muốn âm thầm bày tỏ quyết tâm trung

thành với triều đình, không bị viên quan lớn ở phiên thuộc là Lý Sư Đạo lôi kéo, mua chuộc.

Lời thơ nhẹ nhàng mà ý tứ sâu xa, chữ nhạt mà đậm, biểu đạt tình cảm uyển chuyển cùng nỗi buồn nhẹ nhàng một cách tế nhị mà khúc chiết. Là người vợ, nàng giữ tấm lòng trinh khiết như băng, tuy có cảm động trước tấm tình ái mộ của chàng trai đa tình, thậm chí không cầm lòng được mà đeo viên ngọc chàng tặng vào áo lót. Song nghĩ lại lại nói *"nhà em vườn ngự kê bên, chồng em cầm kích trong đền Minh Quang"*, vợ chồng họ cũng là người nhà phú quý, chồng nàng còn là vệ sĩ cầm kích trong đền Minh Quang.

Dù nàng biết chàng tình sâu nghĩa nặng, lòng sáng như nhật nguyệt, song nàng vẫn giữ lòng vàng đá, thể cùng sống chết với chồng. Tuy vậy nàng cũng không nở đối xử quá lạnh lùng, mà rưng rưng nước mắt lưu luyến trả ngọc lại cho chàng, rồi còn than thở rằng, giận không gặp gỡ khi chưa có chồng. Có điều, nếu nàng đã một lòng cùng sống cùng chết với chồng, đủ thấy hai vợ chồng tình ái mặn nồng, sao lại dễ dàng bị người ngoài khuấy động mà động lòng? Chắc hẳn, trong lòng nàng cũng xao xuyến trước chàng trai đa tình, bằng không đời nào lại nhận ngọc đeo bên áo lụa hồng? Nghĩ đi nghĩ lại mãi mới trả ngọc lại, cự tuyệt tình cảm, giữ lòng chung thủy. Nhưng tình cảm uyển chuyển cùng nỗi tiếc nuối thoáng qua của nàng không che giấu nỗi khát vọng tình yêu trong sâu thẳm tâm hồn. Song cuối cùng nàng vẫn giữ tấm lòng son, cự tuyệt lời thổ lộ vô lý của chàng, không để xảy ra chuyện không thể cứu vãn. Nếu như nàng nghe theo tình cảm của mình, không chịu được tịch mịch thì trong buồng khuê có lẽ sẽ xảy ra sai lầm không thể cứu vãn.

Nếu thực sự gặp nhau lúc chưa có chồng, đôi bên yêu thương bầu bạn với nhau, cũng chưa chắc đã là lương duyên. Nếu sớm chiều bên chồng, tựa kê trước gương, thì lấy đâu ra oán hận? Nàng nhận ngọc, vừa là không nở làm tổn thương chàng, song cũng là cảm động. Nàng trả lại ngọc là bởi lòng hổ thẹn, cắt đứt tình duyên. Nhân thế có rất nhiều lẽ giáo cấm kị, đâu dễ vượt qua hay làm trái? Dù có hối hận, có hoang mang, cũng không thể hô đồ, làm lỡ dở người mà tổn thương mình.

Bài thơ *Mạch thượng tang* thời Hán có viết: *"Sứ quân đã có vợ, La Phu cũng có chồng."* *Mạch thượng tang* hay ở chỗ thẳng thắn còn bài thơ này hay ở chỗ uyển chuyển, dư âm vương mãi. Nhà thơ dùng những câu chữ hàm súc, vừa để miêu tả tấm lòng chung thủy của người phụ nữ lại vừa bày tỏ lập trường chính trị vững vàng của

mình. Lý Sư Đạo là Tri Thanh tiết độ sứ, Trương Tịch không muốn đắc tội nên mới viết bài thơ Nhạc phủ này để từ chối khéo.

Vì Lô thi thoại bình rằng: "Bài thơ của Trương Tịch từ chối Lý Sư Đạo, nếu không có đôi câu '*Vấn vương những mối cảm tình, em đeo trong áo lót mình màu sen*' thì thực thẳng thắn vô tình. Chu Tử chê rằng ấy là nói đạo lý chứ không phải thơ văn."

Người quân tử thẳng thắn, không dựa dẫm, không nịnh nọt, coi quan cao lộc hậu như mây khói thoảng qua. Về sau, thấy thơ ông tình cảm chân thành, Lý Sư Đạo cũng hết sức cảm động nên bỏ ý định bắt ép, không ép buộc nữa.

Trai gái trên đời yêu mến nhau như trăng trong gió mát, muôn vàn vui sướng tự tại. Nếu người có tình được thành đôi lứa, không bỏ lỡ, không phụ bạc thì cần gì âu sầu oán hận, than thở bồi hồi? Đôi bên kề cận bên nhau, một người ngồi trước nhà uống rượu, một người dưới bếp pha trà; một người trước bàn viết chữ, một người kẻ mây trước gương. Đôi bên trao hết chân tình cho nhau thì lấy đâu ra trống trải cần người khác lấp đầy?

Có lẽ trong lòng mỗi người đều có một hoặc mấy đoạn tình không thể tỏ cùng ai. Hoặc dừng cảm, hoặc yếu đuối, hoặc được, hoặc mất, cuối cùng đều thua trước bản thân, trước thời gian. Tôi không dễ dàng rung động, song vẫn có hối hận, trong thế giới của tôi, yêu hận oán thù gì cũng có, rối rắm ngổn ngang, song có thể đặt xuống bất cứ lúc nào.

Nhiều năm trước kia, có người từng đến rồi lại ra đi, như trời quang đổ mưa rào, trong trẻo quang đãng. Tôi cũng từng tiếc nuối, từng tổn thương, nhưng cuối cùng không thấy đáng tiếc, cũng không đắm chìm trong đó mà hủy hoại bản thân. Nếu trước kia, tôi từng buồn bã ôm nỗi niềm "*trả ngọc chàng, lệ như mưa, giận không gặp gỡ khi chưa có chồng*" thì nay tôi đã là nàng La Phu trên ruộng dâu, không có tâm ý, cũng chẳng động lòng.

Như vậy sẽ không buồn vì chia ly, không hận bởi chia cách, không gặp gỡ, không thấu hiểu. Người có giang sơn của người, ta có giang hồ của ta.

*Lướt là chưa nếm, ở lều tranh,
Mai mới chi cho hổ thẹn mình!
Cách điệu thanh cao ai mến chuộng?
Điểm trang hời hợt khách thương tình!
Dám khoe tay khéo đường kim chỉ,
Nào muốn may đưa về thắm xinh.
Kim tuyến năm năm pha tử hận,
Vì ai áo cưới chấp duyên lành!¹*

Gần đây tôi hay thấy câu này: "Lấy đâu ra kiếp này yên ổn, chẳng qua là có người gánh vác trọng trách hộ bạn thôi." Đúng thế, ngày ngày đều có người gánh vác trọng trách thay bạn ở một góc huyền nào đó, bạn mới có được sự yên ổn và bình lặng trước mắt. Có điều, ai là người giữ lấy bình yên, ai là người gánh vác trọng trách đây? Đời người ngoài trao đi, chẳng lẽ là nhận lại? Những gì bạn trao đi chưa chắc đã nhận lại tương xứng, nhưng đã nhận lại thì nhất định phải bỏ ra.

Mỗi người đến phàm trần đều có sứ mệnh riêng, có nợ phải trả, có duyên kiếp trước dang dở, có mộng đẹp chưa thành. Con người vốn không phân sang hèn, song lâu ngày lại có khoảng cách, có khác biệt, bạn vẫn đang ở nhà rộng tường cao, người ta đã dong thuyền qua muôn ngàn sông núi. Cả đời người đều do mình quyết định, có người chỉ cần sung túc là yên ổn, trân trọng lấy hiện thực, không tính toán vinh nhục được mất. Có người lại ôm chí bay cao như chim hồng chim hộc, có hoài bão và mộng tưởng cao vút tận trời, nên ắt phải trải qua núi cao sông dài, gió mây biến ảo.

Con người không tự chọn được xuất thân, hoặc sinh ra trong nhà quyền quý, hoặc xuất thân từ nhà dân thường, nhưng quãng đường đời về sau đều do mình cả. Gánh nặng lúc này là để ngày sau nhàn tản, giờ đây nhàn nhả là nhờ trước kia đã bôn ba đổi lấy. Có người cô cao ngạo thế, không chịu hòa mình vào dòng đời ô trọc, cả

Thực
hoang
đường,

may
quần
áo
cưới
cho
người
khác
mang

¹ Bài *Bán nữ* của Tần Thao Ngọc, bản dịch Lê Nguyễn Lưu.

đời làm bạn với gió mát trăng trong. Có người lại chìm vào trần ai, nở hoa giữa bụi trần, cười nhìn nhân thế.

Nàng là con gái nhà nghèo, sinh ra ở một thôn xóm bình thường, nhà tranh đột nát, từ nhỏ đã mặc áo vải, ăn cơm nhạt trà thô, chẳng biết mùi gấm lụa lượt là, chưa từng thấy vàng ròng châu ngọc. Nàng thuần khiết thật thà, hồn nhiên vô tư, trước nhà sau sân trồng đầy hoa cỏ dại, góc tường dựng một giá đu buộc bằng dây leo. Nhà cửa tuềnh toàng, chẳng có vật bài trí hoa lệ, nhưng cũng sạch sẽ thơm mát.

*Lượt là chưa nếm, ở lầu tranh,
Mai mới chi cho hổ thẹn mình!*

Nếu không bị thế sự quấy nhiễu, có lẽ nàng sẽ sống cuộc sống thanh bản, êm đềm bình thản như thế mãi. Nhưng vì nghèo khó nên tới tuổi gả chồng đã lâu mà chẳng thấy bà mối tới nói chuyện mối mai. Muốn gạt bỏ lòng thẹn thùng của con gái, nhờ một bà mối khéo, lấy một người chồng tốt, song nàng không sao mở lời được. Hễ nghĩ tới chuyện này, lòng nàng lại buồn bã, nàng không muốn dựa dẫm kẻ quyền quý, chỉ mong tìm một người yêu thương, sống cuộc đời giản dị chất phác mà thôi.

*Cách điệu thanh cao ai mến chuộng?
Điểm trang hơi hợt khách thương tình!*

Tuy nàng không xuất thân giàu sang quyền quý, nhưng cũng xinh đẹp thoát tục, tư thái nhàn nhã, phẩm hạnh cao khiết, tâm tính thuần hậu. Nhưng thói đời trọng giàu khinh nghèo, trọng gia cảnh không trọng bản tính, dù nàng mặt như trăng thu, ăn mặc giản dị thì cũng chẳng ai để mắt tới một cô gái nhà nghèo, thưởng thức phẩm cách cao thượng của nàng đâu.

Tuy không gấm lụa lượt là, không châu cài ngọc giắt, nhưng nàng mặc váy trắng, ăn hoa rụng, cũng chẳng kém vẻ phong lưu. Nàng là con gái nhà nghèo, song phong thái cao nhã, không như hạng phàm tục. Nàng biết bà mối dễ nhờ, nhưng người thương khó kiếm. Thôn làng hẻo lánh này phần nhiều là những kẻ phàm phu tục tử, có mấy ai hiểu nổi vẻ đẹp tâm hồn nàng? Chớ bàn đến hạng đẹp đẽ phong lưu như Tống Ngọc, ngay một người dân quê biết ấm lạnh cũng khó mà gặp được.

*Dám khoe tay khéo đường kim chỉ,
Nào muốn may đưa về thắm xinh.*

Nàng dám khoe mình có đôi tay khéo may thêu, thêu núi thì nguy nga hùng vĩ, thêu nước thì gợn sóng lẫn tăn. Nàng thêu sen chung cuống nở rộ, uyên ương kết bạn, song nàng lại cô độc bơ vơ, không có người tri kỷ. Nàng không thoa son phấn, đôi mày cong cũng chẳng cần chải chuốt đã tự thon gọn đẹp đẽ, nàng chẳng màng hòa mình vào đám phàm tục, tranh sắc đua hương với người.

*Kim tuyến năm năm pha tủi hận,
Vì ai áo cưới chấp duyên lành!*

Tuy nàng tính tình lạnh nhạt, song cũng có lòng oán hờn, năm năm may áo đẹp, ngày đêm không nghỉ, song cũng chỉ là may áo cưới cho người khác mang. Việc hôn nhân của mình, áo cưới của mình biết do ai chuẩn bị đây? Dù nàng khéo léo tới đâu, xinh đẹp nhường nào, cũng đành hoài phí tuổi xuân thôi.

Người con gái nghèo ngồi trong buồng thêu sơ sài tự thương thân mình, đồng thời cũng tỏ lòng cao ngạo, khiến người ta phải than thở. Du Bệ Vân thời Thanh chỉ ra rằng: "Bài này câu nào cũng là lời than thân của cô gái nghèo, song thực ra là tiếng lòng của kẻ hàn sĩ không gặp thời, bày tỏ mối muộn phiền uất ức." Cũng phải thôi, cô gái nhà nghèo không được mối mai hỏi tới chẳng phải là những hàn sĩ xuất thân thanh bần không có người tiến cử hay sao? Sự phong lưu khéo léo, tâm tính cao khiết của nàng cũng là tâm tình của các hàn sĩ cao ngạo thoát tục trong thiên hạ.

Cách điệu thanh cao ai mến chuộng?

...

Vì ai áo cưới chấp duyên lành!

Biết bao văn nhân cao sĩ, có tài mà chẳng gặp thời, bôn ba hiến kế, cả đời khốn đốn long đong. Sâu trong lòng họ hiểu rõ, không hòa vào dòng đời sẽ bị xa lánh lạnh nhạt, dù bước vào quan trường thì phần nhiều cũng phải đứng dưới kẻ khác, khó mà thực hiện được chí hướng bình sinh. Cả đời lận đận cũng chỉ là may áo cưới cho người khác mang. Bài thơ này viết cho những người con gái nghèo trong thiên hạ, cũng là viết cho những kẻ hàn sĩ, đồng thời là tác giả tự ví mình. Bất luận là gái nghèo hay hàn sĩ đều có một tấm lòng chất phác đáng quý. Tình đời ảm lạnh, gió bụi mịt mờ, người tri âm một nửa là do tự mình tìm được, một nửa phải trông vào số mệnh. Có biết bao cô gái nghèo an phận dưới mái tranh, cả đời may vá, gả cho một phàm phu, tháng tháng năm

năm, ngắm hết vẻ đẹp nhân gian. Lại có biết bao hàn sĩ ngồi bên song đọc sách, tuy không được đời để mắt, song lòng chứa muôn vàn cảm tú, vẫn vui vẻ tự đắc.

Năm xưa Lý Thanh Chiếu có thể coi là được như ý nguyện, lấy Triệu Minh Thành, sống một quãng đời lãng mạn đổ sách sánh trà. Nhưng hạnh phúc chẳng được lâu dài, về sau quân Kim kéo vào Trung Nguyên, Triệu Minh Thành chết, bà lưu lạc xuống phương Nam, lênh đênh khổ sở, chẳng còn viết được những bài từ thanh nhã linh động nữa. Trên đường đời, bà đã gặp phải nhiều biến cố, chạy loạn khắp nơi, cuối cùng tái giá lấy một người đàn ông không hiểu phong tình, lầm lỡ cả đời.

Tài nữ Chu Thục Chân sánh ngang với bà, từ nhỏ cũng thông tuệ linh mẫn, lâu thông kinh sử, thơ hay vẽ đẹp, tinh thông âm luật, giỏi làm thơ từ. Về sau nghe lời cha mẹ, lấy một viên quan phạm tặc, đồng sàng dị mộng, sau khi kết hôn thường rầu rĩ chẳng vui. "Cò vạc uyên ương chung một ao, chẳng hay lông cánh khác nhau sao? Chúa Đông chẳng giúp hoa làm chủ, liên lý sinh chi trêu cợt nhau?"

Nàng so phím đàn, người kia không hiểu; nàng làm thơ viết từ, người kia cũng không thông. Trong những tháng ngày ngắn ngủi chán chường, nàng viết nên cuốn *Đoạn trường tập*, bầu bạn bên nàng chỉ có cây cỏ trong sân và sách vở bút mực. Nỗi cô độc và lạc lõng trong tâm hồn không cách gì lấp đầy, nhiều chuyện không như ý khiến nàng rầu rĩ mà qua đời. Nàng không phải con gái nhà nghèo, song gả cho người mình không yêu thương, cũng chẳng làm sao khác được.

Những tu hành hôm nay của bạn sẽ được đền đáp ở tương lai. Làm những việc mình làm được, yêu người mình có thể yêu, uống trà trong chén của mình. Dù ở giữa nhà tranh, chẳng ai biết tới, năm năm xe chỉ luồn kim, may quần áo cưới cho người khác mang thì đã sao? Gấm lụa lượt là côi tục cuối cùng cũng không so được với câu thơ điệu từ, cũng thất bại trước củi gạo mắm muối.

Thế gian có người vì tìm kiếm cái đơn sơ giản dị mà xa lánh phần hoa, vứt bỏ phú quý, làm kẻ phàm phu, chồng cày vợ dệt, an hưởng hạnh phúc giản đơn. Ngày nay tôi cũng nên có lòng can đảm của kẻ ở lâu trong núi sâu chẳng ai hay biết, làm một người con gái tao nhã tràn đầy tính thơ, chẳng khác nào cô gái nhà nghèo giản dị.

Hết thấy đều không dừng lại, hết thấy đều có thể thay đổi, đời người nửa tỉnh nửa mơ, nửa thật nửa giả mới có thể ung dung ổn thỏa. Trong lúc bạn gánh vác hộ người khác thì người khác cũng đang may áo cưới cho bạn, nhiều lưu lạc bi thương trên đời cũng là một sự trang nghiêm. Hết thấy phong cảnh, chỉ có đơn giản là đẹp nhất, giang sơn mệnh mông, kẻ nghèo yên phận.



Trăm năm kiếp người, chỉ cần
một gian nhà tranh, một chén
trà trong, một kẻ tri âm là đủ,
còn lại đều như phù hoa hư ảo,
có thể bỏ qua hoặc xóa đi.

BLUE BOOKS

Mục Lục

Không thua năm tháng, chẳng bại non sông.....	7
<i>01. Điều cô tuy mình thích, người nay ít thấy đàn.....</i>	<i>11</i>
Dù tuổi hoa già cỗi, ngắm hoa vẫn đắm tình.....	12
Quy ẩn núi rừng, mây sâu lấp lối.....	17
Đời có tri âm, núi cao gặp được nước biếc.....	22
Thôi cùng quên nhau, lẻ bóng câu đầy sông tuyết lạnh.....	27
Một lá thuyền con, chở được bao sầu khách.....	32
Lầm bước nguồn Đào, quên cả lối về hồng trần.....	37
Gần quê lòng chẳng ngại, không dám hỏi người thân.....	42
<i>02. Giang Nam nghìn dặm, lầu gác chìm trong mưa mịt mù.....</i>	<i>46</i>
Giang Nam nghìn dặm, lầu gác chìm trong mưa mịt mù.....	47
Én lầu Vương Tạ thuở nào, bây giờ lưu lạc bay vào nhà dân.....	51
Cây cỏ vô tình, đâu màng Lục triều bể dâu đời đổi.....	55
Người xưa đâu tá, hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.....	60
Hoa đào nước chảy, tiễn người đi cùng đón người về.....	65
Một làn bụi thơm, hoa rơi như kẻ gieo thân trên lầu.....	70
Tỳ bà vắng vắng, rượu đào ngon ngọt chén lưu ly.....	75

03. *Trăng sáng đa tình, tiếc rằng mộng đẹp bị người lay tỉnh* 80

Trăng sáng đa tình, tiếc rằng mộng đẹp bị người lay tỉnh	81
Sân không vắng vẻ, hoa lê đầy đất cửa khép hờ	86
Cắt nển song tây, sen tàn nghe rón tiếng mưa thu.....	91
Ba xuân qua hết, hối giục chàng đi kiểm tước hầu	95
Không phải hoa, chẳng phải sương, đến như xuân mộng được mấy hồi ..	100
Ai là nước bể khơi, ai là mây núi Vu	105
Vật đổi sao dời, cười hỏi khách từ nơi nào đến.....	110

04. *Về già chữ tỉnh những mong, việc đời muôn sự ngoài vòng dửng dưng* 115

Về già chữ tỉnh những mong, việc đời muôn sự ngoài vòng dửng dưng	116
Nhất kỳ nhất hội, một chén trà một bài thơ, tự mình trân quý	121
Nắng cày ruộng mưa đọc sách, bình thản giữa thịnh thế	125
Pha một bình trà, đợi một cố nhân xa lâu gặp lại.....	130
Ta có một bầu rượu, để xoa dịu phong trần.....	135
Nước Bắc non Nam, kiếp này chẳng hẹn ngày gặp gỡ.....	141
Quanh co đường dốc vắng, hoa cỏ ngát thiên môn.....	146

05. *Trăng trong nhô mặt biển, soi sáng khắp chân trời* 150

Khói trà bóng nắng, thời gian thấm thoát đã nghìn năm.....	151
Đất trời một cánh âu, đời thừa gửi sông bể	155
Áo ấy thân con mặc, chỉ này tay mẹ khâu	160
Giang Nam đẹp, phong cảnh vẫn từng ham	164

Trăng trong nhô mặt biển, soi sáng khắp chân trời.....	169
Người đứng cuối trời, kiếp này ắt có khi gặp gỡ	175
Trong cánh mờ đau xót, bên đầu bạc hát ca.....	180

06. *Tháng năm thoáng chốc, hái hoa đương lúc trên cành*..... 186

Tháng năm thoáng chốc, hái hoa đương lúc trên cành.....	187
Dễ tìm bảo vật ngàn vàng, được tình chân thật vô vàn khó khăn	192
Bên khe Cán Hoa, một câu chuyện gió trăng xa tít.....	197
Trăm năm tịch mịch, đành đoạn hồng trần mấy độ	201
Trước gương lẳng hoa, kẻ mảy đậm nhạt hợp thời không.....	206
Trả chàng ngọc sáng, hận sao chẳng gặp lúc chưa chồng.....	210
Thực hoang đường, may quần áo cưới cho người khác mang.....	214